

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ TÂM

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH
TRONG GIÁO DỤC SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG
ĐẠI HỌC TƯ THỰC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ TÂM

**VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH
TRONG GIÁO DỤC SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG
ĐẠI HỌC TƯ THỰC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC
Mã số: 9310204

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. PGS.TS. ĐINH XUÂN LÝ



2. PGS.TS. ĐINH QUANG THÀNH



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS. TS Đinh Xuân Lý và PGS. TS Đinh Quang Thành. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo đúng quy định.

Tác giả luận án



Nguyễn Thị Tâm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	8
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	8
1.2. Kết quả nghiên cứu liên quan đề tài và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu	26
Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG GIÁO DỤC SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI.....	30
2.1. Một số khái niệm cơ bản	30
2.2. Nội dung, giá trị phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh và tiêu chí đánh giá kết quả vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.....	43
Chương 3: THỰC TRẠNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ GÓC NHÌN PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH.....	80
3.1. Thực trạng phương pháp giáo dục sinh viên các trường đại học tư thực (2013-2025).....	80
3.2. Thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra về phương pháp giáo dục sinh viên các trường đại học tư thực.....	107
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG GIÁO DỤC SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI	132
4.1. Những nhân tố tác động đến vận dụng phương pháp giáo dục sinh viên các trường đại học tư thực trên địa bàn Hà Nội trong thời gian tới.....	132
4.2. Phương hướng vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên các trường đại học tư thực trên địa bàn Hà Nội	142
4.3. Giải pháp vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh nâng cao hiệu quả giáo dục sinh viên các trường đại học tư thực trên địa bàn Hà Nội	150
KẾT LUẬN	180
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	183
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	184
PHỤ LỤC	196

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐHTT	: Đại học tư thục
ĐMPP	: Đổi mới phương pháp
ĐNGV	: Đội ngũ giảng viên
GDSV	: Giáo dục sinh viên
KHCN	: Khoa học công nghệ
PP	: Phương pháp
PPDH	: Phương pháp dạy học
PPGD	: Phương pháp giáo dục

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Tiêu chuẩn, tiêu chí đo lường đánh giá kết quả vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh	77
Bảng 3.1. Kết quả khảo sát thực trạng phương pháp giáo dục đối thoại, dân chủ trong giáo dục sinh viên	108
Bảng 3.2. Kết quả khảo sát thực trạng phương pháp nêu gương trong giáo dục sinh viên.....	109
Bảng 3.3. Kết quả khảo sát thực trạng phương pháp tự học, học tập suốt trong giáo dục sinh viên	111
Bảng 3.4. Kết quả khảo sát thực trạng phương pháp giáo dục cá nhân hóa trong giáo dục sinh viên	114
Bảng 3.5. Kết quả khảo sát thực trạng phương pháp thi đua, khen thưởng trong giáo dục sinh viên.....	116

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh là hệ thống cách thức, biện pháp tác động toàn diện đến nhận thức, tình cảm, thái độ và hành vi của người học. Quá trình đó được thực hiện thông qua các biện pháp giáo dục như đối thoại dân chủ, nêu gương, khuyến khích tự học, thi đua gắn với khen thưởng, đồng thời bảo đảm sự phù hợp với đặc điểm đối tượng và nhu cầu xã hội, nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nội dung, yêu cầu giáo dục trong những điều kiện cụ thể. PPGD của Hồ Chí Minh là nền tảng quan trọng góp phần tạo nên những thành tựu to lớn của nền giáo dục Việt Nam kể từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đến nay, PPGD của Hồ Chí Minh vẫn có giá trị lý luận và thực tiễn trong GDSV đại học nói chung và trong GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội nói riêng. Do đó, việc nghiên cứu và vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh vào thực tiễn GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội là yêu cầu cấp thiết.

Thời gian qua, việc triển khai Nghị quyết 29-NQ/TW và các văn kiện liên quan đã tạo ra những chuyển rõ nét trong đổi mới PPGD đại học, thúc đẩy mạnh mẽ xu hướng dạy học theo hướng hiện đại. Trong đó, PPGD đã chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực người học; chuyển từ truyền thụ kiến thức một chiều sang tổ chức các hoạt động học tập theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại và các nền tảng quản lý, duy trì các hoạt động học tập hiện đại. Nhờ đó, chất lượng dạy học được nâng lên, khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên được cải thiện rõ rệt, góp phần hình thành môi trường GDDH chú trọng đổi mới, sáng tạo và thích ứng nhanh với yêu cầu mới của quá trình chuyển đổi số. Tuy nhiên thực tiễn cho thấy, mặc dù các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội đã đạt nhiều thành tựu nổi bật trong đổi mới PPGD, song vẫn còn những hạn chế như: Chưa phát huy đầy đủ đối thoại, dân chủ trong giáo dục; chưa khai thác hiệu quả PP nêu gương; thiếu cơ chế hỗ trợ

tự học và PP thi đua gắn với giáo dục khen thưởng còn mang tính hình thức...Thực trạng trên đặt ra vấn đề cần nghiên cứu, vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh góp phần nâng cao hiệu quả GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội hiện nay.

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo” nhấn mạnh yêu cầu “xây dựng xã hội học tập, gắn giáo dục với các tiêu chí chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế”. Trong bối cảnh đó, để xứng đáng với vị thế là một bộ phận quan trọng trong hệ thống GDĐH quốc dân và hoàn thành sứ mệnh góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước, đòi hỏi các trường ĐHTT phải đổi mới mạnh mẽ PP dạy học, coi đây là chìa khóa để nâng cao hiệu quả giáo dục. Quán triệt Nghị quyết số 71 của Bộ Chính trị đặt ra những yêu cầu mới đối với các cơ sở giáo dục ĐHTT. Những yêu cầu này không chỉ xuất phát từ định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, mà còn chịu tác động trực tiếp từ môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các cơ sở đào tạo ngoài công lập. Theo đó, các trường ĐHTT cần đổi mới PPGD theo hướng phát huy tính chủ động, tự học, sáng tạo của người học, phù hợp tinh thần “lấy người học làm trung tâm”; tăng cường dạy học tích hợp, thực hành, trải nghiệm, gắn lý luận với thực tiễn theo định hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và các mô hình đào tạo linh hoạt để nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập; chú trọng xây dựng môi trường văn hóa dạy học dân chủ, cởi mở, khuyến khích đối thoại và khơi dậy động lực học tập suốt đời cho sinh viên. Do đó, việc nghiên cứu, vận dụng PPGD của Người trong GDSV các trường đại học tư thục sẽ góp phần thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục, về phương châm, PPGD của Hồ Chí Minh và cũng có không ít những công trình nghiên cứu vận dụng PPGD của Người, nhưng chưa có công trình nghiên cứu nào về

vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong GDSV các trường ĐHTT. Đặc biệt là chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp dưới góc độ Hồ Chí Minh học về đề tài *Vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên các trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội*.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài: "***Vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên các trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội***" làm luận án tiến sĩ, ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm sáng tỏ những nội dung cơ bản và giá trị PPGD của Hồ Chí Minh; đánh giá thực trạng PPGD sinh viên các trường ĐHTT. Từ đó luận án đề xuất phương hướng, giải pháp vận dụng PPGD của Người, nhằm nâng cao hiệu quả GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích trên, tác giả luận án thực hiện những nhiệm vụ như:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài nhằm làm rõ những vấn đề đã được nghiên cứu và những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục nghiên cứu.
- Phân tích luận giải một số khái niệm cơ bản của đề tài và nội dung, giá trị PPGD của Hồ Chí Minh.
- Đánh giá thực trạng và xác định những vấn đề đặt ra về PPGD sinh viên các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội từ góc nhìn PPGD của Hồ Chí Minh.
- Làm rõ các nhân tố tác động đến đổi mới PPGD và đề xuất phương hướng, giải pháp vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong giáo dục sinh viên các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung:*

Thứ nhất, trên cơ sở lý thuyết nghiên cứu của đề tài, luận án làm rõ nội dung PPGD của Hồ Chí Minh như: PPGD đối thoại, dân chủ; PP nêu gương; PP tự học; Phương pháp thi đua gắn với khen thưởng; PPGD phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu của xã hội. Từ đó, rút ra giá trị lý luận, thực tiễn PPGD của Hồ Chí Minh.

Thứ hai, luận án đánh giá thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh, phù hợp với điều kiện thực tiễn các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

- *Về không gian:* Luận án khảo sát thực trạng PPGD sinh viên 6/18 trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội, trong đó: Nhóm trường có yếu tố nước ngoài là trường đại học RMIT Việt Nam hoạt động vì lợi nhuận, có chương trình đào tạo, quản trị theo chuẩn Úc và trường đại học VinUni hoạt động phi lợi nhuận, được đầu tư theo mô hình đại học tinh hoa, liên kết với các trường đại học hàng đầu thế giới như Cornell và Upenn; nhóm các trường có nguồn vốn trong nước, thuộc nhóm chất lượng đào tạo top đầu, là trường đại học FPT nổi bật với thế mạnh công nghệ, đổi mới sáng tạo và đại học Phenikaa với định hướng nghiên cứu, phát triển toàn diện; và nhóm các trường có nguồn vốn trong nước nhưng quy mô lớn, lĩnh vực đào tạo đa ngành tiêu biểu là HUBT và trường đại học Thăng Long.

Việc lựa chọn sáu trường trên để khảo sát phản ánh sự đa dạng về loại hình và định hướng phát triển, là cơ sở để so sánh, đối chiếu, từ đó đưa ra nhận định khách quan về thực trạng PPGD sinh viên ở các cơ sở giáo dục ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

- *Về thời gian*: Luận án đánh giá thực trạng PPGD sinh viên các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội từ năm 2013 - 2025. Việc lựa chọn mốc thời gian 2013 - 2025 để nghiên cứu, vì năm 2013, Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”. Đây được coi là dấu mốc quan trọng, tạo nền tảng định hướng chiến lược cho sự phát triển của giáo dục Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Từ đó đến nay, nhiều chủ trương, chính sách đã được ban hành nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 29-NQ/TW, đặc biệt là Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, tác động trực tiếp đến đổi mới chương trình, nội dung, PP và cơ chế quản lý giáo dục đại học.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng về PPGD. Luận án cũng được thực hiện dựa trên cơ sở PP luận chính trị học, Hồ Chí Minh học.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Thực trạng PPGD sinh viên các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội từ năm 2013 đến 2025.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện bằng các phương pháp logic, PP lịch sử, kết hợp PP logic với lịch sử và các PP liên ngành khoa học xã hội như: phân tích, tổng hợp, so sánh, gắn lý luận với thực tiễn, điều tra xã hội học.

- Phương pháp logic được sử dụng để phân tích, luận giải những vấn đề lý luận về PPGD, PPGD của Hồ Chí Minh và vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh; làm sáng tỏ nội dung cơ bản PPGD của Hồ Chí Minh và luận giải giá trị lý luận, giá trị thực tiễn các PPGD của Hồ Chí Minh; làm rõ những vấn đề đặt ra và phương hướng, giải pháp tiếp tục vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội thời gian tới.

- Phương pháp lịch sử được vận dụng để trình bày chủ trương đổi mới PPGD của Đảng, Nhà nước theo trình tự thời gian từ năm 2013 đến năm 2025; PP lịch sử cũng được sử dụng để đánh giá thực trạng PPGD sinh viên trong các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội theo tiến trình thời gian từ năm 2013 đến năm 2025.

- Các phương pháp tổng hợp, so sánh nhằm làm rõ chủ trương đổi mới PPGD của Đảng Cộng sản Việt Nam; so sánh sự đổi mới PPGD trong các trường ĐHTT với các trường công lập trên địa bàn Hà Nội.

- Phương pháp điều tra xã hội học (với 1080 phiếu khảo sát, thăm dò ý kiến 3 nhóm đối tượng là: sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý) và PP xử lý dữ liệu SPSS22 để đánh giá thực trạng vận dụng PPGD sinh viên các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

Nhìn chung, các phương pháp nghiên cứu được sử dụng phù hợp với yêu cầu từng nội dung của luận án.

5. Những đóng góp mới của luận án

- *Thứ nhất*, luận án làm sáng tỏ hơn nội dung và giá trị PPGD của Hồ Chí Minh.

- *Thứ hai*, luận án đánh giá thực trạng PPGD sinh viên các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội trong thời gian qua; phát hiện những vấn đề đặt ra từ góc nhìn PPGD của Hồ Chí Minh.

- *Thứ ba*, luận án đề xuất phương hướng, giải pháp vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh phù hợp với bối cảnh, điều kiện mới của Việt Nam hiện nay và có khả năng áp dụng vào thực tiễn GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Về lý luận

- Luận án hệ thống hóa và luận giải rõ nội dung PPGD của Hồ Chí Minh. Khẳng định giá trị lý luận và giá trị thực tiễn PPGD của Hồ Chí Minh.

- Luận án cung cấp những luận chứng, luận cứ về PPGD của Hồ Chí Minh có thể tham khảo trong xây dựng chính sách, đổi mới PPGD ở các trường ĐHTT.

6.2. Về thực tiễn

- Phương hướng và giải pháp vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh có thể giúp các cơ quan giáo dục, đơn vị giáo dục tham khảo trong quá trình GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

- Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, phục vụ nghiên cứu, giảng dạy về PPGD của Hồ Chí Minh trong các trường đại học nói chung.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài và phụ lục, luận án gồm 4 chương (9 tiết).

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Nghiên cứu, vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong GDSV các trường đại học là yêu cầu cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Thời gian qua đã có những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài như:

1.1.1. Nghiên cứu về phương pháp giáo dục và phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh

- Nghiên cứu về phương pháp giáo dục

Phan Văn Kha (2014) trong bài viết “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI*” [36], trình bày những nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI - Nghị quyết số 29-NQ/TW, năm 2013 “*Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”. Trong đó, trọng tâm nghiên cứu về đổi mới PPGD được nêu trong bài viết là: 1) *Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học*. Điều này đòi hỏi PPGD phải thay đổi từ PP dạy truyền thống, nặng về truyền thụ kiến thức, sang PPDH tích cực, lấy người học làm trung tâm, khuyến khích tư duy độc lập, sáng tạo và khả năng tự học; 2) *Đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp giáo dục, đào tạo theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học*. Thiết kế chương trình học linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng người học, đồng thời áp dụng các PP giảng dạy hiện đại như học theo dự án, học qua trải nghiệm, sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy để nâng cao hiệu quả học tập; 3) *Thực hiện phân cấp và tăng quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục*, cho phép

các trường học chủ động lựa chọn và áp dụng các PP giảng dạy phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục; 4) *Giáo viên cần được trang bị kiến thức và kỹ năng về PP giảng dạy hiện đại, khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, cũng như kỹ năng tổ chức và quản lý lớp học theo hướng phát triển năng lực người học...* Đây là những định hướng và giải pháp cụ thể trong đổi mới PPGD theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu phát triển.

Cuốn sách “*Định hướng chiến lược, giải pháp đột phá nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo Việt Nam*” [39], do Phạm Văn Linh chủ biên (2015), tập trung phân tích các xu hướng giáo dục hiện đại trên thế giới và đề xuất các giải pháp đổi mới PPGD ở Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng. Nghiên cứu chỉ ra sự cần thiết phải chuyển từ PP giảng dạy truyền thống, sang PPGD hiện đại, phát triển năng lực và phẩm chất người học; *về học tập kinh nghiệm quốc tế*, tác giả phân tích các mô hình giáo dục tiên tiến từ các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Phần Lan, Singapore, Mỹ, Đức về PP giảng dạy linh hoạt, cá nhân hóa và tích hợp công nghệ thông tin; *về ĐMPP giảng dạy và kiểm tra đánh giá* - tác giả đề xuất ĐMPP giảng dạy theo hướng phát triển năng lực người học, đồng thời cải tiến PP kiểm tra, đánh giá để phản ánh đúng năng lực và phẩm chất của người học; *về tăng cường vai trò của giáo viên* - tác giả nhấn mạnh vai trò then chốt của giáo viên trong việc đổi mới PPGD. Giáo viên cần được đào tạo, bồi dưỡng để có khả năng áp dụng các PP giảng dạy hiện đại, sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học và phát triển kỹ năng tổ chức, quản lý lớp học hiệu quả; *khuyến khích tự học và học tập suốt đời*, là yếu tố quan trọng hình thành năng lực tự duy độc lập và sáng tạo cho người học.

Bài viết “*The road ahead for the higher education sector in Vietnam*” (*Con đường phía trước của nền giáo dục đại học Việt Nam*) đăng trên Journal

of International and Comparative Education” [126], của Lê Thị Kim Anh và Martin Hayden (2017) đã phân tích những định hướng cải cách GDDH Việt Nam trong bối cảnh hội nhập. Tác giả nhấn mạnh, đổi mới giáo dục không thể chỉ tập trung vào chương trình đào tạo, mà còn phải cần ĐMPP giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm: “Their capacity to do so is constrained by the centrally - controlled nature of the curriculum and the prevalence across the higher education system of a reliance on traditional teaching methods” (Khả năng đổi mới của các cơ sở GDDH còn bị hạn chế bởi chương trình đào tạo mang tính quản lý tập trung và sự lệ thuộc phổ biến vào các PP giảng dạy truyền thống trong toàn hệ thống giáo dục đại học), thúc đẩy năng lực tự học, tư duy phản biện và học qua nghiên cứu, giúp người học phát triển năng lực chủ động, sáng tạo, phù hợp với yêu cầu thực tiễn xã hội và thị trường lao động. Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra, hệ thống GDDH cần thiết kế các chương trình học linh hoạt hơn, cho phép người học tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức thông qua hoạt động tương tác, trải nghiệm thực tiễn.

Cuốn sách “*Visible Learning: A Synthesis of Over 800 Meta-Analyses Relating to Achievement*” (*Học tập hữu hình: Tổng hợp hơn 800 nghiên cứu phân tích tổng hợp về kết quả học tập*) [130] của tác giả John Hattie (Tái bản 2020), là những nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của người học. Trong môi trường giáo dục đại học, Hattie đề xuất một PP giảng dạy kết hợp giữa truyền đạt kiến thức và phát triển kỹ năng tư duy. Trong đó, giáo viên cần thiết kế bài giảng để người học tiếp thu thông tin và biết cách phân tích, đánh giá, áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Điều này đòi hỏi sự thay đổi trong PP giảng dạy, từ việc chỉ truyền đạt thông tin sang việc khuyến khích người học chủ động khám phá và học hỏi.

Phan Le-Ha và Doan Ba Ngoc (2020), trong cuốn sách “*Higher Education in Market-Oriented Socialist Vietnam: New Players, Discourses, and Practices*” (GDDH ở Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Những chủ thể, diễn ngôn và thực tiễn mới) [125], nội dung

liên quan đến đổi mới PPGD tập trung trong chương 2, *A Review of the Reform Agenda for Higher Education in Vietnam (Tổng quan về chương trình cải cách GDDH Việt Nam)*, do Hayden và Le-Nguyen viết đã phân tích các PP học tập theo nhóm, dạy theo dự án, học qua ngữ cảnh và tương tác tích cực giữa giảng viên và người học; đồng thời nhấn mạnh việc trao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục cả về chương trình, nội dung và phương pháp, là điều kiện, tiền đề để thúc đẩy PPGD linh hoạt và sáng tạo, từ đó phát triển năng lực chủ động, sáng tạo của người học. Nghiên cứu hướng tới PPGD lấy người học làm trung tâm, đề cao tính tích cực, phản biện và liên kết chặt với thực tiễn, tương đồng với triết lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn theo PPGD của Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đề xuất chính sách hỗ trợ phát triển chuyên môn cho giảng viên, nhằm giúp họ vận dụng hiệu quả những PP đổi mới, đóng vai trò chuyển hóa từ chính sách sang thực tiễn lớp học.

Cuốn sách *“Teaching for Understanding: Linking Research with Practice” (Dạy học hướng tới sự hiểu biết: Gắn kết giữa nghiên cứu và thực tiễn giáo dục)* [129], của Martha Stone Wiske (Tái bản 2021), là kết quả của một dự án nghiên cứu do trường đại học Harvard (Mỹ) thực hiện, nhằm triển khai PPGD vào hoạt động giảng dạy. Phương pháp Teaching for Understanding được trình bày trong cuốn sách nhấn mạnh yêu cầu phải thiết kế chương trình giảng dạy và hoạt động học tập sao cho người học có thể vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Bao gồm, xác định rõ ràng mục tiêu học tập, thiết kế các hoạt động học tập khuyến khích người học suy nghĩ phản biện và giải quyết vấn đề, cũng như đánh giá quá trình và kết quả học tập của người học một cách liên tục và toàn diện. Các tác giả không chỉ trình bày các nguyên lý cơ bản mà còn cung cấp các ví dụ thực tế từ lớp học, minh họa cách thức mà giáo viên có thể áp dụng PP trong giảng dạy. Giúp người đọc hiểu rõ hơn về cách thức triển khai PP Teaching for Understanding và những lợi ích mà nó mang lại cho quá trình học tập của người học. Nghiên cứu cũng đề cập

đến vai trò của công nghệ trong hỗ trợ phương pháp Teaching for Understanding. Cuốn sách *Teaching for Understanding* của Martha Stone Wiske cung cấp một khung lý thuyết và các hướng dẫn thực hiện ĐMPP giảng dạy, đặc biệt trong phát triển sự hiểu biết của người học.

Cuốn sách “*Sự sẵn sàng thay đổi của giáo viên - Bệ đỡ cho thành công của đổi mới giáo dục*” [34] do tác giả Phạm Thị Mai Hương chủ biên (2022), tập trung bàn về khía cạnh tâm lý học trong quá trình đổi mới giáo dục và mức độ sẵn sàng thay đổi của giáo viên, mối liên hệ giữa sự sẵn sàng và hành vi ĐMPP giảng dạy. Nhóm tác giả đã thiết kế một nghiên cứu kết hợp giữa PP định lượng và định tính, khảo sát giáo viên tại các thành phố lớn như Hà Nội, Huế và thành phố Hồ Chí Minh. Mục tiêu là xác định mức độ sẵn sàng thay đổi và các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng đó trong việc ĐMPP giảng dạy và xây dựng thang đo lường sự sẵn sàng thay đổi. Nghiên cứu đã phát triển thang đo gồm 24 mục, chia thành 7 thành tố, phản ánh hai chiều cạnh chính của sự sẵn sàng: nhận thức và cảm xúc. Thang đo giúp đánh giá mức độ sẵn sàng của giáo viên trong áp dụng các PP giảng dạy mới, từ đó hỗ trợ các cơ sở giáo dục thiết kế các chương trình đào tạo; *phân tích hiện trạng và yếu tố ảnh hưởng*. Nghiên cứu chỉ ra, mặc dù nhiều giáo viên có nhận thức tích cực về ĐMPP giảng dạy, nhưng vẫn còn một tỷ lệ lớn giáo viên lưỡng lự hoặc chưa hoàn toàn sẵn sàng; trong đó có tâm lý cá nhân, môi trường giảng dạy của cơ sở đào tạo. Tác giả đã cung cấp một cái nhìn về vai trò của sự sẵn sàng thay đổi trong quá trình đổi mới PPGD.

“*Giáo dục Việt Nam học gì từ Nhật Bản*” [122], của tác giả Nguyễn Quốc Vương (2023) là một cuốn sách nghiên cứu dựa trên cơ sở so sánh giữa hai nền giáo dục Việt Nam và Nhật Bản. Tác giả đã đưa ra những phân tích về triết lý, PP và thực tiễn giáo dục của Nhật Bản, từ đó rút ra bài học cho đổi mới PPGD Việt Nam. Tại Nhật Bản, PPDH theo mục tiêu được áp dụng rộng rãi, cho phép giáo viên linh hoạt trong thiết kế bài giảng nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra. Thay vì tuân thủ cứng nhắc theo sách giáo khoa, giáo

viên được khuyến khích sáng tạo trong giảng dạy, sử dụng các hoạt động thực tiễn, thảo luận nhóm và dự án học tập để kích thích tư duy và sự chủ động của người học, giúp người học phát triển toàn diện, không chỉ về kiến thức mà còn về kỹ năng và thái độ. Ngược lại, ở Việt Nam, PP giảng dạy còn nặng về truyền thụ kiến thức một chiều, giáo viên là trung tâm và người học tiếp thu thụ động kiến thức, giảng dạy theo khung chương trình giáo dục của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường... dẫn đến hạn chế sự sáng tạo của giảng viên và giảm khả năng phát triển tư duy độc lập của người học.

Trong kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Quốc gia *“Chuyển đổi số trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản trị đại học”* [7], (2024), bài viết *“Chuyển đổi số với phương pháp tranh biện trong giảng dạy, học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học”* của tác giả Nguyễn Thị Hào và Nguyễn Thị Bích Thủy, làm rõ việc vận dụng PP tranh biện nhằm rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng thuyết phục, giao tiếp và sự tự tin của sinh viên, đồng thời đề xuất kết hợp công nghệ số như lớp học đảo ngược, trò chơi trực tuyến hay mạng xã hội để nâng cao hiệu quả giảng dạy; tác giả Nguyễn Thị Huyền và Trần Hà Diệu Anh trong bài *“Truyền thông phương pháp giảng dạy tình huống ở Trường đại học trong bối cảnh chuyển đổi số: Vai trò của tâm lý học”*, phân tích cơ sở lý luận và vai trò của truyền thông, tâm lý học đối với việc triển khai PPDH tình huống, nhấn mạnh hiệu quả của PP này trong việc phát triển năng lực giải quyết vấn đề và nhân cách cho sinh viên; Trần Lý Minh Trí, Ngô Nữ Bích Trâm và Lê Thu Trang với bài *“Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng AI Chatbot trong học tập của học viên cao học tại Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh”*, tiếp cận ứng dụng trí tuệ nhân tạo như một PP hỗ trợ dạy và học. Tác giả cũng phân tích các yếu tố thúc đẩy hoặc cản trở việc người học chấp nhận công nghệ, từ đó gợi mở khả năng kết hợp chatbot với PP giảng dạy truyền thống để tăng cường tính tương tác và hiệu quả học tập.

- *Nghiên cứu về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh*

Trong cuốn sách “*Tìm hiểu tư tưởng giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh*” [120], của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (1990), PP tự học được nhấn mạnh như một trụ cột quan trọng trong giáo dục. Nghiên cứu chỉ ra rằng, Hồ Chí Minh coi tự học là biện pháp học tập hiệu quả và là quá trình tự rèn luyện, tự hoàn thiện bản thân. Tự học giúp mỗi cá nhân trở nên năng động, sáng tạo, không phụ thuộc vào người khác, qua đó hạn chế các khuyết điểm của bản thân để không ngừng tiến bộ. PP tự học của Hồ Chí Minh bao gồm học từ thực tiễn, học từ nhân dân và học từ những người xung quanh. Hồ Chí Minh không chỉ khẳng định học phải đi đôi với hành, lý luận phải gắn liền với thực tiễn, học tập là để tiếp thu kiến thức và để rèn luyện đạo đức, phát triển nhân cách, phục vụ cộng đồng. Tự học giúp mỗi người trở nên năng động, sáng tạo và có khả năng thích ứng với những thay đổi của xã hội.

Cuốn sách “*Bách khoa thư Hồ Chí Minh sơ giản*”, Tập I [38], Hồ Chí Minh với Giáo dục - Đào tạo, do Phan Ngọc Liên, Nguyễn An chủ biên (2003), bài viết “*Hồ Chí Minh với vấn đề tự học*” của tác giả Đặng Quốc Bảo đã khái quát những nội dung cơ bản PPGD của Hồ Chí Minh về tự học, đồng thời khẳng định giá trị to lớn của PPGD này trong thực tiễn hiện nay. Tác giả nhận định, PPGD của Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở việc khuyến khích tự học mà còn bao gồm nhiều PPGD mang tính nhân văn và thực tiễn cao: 1) *Kết hợp giữa học và hành*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng “học mà không hành thì vô ích, hành mà không học thì hành không trôi chảy”, vì thế, việc học phải đi đôi với thực hành để kiến thức trở nên hữu ích và thiết thực; 2) *Phù hợp với đối tượng người học*, Người yêu cầu phải bám sát vào nhu cầu và đặc điểm của đối tượng để làm căn cứ chọn PPGD phù hợp, đem lại hiệu quả giáo dục; 3) *Giáo dục bằng nêu gương*, Hồ Chí Minh cho rằng người cán bộ, đảng viên phải là tấm gương sáng để quần chúng noi theo. Việc giáo dục thuyết phục bằng tự nêu gương và tác phong quần chúng là nét đặc sắc trong

tư tưởng Hồ Chí Minh về PPGD; 4) *Tự học suốt đời*, Hồ Chí Minh coi tự học và học tập suốt đời có vai trò quyết định tạo nên trí tuệ của người học.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, mã số B2001-49-16, “*Cơ sở triết học của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*” [102], do Thái Duy Tuyên chủ trì (2001-2003), tiếp cận vấn đề giáo dục, PPGD của Hồ Chí Minh từ góc nhìn triết học. Nghiên cứu chỉ ra rằng, PPGD của Hồ Chí Minh gắn liền với các nguyên tắc: học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn; giáo dục thông qua nêu gương, đề cao vai trò trung tâm của người học và PP học tập suốt đời. Tác giả cũng phân tích đặc điểm và yêu cầu đối với người thầy trong quá trình giáo dục, nhấn mạnh mối quan hệ giữa giáo dục và sự phát triển xã hội. Qua đó, làm rõ ý nghĩa lịch sử, giá trị thời sự PPGD của Hồ Chí Minh đối với công cuộc đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

Bài viết “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục - những nội dung cơ bản*” [105], của tác giả Hoàng Trang (2005), nhấn mạnh đến nguyên tắc giáo dục gắn liền với thực tiễn, học đi đôi với hành, lý luận phải gắn với đời sống và lao động sản xuất của Hồ Chí Minh. PPGD phải phát huy sự chủ động, tích cực của người học, trong đó tinh thần tự học, tự rèn luyện và học tập suốt đời được xem là yếu tố then chốt. Giáo dục không chỉ là truyền thụ kiến thức một chiều, mà phải tạo điều kiện để người học được phát triển năng lực tư duy độc lập, khả năng sáng tạo và ý thức tự giác. Đặc biệt coi trọng vai trò nêu gương trong giáo dục. Hồ Chí Minh nhấn mạnh giáo dục không thể tách rời đạo đức và bản thân người dạy phải là tấm gương mẫu mực về nhân cách, hành động. Đồng thời, bài viết cũng chỉ ra rằng PPGD của Hồ Chí Minh luôn đề cao tính linh hoạt, phù hợp với hoàn cảnh kinh tế, xã hội của đất nước, hướng tới phục vụ sự nghiệp cách mạng và đào tạo con người có ích cho xã hội. PP đó kết hợp hài hòa giữa lý luận và thực hành, giữa giáo dục cá nhân và giáo dục cộng đồng, giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Đây là những nguyên tắc PP luận cốt lõi trong tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh được tác giả làm rõ trong bài nghiên cứu.

Trong cuốn sách “*Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*” [3], do tác giả Hoàng Chí Bảo chủ biên (2011), phân tích các nguyên lý cơ bản trong PPGD của Hồ Chí Minh. PPGD của Người chú trọng đến sự toàn diện trong phát triển nhân cách và phẩm chất đạo đức, không chỉ truyền đạt kiến thức lý thuyết mà còn giúp người học trở thành những công dân có ích cho đất nước. Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh phải gắn lý luận với thực tiễn, học phải đi đôi với hành và kiến thức cần được áp dụng vào cuộc sống và công tác. Một điểm nổi bật trong PP của Người là tự học, với quan điểm học suốt đời và xem tự học là công cụ quan trọng để nâng cao trí thức và phẩm chất cá nhân. Bên cạnh đó, PPGD của Hồ Chí Minh còn kết hợp giáo dục truyền thống của dân tộc với các PPGD hiện đại, tạo ra một PPGD vừa mang tính kế thừa, vừa phù hợp với sự phát triển của thời đại. Và theo tác giả tất cả các PP này đều hướng đến mục tiêu phục vụ nhân dân và đất nước, xây dựng một xã hội công bằng và phát triển.

Cuốn sách “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đào tạo*” [1], do Phạm Ngọc Anh và Nguyễn Thị Kim Dung đồng chủ biên (2011), PPGD của Hồ Chí Minh được đề cập: 1) *PP học tập chủ động và sáng tạo*, Hồ Chí Minh đề cao tinh thần tự học, tự rèn luyện và sáng tạo trong học tập; 2) *Vai trò của giáo viên trong giáo dục*, Hồ Chí Minh xem giáo viên là người lãnh đạo, hướng dẫn và truyền cảm hứng cho người học. Người thầy không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn phải là tấm gương về đạo đức, lối sống và tinh thần trách nhiệm. Vì thế, người thầy cần hiểu rõ đặc điểm của người học để có PP giảng dạy phù hợp, giúp người học phát triển toàn diện; 3) *PPDH nhân văn và toàn diện*, hướng đến việc phát triển con người một cách toàn diện, bao gồm cả trí tuệ, đạo đức, thể chất và thẩm mỹ. Người nhấn mạnh giáo dục không chỉ nhằm truyền đạt kiến thức mà còn phải góp phần rèn luyện phẩm chất đạo đức, nâng cao thể lực và bồi dưỡng tinh thần yêu nước, yêu lao động cho người học.

Cuốn sách do tác giả Đặng Xuân Kỳ chủ biên (2013), “*Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*” [35], bằng cách kết hợp giữa khảo cứu tư liệu và phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng, cuốn sách góp phần làm rõ một số vấn đề về phương pháp giáo dục như: 1) *Giáo dục bằng nêu gương*, tác giả nhấn mạnh một PP cơ bản, xuyên suốt của Hồ Chí Minh là giáo dục thông qua hành động và nêu gương sáng. Người không chỉ giảng dạy bằng lời nói mà còn làm mẫu bằng chính lối sống giản dị, tinh thần tự học và đạo đức cách mạng của mình; 2) *Giáo dục gắn với thực tiễn*, Hồ Chí Minh luôn chú trọng đến PP đưa lý luận gắn liền với thực tiễn, coi trọng học đi đôi với hành. PPGD của Người không thiên về lý thuyết khô cứng mà luôn hướng đến tính ứng dụng, vận dụng ngay vào công việc cách mạng, sản xuất và đời sống; 3) *Lấy người học làm trung tâm*, tác giả cũng chỉ ra trong quan điểm của Hồ Chí Minh, người dạy phải hiểu đối tượng, hoàn cảnh, tâm lý của người học để có PP phù hợp; 4. *PPGD mang tính dân tộc, hiện đại và nhân văn*, Hồ Chí Minh sử dụng các PPGD gần gũi với truyền thống dân tộc, đồng thời tiếp thu những yếu tố tiên bộ từ nền giáo dục thế giới, trong đó đề cao vai trò của con người, của đạo đức và lý tưởng cách mạng. Chính sự kết hợp hài hòa đã làm nên tính nhân văn sâu sắc trong PP của Hồ Chí Minh.

Nguyễn Xuân Trung (2016) trong bài “*Triết lý giáo dục Việt Nam: Từ truyền thống đến Hồ Chí Minh*” [106], cho rằng PPGD của Hồ Chí Minh là yếu tố quyết định hiệu quả của quá trình dạy và học: “Hồ Chí Minh rất coi trọng PPGD, bởi nó chính là con đường, cách thức để giáo dục có được kết quả tốt nhất trên thực tế”. Với người dạy, Hồ Chí Minh yêu cầu phải thường xuyên đổi mới nội dung, cách dạy, vận dụng lời lẽ giản dị, ví dụ thiết thực, tránh lối “nhồi sọ”, gắn lý luận với thực tiễn, kết hợp giảng dạy với lao động sản xuất, PP giảng dạy phải phù hợp với đối tượng. Với người học, Hồ Chí Minh nhấn mạnh cần chống lối học gạo, học vẹt, học phải gắn với suy nghĩ, liên hệ thực tế, có thí nghiệm và thực hành. Đặc biệt, Người đề cao tính tự giác, tư duy độc lập, tự do sáng tạo, coi “tự giác làm cốt” trong học tập. Hơn

nữa, Hồ Chí Minh từ rất sớm đã khẳng định PP học tập suốt đời, vượt trước khẩu hiệu “học suốt đời” mà UNESCO nêu ra sau nhiều thập kỷ. Tác giả nhận định, PPGD của Hồ Chí Minh mang tính nhân văn, khoa học, hiện đại, vượt lên trên nền giáo dục kinh viện, áp đặt của chế độ thực dân, trở thành định hướng quan trọng cho việc xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay.

Cuốn sách “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục với vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay*” [89], do tác giả Lý Việt Quang chủ biên (2017), phương châm và PPGD được xác định là hai trụ cột quan trọng trong tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh. *Thứ nhất, tư tưởng giáo dục toàn diện, gắn với sự nghiệp cách mạng.* Hồ Chí Minh quan niệm giáo dục không chỉ là quá trình truyền thụ tri thức, mà còn là hoạt động bồi dưỡng toàn diện về nhân cách, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ cho con người, hướng đến xây dựng “con người mới xã hội chủ nghĩa”. Quan điểm này thể hiện rõ tính kế thừa và phát triển các nguyên lý giáo dục Mác - Lênin, đồng thời phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam. *Thứ hai, phương châm giáo dục: Học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn,* được các tác giả phân tích như một nền tảng xuyên suốt trong tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh. Các tác giả cho rằng đây không chỉ là khẩu hiệu mang tính hình thức mà là định hướng PP luận, đòi hỏi sự gắn kết chặt chẽ giữa quá trình học tập và hoạt động thực tiễn trong nhà trường cũng như ngoài xã hội. *Thứ ba, PPGD: Phát huy tính chủ động, tích cực của người học,* trong đó các tác giả nhấn mạnh PPGD của Hồ Chí Minh đặt nền tảng cho sự tôn trọng người học, kích thích tư duy độc lập, phát triển năng lực tự học và rèn luyện. Hồ Chí Minh phê phán lối giáo dục nhồi nhét, áp đặt, đồng thời khuyến khích tự học, tự giáo dục và học suốt đời... Tác giả Lý Việt Quang và cộng sự đã hệ thống hóa, lý giải PPGD của Hồ Chí Minh và đặt trong mối quan hệ trực tiếp với yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam hiện nay.

Cuốn sách “*Hồ Chí Minh - Tri tuệ và văn hóa*” [75], do tác giả Bùi Đình Phong chủ biên (2017), đề cập một số nội dung PPGD của Hồ Chí Minh: *Thứ*

nhất, giáo dục toàn diện - Nền tảng của sự phát triển con người. Tác giả nhấn mạnh, một trong những nguyên lý cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục là phát triển toàn diện con người, tức giáo dục không chỉ nhằm truyền đạt tri thức mà còn hướng đến việc nuôi dưỡng đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng sống và tinh thần trách nhiệm công dân. Quan điểm này cho thấy chiều sâu của tư tưởng Hồ Chí Minh, khi Người sớm nhận thức: giáo dục cần giúp mỗi người phát huy tối đa các năng lực sẵn có, đặc điểm cá nhân và năng lực sáng tạo để đóng góp cho xã hội; *thứ hai, PPGD tích cực - Khơi dậy năng lực nội sinh của người học.* Nghiên cứu chỉ ra rằng, PPGD của Hồ Chí Minh luôn đặt người học vào vị trí trung tâm của quá trình giáo dục, từ đó phát huy tính tích cực, chủ động, năng động và sáng tạo. PP ấy không áp đặt, không giáo điều, mà tạo môi trường để người học tự học, tự rèn luyện, tự vươn lên, gắn học với hành, lý luận với thực tiễn, học để làm người trước khi học để làm nghề.

Ngô Nhật Quang (2018) trong bài viết “*Tư tưởng tự giáo dục liên tục ở Bác Hồ*” [99] nhấn mạnh: 1) *Tự học suốt đời*, Hồ Chí Minh xem tự học và học tập suốt đời là cực kỳ quan trọng; 2) *Kết hợp giữa học và hành*, Người cho rằng việc học phải đi đôi với thực hành để kiến thức trở nên hữu ích và thiết thực; 3) *Phù hợp với đối tượng người học*, Người yêu cầu phải bám sát vào nhu cầu và đặc điểm của đối tượng để làm căn cứ chọn PPGD phù hợp, đem lại hiệu quả giáo dục; 4) *Giáo dục bằng nêu gương*, Hồ Chí Minh cho rằng người cán bộ, đảng viên phải là tấm gương sáng để quần chúng noi theo. Giáo dục thuyết phục bằng tự nêu gương và tác phong quần chúng là nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PPGD.

Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Quốc gia “*Bác Hồ với giáo dục*” [31] do đại học Huế tổ chức (2019), bài viết “*Quan điểm Hồ Chí Minh về phương pháp giáo dục*” của tác giả Nguyễn Văn Quang, chỉ ra rằng PPGD của Hồ Chí Minh là một bộ phận cốt lõi trong toàn bộ tư tưởng giáo dục của Người. PPGD của Hồ Chí Minh đã tạo nên sự khác biệt giữa nền giáo dục mới với

nền giáo dục thực dân, phong kiến, đồng thời thể hiện tính dân tộc, dân chủ và khoa học. Tác giả nhấn mạnh, Hồ Chí Minh luôn đề cao PPGD “phù hợp với đối tượng, điều kiện, hoàn cảnh” của người học, “giáo dục gắn với nêu gương”, “giáo dục gắn với tự giáo dục”, “giáo dục phải đảm bảo bình đẳng, dân chủ trong học tập cho mọi người”...; bài viết *“Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về giáo dục”* của tác giả Nguyễn Thị Thanh Huyền cũng bàn đến PPGD của Hồ Chí Minh, đặc biệt là PP nêu gương. Hồ Chí Minh coi người thầy giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp “trồng người”, không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn phải là tấm gương sáng về đạo đức, nhân cách cho học trò noi theo. Người yêu cầu giáo dục phải thiết thực, gắn với đời sống và sự phát triển của đất nước, tránh lối học hình thức, nhồi nhét, chạy theo bằng cấp. Đồng thời, PPGD cần hướng tới việc khơi dậy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần tự học và tự rèn luyện của người học, thay vì áp đặt thụ động.

Tác giả Lý Việt Quang (2020) trong bài viết *“Những quan điểm đổi mới về phương pháp dạy và học của Chủ tịch Hồ Chí Minh”* [91] đăng trong Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Quốc gia *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý giáo dục”*, đã phân tích, hệ thống hóa bốn quan điểm về ĐMPP dạy và học của Hồ Chí Minh như: 1) *Đặt người học làm trung tâm*, coi việc dạy học là nhằm phát triển trí tuệ, phát huy tính chủ động và sáng tạo của người học. PPDH cần phù hợp với đối tượng, dạy học theo nguyên tắc “đóng giày theo chân”, không “khoét chân cho vừa giày”, tránh nhồi sọ, chạy theo thành tích, đồng thời thực hành giáo dục dân chủ, khuyến khích thầy trò cùng thảo luận; 2) *Dạy học phải bảo đảm tính cơ bản và thiết thực của kiến thức*, “dạy dần từ ít đến nhiều, từ dễ đến khó, từ thấp đến cao”, gắn với thực tiễn để tạo hứng thú và sáng tạo của người học; 3) *Nêu cao tinh thần tự nguyện, tự giác học tập, lấy tự học làm cốt*, người học cần độc lập suy nghĩ, phản biện, bàn luận để thấu hiểu; 4) *Học tập mọi lúc, mọi nơi, học tập suốt đời*, là nhiệm vụ của cách mạng để không bị tụt hậu, đào thải, và đáp ứng cao nhất yêu cầu của công việc.

Trần Quang Nhiếp (2020) trong cuốn sách “*Hồ Chí Minh - Tấm gương lớn về sự nêu gương*” [68], nhấn mạnh đến PPGD bằng nêu gương, một nét đặc sắc trong tư tưởng giáo dục của Người. Theo tác giả, Hồ Chí Minh không chỉ dạy bằng lời nói mà trước hết bằng chính cuộc sống giản dị, trong sáng và những hành động cụ thể hằng ngày. Người luôn gắn lời nói với việc làm, từ những công việc nhỏ như tiết kiệm, tăng gia sản xuất, lao động cùng nhân dân cho đến việc lớn như lãnh đạo toàn dân kháng chiến, kiến quốc. Nêu gương ở Hồ Chí Minh thể hiện ở nhiều khía cạnh: Sự hy sinh trọn đời vì dân, vì nước; ý chí, nghị lực vượt qua gian khổ, lao tù; phong cách làm việc khoa học, thiết thực; lối sống giản dị, thanh cao; giao tiếp và ngoại giao kiên định nhưng linh hoạt. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng những biểu hiện nêu gương ấy không chỉ là phẩm chất cá nhân mà còn là một PPGD có sức thuyết phục mạnh mẽ, tạo ảnh hưởng sâu rộng đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Tác giả Bùi Đình Phong (2020) trong cuốn “*Nghiên cứu Hồ Chí Minh*” [76], phân tích một số nội dung liên quan đến triết lý giáo dục và PPGD của Hồ Chí Minh, đặt trong bối cảnh yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. *Thứ nhất, nền giáo dục phát triển toàn diện cá nhân người học.* Giáo dục phải hướng đến việc phát triển toàn diện những năng lực sẵn có của mỗi cá nhân, không chỉ dừng lại ở truyền thụ tri thức mà còn bao gồm cả bồi dưỡng đạo đức, thể chất, thẩm mỹ và năng lực sáng tạo. Đây là một quan điểm nhất quán trong tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh, phản ánh tính nhân văn sâu sắc và tinh thần “lấy người học làm trung tâm”. *Thứ hai, PPGD mang tính cách mạng, gắn với thực tiễn Việt Nam.* PPGD của Hồ Chí Minh, có nền tảng từ các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, song được Hồ Chí Minh vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Người luôn đề cao sự kết hợp giữa học và hành, giữa lý luận và thực tiễn, giữa giáo dục trong nhà trường và ngoài xã hội. Hồ Chí Minh yêu cầu giáo dục phải gắn liền với cuộc sống, phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng. *Thứ ba, đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh.* Cuốn sách cũng nhấn

mạnh, tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh cung cấp cơ sở lý luận cho quá trình đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam hiện nay. Tác giả cho rằng sự đổi mới không chỉ mang tính kỹ thuật hoặc hình thức, mà cần dựa trên nền tảng vững chắc là tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.1.2. Nghiên cứu vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh

Luận án của tác giả Võ Văn Nam (2008), *“Tư tưởng tự học của Hồ Chí Minh và biện pháp nâng cao việc tự học cho sinh viên đại học Sư phạm”* [66], khẳng định Hồ Chí Minh coi tự học là một PP quan trọng giúp mỗi cá nhân phát triển bản thân và đóng góp vào sự nghiệp cách mạng. Tác giả đề xuất các giải pháp vận dụng PP tự học của Hồ Chí Minh trong GDSV sư phạm như: 1) *Tăng cường sự chủ động trong học tập*, khuyến khích sinh viên tự xác định mục tiêu học tập, lập kế hoạch và thực hiện quá trình học tập một cách tích cực và tự giác; 2) *Xây dựng môi trường học tập sáng tạo*, sinh viên được tham gia vào các hoạt động học tập, khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong PP học tập; 3) *Sử dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ quá trình tự học*, ứng dụng các công cụ và phương tiện hiện đại để nâng cao hiệu quả tự học; 4) *Tạo động lực học tập*, định hướng cho sinh viên thấy rõ mục tiêu và ý nghĩa của việc học tập, từ đó thúc đẩy tinh thần tự học và khát vọng vươn lên; 5) *Hướng dẫn cách thức tự học hiệu quả*, cung cấp cho sinh viên các PP và kỹ năng tự học như kỹ năng đọc hiểu, ghi chép, tư duy phản biện và quản lý thời gian. Luận án cũng nhấn mạnh, việc vận dụng PP tự học của Hồ Chí Minh không chỉ giúp sinh viên sư phạm nâng cao năng lực tự học mà còn góp phần vào xây dựng nền giáo dục chất lượng cao.

Luận án của tác giả Nguyễn Xuân Sinh (2013), *“Vận dụng tư tưởng ‘lấy tự học làm cốt’ của Hồ Chí Minh vào bồi dưỡng phương pháp học tập cho học viên cấp phân đội ở các nhà trường quân đội hiện nay”* [99], tập trung phân tích và làm rõ giá trị PPGD của Hồ Chí Minh về tự học, đặc biệt là quan điểm coi “tự học là cốt lõi” trong quá trình rèn luyện, học tập. Trên cơ sở đó, luận án đã xây dựng khung lý luận vận dụng PP tự học vào việc bồi

đưỡng PP học tập cho học viên các nhà trường quân đội. Đồng thời, luận án đã khảo sát, đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng “lấy tự học làm cốt” trong đào tạo, chỉ ra những kết quả và hạn chế, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bồi dưỡng năng lực tự học cho người học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở các nhà trường quân đội hiện nay.

Cuốn sách “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và sự vận dụng vào đào tạo đại học hiện nay*” [2], do tác giả Hoàng Anh chủ biên (2013), là một chuyên khảo tập trung phân tích hệ thống tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh và đề xuất các giải pháp vận dụng vào GDDH trong bối cảnh hiện nay. Trong đó, tác giả đã tổng hợp và phân tích các nguyên tắc, PPGD hiện đại ẩn chứa trong tư tưởng của Người như: giáo dục toàn diện, giáo dục suốt đời và PPGD lấy người học làm trung tâm. Đặc biệt, tác giả nhấn mạnh đến việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc ĐMPP dạy và học ở bậc đại học. Theo đó, cần phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, xây dựng môi trường học tập dân chủ, thân thiện.

Trong bài viết “*Vận dụng phương pháp giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giảng dạy và học tập*” [23] của tác giả Nguyễn Thị Hải (2017), đề xuất giải pháp vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong giảng dạy môn tư tưởng Hồ Chí Minh ở bậc chuyên nghiệp như: 1) Thực hiện nguyên lý “học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn”. Trong quá trình dạy học, người giáo viên cần liên hệ những tư tưởng của Người với thực tiễn chính trị - xã hội ở trong nước và trên thế giới, từ đó sẽ giúp người học hiểu đúng bản chất khoa học của các nguyên lý, lý luận; 2) Bảo đảm tính toàn diện trong giáo dục cả tài và đức, coi đức là gốc nhưng gắn liền với năng lực nghề nghiệp. Theo tác giả, trong quá trình giảng dạy, mỗi giảng viên cần hiểu rõ tâm lý, phẩm chất đạo đức và năng lực chung của người học, từ đó lựa chọn phương pháp, nội dung và vấn đề trọng yếu để trao đổi, đồng thời gợi mở định hướng nghiên cứu phù hợp; 3) Lấy người học làm trung tâm, phát huy trí tuệ, tính độc lập, sáng tạo, tránh nhồi sọ và đề cao tự học có hướng dẫn. Bài viết chỉ ra

rằng, ở bậc đào tạo chuyên nghiệp, dạy học là dạy PP học, kỹ năng tự nghiên cứu và khả năng học sáng tạo để sinh viên thực hành PP tự học, tự học suốt đời của Hồ Chí Minh; 4) Giáo dục bằng tình cảm, xây dựng mối quan hệ thân ái, dân chủ, vừa nhân văn vừa giữ kỷ luật. Trong quá trình giảng dạy, học tập, mỗi giáo viên cần xây dựng một mối quan hệ mang tính nhân văn, dân chủ với người học có sự gắn kết với kỷ cương, kỷ luật. Dân chủ phải đi đôi với sự tôn trọng lẫn nhau, học trò kính trọng thầy, thầy tôn trọng trò, chứ không phải kiểu “cá đối bằng đầu”; 5) Kiểm tra, đánh giá dựa trên tinh thần dân chủ, công khai, khuyến khích người học tự điều chỉnh và phát huy ưu điểm của người học.

Trong kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Quốc gia *“Bác Hồ với giáo dục”* [31], bài viết *“Một số quan điểm của Hồ Chí Minh về giáo dục đại học và sự vận dụng trong việc đổi mới giáo dục đại học hiện nay”* của tác giả Võ Thị Thu Ngọc (2019), cho rằng việc vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong giảng dạy đại học hiện nay trước hết phải xác định đúng vai trò, mục đích của GDĐH không chỉ đào tạo chuyên môn mà còn bồi dưỡng nhân cách, kết hợp hài hòa giữa đức và tài: “Đối với phát triển GDĐH nói chung và mỗi trường đại học nói riêng hiện nay cần phải xác định rõ mục tiêu đào tạo là hướng đến đáp ứng nhu cầu cụ thể của xã hội, của nền kinh tế”.

Nội dung và phương hướng giáo dục cần chú trọng phát huy tinh thần tự học, tự nghiên cứu, học tập suốt đời, gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành để tri thức được áp dụng hiệu quả vào đời sống xã hội. Bên cạnh đó, GDĐH phải quan tâm xây dựng nhân cách, bồi dưỡng lý tưởng và đạo đức cho sinh viên, hình thành con người toàn diện. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, xây dựng ĐNGV có trình độ chuyên môn sâu, năng lực nghiên cứu, có khả năng hướng dẫn sinh viên tự học và khơi gợi tính chủ động, sáng tạo, sẽ góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đổi mới GDĐH hiện nay.

Bài viết *“Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị ở các trường đại học hiện nay”* [104], của tác giả Nguyễn Thị Thủy và Phạm Thị Huyền (2020), đề xuất

các giải pháp vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục các môn lý luận chính trị như: ĐMPP giảng dạy theo hướng tích cực, lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động tương tác, thảo luận và nghiên cứu tình huống nhằm phát huy tư duy phản biện cho người học; kết hợp lý luận với thực tiễn qua việc xây dựng nội dung giảng dạy, xây dựng môi trường học tập dân chủ, thầy và trò cùng trao đổi, thảo luận, đóng góp ý kiến để làm sáng tỏ nội dung bài học; đồng thời chú trọng đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên theo hướng người thầy vừa là người truyền đạt kiến thức vừa là tấm gương về tư tưởng, đạo đức cho người học.

Trong bài viết “*Quan điểm Hồ Chí Minh về phương pháp giáo dục, định hướng cho việc đổi mới phương pháp giáo dục ở Việt Nam*” [40] của tác giả Nguyễn Thị Lý (2024), phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về PPGD và đề xuất định hướng vận dụng vào công cuộc đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay như: *Thứ nhất*, vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh phải hướng đến phát triển trí tuệ, tư duy độc lập, sáng tạo của người học, phản đối lối nhồi sọ, học vẹt, đồng thời khẳng định vai trò tích cực chủ động của người học trong chiếm lĩnh tri thức; *thứ hai*, vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh phải phù hợp với đối tượng, nhu cầu và hoàn cảnh cụ thể, bảo đảm tính vừa sức, gắn liền với thực tiễn đời sống, đồng thời xây dựng quan hệ nhân ái, dân chủ giữa thầy và trò; *thứ ba*, phải đề cao PP nêu gương, coi tấm gương của thầy cô, của nhân dân và thực tiễn là công cụ giáo dục có sức thuyết phục mạnh mẽ, kết hợp dạy chữ với dạy người; *thứ tư*, PP tự học của Người phải được đặt ở vị trí then chốt, coi đây là con đường để mỗi cá nhân chuyển hóa tri thức nhân loại thành của mình, gắn với mục tiêu học để làm việc, làm người, phụng sự Tổ quốc và nhân loại.

Tác giả Nguyễn Thị Thủy và Nguyễn Thị Như Quỳnh (2025) trong bài viết “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục vào công tác đổi mới phương pháp dạy học tại Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh*” [104], tập trung phân tích PPGD của Hồ Chí Minh và đề xuất phương hướng

vận dụng vào thực tiễn giảng dạy ở trường đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, đại học Thái Nguyên. Tác giả đề xuất một số giải pháp vận dụng vào đổi mới PPDH như: PP giảng dạy cần theo hướng lấy người học làm trung tâm; áp dụng PPDH tích cực như: thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống và học qua dự án; kết hợp giảng dạy với thực tiễn thông qua các hoạt động trải nghiệm, thực tập; đồng thời chú trọng rèn luyện kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm và phẩm chất đạo đức cho sinh viên. Bài viết cũng đưa ra nhận định PPGD của Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn đối với sự nghiệp phát triển giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

Trong tài liệu hội thảo khoa học cấp Quốc gia “*Bác Hồ với giáo dục, giáo dục với Bác Hồ*”[107] do Trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn tổ chức (2025), bài viết của tác giả Phạm Hồng Quang “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về ba quan điểm giáo dục vận dụng trong bối cảnh hiện nay*”, làm rõ giá trị PPGD của Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong đổi mới giáo dục hiện nay. Tác giả nhấn mạnh ba nội dung cốt lõi của việc vận dụng là: 1) Việc học lấy tự học làm cốt, coi tự học là nền tảng hình thành tinh thần học tập suốt đời; 2) Kết hợp lý luận với thực tiễn, lấy học đi đôi với hành, gắn đào tạo với yêu cầu xã hội; 3) Giáo dục mở, giáo dục toàn diện, trong đó giáo dục là sự kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, hướng đến phát triển toàn diện con người. Từ đó, tác giả khẳng định vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh vào đổi mới hiện nay chính là sự chuyển đổi từ quan niệm “đào tạo con người phát triển toàn diện” thiên về nhà trường sang “phát triển toàn diện con người” trong tinh thần giáo dục mở, khai phóng, học tập suốt đời và phát huy tiềm năng sáng tạo cá nhân.

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Kết quả nghiên cứu liên quan đề tài

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể thấy chủ đề đổi mới PPGD, phát huy tính tích cực, chủ động, rèn tư duy phản

biện của người học đã được quan tâm ở nhiều cấp độ nghiên cứu và nhiều góc độ tiếp cận. Một số công trình đã đi sâu phân tích PPGD, PPGD của Hồ Chí Minh và vận dụng trong giáo dục của Hồ Chí Minh.

Về tiếp cận nghiên cứu, có thể phân thành hai nhóm chính: 1) Tiếp cận từ hệ giá trị triết lý giáo dục của Hồ Chí Minh, làm rõ nền tảng lý luận của PPGD mà Người đề xuất; 2) Tiếp cận nghiên cứu vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh và đề xuất định hướng đổi mới PPGD.

Về nội dung, các công trình đều cho thấy sự thống nhất trong đánh giá vai trò của PPGD, như một yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Đồng thời, một số công trình bước đầu nghiên cứu vận dụng các PP đó vào thực tiễn giảng dạy tại các trường đại học, đặc biệt trong khối công lập. Tuy nhiên, qua nghiên cứu tổng quan có thể nhận diện những khoảng trống cần tiếp tục được nghiên cứu:

Thứ nhất, phần lớn các công trình mới dừng lại ở phân tích lý luận về PPGD của Hồ Chí Minh hoặc vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh vào các cấp học phổ thông, giáo dục lý luận chính trị trong các trường đại học công lập. Chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu vận dụng PPGD của Người trong GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

Thứ hai, chưa có công trình nào khảo sát, đánh giá thực trạng, PPGD sinh viên các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội và những vấn đề đặt ra từ góc nhìn PPGD của Hồ Chí Minh.

Thứ ba, chưa có nghiên cứu nào đề xuất giải pháp vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh vào thực tiễn giảng dạy, học tập phù hợp với đặc điểm tổ chức, quản trị và người học thuộc khối ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Luận án sẽ tiếp cận nghiên cứu *vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên các trường đại học tư thục trên địa bàn*

Hà Nội, theo mã ngành Hồ Chí Minh học. Trên cơ sở làm rõ hệ thống các quan điểm của Hồ Chí Minh về PPGD, từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp vận dụng trong GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

Về nội dung, luận án sẽ giải quyết ba nhóm vấn đề cơ bản tương ứng với nội dung ba chương như sau:

Thứ nhất, luận án xác lập khung lý thuyết nghiên cứu đề tài thông qua việc làm rõ nội hàm cơ bản PPGD của Hồ Chí Minh; đồng thời phân tích nội dung, giá trị lý luận và thực tiễn PPGD của Hồ Chí Minh, tạo cơ sở cho việc vận dụng vào GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

Thứ hai, luận án khảo sát, đánh giá thực trạng PPGD sinh viên các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội thông trên hai hướng diện: Chủ trương đổi mới PPGD của Đảng, Nhà nước và thực tiễn PPGD sinh viên các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội trong giai đoạn 2013-2025; những vấn đề đặt ra từ góc nhìn PPGD của Hồ Chí Minh.

Thứ ba, luận án đề xuất phương hướng, giải pháp vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội thời gian tới.

Tiểu kết chương 1

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về PPGD, PPGD của Hồ Chí Minh, vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh, có thể nhận thấy đề tài này đã và đang thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Các công trình nghiên cứu đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, khẳng định vị trí, vai trò của Hồ Chí Minh như một nhà tư tưởng giáo dục lớn. Các nghiên cứu cũng bước đầu làm rõ mối quan hệ hữu cơ giữa mục tiêu, nội dung, phương châm, phương pháp, môi trường giáo dục trong hệ thống tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh, nhấn mạnh vai trò then chốt của PPGD trong hiện thực hóa triết lý giáo dục nhằm đào tạo con người phát triển toàn diện.

Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu tập trung vào hệ thống giáo dục công lập, chưa có công trình nghiên cứu vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong môi trường giáo dục ĐHTT, khu vực đang phát triển mạnh mẽ nhưng cũng đặt ra nhiều vấn đề cấp bách về PP giảng dạy, đào tạo nhân lực và phát triển năng lực người học. Từ kết quả khảo cứu các công trình liên quan đề tài, luận án sẽ đi sâu phân tích, làm rõ PPGD của Hồ Chí Minh và vận dụng PPGD của Người trong GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội trong thời gian tới. Đây là một hướng nghiên cứu mới, một nhu cầu cần thiết và có ý nghĩa trong giáo dục con người phát triển toàn diện ở Việt Nam hiện nay.

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG GIÁO DỤC SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

2.1.1. Giáo dục

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, *Giáo dục* là: Hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra [121, tr.492]. Theo *Từ điển giáo dục*, *Giáo dục* được hiểu là: “Hoạt động hướng tới con người thông qua một hệ thống các biện pháp tác động nhằm truyền thụ những tri thức và kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng và lối sống, bồi dưỡng tư tưởng và đạo đức cần thiết cho đối tượng, giúp hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất, nhân cách phù hợp với mục đích, mục tiêu chuẩn bị cho đối tượng tham gia lao động sản xuất và đời sống xã hội” [32, tr.5].

Giáo dục được coi là một trong những hiện tượng xã hội đặc trưng của xã hội loài người; nảy sinh và phát triển cùng với sự phát triển của xã hội loài người; trở thành nhân tố then chốt thúc đẩy sự phát triển toàn diện của xã hội. Giáo dục gắn với quá trình tái sản xuất và mở rộng sức lao động xã hội; trở thành một trong những nhân tố quan trọng nhất thúc đẩy xã hội phát triển về mọi mặt. Giáo dục mang tính lịch sử cụ thể và tính chất, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, tổ chức giáo dục biến đổi theo các giai đoạn phát triển của xã hội, theo các chế độ chính trị, kinh tế của xã hội.

Lao động là con đường tất yếu để con người tồn tại và phát triển. Cùng với quá trình lao động, con người đã tích lũy cho mình kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng... về tự nhiên, xã hội. Từ đó, con người có nhu cầu truyền đạt những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm đó. Giáo dục ra đời là vì nhu cầu

của đời sống xã hội. Ban đầu, giáo dục xuất hiện như một hiện tượng tự phát, giản đơn như bắt chước, làm theo... Sau đó, giáo dục dần trở thành hoạt động có ý thức của con người, việc xác định mục đích và các phương pháp để tổ chức quá trình giáo dục ngày càng trở nên hiệu quả. Hiện nay, giáo dục đã trở thành một hoạt động tất yếu không thể thiếu, trở thành động lực trong chiến lược phát triển của tất cả các nước.

Giáo dục là quá trình tác động giữa các chủ thể để nâng cao nhận thức và hoàn thiện nhân cách. Quá trình này được thực hiện bằng nhiều con đường khác nhau như: dạy học, tự học, các sinh hoạt tập thể, cộng đồng... Trong đó, *dạy học* là con đường phổ biến, ngắn nhất, đem lại hiệu quả cao trong hoạt động giáo dục. *Dạy học* là quá trình hoạt động cả về trí tuệ và thể lực của người dạy và người học nhằm đạt đến mục đích của giáo dục. Như vậy, dạy học là hoạt động phối hợp của hai chủ thể: người dạy và người học, được thực hiện đồng thời cùng một nội dung và hướng tới cùng một mục đích. Ở đây, *người dạy* là chủ thể của hoạt động giảng dạy, là người xây dựng và thực thi kế hoạch với những hình thức và phương pháp phong phú, sinh động để đạt được mục đích của hoạt động giáo dục. Để quá trình dạy này đạt kết quả, *người dạy* phải được đào tạo chu đáo cả về kiến thức chuyên môn và phương pháp sư phạm. Đồng thời, *người dạy* phải là tấm gương sáng về nhân cách và đạo đức.

Cùng với quá trình dạy và học, chủ thể của hoạt động học tập là *người học*. *Người học* phải xác định được mục đích của việc học tập, có động cơ và thái độ đúng đắn, có kế hoạch học tập chủ động và luôn tích cực thực hiện kế hoạch đó. Thái độ học tập tích cực của *người học* thể hiện trên hai mặt: chuyên cần và sâu sắc trong hoạt động của trí tuệ. Quá trình học tập là quá trình *người học* nhận thức, tìm tòi, thấu hiểu, nắm vững, ghi nhớ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Smirnov nhà triết học người Nga, từng khẳng định: Con người được sinh ra, nhưng nhân cách, con người xã hội thì phải được hình thành, phải

được *giáo dục*. V.I.Lênin cũng đã khẳng định, hoạt động giáo dục sinh ra cùng với loài người và tồn tại, phát triển cùng với loài người. Do đó, giáo dục là một phạm trù vĩnh hằng. Nguyễn Văn Hộ và Hà Thị Đức trong cuốn sách *Giáo dục học đại cương* cũng cho rằng:

Giáo dục là một hiện tượng xã hội, trong đó một tập hợp xã hội (nhóm người) đã tích lũy được vốn kinh nghiệm nhất định truyền đạt lại cho nhóm xã hội khác nhằm giúp họ tham gia vào đời sống xã hội, giúp họ hiểu biết các chuẩn mực, khuôn mẫu, giá trị xã hội để xây dựng thành nhân cách phù hợp với sự đòi hỏi của lợi ích xã hội [32, tr.5].

Giáo dục trở thành hoạt động giữ vai trò chủ đạo trong việc hình thành nhân cách ở mỗi cá nhân. Bởi lẽ, giáo dục không chỉ cung cấp kinh nghiệm hay tri thức, mà còn góp phần định hướng hành vi bằng cách cung cấp những khuôn mẫu hành vi chuẩn mực. Vai trò của giáo dục trong hình thành nhân cách con người được thể hiện ở: *Thứ nhất*, giáo dục truyền thụ cho cá nhân những điều kiện thiết yếu để hình thành nhân cách là tri thức và kỹ năng. *Thứ hai*, giáo dục cung cấp những mẫu nhân cách theo yêu cầu nhất định, định hướng cho sự phát triển nhân cách cá nhân. *Thứ ba*, giáo dục điều chỉnh, uốn nắn những hành vi lệch chuẩn của cá nhân trong quá trình phát triển nhân cách.

Từ đó nghiên cứu sinh cho rằng, *giáo dục là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể giáo dục đến đối tượng giáo dục nhằm hình thành ở họ nhận thức, thái độ, kỹ năng và hành vi phù hợp với yêu cầu của xã hội*.

2.1.2. Phương pháp giáo dục

Thuật ngữ *phương pháp* có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp “*methodos*” - nghĩa là: con đường đi đến mục đích. Theo *Từ điển tiếng Việt*, “phương pháp là cách thức được sử dụng để tiến hành một hoạt động cụ thể nào đó nhằm đạt được mục đích cụ thể” [121, tr.141]. Phương pháp luôn gắn với hoạt động của

mỗi con người, đồng thời giúp cho con người hoàn thành những nhiệm vụ phù hợp với mục đích đã đề ra. Phương pháp bao giờ cũng gắn với mục đích, cấu trúc và nội dung bởi nội dung quy định phương pháp, nhưng phương pháp cũng có tác động trở lại làm cho nội dung ngày càng hoàn thiện hơn.

Ngày nay, khi thông tin, khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển phương pháp phải có tính hiện đại và không ngừng được đổi mới. Phương pháp bản thân nó luôn gắn bó mật thiết với con người và thế giới xung quanh. Mỗi một trường hợp, mỗi một vấn đề cụ thể lại đòi hỏi phải có một phương pháp xử lý riêng. Trong thực tế để giải quyết một vấn đề không thể chỉ sử dụng một phương pháp mà cần kết hợp nhiều phương pháp với nhau.

Phương pháp giáo dục là một thành tố quan trọng trong quá trình giáo dục. Phương pháp giáo dục được hiểu là sự tổng hợp các cách thức tác động của nhà giáo dục đến đối tượng giáo dục để đạt được mục tiêu giáo dục, giúp hình thành ở đối tượng giáo dục những phẩm chất nhân cách cần thiết.

Phương pháp giáo dục được thực hiện khi phải có sự kết hợp của hai hoạt động đó là hoạt động của nhà giáo dục và đối tượng giáo dục hướng vào việc đạt mục đích nào đó. Nếu thiếu một trong hai hoạt động này thì bản thân phương pháp giáo dục trở nên vô nghĩa. Giá trị của PPGD phụ thuộc vào hoạt động của nhà giáo dục, đối tượng giáo dục cũng như môi trường giáo dục.

Tác giả Phạm Viết Vượng trong cuốn sách *Giáo dục học* đã chỉ ra các đặc trưng cơ bản của phương pháp giáo dục gồm: *Về bản chất*, PPGD là cách thức tổ chức cuộc sống, tổ chức hoạt động và giao lưu cho người học; *về nội dung*, PPGD là phương pháp tác động vào từng khâu và đồng thời vào tất cả các khâu nhận thức, niềm tin và hành vi của người học; *về mặt hình thức*, PPGD phụ thuộc vào từng đối tượng cụ thể, từng tình huống cụ thể [123].

Từ những phân tích trên, nghiên cứu sinh cho rằng: *Phương pháp giáo dục là cách thức tổ chức và vận dụng các nguồn lực trong hoạt động giáo dục như giáo viên, cơ sở vật chất, phương tiện và công cụ học tập nhằm tác động đến người học, giúp họ lĩnh hội tri thức, rèn luyện kỹ năng, định hướng giá trị và phát triển nhân cách.*

Khái niệm này hàm chứa một số nội dung cơ bản như sau: *Thứ nhất*, về mục đích của hoạt động giáo dục không chỉ truyền đạt tri thức mà còn ở kỹ năng, định hướng giá trị và phát triển nhân cách của người học, qua đó nhấn mạnh tính toàn diện kết quả đầu ra của quá trình giáo dục; *Thứ hai*, về mối quan hệ thầy trò trong giáo dục là quan hệ tác động qua lại, người thầy giữ vai trò kiến tạo, dẫn dắt còn người học là chủ thể tích cực tự kiến tạo tri thức của chính mình; *Thứ ba*, về nguồn lực, khái niệm nhấn mạnh việc huy động và phối hợp các yếu tố như cơ sở vật chất, phương tiện, công cụ học tập và học liệu, coi điều kiện vật chất và kỹ thuật là phương tiện hỗ trợ và điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện PPGD; *Thứ tư*, vì giáo dục hướng tới sự chuyển biến toàn diện ở người học, PPGD cần bảo đảm các nguyên tắc phù hợp với đối tượng, có cơ sở khoa học, mang tính nhân văn và thích ứng với bối cảnh cụ thể nhằm tối ưu hóa quá trình lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng và bồi dưỡng phẩm chất của người học.

Trong lý luận giáo dục hiện đại có nhiều cách phân loại PPGD khác nhau. Nếu căn cứ vào lực lượng và môi trường nơi diễn ra các hoạt động giáo dục, sẽ có các PPGD gia đình, các phương pháp giáo dục nhà trường, các phương pháp giáo dục xã hội; phương pháp giáo dục trên lớp, phương pháp giáo dục ngoài lớp. Căn cứ vào đối tượng giáo dục sẽ có các phương pháp giáo dục trẻ mẫu giáo, giáo dục trẻ vị thành niên; phương pháp giáo dục trẻ khuyết tật, phương pháp giáo dục cá biệt... Căn cứ vào sự tác động tới các khâu của quá trình giáo dục có các phương pháp tác động đến nhận thức, phương pháp tác động đến tình cảm, phương pháp hình thành hành vi thói quen... Như vậy, do tính chất phức tạp, đa dạng của phương pháp nên có nhiều cách gọi tên và phân loại khác nhau. Phương pháp giáo dục thường được phân loại và trình bày theo ba nhóm cơ bản sau:

Một là, nhóm phương pháp thuyết phục. Đây là nhóm phương pháp giáo dục tác động đến nhận thức, thái độ và tình cảm của người được giáo dục nhằm hình thành những khái niệm, biểu tượng và niềm tin đúng đắn về đạo

đức, thẩm mỹ, tạo điều kiện cho người được giáo dục có tư tưởng đúng đắn, có tình cảm đẹp, làm cơ sở cho việc hình thành những thói quen tốt. Trong công tác giáo dục, thuyết phục là phương pháp cơ bản vì nó là con đường quan trọng để biến ý thức xã hội thành ý thức của cá nhân, biến những yêu cầu của xã hội thành nhu cầu của bản thân, động viên, thúc đẩy cá nhân hành động đáp ứng những yêu cầu, chuẩn mực của xã hội. Nhóm phương pháp thuyết phục bao gồm: phương pháp đàm thoại, phương pháp giảng giải, phương pháp nêu gương.

Hai là, nhóm phương pháp tổ chức hoạt động và hình thành kinh nghiệm ứng xử xã hội. Mục đích của nhóm phương pháp này là hình thành ở người được giáo dục những hành vi phù hợp với các chuẩn mực của đời sống xã hội, hình thành những phẩm chất nhân cách và hành vi thói quen. Việc hình thành các hành vi thói quen phù hợp với các chuẩn mực xã hội trong phương pháp này không phải bằng nghe, nhìn mà chủ yếu bằng cách tham gia vào các hoạt động, các quan hệ phong phú đa dạng (hoạt động lao động sản xuất, hoạt động xã hội, sinh hoạt tập thể, hoạt động văn hóa văn nghệ thể thao, vui chơi giải trí...). Nhóm phương pháp này bao gồm: phương pháp đòi hỏi sự phạm, phương pháp tập thói quen, phương pháp rèn luyện.

Ba là, nhóm các phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi ứng xử của người được giáo dục. Nhóm phương pháp này dựa trên kết quả hành vi mà đối tượng giáo dục đã thực hiện trước đây để phát huy tính tích cực của người được giáo dục vào các hoạt động thực tiễn. Những phương pháp có hiệu lực để khuyến khích, điều chỉnh và sửa chữa hành vi của người được giáo dục là khen và chê, khuyến khích và trừng phạt. Khuyến khích, khen và thưởng là phương pháp để củng cố và kích thích những động cơ và hình thức hành vi đúng đắn. Trách phạt là phương pháp nhằm ức chế, kìm hãm và điều chỉnh hành vi không phù hợp với chuẩn mực xã hội. Nhóm phương pháp này bao gồm: phương pháp khen thưởng và phương pháp trách phạt.

2.1.3. Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh

Khái niệm *Giáo dục* thường được Hồ Chí Minh đề cập đến với hai hàm nghĩa:

Một là, giáo dục được hiểu là quá trình truyền thụ tri thức từ thế hệ trước sang thế hệ sau, nhằm nâng cao tri thức, hình thành ở con người tư tưởng, tình cảm đúng đắn, phát triển cả về trí lực, thể lực và kỹ năng ở người học. Giáo dục là hoạt động rất phong phú, gồm nhiều loại hình, ở nhiều không gian, thời gian khác nhau. Trong đó, điển hình và nòng cốt nhất trong hoạt động giáo dục chính là hoạt động dạy và học ở các nhà trường với hai chủ thể chính là: người dạy và người học. Đây là điều Hồ Chí Minh rất chú trọng trong quá trình tuyên truyền, vận động và tổ chức cách mạng. Người hiểu rõ, chính chế độ thực dân phong kiến, sự cai trị tàn bạo và chính sách ngu dân thâm độc của chính quyền thuộc địa đã khiến đại đa số nhân dân Việt Nam trong tình trạng mù chữ, không có tri thức về các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là về các quyền tự do, dân chủ mà họ xứng đáng được thụ hưởng. Vì thế, Hồ Chí Minh không chỉ coi giáo dục là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của chế độ mới, mà còn là sự khẳng định bản chất ưu việt hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa so với chế độ thực dân phong kiến.

Hai là, giáo dục được hiểu với ý nghĩa hẹp hơn là hoạt động hướng đến nhận thức của mỗi con người, nhằm bồi dưỡng, nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức công dân, đặc biệt là đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Với cách tiếp cận này, Người thường xuyên nhắc nhở các cấp ủy, chính quyền, ban, ngành chức năng cần chú trọng giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao tinh thần trách nhiệm, rèn luyện và thực hành đạo đức cách mạng, phòng và đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, đó là nguyên nhân của các căn bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí... Ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời ngày 3/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ lên án tội ác của chế độ thực dân (đầu độc rượu cồn và thuốc phiện với dân ta), mà còn nhấn mạnh rằng thực dân Pháp đã dùng mọi thủ đoạn hòng hủ hóa dân tộc ta

bằng những thói xấu như lười biếng, gian xảo, tham ô và những thói xấu khác. Từ đó, Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập. Tôi đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: CẦN, KIÊM, LIÊM, CHÍNH” [52, tr.7].

Trong một số trường hợp, Hồ Chí Minh nói về giáo dục thông qua các thuật ngữ như: trồng người, huấn luyện, đào tạo; trong đó có luận điểm nổi tiếng: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người” [61, tr.528]. Trong hội nghị toàn quốc lần thứ nhất về công tác huấn luyện và học tập, Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Phải thiết thực, chu đáo trong công tác huấn luyện” [56, tr.355], “Học lý luận không phải để nói mếp, nhưng biết lý luận mà không thực hành là lý luận suông” [56, tr.357]. Về trách nhiệm của các thầy giáo và mục đích ngành giáo dục, Hồ Chí Minh khẳng định: “Các thầy giáo có nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang là đào tạo cán bộ cho dân tộc” [57, tr.400].

Khi nghiên cứu về PP của Hồ Chí Minh, các học giả thường tập trung luận bàn về PP cách mạng. Tuy nhiên, từ hệ thống quan điểm cũng như từ hoạt động thực tế của Hồ Chí Minh, có thể thấy Người không chỉ quan tâm đến chính trị, kinh tế mà còn chú trọng những mặt khác của đời sống xã hội, đó là văn hóa, giáo dục. Ở mỗi lĩnh vực cụ thể, Người đều có những ý kiến, những chỉ dẫn riêng nhằm thực hiện mục tiêu cụ thể. “Phương pháp Hồ Chí Minh là phương pháp ở tầm tư tưởng, ở trong triết lý nhân sinh và hành động của Người” [3, tr.29]. Phương pháp Hồ Chí Minh là một hệ thống chỉnh thể, thống nhất hữu cơ giữa phương pháp nhận thức, phương pháp tư duy, phương pháp hành động [3] và phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh cũng là một phần trong hệ thống đó.

Từ đó, nghiên cứu sinh cho rằng, *phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh là một hệ thống cách thức và biện pháp tác động toàn diện đến nhận thức, tình cảm, thái độ và hành vi của người học. Thông qua các hoạt động giáo dục như: đối thoại, dân chủ; nêu gương; tự học và học suốt đời; thi đua gắn với khen thưởng; và giáo dục phù hợp với đặc điểm đối tượng, nhu cầu xã hội, nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nội dung và yêu cầu giáo dục trong những điều kiện cụ thể.*

Định nghĩa trên bước đầu làm rõ được: *Một là*, bản chất khoa học, nhân văn và thực tiễn của PPGD Hồ Chí Minh; *hai là*, nội dung PPGD của Hồ Chí Minh thể hiện ở các PP cụ thể; *ba là*, giá trị, ý nghĩa, sức sống lâu bền của PPGD Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận và thực tiễn để định hướng, đổi mới PPGD ở Việt Nam hiện nay, góp phần xây dựng con người phát triển toàn diện.

Từ định nghĩa trên, đặt ra yêu cầu cần làm rõ mối quan hệ giữa *phương châm giáo dục và phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh*.

Phương châm giáo dục Hồ Chí Minh là những nguyên lý cơ bản mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra để chỉ đạo xây dựng nền giáo dục cách mạng, phục vụ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước và phát triển con người mới. Đây là những tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt quá trình tổ chức và thực hiện hoạt động giáo dục, chi phối từ mục tiêu, nội dung đến phương thức tổ chức dạy học. Phương châm giáo dục Hồ Chí Minh không chỉ mang tính lý thuyết mà còn gắn liền với thực tiễn và yêu cầu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Phương châm giáo dục của Hồ Chí Minh không chỉ định hướng mục tiêu giáo dục mà còn đóng vai trò là nền tảng vững chắc cho việc hình thành PPGD phù hợp.

Mối quan hệ giữa phương châm và PPGD của Hồ Chí Minh chính là: Nếu phương châm đóng vai trò định hướng thì PP là cách thức cụ thể để hiện thực hóa nguyên lý trong thực tiễn. Ba đặc điểm nổi bật của phương châm giáo dục Hồ Chí Minh bao gồm: 1) *Giáo dục toàn diện*, Người nhấn mạnh

giáo dục không chỉ nhằm truyền thụ kiến thức mà còn để phát triển toàn diện con người về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần. Mục tiêu của giáo dục không chỉ là trang bị kiến thức mà còn là rèn luyện phẩm chất, tính cách và tư duy độc lập, nhằm giúp cá nhân thích nghi và đóng góp vào sự phát triển xã hội; 2) *Giáo dục gắn với thực tiễn*, Hồ Chí Minh cho rằng giáo dục phải gắn với cuộc sống thực tiễn, nhất là công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Kiến thức phải có khả năng ứng dụng trong thực tế, giúp học sinh hiểu rõ xã hội, phát triển kỹ năng sống và năng lực giải quyết vấn đề, từ đó hình thành phẩm chất của người công dân có trách nhiệm; 3) *Giáo dục nhân văn, phục vụ nhân dân*, Hồ Chí Minh đặt con người vào trung tâm của mọi hoạt động giáo dục. Giáo dục phải vì sự phát triển con người, là công cụ để hình thành phẩm hạnh, lòng nhân ái và tinh thần đoàn kết. Giáo dục phải phục vụ lợi ích của nhân dân, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Mối quan hệ giữa phương châm và PPGD của Hồ Chí Minh là mối quan hệ biện chứng, trong đó phương châm đóng vai trò định hướng, còn PP là phương tiện hiện thực hóa trong thực tế giáo dục. Hiểu đúng để khi vận dụng phương châm giáo dục của Hồ Chí Minh sẽ góp phần xây dựng nền giáo dục toàn diện, gắn với thực tiễn và vì con người, hướng tới sự phát triển bền vững của đất nước.

2.1.4. Vận dụng phương pháp của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên các trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội

- Vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, vận dụng là “mang một điều đã học, đã biết áp dụng vào thực tế một cách linh hoạt và thích hợp” [121, tr.1173]; theo *Albert Bandura*, trong lý thuyết học tập xã hội, nhấn mạnh vai trò của việc quan sát và mô phỏng hành vi của người khác trong quá trình học tập, thì *Vận dụng trong trường hợp này liên quan đến việc áp dụng những hành vi đã học được từ quan sát vào tình huống thực tế* [124]. Từ những quan điểm trên cho thấy vận dụng không chỉ đơn thuần là việc áp dụng kiến thức vào thực tế mà

còn bao gồm quá trình phản ánh, khái quát hóa và thử nghiệm trong các tình huống mới, góp phần vào việc học tập và phát triển kỹ năng một cách toàn diện. Từ đó, theo tác giả luận án: *Vận dụng được hiểu là việc áp dụng có chọn lọc và sáng tạo những nguyên lý, phương pháp, mô hình... vào một hoàn cảnh, đối tượng hoặc điều kiện cụ thể, nhằm đạt được mục tiêu đặt ra.*

Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh được thể hiện qua các hoạt động thực tiễn, lời dạy, bài viết, thư gửi học sinh, cán bộ giáo dục và những bài phát biểu tại các hội nghị, sự kiện lớn. Vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh không dừng ở việc tiếp thu các luận điểm giáo dục mang tính cốt lõi, mà còn là việc *chuyển hóa chúng thành nội dung, hình thức, PP vào môi trường giáo dục phù hợp với từng đối tượng cụ thể, từng bối cảnh xã hội.* Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay, việc vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, đặc biệt trong giáo dục đạo đức, nhân cách, trách nhiệm công dân cho sinh viên.

Vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh cần được thực hiện theo nguyên tắc có sự kế thừa, bổ sung và phù hợp với đối tượng cụ thể, bối cảnh cụ thể. Tức là, không máy móc sao chép PP cũ trong điều kiện mới, mà phải căn cứ vào: 1) Mục tiêu giáo dục hiện nay của Đảng và Nhà nước là hướng đến phát triển năng lực, phẩm chất của người học...; 2) Đặc điểm đối tượng giáo dục là sinh viên trong kỷ nguyên số, tiếp cận nhanh nhưng cũng dễ chịu ảnh hưởng tiêu cực từ mạng xã hội; 3) Bối cảnh thực tiễn của các trường đại học.

Từ đó tác giả luận án cho rằng: *Vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên các trường đại học là quá trình các cơ sở giáo dục đại học tổ chức, áp dụng một cách chủ động, linh hoạt, sáng tạo phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh như: đối thoại, dân chủ; nêu gương; khuyến khích tự học; thi đua gắn với khen thưởng; và giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu của xã hội, vào hoạt động dạy học, nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu, nội dung, yêu cầu giáo dục.*

Trường đại học tư thực.

Theo Điều 47, khoản c *Luật Giáo dục năm 2019* quy định: “Trường tư thực do nhà đầu tư trong nước hoặc nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động” [14]; Điều 7 của *Luật GDĐH* ghi: “Cơ sở giáo dục ĐHTT do nhà đầu tư trong nước hoặc nước ngoài đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động... Các loại hình cơ sở GDĐH bình đẳng trước pháp luật” [13].

Từ 2 điều khoản trên cho thấy đây là loại hình cơ sở giáo dục được thành lập từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, có thể đến từ cá nhân, tổ chức trong nước hoặc quốc tế. Điều này phản ánh chủ trương xã hội hóa và hội nhập giáo dục của Việt Nam, cho phép mở rộng hợp tác, thu hút nguồn lực đa dạng nhằm phát triển hệ thống giáo dục quốc dân. Các cơ sở giáo dục ĐHTT phải bảo đảm đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra, ĐNGV và năng lực quản lý. Mặc dù được thực hiện quyền tự chủ trong tổ chức và hoạt động giáo dục, đào tạo, nhưng các cơ sở giáo dục tư thực vẫn chịu sự quản lý của Nhà nước.

Như vậy, *trường ĐHTT là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, do tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân trong nước hoặc nước ngoài đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước, bảo đảm các điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật, được thực hiện quyền tự chủ trong tổ chức và hoạt động giáo dục, đào tạo, đồng thời chịu sự quản lý thống nhất của Nhà nước về giáo dục.*

Trong hệ thống GDĐH ở Việt Nam hiện nay, sự đồng hành giữa các trường đại học công lập và tư thực tạo nên một bức tranh đa dạng, năng động và phản ánh xu thế phát triển của nền giáo dục hiện đại. Tuy cùng hướng đến mục tiêu chung là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, song giữa hai loại hình trường đại học này vẫn tồn tại những khác biệt nhất định về vị trí, vai trò, sứ mệnh và các điều kiện đảm bảo hoạt động. PPGD của Hồ Chí Minh không chỉ là kim

chỉ nam cho nền giáo dục cách mạng Việt Nam mà còn có tính ứng dụng cao trong bối cảnh giáo dục hiện đại, nhất là trong các cơ sở giáo dục có tính chất tự chủ cao như ĐHTT.

Từ đó có thể quan niệm, *Vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên các trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội là quá trình các trường hay các cơ sở giáo dục trên cơ sở tự chủ và nguồn vốn ngoài ngân sách, chủ động, linh hoạt, sáng tạo áp dụng các phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh như: đối thoại và dân chủ; nêu gương; khuyến khích tự học; thi đua gắn với khen thưởng; và giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu của xã hội vào hoạt động dạy học và quản lý sinh viên, nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu, nội dung và yêu cầu giáo dục trong điều kiện đặc thù của giáo dục đại học tư thục.*

Việc vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong các trường ĐHTT đặt ra ba yêu cầu cơ bản như: *Thứ nhất*, tính chủ động và linh hoạt buộc các nhà quản lý giáo dục phải căn cứ vào đặc điểm của người học, điều kiện của cơ sở đào tạo để điều chỉnh cách thức giáo dục sao cho phù hợp, không rập khuôn máy móc. *Thứ hai*, tính sáng tạo trong môi trường giáo dục tư thục thường có xu hướng tiếp cận những mô hình tiên tiến, thúc đẩy tự học, học suốt đời và tích hợp công nghệ trong giảng dạy. *Thứ ba*, yếu tố phù hợp, tức là sự vận dụng không phải là sao chép nguyên mẫu PPGD của Hồ Chí Minh, mà là sự cụ thể hóa trong điều kiện mới, hoàn cảnh mới nhằm hướng đến mục tiêu của giáo dục.

- *Nâng cao hiệu quả giáo dục sinh viên các trường đại học tư thục.*

Theo *Từ điển Tiếng việt*, *Hiệu quả* là “kết quả như yêu cầu của việc làm mang lại” [121, tr 424]. Điều này có nghĩa là một hoạt động, được xem là có hiệu quả khi kết quả đạt được đúng với mục tiêu đặt ra, hiệu quả không chỉ phản ánh kết quả cuối cùng, mà còn hàm ý rằng kết quả đó phải phù hợp, tương xứng với kỳ vọng và mục đích của chủ thể thực hiện.

Hiệu quả giáo dục là mức độ mà quá trình giáo dục, với tư cách là hoạt động tác động có hệ thống nhằm truyền thụ tri thức, kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng, bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức và hình thành phẩm chất, năng lực cho người học, đạt được đúng các mục tiêu đề ra.

Nâng cao hiệu quả giáo dục là quá trình gia tăng chất lượng và kết quả giáo dục so với hiện trạng thông qua việc hoàn thiện nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và cơ chế quản lý giáo dục. Khái niệm này hàm ý không chỉ nâng cao mức độ đạt mục tiêu đào tạo mà còn tối ưu việc sử dụng các nguồn lực giáo dục, bảo đảm kết quả tốt hơn, toàn diện hơn và bền vững hơn.

Nâng cao hiệu quả giáo dục các trường đại học tư thục là quá trình cải thiện toàn diện chất lượng và kết quả giáo dục đối với sinh viên trong môi trường ĐHTT, nhằm bảo đảm sinh viên đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực nghề nghiệp theo mục tiêu đào tạo. Khái niệm này hàm ý việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực giáo dục trong điều kiện tự chủ và cạnh tranh của các trường tư thục, thông qua đổi mới chương trình, PP dạy học, cơ chế hỗ trợ học tập và quản trị giáo dục phù hợp với đặc điểm người học và yêu cầu của thị trường lao động.

2.2. NỘI DUNG, GIÁ TRỊ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH

2.2.1. Nội dung phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh

Qua hoạt động thực tiễn phong phú của bản thân, Hồ Chí Minh đưa ra những phương pháp giáo dục rất thiết thực và sinh động nhằm chuyển tải nội dung giáo dục, rèn luyện con người đạt hiệu quả tốt nhất.

Một là, phương pháp đối thoại, dân chủ trong giáo dục.

Trong tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh, dân chủ không chỉ là một nguyên tắc mà còn là một PP và môi trường cần thiết để nâng cao hiệu quả giáo dục. Theo Người, dân chủ trong giáo dục không đơn thuần là cho phép người học phát biểu ý kiến mà cao hơn đó là sự thừa nhận vai trò chủ thể tích cực, sự sáng tạo của người học trong toàn bộ quá trình nhận thức, từ đó hình

thành năng lực độc lập trong tư duy và có ý thức trách nhiệm xã hội. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mở ra thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc, thời kỳ xây dựng nền dân chủ mới, xây dựng Nhà nước dân chủ của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tinh thần dân chủ trong giáo dục được thể hiện rõ nét trong hoạt động học tập. Trong bài viết *Học tập không mỏi, cải tiến không ngừng*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ. Chúng ta học tập chính là để có đủ năng lực làm chủ, có đủ năng lực tổ chức cuộc sống mới - trước hết là tổ chức nền sản xuất mới” [62, tr.527].

Như vậy, Hồ Chí Minh nhấn mạnh trong chế độ mới, người lao động không còn là đối tượng bị bóc lột như trong xã hội cũ, mà đã trở thành chủ thể của đất nước, những người là chủ, làm chủ nước nhà. Đây là một quan điểm có tính cách mạng, phản ánh sự thay đổi căn bản về vị trí và vai trò của nhân dân lao động trong đời sống chính trị, xã hội. Quan điểm “muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ” cho thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh “làm chủ” không đơn thuần là quyền lực chính trị hay vị trí pháp lý, mà còn là trình độ và khả năng thực tế trong quản lý, tổ chức, vận hành đời sống xã hội, kinh tế, văn hóa. Người dân làm chủ không có nghĩa là ai cũng tự nhiên biết quản lý nhà máy, điều hành xã, huyện hay xây dựng chính sách, mà người làm chủ đòi hỏi phải có kiến thức, kỹ năng, thái độ chính trị, ý thức trách nhiệm và kỷ luật. Đó là những điều chỉ có thể đạt được thông qua quá trình học tập, rèn luyện không ngừng.

Hồ Chí Minh xác định dân chủ là yếu tố không thể thiếu *trong tổ chức, vận hành một đơn vị giáo dục và dân chủ trong hoạt động quản lý* trường học rất quan trọng. Vì vậy, Người căn dặn:

Phải bàn bạc dân chủ. Có công việc gì, ban phụ trách trường bàn bạc với anh em, làm cho tư tưởng mọi người thông suốt, động viên mọi người cùng làm, chứ không nên ban phụ trách định kế hoạch rồi bắt mọi người làm [63, tr.346].

Theo Người, để quản lý hiệu quả một ngôi trường, ban lãnh đạo không thể chỉ đưa ra mệnh lệnh, áp đặt kế hoạch từ trên xuống, mà cần phải bàn bạc dân chủ với cán bộ, giáo viên. Điều đó không chỉ thể hiện sự tôn trọng trí tuệ tập thể mà còn là cách thức để phát huy nội lực, khơi dậy tinh thần trách nhiệm, đồng thuận và sự chủ động từ mỗi cá nhân trong nhà trường. Khi mọi người đều được tham gia vào quá trình xây dựng kế hoạch, được giải thích rõ ràng mục tiêu và cách thực hiện, thì họ sẽ hiểu, tin và hành động với tinh thần tự giác, tích cực.

Hồ Chí Minh cũng đặc biệt nhấn mạnh vai trò của sự "thông suốt tư tưởng" trong hoạt động quản lý. Theo Người, quản lý không chỉ là tổ chức thực hiện các nhiệm vụ hành chính, mà còn là quá trình lãnh đạo tư tưởng. Bởi vậy, trước mỗi công việc, lãnh đạo nhà trường phải làm rõ nội dung, mục tiêu, ý nghĩa để tập thể hiểu, đồng thuận, tạo nên sự thống nhất trong tư tưởng và hành động. Có như vậy, quá trình triển khai mới đạt hiệu quả cao, hạn chế được tâm lý đối phó, bị động hoặc phản ứng tiêu cực. Dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh - vì thế không chỉ là hình thức lấy ý kiến, mà còn là một PPGD tư tưởng và tổ chức hành động, đảm bảo sự thống nhất giữa mục tiêu chung và lợi ích cá nhân.

Phương pháp dân chủ trong giáo dục của Hồ Chí Minh biểu hiện trong *mối quan hệ giữa thầy và trò*. Người chỉ dẫn: “Phương pháp giáo dục thì theo nguyên tắc tự nguyện tự giác, giải thích, bàn bạc, thuyết phục, chứ không gò bó” [60, tr.379]. Quan hệ thầy, trò trong giáo dục không phải là mối quan hệ một chiều, thầy áp đặt và trò thụ động tiếp thu mà là quá trình trao đổi, cùng tìm ra chân lý trên cơ sở tôn trọng, bình đẳng. Người thầy đóng vai trò định hướng, dẫn dắt, khơi gợi tư duy độc lập cho người học còn người học là chủ thể tích cực, có quyền nêu ý kiến, đặt câu hỏi, thảo luận, phản biện để mở rộng tri thức. Dân chủ giữa thầy và trò không chỉ giúp nâng cao hiệu quả dạy và học mà còn hình thành ở người học năng lực tư duy phản biện, tinh thần trách nhiệm và ý thức làm chủ bản thân.

Thực hành dân chủ trong hoạt động giáo dục là điều kiện căn bản để thực hiện tốt phương pháp đối thoại. Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến trong quá trình giáo dục, đặc biệt là trong quá trình dạy và học ở các nhà trường. Phương pháp này được sử dụng cả trong quá trình dạy học và trong các buổi thảo luận, hội họp, bởi:

Trong lúc thảo luận, mọi người được hoàn toàn tự do phát biểu ý kiến, dù đúng hoặc không đúng cũng vậy. Song không được nói gàn, nói vòng quanh. Những kết luận trong cuộc thảo luận phải có cấp trên duyệt y mới là chính thức [55, tr.272].

Điều này thể hiện quan điểm dân chủ, thẳng thắn không nhồi sọ, đúc khuôn để đến với tự do tư tưởng trong nhận thức. Mọi người trong chế độ dân chủ được tự do trình bày ý kiến và tìm kiếm chân lý, cho nên: “Trong trường, cần có dân chủ. Đối với mọi vấn đề, thầy và trò cùng nhau thảo luận, ai có ý kiến gì đều thật thà phát biểu. Điều gì chưa thông suốt, thì hỏi, bàn cho thông suốt” [59, tr.266]. Điều này có ý nghĩa là, Hồ Chí Minh đề cao việc trao đổi thẳng thắn, chân thành trong thảo luận học thuật, bởi đó là con đường để làm sáng tỏ nhận thức, khơi dậy tinh thần học tập chủ động và trách nhiệm của người học. Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh vai trò của thầy giáo không chỉ là người giảng dạy mà còn là người cùng học trò tìm kiếm chân lý, cùng giải quyết những vấn đề còn chưa rõ.

Trong PP đối thoại, người thầy cũng cần rèn luyện cho mình kỹ năng truyền đạt lôi cuốn và dễ hiểu. Theo Hồ Chí Minh: “Nói cũng phải học, mà phải chịu khó học mới được. Vì cách nói của dân chúng rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực, mà lại rất giản đơn. Anh em đi tuyên truyền chưa học được cách nói đó, cho nên khi viết, khi nói, khô khan, cứng nhắc, không hoạt bát, không thiết thực” [55, tr.341].

Do đó, người thầy phải biết cách dùng từ sao cho giản dị, dễ hiểu, dễ nhớ nhưng vẫn phong trong sáng, ý tưởng phong phú sâu sắc. Sự cuốn hút của phong cách diễn đạt là nhân tố hàng đầu của người thuyết giảng, trong đó có

nhà giáo, nhà lãnh đạo và nhà quản lý xã hội. Ngược lại, Người phê phán lối nói “cứng nhắc, khô khan, không thiết thực”, vốn là biểu hiện của tư duy hành chính hóa, xa rời thực tế, không hấp dẫn được người nghe. Từ đó, Người đưa ra yêu cầu đối với những người làm công tác tư tưởng, giảng dạy: muốn tuyên truyền, giáo dục hay lãnh đạo quần chúng hiệu quả thì phải chịu khó học, học từ nhân dân, học cách nói giản dị mà sâu sắc, thực tiễn mà dễ hiểu. Đây là nội dung thể hiện quan điểm sâu sắc của Người về PP đối thoại trong giáo dục, gắn lý luận với thực tiễn, lấy quần chúng làm trung tâm trong mọi hoạt động tuyên truyền và đào tạo.

Sau khi Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời và nền giáo dục mới được thiết lập, trong đội ngũ một số giáo viên, cán bộ vẫn còn tồn tại tư tưởng khoa trương chữ nghĩa, lạm dụng từ Hán - Việt, thậm chí sử dụng không đúng nghĩa. Trước thực trạng đó, Hồ Chí Minh đã kịp thời uốn nắn, sửa chữa và chỉ rõ rằng việc mượn từ ngữ ngoại lai là không cần thiết. Người dạy:

Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp. Của mình có mà không dùng, lại đi mượn của nước ngoài, đó chẳng phải là đầu óc quen ỷ lại hay sao? [63, tr.246].

Theo Hồ Chí Minh, mục đích của việc dùng câu chữ là làm cho người học hiểu, vì vậy, cách viết phải ngắn gọn, súc tích, tránh lối diễn đạt dài dòng, rườm rà. Người đã phê phán lối viết ấy và nhấn mạnh: “Trước hết là cần phải tránh cái lối viết “rau muống” nghĩa là lằng nhằng “trường giang đại hải”, làm cho người xem như là “chất chặt vào rừng xanh” [58, tr.207]. Không chỉ phê phán, Hồ Chí Minh còn nêu gương bằng chính thực tiễn và diễn đạt của mình. Người đã sử dụng những hình ảnh, điển tích trong Truyện Kiều, một kiệt tác trong kho tàng văn hóa Việt Nam trong những tác phẩm của mình, nhất là khi nói chuyện với quần chúng nhân dân để làm cho các bài nói, bài viết của Người vốn đã giản dị, dễ hiểu lại còn mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam

nên càng gần gũi, có sức lôi cuốn, cảm hóa mạnh mẽ. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng thường vận dụng kho tàng, ngôn ngữ, ca dao, tục ngữ của dân tộc trong các bài viết và bài nói; trong đó có thể kể đến các bài thơ vận động cách mạng như Lịch sử Việt Nam, bài ca sợi chỉ, con cáo và tổ ong...

Từ những phân tích trên, có thể thấy PP dân chủ trong giáo dục của Hồ Chí Minh không chỉ dừng ở quyền được nói, được phát biểu, mà cao hơn nữa là sự thừa nhận và phát huy vai trò chủ thể sáng tạo của người học trong toàn bộ quá trình giáo dục. Tư tưởng này của Người, nhất là PP đối thoại trong giáo dục và việc sử dụng ngôn ngữ giản dị, đậm đà bản sắc dân tộc không chỉ được triển khai sâu sắc trong công tác quản lý nhà trường, mà còn được thể hiện rõ qua việc đề cao vai trò của ngôn ngữ dân gian, khuyến khích sự trao đổi thẳng thắn và thực hành dân chủ trong giảng dạy. Hồ Chí Minh đã đặt nền móng cho một nền giáo dục phát triển toàn diện, vừa khai phóng tư duy, vừa nuôi dưỡng đạo đức, từ đó bồi đắp năng lực làm chủ cho mỗi cá nhân trong chế độ xã hội mới.

Hai là, phương pháp nêu gương trong giáo dục.

Mục đích của giáo dục không chỉ là truyền tải tri thức mà còn là hình thành nhân cách, đạo đức ở mỗi con người. Do đó, một trong những PPGD có hiệu quả chính là PP nêu gương. Vì thế, Hồ Chí Minh khẳng định: “Lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới” [65, tr.672]. Với tư duy biện chứng, Hồ Chí Minh không xem nêu gương là hoạt động một chiều từ người dạy đến người học, mà là *quá trình hai chiều, vừa “nêu” vừa “noi”*. Trước mỗi tấm gương người tốt việc tốt, Người nhắc nhở mọi người cần trân trọng lắng nghe, tìm hiểu và suy ngẫm các gương tốt, ý hay của người khác, nhất là của nhân dân: “Dân rất thông minh. Quần chúng kinh nghiệm, sáng kiến rất nhiều. Chỉ cần mình có biết học hay biết lợi dụng mà thôi” [58, tr.101]. Muốn làm được như vậy, phải chú ý phát hiện, xây dựng những điển hình “người tốt, việc tốt” rất

gần gũi trong đời thường, trong các lĩnh vực lao động, sản xuất, chiến đấu, học tập, nghiên cứu... Tư tưởng này thể hiện rõ nguyên tắc giáo dục của Hồ Chí Minh về việc bồi dưỡng, phát hiện và nhân rộng các tấm gương người tốt, việc tốt trong đời sống xã hội. Đặc biệt, trong môi trường giáo dục, tư tưởng này càng trở nên thiết thực và có sức lan tỏa mạnh mẽ. Bởi lẽ, trong trường học, những tấm gương điển hình, tiêu biểu không ở đâu xa, mà đó chính là sự tận tụy, mẫu mực của các thầy cô giáo và từ người học có đạo đức tốt, tinh thần cầu tiến, ý thức trách nhiệm cao: “lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn” [65, tr.665].

Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh phương châm “nói đi đôi với làm” như một yêu cầu cốt lõi trong PPGD nêu gương, bởi nó thể hiện sự thống nhất giữa lời nói và hành động, yếu tố quyết định sức thuyết phục, hiệu quả giáo dục. Theo Người, nêu gương không thể chỉ dừng lại ở lời nói hay tuyên truyền chung chung, mà phải được thể hiện bằng hành động cụ thể, thiết thực trong đời sống hằng ngày. Sự khẳng định: “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” [51, tr.284] của Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện quan điểm giáo dục sâu sắc, mà còn là nguyên tắc rèn luyện đạo đức cho người làm công tác giáo dục. Trong môi trường giáo dục, nếu lời nói của người thầy không đi đôi với hành động, nói một đằng làm một nẻo thì không những không có tác dụng giáo dục, mà còn làm mất niềm tin của người học và quần chúng. Vì vậy, giá trị của tấm gương trong giáo dục chính là ở tính chân thực, sự thống nhất giữa lời nói và việc làm, giữa tư tưởng và hành vi, từ đó mới có khả năng cảm hóa, lan tỏa và tạo nên sự thay đổi bền vững trong nhận thức và hành động của người được giáo dục.

Hồ Chí Minh nhắc nhở mọi người học tập theo tấm gương người khác, đồng thời cũng tự phấn đấu để mình cũng trở thành một tấm gương. Tức là, nói điều gì thì phải làm ngay, làm trước, làm nhiều hơn. Tư tưởng này khi áp dụng vào công việc giáo dục, đòi hỏi nhà giáo dục phải đi tiên phong trong công tác nêu gương. Bởi vì, nhà giáo dục là người dạy người khác, muốn dạy

được người khác bản thân mình phải là tấm gương. Mọi hành vi của các thầy cô đều có ảnh hưởng rất lớn đến việc giáo dục người học đúng như Người nhận định: “Học trò tốt hay xấu là do thầy giáo, cô giáo tốt hay xấu” [62, tr.269]. Các thầy cô giáo cần nhận thức rõ trách nhiệm của mình, nắm vững tâm lý này để điều chỉnh hành vi hằng ngày và rèn luyện mình cho tốt. Vì thế, trong công tác giáo dục, muốn đạt kết quả tốt thì các nhà giáo dục phải thường xuyên kết hợp nhuần nhuyễn PP nêu gương cùng các PPGD khác; không nên tuyệt đối hóa và xem nêu gương như PP có sức mạnh toàn năng.

Như vậy, PP nêu gương trong giáo dục của Hồ Chí Minh mang tính nhân văn, khoa học và thực tiễn sâu sắc, đó là sự kết hợp giữa phương châm giáo dục “nói đi đôi với làm”, giữa nguyên tắc giáo dục “nêu” và “noi” và biện chứng trong mối quan hệ giữa giáo dục người khác và tự giáo dục bản thân.

Ba là, phương pháp tự học, giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, PP tự học, giáo dục thường xuyên và học tập suốt đời là một trục xuyên suốt trong toàn bộ quá trình giáo dục con người. Theo Hồ Chí Minh:

Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân [60, tr.377].

Quan điểm này thể hiện sâu sắc tinh thần tự học không ngừng nghỉ của Hồ Chí Minh, đó là một phẩm chất xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Trước hết, Người khẳng định rằng “*học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời*”, từ đó cho thấy việc học không chỉ giới hạn trong nhà trường hay một giai đoạn nhất định, mà là một quá trình suốt đời, gắn liền với sự trưởng thành của mỗi cá nhân trong hành trình cách mạng và phát triển bản thân. Bản thân Hồ Chí Minh là tấm gương về học tập suốt đời, dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, thời gian nào Người cũng kiên trì, bền bỉ học hỏi:

Tôi năm nay 71 tuổi, ngày nào cũng phải học. Việc lớn, việc nhỏ, tôi phải tham gia. Công việc cứ tiến mãi. Không học thì không theo kịp, công việc nó sẽ gạt mình lại phía sau [63, tr.273].

Hồ Chí Minh không chỉ học từ sách vở mà còn học từ thực tiễn, từ nhân dân, từ bạn bè quốc tế. Quan điểm “*phải gắn liền lý luận với công tác thực tế*” thể hiện rõ quan niệm học đi đôi với hành, lý luận không có giá trị nếu tách rời khỏi thực tiễn, còn hành động mà không có lý luận dẫn đường thì dễ rơi vào chủ quan, máy móc. Điều này cũng phản ánh mối quan hệ biện chứng trong tư duy giáo dục của Người. Đặc biệt, Hồ Chí Minh luôn đề cao tính khiêm tốn trong học tập. Người khuyến cáo không ai nên tự mãn rằng mình “*đã biết đủ rồi, biết hết rồi*”, bởi sự phát triển của tri thức và xã hội là vô hạn. Trong bối cảnh “*thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ*”, nếu cán bộ, đảng viên không tiếp tục học tập thì sẽ bị tụt hậu và không đáp ứng được yêu cầu của cách mạng. Từ đó, Người nhấn mạnh đến tính cấp thiết của “*học và hành để tiến bộ kịp nhân dân*”, thể hiện tinh thần phục vụ, coi sự tiến bộ của bản thân là một phần tất yếu để phụng sự nhân dân tốt hơn.

Hồ Chí Minh chia sẻ, học tập là việc khó khăn nhưng “*có quyết tâm thì nhất định học được*” [63, tr.153]. Thực tế chứng minh, khi người học có ý thức tự nguyện học tập nghĩa là nhận thức được học cho mình, học để nâng cao trình độ nhận thức và hoàn thiện bản thân, sẽ tránh được lối học vẹt, học gạo. Chính bởi có tư tưởng tự nguyện, nên người học sẽ tự giác chủ động trong tìm tòi, khám phá kiến thức bằng tinh thần say mê, cầu tiến bộ. Muốn làm được điều đó, theo Hồ Chí Minh, trước hết người thầy cần tìm ra PPGD phù hợp, kích thích tính ham học hỏi của người học.

Tự học còn thể hiện ở thái độ hiếu học, khiêm tốn, cầu tiến bộ; ở ý thức chủ động và tinh thần tự học không biết mệt mỏi, học suốt đời, học ở khắp mọi nơi, mọi đối tượng và bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng người. Tự học để nắm được kho tàng

tri thức của nhân loại làm giàu tri thức của mình, biến tri thức thành niềm tin và hành động cụ thể trong cuộc sống hằng ngày. Quan điểm: “Lấy tự học làm cốt. Do thảo luận và chỉ đạo giúp vào” [55, tr.312], thể hiện tư tưởng giáo dục cốt lõi của Hồ Chí Minh, đề cao vai trò chủ động của người học trong quá trình tiếp thu tri thức. Theo Người, việc học muốn hiệu quả thì không thể chỉ trông chờ vào thầy cô giảng dạy hay tập thể hỗ trợ, mà trước hết, chính mỗi cá nhân phải tự giác, chủ động học tập. Cái “cốt” là tự học, tức là yếu tố quyết định thành công trong quá trình nhận thức. Còn thảo luận (tập thể) và chỉ đạo (của thầy cô, tổ chức) chỉ đóng vai trò hỗ trợ, bổ sung và định hướng. Tư tưởng này không chỉ là lời khuyên mà còn là một PPGD mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh. Người từng nhiều lần nhấn mạnh, học là quá trình lâu dài, đòi hỏi sự kiên trì và nỗ lực từ bản thân người học. Đặc biệt, năm 1950, trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang diễn ra ác liệt, Hồ Chí Minh vẫn dành sự quan tâm sâu sắc đến việc giáo dục, đào tạo cán bộ và nhấn mạnh rằng việc tự học cần được nâng cao và hướng dẫn cụ thể. Điều này cho thấy, Người không đồng nhất tự học với sự tự phát hay tùy hứng, mà ngược lại, tự học phải là quá trình có tổ chức, có định hướng và có môi trường hỗ trợ; trong đó cần sự đồng hành của tập thể và sự quản lý, hướng dẫn của người thầy. Ba yếu tố: *tự học*, *thảo luận*, *chỉ đạo* là một PPGD mang tính mở, đặt người học ở vị trí trung tâm, nhưng không tách khỏi môi trường cộng đồng và trách nhiệm của người hướng dẫn/người thầy.

Phương pháp tự học của Hồ Chí Minh có thể quy thành năm vấn đề cơ bản:

Thứ nhất, trong việc tự học điều quan trọng hàng đầu là xác định rõ mục đích và xây dựng động cơ học tập đúng đắn. Việc học không phải để “làm quan”, “lấy danh”, mà là để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng, để tự cải tạo bản thân. Người từng nói: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại. Muốn đạt mục đích, thì phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư” [56, tr.208].

Tư tưởng này khẳng định học tập không phải là hoạt động vô thức hay hình thức, mà là hành trình tự giác và có định hướng rõ ràng, gắn với lý tưởng cách mạng, đạo đức cá nhân và trách nhiệm xã hội.

Thứ hai, Hồ Chí Minh coi tự học là một quá trình lao động nghiêm túc, đòi hỏi tinh thần chủ động, độc lập và sáng tạo. Theo Người, không chỉ học trong nhà trường, mà học từ nhân dân, từ thực tiễn, từ sách báo, từ bạn bè quốc tế “cho nên, người cách mạng muốn tự cải tạo, thì một mặt phải thiết thực tham gia công tác cách mạng. Đồng thời, phải tự mình cố gắng, do công tác thiết thực của mình và của người mà tu dưỡng và học tập” [56, tr.295].

Thứ ba, muốn tự học thành công, phải có kế hoạch sắp xếp thời gian học tập, phải bền bỉ, kiên trì thực hiện kế hoạch đến cùng, không lùi bước trước mọi trở ngại. Một trong những yếu tố then chốt để tự học đạt hiệu quả trong tư tưởng Hồ Chí Minh là phải có kế hoạch và sự kiên trì bền bỉ. Theo Người, học tập không thể diễn ra một cách ngẫu nhiên, tùy hứng, mà phải dựa trên sự sắp xếp hợp lý về thời gian, không gian và phương pháp. Người học phải biết đặt ra mục tiêu cụ thể, xây dựng kế hoạch từng bước và kiên quyết theo đuổi đến cùng. Đây chính là biểu hiện rõ nét của tinh thần kỷ luật tự thân, một phẩm chất thiết yếu trong quá trình học tập và rèn luyện bản thân. Trong thực tiễn cuộc đời, Hồ Chí Minh là một tấm gương tiêu biểu về ý chí học tập bền bỉ trong mọi hoàn cảnh, kể cả lúc khó khăn, gian khổ nhất. Khi hoạt động ở nước ngoài trong điều kiện thiếu thốn, Người vẫn duy trì thói quen học ngoại ngữ vào ban đêm, đọc sách báo bằng nhiều thứ tiếng, viết bài cho báo chí cách mạng...

Thứ tư, phải tận dụng hoàn cảnh, mọi phương tiện, mọi hình thức để tự học. Một trong những biểu hiện đặc sắc trong tư tưởng tự học của Hồ Chí Minh là tính linh hoạt, sáng tạo và tận dụng tối đa các điều kiện học tập sẵn có, dù là nhỏ nhất, vì tri thức không chỉ có trong sách vở hay giảng đường, mà hiện diện khắp nơi trong cuộc sống, nếu người học có thái độ đúng và PP phù hợp. Thực tế, trong suốt hành trình hoạt động cách mạng, dù phải làm nhiều

nghề lao động chân tay như rửa bát, làm bồi bàn, quét tuyết... Người vẫn không ngừng học tập, nhất là học ngoại ngữ: tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nga... Trong một lần chia sẻ với cán bộ, Người từng nói: “Muốn tiến bộ mãi thì phải học tập. Học trong sách báo, học trong công tác, học với anh em, học hỏi quần chúng. Học tập để phát triển ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm” [58, tr.143].

Thứ năm, tự học đến đâu ra sức thực hành đến đó, là PPGD hữu hiệu, vì thế, Hồ Chí Minh khẳng định: “Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là lý luận suông. Dù xem được hàng ngàn hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách” [55, tr.274].

Như vậy, phương pháp tự học, giáo dục thường xuyên và học tập suốt đời của Hồ Chí Minh thể hiện quan điểm tiến bộ, coi trọng vai trò chủ động, tự giác của người học trong suốt quá trình rèn luyện.

Bốn là, phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu của người học và xã hội.

Giáo dục phù hợp với đối tượng người học, Hồ Chí Minh coi người học là trung tâm của quá trình giáo dục và PP giảng dạy phải phù hợp với trình độ, đặc điểm tâm, sinh lý, hoàn cảnh và khả năng tiếp thu của người học. Người căn dặn: “Cách dạy phải nhẹ nhàng và vui vẻ, chớ gò ép thiếu nhi vào khuôn khổ của người lớn. Phải đặc biệt chú ý giữ gìn sức khỏe của các cháu” [60, tr.186].

Điều này thể hiện rõ nguyên tắc giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý lứa tuổi, tránh áp đặt hoặc nhồi nhét, đồng thời tạo môi trường học tập tích cực, giúp trẻ phát triển tự nhiên cả về thể chất và tinh thần. Hồ Chí Minh cũng lưu ý đến vấn đề sức khỏe và vui chơi, cho thấy PPGD ở bậc tiểu học cần đặt trong tổng thể các điều kiện phát triển thực tế của trẻ em, không thể tách rời khỏi cuộc sống hằng ngày và nhu cầu phát triển toàn diện.

Với trung học, Người yêu cầu đảm bảo cho học sinh nắm vững “tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực”, đồng thời loại bỏ những phần “không cần thiết cho đời sống thực tế”. Người căn dặn: “*Trung học* thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế” [60, tr.186].

Đây là minh chứng cho PPGD tập trung vào nhu cầu thực tiễn, tránh hình thức, giáo điều. Giáo dục trung học, theo Hồ Chí Minh, phải làm nền tảng để thanh niên có thể tiếp tục học nghề, học chuyên môn hoặc tham gia xây dựng đất nước, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong giai đoạn đầu của công cuộc kháng chiến và kiến quốc.

Đặc biệt, đối với giáo dục đại học, Hồ Chí Minh khẳng định rõ: “*Đại học* thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà” [60, tr.186]. Theo Hồ Chí Minh PPGD ở bậc đại học *trước hết phải phù hợp với trình độ nhận thức* của sinh viên đại học. Người cho rằng sinh viên là đối tượng có năng lực tư duy trừu tượng và khả năng khái quát khoa học, vì vậy PPDH phải phát huy tính chủ động, sáng tạo, rèn luyện năng lực tư duy lý luận gắn với thực tiễn, bởi nếu chỉ học lý thuyết suông sẽ “rơi vào giáo điều, xa rời đời sống, không giúp ích gì cho nhân dân”. PPGD cần bảo đảm người học không chỉ “biết” mà còn “làm được”, “giải quyết được vấn đề thực tiễn”; *thứ hai* PPGD còn *phù hợp với vai trò xã hội và trách nhiệm* của sinh viên, đào tạo để trở thành lực lượng lao động, sáng tạo và lãnh đạo tương lai của đất nước; *thứ ba* PPGD cần *phù hợp với điều kiện lịch sử và yêu cầu của thời đại*, “ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn” với “thực tiễn của nước ta”. Như vậy, PPGD của Hồ Chí Minh ở bậc đại học là sự kết hợp hài hòa giữa lý luận và thực hành, giữa tri thức và hành động, giữa học để phát triển bản thân và

học để cống hiến cho đất nước, phản ánh sâu sắc tinh thần giáo dục vì con người, vì dân tộc, vì tương lai đất nước.

Một trong những nội dung nổi bật trong PPGD của Hồ Chí Minh là yêu cầu *giáo dục cần gắn liền với sự nghiệp cách mạng, phù hợp với điều kiện và nhu cầu phát triển của xã hội*, không tách rời thực tiễn đất nước. Trong bài *Hội nghị giáo dục toàn quốc*, Người viết: “Chúng ta phải sửa đổi cách dạy cho hợp với sự đào tạo nhân tài kháng chiến và kiến quốc” [55, tr 575]. Đây vừa là phương châm vừa là PPGD, nhấn mạnh rằng mọi hoạt động dạy và học đều phải đặt trong mối quan hệ hữu cơ với nhu cầu phát triển của xã hội và của đất nước trong từng giai đoạn. Vì vậy, “sửa đổi cách dạy” theo Hồ Chí Minh không chỉ là thay đổi hình thức hay PP truyền đạt, mà là điều chỉnh toàn diện nội dung, mục tiêu và phương hướng giáo dục để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cách mạng.

Từ yêu cầu sửa đổi cách dạy cho phù hợp với sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh rằng giáo dục phải chú trọng chất lượng hơn số lượng. Người phê phán: “Khuyết điểm chung là tham làm nhiều mà làm không chu đáo, không biết “quý hồ tinh, bất quý hồ đa” [56, tr.362]. Chẳng hạn việc mở lớp quá đông: “Đông quá thì dạy và học ít kết quả vì trình độ lý luận của người học chênh lệch, nên thu nhận không đều. Trình độ công tác thực tế của người học cũng khác nhau, nên chương trình không sát” [56, tr.362]. Qua những nhận định này, có thể thấy Người đặc biệt coi trọng chất lượng trong giáo dục, đồng thời phê phán thái độ hình thức, chạy theo số lượng mà bỏ qua chiều sâu và hiệu quả thực chất của quá trình giáo dục. Theo Người, giáo dục gắn với hoàn cảnh cụ thể, điều kiện cụ thể, nếu không rất dễ rơi vào tình trạng dạy mà không đạt, học mà không tiếp thu, chương trình không sát, PP không hiệu quả. Do đó, PPGD của Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc “dạy sát, học sát”, phải biết lấy người học làm trung tâm, điều chỉnh nội dung và hình thức tổ chức phù hợp, qua đó mới có thể nâng cao được chất lượng giáo dục một cách thực chất.

Tư tưởng giáo dục phù hợp với nhu cầu xã hội của Hồ Chí Minh còn thể hiện trong quan điểm về mục tiêu học tập và định hướng nghề nghiệp. Trong *Thư gửi các cháu lưu học sinh tại Liên Xô* (1955), Người viết:

Các cháu học kỹ thuật và học tiếng Nga cần nhận rõ mình học cốt để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Học ngành nào cũng cần phải căn cứ vào nhu cầu của Tổ quốc, của nhân dân mà định, không thể tùy theo sở thích riêng của mình [60, tr.48].

Quan điểm này phản ánh rõ tinh thần trách nhiệm xã hội trong học tập, học để phục vụ đất nước, chứ không học để thỏa mãn cá nhân. Đây chính là nguyên tắc giáo dục gắn liền với mục tiêu phát triển của dân tộc.

Theo Hồ Chí Minh: “Mỗi người chúng ta đều phải nhận trách nhiệm góp phần vào việc giáo dục. Do đó, cần phải liên hệ chặt chẽ việc giáo dục giữa nhà trường với gia đình, với xã hội; giữa nhà trường với các đoàn thể - trước hết là đoàn thể thanh niên” [63, tr.195]. Người cho rằng giáo dục không phải là công việc riêng của nhà trường, mà là sự nghiệp của toàn dân, nơi mỗi chủ thể trong xã hội đều có vai trò và trách nhiệm đối với việc hình thành, phát triển nhân cách con người. Gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên, nuôi dưỡng và hình thành nền tảng đạo đức, lối sống của con người; nhà trường là nơi truyền thụ tri thức và rèn luyện năng lực tư duy; còn xã hội và các đoàn thể, đặc biệt là Đoàn Thanh niên, là môi trường thực hành, trải nghiệm và giáo dục lý tưởng cách mạng. Sự kết hợp chặt chẽ giữa ba môi trường này trong giáo dục đã chuyển hóa phương châm, nguyên tắc giáo dục phù hợp với đối tượng, nhu cầu và điều kiện của xã hội trở thành PPGD hiệu quả, thống nhất giữa “dạy chữ, dạy người và dạy nghề”.

Năm là, phương pháp thi đua, gắn giáo dục với khen thưởng.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thi đua là một nguyên tắc khách quan của xã hội mới, là biểu hiện sinh động của tinh thần yêu nước, của ý chí vươn lên và khát vọng cống hiến. Người khẳng định: “*Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Và những người thi đua là những người yêu nước nhất*” [57,

tr.407]. Trong lĩnh vực giáo dục, thi đua không chỉ là một phong trào mà còn là một PPGD và rèn luyện, phát triển con người toàn diện. Người từng nhấn mạnh: *“Dù khó khăn đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt và học tốt”* [65, tr.507]. Thi đua vì thế trở thành động lực tinh thần thúc đẩy người thầy và người học không ngừng nỗ lực, vượt qua thử thách để đạt kết quả cao hơn, tiến bộ hơn.

Ở *khía cạnh quản lý và tổ chức*, Hồ Chí Minh coi thi đua là PP phát huy sức mạnh của tập thể, tạo nên bầu không khí làm việc, học tập tích cực, kỷ luật và đoàn kết. Người cho rằng, thi đua không phải là cạnh tranh cá nhân mà là một cách tổ chức lao động có lợi cho tập thể, cho Nhà nước, cho nhân dân: *“Thi đua không phải là tranh đua, không phải là giấu nghề. Trái lại, trong thi đua, bà con phải giúp đỡ nhau, khuyến khích lẫn nhau, trao đổi kinh nghiệm cho nhau để cùng tiến bộ”* [61, tr.511].

Trong môi trường giáo dục, thi đua dạy tốt, học tốt chính là hình thức tổ chức khoa học để huy động sức mạnh trí tuệ và tinh thần của thầy và trò, giúp nhà trường ngày càng tiến bộ. Khi mỗi cá nhân đều mang hết khả năng của mình để hoàn thành nhiệm vụ, sức mạnh tập thể được nhân lên gấp bội, tạo nên hiệu quả vượt trội trong dạy và học. Vì thế, Người khuyên thầy cô giáo *“thi đua dạy tốt”*, các cháu học sinh: *“thi đua học tập, thi đua trong mọi việc để trở nên những nhi đồng có tổ chức, có kỷ luật, có sáng kiến, có lực lượng”* [59, tr.498].

Hồ Chí Minh coi *thi đua là môi trường rèn luyện đạo đức, ý chí và tinh thần sáng tạo*. Người chỉ rõ: *“Muốn thi đua có kết quả tốt, thì đầu óc cần phải suy nghĩ tìm tòi, cũng như tay chân phải cần cù nhanh nhẹn”* [59, tr.384]. Qua thi đua, người học không chỉ nỗ lực đạt thành tích mà còn biết tự soi, tự sửa, học hỏi lẫn nhau để hoàn thiện bản thân. Thi đua trong giáo dục không hướng tới hơn thua, mà nhằm khơi dậy tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm và khát vọng vươn lên. Vì thế, Hồ Chí Minh khuyên mọi người đều gắng sức thi đua nhưng phải thật sự tôn trọng lẫn nhau, gắn bó giúp đỡ nhau cùng tiến

bộ: “Thi đua phải đoàn kết, đoàn kết để thi đua” [61, tr.511]. Thi đua chỉ có giá trị khi xuất phát từ lòng nhiệt tình, sự tự nguyện và niềm tin vào mục tiêu chung, chứ không phải là hình thức gượng ép hay chạy theo thành tích. Thi đua trong giáo dục theo tư tưởng Hồ Chí Minh do đó vừa là mục tiêu, vừa là PP góp phần hình thành những con người mới, có tri thức, đạo đức, năng lực và tinh thần cống hiến cho Tổ quốc.

Hồ Chí Minh quan niệm rằng thi đua là yêu nước, là phương tiện quan trọng để khơi dậy nội lực và khát vọng vươn lên trong mỗi con người. Tuy nhiên, để phong trào thi đua trở thành hành động tự giác, có chiều sâu và sức sống bền bỉ, *cần gắn liền với việc khen thưởng một cách đúng lúc, đúng người và đúng việc*. Người nhấn mạnh: “Làng này thi đua với làng khác. Ai hơn thì được nhân dân kính trọng và Chính phủ khen thưởng. Như vậy, ai cũng hăng hái” [55, tr.119]. Điều này cho thấy, khen thưởng không đơn thuần là sự ghi nhận về mặt hình thức mà còn là một PPGD tích cực, góp phần cổ vũ, khích lệ các hành vi tốt đẹp và thúc đẩy tinh thần học tập, rèn luyện. Trong giáo dục, sự kết hợp chặt chẽ giữa thi đua và khen thưởng sẽ tạo ra môi trường học tập tích cực, giúp người học phát huy tiềm năng và hình thành động lực nội tại. Xác lập nguyên tắc, thi đua chỉ thật sự có ý nghĩa khi được đánh giá công bằng và khen thưởng hợp lý, Hồ Chí Minh vừa phê phán những hiện tượng “thi đua hình thức” hoặc “khen thưởng qua loa”. Đồng thời yêu cầu khen thưởng phải đúng người, đúng việc, đúng lúc, chứ làm chiếu lệ, máy móc.

Một điểm đặc sắc trong PPGD khen thưởng của Hồ Chí Minh là không chỉ giới hạn ở cá nhân mà còn hướng đến tập thể, nhằm đề cao tinh thần hợp tác, chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình học tập: “Người người thi đua. Ngành ngành thi đua. Ngày ngày thi đua” [56, tr.23]. Thông qua việc tổ chức các phong trào thi đua mang tính toàn diện và thường xuyên, mỗi cá nhân được đặt trong mối quan hệ gắn bó với tập thể, từ đó hình thành ý thức trách nhiệm chung, tinh thần phối hợp và sự chủ động trong thực hiện nhiệm vụ học tập. Khen thưởng vì thế không chỉ nhằm ghi nhận thành tích cá nhân, mà còn góp

phần củng cố sự đoàn kết, khơi dậy động lực cống hiến và lan tỏa những giá trị tích cực trong cộng đồng học đường. Xa hơn, thi đua và khen thưởng trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là biện pháp mang tính phong trào ngắn hạn, mà là một biện pháp giáo dục có tính tổ chức và định hướng lâu dài. Người chỉ rõ: “Các ngành và các cán bộ nên ký với nhau những giao ước thi đua để mọi người đều ra sức làm tròn nhiệm vụ” [58, tr.132]. Đây chính là giá trị nhân văn sâu sắc của PPGD Hồ Chí Minh gắn thi đua với khen thưởng.

Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của khen thưởng như một PPGD tích cực, nhưng đồng thời cũng nhắc nhở sâu sắc về thái độ khi được tuyên dương. Người căn dặn: “Chớ vì được khen thưởng mà kiêu ngạo, tự đắc” [55, tr.555]. Theo quan niệm của Người, khen thưởng không phải là điểm dừng của sự cố gắng, mà là động lực để tiếp tục phấn đấu, rèn luyện và cống hiến nhiều hơn. Người được khen thưởng cần giữ thái độ khiêm tốn, biết tự đánh giá đúng năng lực bản thân, tránh rơi vào trạng thái tự mãn dẫn đến thỏa mãn nhất thời và giảm sút tinh thần tiến bộ. Nếu không kiểm soát tốt tâm lý sau khen thưởng, cá nhân dễ đánh mất động lực nội tại, làm lu mờ ý nghĩa thực sự của thi đua, vốn là quá trình phấn đấu không ngừng vì lợi ích tập thể và sự phát triển chung.

Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh về thi đua gắn với khen thưởng là một biện pháp giáo dục nhân văn, góp phần khơi dậy động lực học tập, rèn luyện và tinh thần cống hiến. Việc vận dụng đúng đắn PP thi đua gắn với khen thưởng trong môi trường giáo dục sẽ tạo nên một thế hệ người học chủ động, sáng tạo, biết khiêm tốn, biết vươn lên và sống vì tập thể.

2.2.2. Giá trị phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh

Giá trị lý luận

Thứ nhất, phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển lên tầm cao mới những giá trị giáo dục truyền thống của dân tộc.

Trong lịch sử dân tộc, nền giáo dục Việt Nam dưới ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo, đã hình thành nên những nguyên lý giáo dục nền tảng như

“tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Nếu như trong Nho giáo, việc tự tu dưỡng, tự rèn luyện chủ yếu mang tính giáo huấn cá nhân nhằm hoàn thiện đạo đức bản thân, thì Hồ Chí Minh đã nâng lên thành PPGD quần chúng, hướng tới lan tỏa giá trị tốt đẹp trong toàn xã hội. Mục tiêu của việc nêu gương cũng được Người mở rộng từ rèn luyện cá nhân sang xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, gắn với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa, Hồ Chí Minh đã chuyển hóa đạo lý khuyên răn thành PPGD thiết thực, thông qua các phong trào “Người tốt, việc tốt”, “Thi đua yêu nước” và “Xây dựng con người mới”.

Phương pháp nêu gương trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là yêu cầu đạo đức mà còn là PP tác động đến nhận thức và hành vi của người học, trong đó người thầy, người lãnh đạo và tập thể giáo dục đều có trách nhiệm lan tỏa ảnh hưởng tích cực. Từ nền tảng này, Người tiếp tục kế thừa và phát triển các giá trị khác trong truyền thống giáo dục dân tộc, tiêu biểu là tư tưởng tự học, học thường xuyên, học suốt đời. Từ các tấm gương như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, những người suốt đời học tập, rèn luyện vì dân vì nước đến những câu tục ngữ “Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học”, Hồ Chí Minh đã khái quát thành PP tự học, coi học tập là trách nhiệm, là con đường tự hoàn thiện của mỗi người [77, 78]. Trong hoàn cảnh đất nước còn nghèo, chiến tranh kéo dài, Người nhấn mạnh tự học là phương tiện tự lực vươn lên của nhân dân và từ đó phát triển thành tư tưởng xây dựng xã hội học tập, nơi mọi người đều có cơ hội và nghĩa vụ học tập suốt đời.

Phương pháp đối thoại, dân chủ của Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống “tôn sư trọng đạo”, “học thầy không tày học bạn”, đề cao tinh thần tôn trọng lẫn nhau trong quá trình dạy và học. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh đã nâng truyền thống ấy lên tầm lý luận, chuyển hóa việc dạy và học thành quá trình trao đổi, thành nguyên tắc dân chủ trong giáo dục con người. Người học được khuyến khích chủ động bày tỏ chính kiến, tham gia vào quá trình nhận thức, còn người dạy đóng vai trò định hướng, gợi mở, khơi dậy tư duy độc lập và

sáng tạo. Như vậy, bằng việc kế thừa các giá trị cốt lõi trong truyền thống giáo dục dân tộc và nâng lên thành những nguyên lý giáo dục hiện đại, Hồ Chí Minh đã đặt nền tảng lý luận cho một nền giáo dục khoa học, nhân văn, mang bản sắc dân tộc và tầm vóc thời đại.

Thứ hai, phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh định hướng tư tưởng và lý luận cho sự hình thành, phát triển phương pháp giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 1945-1975.

Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã đặt giáo dục vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển đất nước, vì vậy, Người đã nhấn mạnh việc xây dựng “một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam”, “một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em” [54, tr.34], góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam mới xã hội chủ nghĩa. Ở bậc đại học, phương châm, nguyên tắc, PPGD của Hồ Chí Minh được các trường thực hiện linh hoạt, phù hợp tình hình và nhiệm vụ cách mạng của mỗi giai đoạn, đặc biệt PP thi đua gắn với khen thưởng trong giáo dục của Hồ Chí Minh là nền tảng quan trọng hình thành PPGD đại học giai đoạn 1945-1975. Trong tư tưởng của Người, thi đua không chỉ là hình thức vận động quần chúng mà còn là một PPGD và Người vận dụng thi đua như một công cụ khơi dậy động lực nội tại của người học, xây dựng môi trường học tập tích cực, trong đó khen thưởng không mang tính hình thức mà là sự công nhận đúng đắn về đạo đức, năng lực và tinh thần trách nhiệm. Giá trị lý luận từ các phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt” đến việc xây dựng danh hiệu “Sinh viên tiên tiến”, “Lớp học xuất sắc” trong hệ thống GDĐH thời kỳ 1945-1975 đã góp phần định hình mô hình giáo dục cách mạng, dân chủ, tiến bộ [77, 78].

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò của người thầy trong việc giáo dục các thế hệ học sinh. Nền GDĐH thời kỳ này thấm nhuần tinh thần dân chủ, thiết thực, phù hợp với điều kiện kháng chiến, kiến quốc (trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược) và những năm

cả nước đồng thời thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược (xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ, tay sai để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước). Giai đoạn này, các trường đại học không chỉ đào tạo trí thức phục vụ sự nghiệp kháng chiến, xây dựng và phát triển đất nước trong điều kiện có chiến tranh, mà còn chú trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần phục vụ nhân dân [77, 78]... Việc kết hợp giữa học tập lý thuyết và lao động sản xuất, giữa nghiên cứu khoa học và phục vụ yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi được coi là nguyên lý tổ chức xuyên suốt, một biểu hiện rõ nét của PPGD học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn của Hồ Chí Minh.

Có thể khẳng định, PPGD của Hồ Chí Minh chính là cơ sở tư tưởng và PP luận quan trọng để hình thành chính sách GDĐH trong thời kỳ đất nước có chiến tranh. Những PPGD như “đối thoại, dân chủ trong giáo dục”, “tự học, tự học suốt đời”, “nêu gương”, “giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện của nhà trường, xã hội”, đã trở thành nguyên lý chỉ đạo xuyên suốt quá trình xây dựng và vận hành hệ thống GDĐH trong bối cảnh đất nước có chiến tranh, để lại nền tảng lý luận sâu sắc cho cải cách giáo dục về sau.

Thứ ba, phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận cho việc hoạch định chủ trương, chính sách đổi mới phương pháp giáo dục sinh viên đại học hiện nay.

Việt Nam đang trong thời kỳ đổi mới mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW (2013) và đặc biệt là Nghị quyết 71-NQ/TW (2025) về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Việc xây dựng và đổi mới PPGD đại học cần một nền tảng lý luận vững chắc, có khả năng dẫn dắt tư duy và định hướng hành động phù hợp với thực tiễn xã hội Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, đặc biệt là hệ thống PPGD của Người đáp ứng được những yêu cầu đó.

Trước hết, PPGD của Hồ Chí Minh là một hệ thống các thức, biện pháp giáo dục nhất quán về mối quan hệ giữa người dạy và người học, giữa nội

dung giáo dục và PPGD, giữa mục tiêu và động lực học tập, giữa kết hợp giáo dục trong gia đình, nhà trường và xã hội. Trong đó, *PP đối thoại, dân chủ* khẳng định vai trò chủ thể giáo dục của người học. Tư tưởng này có giá trị lý luận cho việc xây dựng các PPDH tích cực, lấy người học làm trung tâm, đang là xu hướng ĐMPP giảng dạy trong GDDH hiện nay. Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) khẳng định: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ PP dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc” [4].

Phương pháp nêu gương trong giáo dục của Hồ Chí Minh, là cơ sở lý luận quan trọng cho việc hoạch định chủ trương, chính sách đổi mới PPGD sinh viên đại học hiện nay. Người khẳng định, giáo dục không chỉ bằng lời nói mà phải bằng hành vi mẫu mực, sự nhất quán giữa lời nói và việc làm, qua đó hình thành sức thuyết phục tự nhiên, tác động trực tiếp đến nhận thức, thái độ và hành vi của người học. Trong môi trường giáo dục đại học, PP nêu gương không chỉ mang giá trị lý luận mà còn là chuẩn mực hành vi đối với ĐNGV, cán bộ quản lý giáo dục. Tư tưởng của Người được phản ánh trong Nghị quyết số 71-NQ/TW (2025), khi nhấn mạnh nhiệm vụ: “Kiên trì xây dựng văn hoá học đường, văn hoá chất lượng, thực học, thực nghiệp gắn với trách nhiệm nêu gương của đội ngũ nhà giáo; chú trọng bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo” [11].

Thi đua gắn với khen thưởng trong PPGD của Hồ Chí Minh, được vận dụng vào môi trường giáo dục như một PP động viên tinh thần phấn đấu, rèn luyện phẩm chất và khuyến khích năng lực tự học, tự vươn lên. Tư tưởng đó ngày nay trở thành cơ sở lý luận quan trọng cho việc hoạch định chủ trương, chính sách đổi mới PPGD sinh viên đại học, hướng tới xây dựng môi trường học tập chủ động, sáng tạo và nhân văn. Nghị quyết số 71-NQ/TW (2025) nhấn mạnh nhiệm vụ: “xây dựng xã hội học tập, khơi dậy mạnh mẽ các phong trào thi đua trong Nhân dân và trong toàn xã hội về học tập, tự học tập,

học tập không ngừng, học tập suốt đời vì sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững của đất nước, vì tương lai của dân tộc” [11].

Phương pháp giáo dục tự học được Hồ Chí Minh coi là nền tảng của học tập suốt đời. Tư tưởng này không chỉ mang ý nghĩa khuyến khích mà còn có giá trị PP luận, người học phải tự giác, chủ động và liên tục học tập để phát triển toàn diện. Trong bối cảnh kỷ nguyên số, khi tri thức biến đổi nhanh chóng và vai trò của người thầy chuyển từ “người truyền đạt” sang “người hướng dẫn, đồng hành”, PPGD tự học của Hồ Chí Minh càng khẳng định giá trị thời sự, trở thành trung tâm của đổi mới giáo dục đại học. Hướng đến việc hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, học trực tuyến, học theo dự án và phát triển xã hội học tập mà Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) đã nhấn mạnh: “Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học” [4].

Hồ Chí Minh nhấn mạnh tính *phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu của người học và xã hội*, coi đó là nguyên tắc bảo đảm tính khoa học, nhân văn và hiệu của quá trình giáo dục. Tư tưởng này trở thành định hướng tư tưởng nhất quán cho việc xây dựng các chương trình giáo dục cá nhân hóa, đa dạng hóa lộ trình học tập, ĐMPP kiểm tra, đánh giá theo năng lực, cũng như phát triển mô hình giáo dục mở trong GDĐH hiện nay. Nghị quyết số 71-NQ/TW (2025) nhấn mạnh nhiệm vụ: “Phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học, công nghệ, củng cố quốc phòng, an ninh; thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa; bảo đảm cân đối cơ cấu ngành nghề, trình độ, nguồn nhân lực và phù hợp vùng miền” [11].

Có thể khẳng định, PPGD Hồ Chí Minh có giá trị lý luận sâu sắc, là nền tảng cho việc hoạch định và triển khai thực hiện các chính sách đổi mới PPGD đại học hiện nay. Việc kế thừa, vận dụng sáng tạo những giá trị đó không chỉ góp phần phát triển con người toàn diện mà còn giúp GDĐH Việt

Nam phát triển theo hướng khoa học, nhân văn và gắn với đặc điểm văn hóa, xã hội của đất nước.

Giá trị thực tiễn

Thứ nhất, phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh góp phần khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của giáo dục thực dân.

Trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chế độ mới, Hồ Chí Minh đã sớm nhận diện và phê phán sâu sắc bản chất phản giáo dục của nền giáo dục thực dân. Theo Người, nền giáo dục do thực dân Pháp tổ chức ở Đông Dương không nhằm mục đích khai sáng trí tuệ hay phát triển nhân cách người bản xứ, mà chủ yếu phục vụ cho âm mưu cai trị, đồng hóa văn hóa và duy trì hệ thống cai trị áp bức. Người viết:

Về phương diện tinh thần, người Pháp không tổ chức một nền giáo dục mới thay thế cho nền giáo dục An Nam mà họ đã bỏ đi. Họ chỉ xây dựng được một ít trường học để đào tạo ra những con vẹt, những người vong bản thiếu đạo đức và thiếu cả kiến thức phổ thông [51, tr.424].

Trước thực trạng đó, quan điểm của Hồ Chí Minh chú trọng xây dựng một nền giáo dục kiểu mới, mang tính cách mạng, dân chủ và nhân đạo, trong đó các PPGD của Người như đối thoại, dân chủ, bình đẳng trong giáo dục, phát huy tinh thần tự học, học để làm người, làm cán bộ, học để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng... không chỉ đóng vai trò then chốt, khắc phục những hệ lụy mà giáo dục thực dân để lại, mà còn khắc phục được lối giáo dục khuôn mẫu, thụ động và vụ lợi mà thực dân Pháp đã áp đặt trong nhiều thập kỷ.

Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh đề cao vai trò của người học như một chủ thể tích cực trong quá trình lĩnh hội tri thức và rèn luyện phẩm chất, thay vì đối tượng bị nhồi nhét theo kiểu “học thuộc lòng” và tiếp thu thụ động. Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh sự gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục và thực tiễn xã hội, giữa học tập và lao động sản xuất, giữa tri thức và hành động

cách mạng. Với quan điểm đó, việc xây dựng nền giáo dục Việt Nam mới (độc lập, hiện đại, dân tộc, dân chủ, khoa học) của dân, do dân và vì dân theo tư tưởng và PPGD của Hồ Chí Minh đã được triển khai.

Từ góc độ PP, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng nền giáo dục dựa trên PP đối thoại, dân chủ, PP nêu gương, PP thi đua gắn với khen thưởng và PPGD phù hợp với điều kiện, trình độ và nhu cầu của người học. Những nguyên tắc này đã tạo ra sự chuyển biến căn bản trong triết lý và thực hành giáo dục, không chỉ xóa bỏ những ảnh hưởng tiêu cực của nền giáo dục thực dân mà còn khơi dậy tinh thần tự lực, sáng tạo và ý thức phục vụ cộng đồng điều hoàn toàn trái ngược với mục tiêu giáo dục vị lợi, phục tùng và lệ thuộc mà thực dân từng áp đặt.

Như vậy, PPGD của Hồ Chí Minh có giá trị thực tiễn, đặt nền móng cho một nền giáo dục cách mạng, giải phóng tư tưởng con người khỏi xiềng xích và khẳng định quyền học tập, phát triển của mọi công dân trong một xã hội dân chủ và tiến bộ.

Thứ hai, phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh góp phần tạo nên những thành tựu giáo dục giai đoạn (1945-1975).

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, nền GDĐH Việt Nam đối mặt với yêu cầu cấp bách là phải thoát khỏi ảnh hưởng sâu rộng của chính sách giáo dục thực dân, lạc hậu và xa rời thực tiễn dân tộc. Mô hình giáo dục thực dân mà Hồ Chí Minh chỉ trích là thứ giáo dục đào tạo ra “những người vong bản, thiếu đạo đức và thiếu cả những kiến thức phổ thông”. Từ đó, Người khẳng định: “Chúng ta phải làm cho nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam, hoàn toàn dân chủ, hoàn toàn khoa học, để phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến và kiến quốc”. Tư tưởng này là kim chỉ nam cho quá trình đổi mới GDĐH sau năm 1945.

Một trong những đóng góp nổi bật về PPGD của Hồ Chí Minh đối với GDĐH thời kỳ này là việc thay đổi PP giảng dạy: Từ PPGD lý thuyết thuần túy, chịu ảnh hưởng nặng nề của văn hóa thực dân, sang PP kết hợp giữa học

và hành, gắn đào tạo ở nhà trường với sản xuất, nghiên cứu và phục vụ xã hội. Người nhấn mạnh “Phải kết hợp việc học tập lý luận với thực tiễn cách mạng” và “Giáo dục phải kết hợp với lao động sản xuất”. Đây chính là định hướng PP luận cho sự điều chỉnh nội dung, PP giảng dạy trong các trường đại học sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trên cơ sở đó, nhiều trường đại học ở miền Bắc như đại học Bách khoa Hà Nội, đại học Nông nghiệp, đại học Sư phạm Hà Nội... triển khai các hình thức đào tạo kết hợp với thực tiễn, tổ chức cho sinh viên đi thực tập tại nhà máy, nông trường, tham gia các công trình thủy lợi, sản xuất thực nghiệm và hoạt động xã hội tại địa phương [77, 78]. Những mô hình này vừa góp phần khắc phục lối học lý thuyết suông, vừa cụ thể hóa nguyên lý “học đi đôi với hành” trong giáo dục đại học.

Bên cạnh đó, PP thi đua, khen thưởng trong GDDH thể hiện dấu ấn sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh đã được hiện thực hóa sinh động trong các trường đại học miền Bắc giai đoạn 1954-1975. Tại đại học Bách khoa Hà Nội, phong trào “Dạy tốt - Học tốt” đã được triển khai mạnh mẽ từ cuối thập niên 1950, trở thành một trong những tiêu chí đánh giá giảng viên và sinh viên. Nhà trường thường xuyên tổ chức hội thi giảng viên giỏi, hội nghị sinh viên giỏi toàn trường, xây dựng các lớp học mẫu như lớp Cơ khí 5 (1963-1964), được công nhận là “Lớp học xã hội chủ nghĩa” điển hình, góp phần lan tỏa tinh thần thi đua học tập, sáng kiến và cải tiến kỹ thuật; tại đại học Sư phạm Hà Nội, từ năm 1960 trở đi, phong trào thi đua được cụ thể hóa thông qua các danh hiệu như “Tập thể sinh viên tiên tiến”, “Lớp học gương mẫu”, “Thầy giáo, cô giáo chiến sĩ thi đua”, gắn thi đua với kết quả rèn luyện đạo đức, thực tập sư phạm và tham gia hoạt động xã hội. Đặc biệt, trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, nhiều sinh viên nhà trường đã xung phong lên đường ra tiền tuyến hoặc công tác tại các vùng khó khăn sau khi tốt nghiệp, thể hiện sâu sắc tinh thần thi đua là yêu nước mà Hồ Chí Minh đề xướng [77, 78]... Từ thực tiễn đó

có thể thấy, PP thi đua, khen thưởng không mang tính hình thức mà đã thực sự trở thành một PPGD có hiệu quả, góp phần hình thành động lực học tập tích cực trong sinh viên, nâng cao chất lượng đào tạo và gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu giáo dục cá nhân với lý tưởng phụng sự dân tộc.

Trong thực tiễn GDĐH miền Bắc giai đoạn (1945-1975), tư tưởng Hồ Chí Minh về PP nêu gương đã được hiện thực hóa sinh động qua vai trò của ĐNGV. Người thầy không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức trên giảng đường, mà còn chủ động tham gia nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn sản xuất và đời sống nhân dân. Ở đại học Tổng hợp Hà Nội, nhiều giảng viên tổ chức nhóm nghiên cứu, biên soạn chương trình giảng dạy sát thực tế, đồng thời tình nguyện giảng dạy tại các chiến khu, vùng sơ tán trong hoàn cảnh chiến tranh, coi đó là trách nhiệm của trí thức cách mạng. Tại đại học Bách khoa Hà Nội, thầy cô ngoài công tác giảng dạy còn trực tiếp tham gia thiết kế, xây dựng cầu phao, trạm thủy lợi, nhà máy nhỏ phục vụ sản xuất và chiến đấu, qua đó nêu gương sống động về tinh thần cống hiến và sáng tạo. Ở đại học Sư phạm Hà Nội, giảng viên không chỉ được đánh giá bằng chất lượng giảng dạy, mà còn qua năng lực hướng dẫn sinh viên thực tập ở vùng nông thôn, miền núi; nhiều người trực tiếp dạy học tại các tỉnh miền núi phía Bắc và khu IV cũ, trở thành hình mẫu về sự dấn thân của trí thức [77, 78]. Nhiều giảng viên thời kỳ này đã được tôn vinh với danh hiệu “*Chiến sĩ thi đua ngành giáo dục*”, “*Thầy giáo xã hội chủ nghĩa*”. Những tấm gương đó khẳng định rằng PP nêu gương không chỉ có ý nghĩa lý luận, mà thực sự trở thành một PPGD hiệu quả, góp phần bồi dưỡng động lực, lý tưởng và nhân cách cho sinh viên.

Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh đã góp phần xóa bỏ căn bản những tàn dư của nền giáo dục thực dân trong GDĐH Việt Nam, thay vào đó là một mô hình giáo dục mới, cách mạng, nhân văn, gắn bó với dân tộc, phục vụ công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

Thứ ba, phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh là cơ sở định hướng cho đổi mới phương pháp giáo dục trong các trường đại học nói chung và trường đại học tư thục nói riêng hiện nay.

Trong bối cảnh ngành giáo dục đang thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục thì tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh, đặc biệt là PPGD của Người vẫn thể hiện tính thời sự và giá trị định hướng sâu sắc trong GDSV các trường đại học hiện nay.

Phương pháp đối thoại, dân chủ là cơ sở chuyển mạnh sang mô hình lấy người học làm trung tâm, thúc đẩy học tập qua trải nghiệm, dự án và phản biện. Đồng thời, mang ý nghĩa định hướng lâu dài, xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, nhân văn, khuyến khích trao đổi đa chiều giữa thầy và trò, gắn dạy chữ với dạy người, phát triển năng lực phản biện và sáng tạo; *PP nêu gương* là cơ sở để hình thành văn hóa học đường dân chủ, nhân văn, nơi giảng viên trở thành người đồng hành, truyền cảm hứng và dẫn dắt sinh viên phát triển toàn diện. PP nêu gương còn định hướng cho đổi mới dạy học theo hướng trải nghiệm, lấy người học làm trung tâm, gắn đào tạo tri thức với rèn luyện nhân cách, qua đó góp phần hình thành thể hệ trí thức mới có phẩm chất, năng lực và khát vọng cống hiến; trong xây dựng xã hội học tập, giáo dục mở, học tập linh hoạt và giáo dục số, *tư tưởng tự học* càng có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Tự học giúp người học phát triển năng lực tự chủ, thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của tri thức và công nghệ và định hướng cho các trường đại học ĐMPP giảng dạy theo hướng phát triển năng lực, khuyến khích học tập suốt đời. Nhờ đó, sinh viên không chỉ lĩnh hội tri thức trong giảng đường mà còn chủ động nghiên cứu, khai thác nguồn học liệu số, học qua trải nghiệm, dự án và công nghệ mới; các phong trào “Sinh viên 5 tốt”, “Lớp học xuất sắc”, “Giảng viên trẻ tiêu biểu”, hay các giải thưởng nghiên cứu khoa học sinh viên phản ánh *phương pháp thi đua gắn với khen thưởng* trong giáo dục của Hồ Chí Minh. PP này giúp hình thành môi trường giáo dục cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích sáng tạo, gắn trách nhiệm cá nhân với lợi

ích cộng đồng, đồng thời định hình những giá trị cốt lõi của người học: giỏi tri thức, có tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng cống hiến cho sự phát triển đất nước; *PPGD phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu xã hội* cũng thể hiện rõ tính thời sự và định hướng sâu sắc trong giáo dục hiện nay như thiết kế PPGD dựa trên trình độ, năng lực và hoàn cảnh của người học giúp nâng cao hiệu quả, tránh áp đặt một mẫu giáo dục cứng nhắc. Đồng thời, PP này định hướng phát triển toàn diện cho người học, vừa hình thành kiến thức, đạo đức, kỹ năng, năng lực xã hội, vừa khuyến khích tự học, sáng tạo và khả năng thích ứng với thay đổi, từ đó đào tạo những con người chủ động, sáng tạo, có năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra. Như vậy, PPGD của Hồ Chí Minh là di sản tư tưởng, là nền tảng định hướng lâu dài, có giá trị PP luận cho công cuộc đổi mới GDĐH Việt Nam hiện nay.

2.2.3. Tiêu chí đánh giá kết quả vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên các trường đại học tư thục

Các tiêu chí dưới đây là căn cứ lý thuyết để đo lường đánh giá thực trạng, thành tựu, hạn chế và từ đó xác định các vấn đề đặt ra trong vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh ở các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2013 - 2025. Các tiêu chí đánh giá vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh cũng là một trong những cơ sở để xác định phương hướng, giải pháp vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội trong thời gian tới. Cơ sở lý luận để xác lập các tiêu chí đánh giá kết quả vận dụng PPGD Hồ Chí Minh được xây dựng từ nền tảng PPGD của Hồ Chí Minh, lý thuyết giáo dục hiện đại và bối cảnh giáo dục ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

Tiêu chí 1. Mức độ nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên

Trong quá trình vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh, nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể giáo dục đóng vai trò đặc biệt quan trọng, có tính chất quyết định đến hiệu quả hoạt động thực tiễn. Các chủ thể ở đây bao gồm: Hội đồng trường, ban giám hiệu, cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên. Đây chính

là yếu tố nền tảng, thể hiện mức độ sẵn sàng, hiểu biết và cam kết thực hiện những PPGD của Hồ Chí Minh trong môi trường giáo dục ĐHTT.

Về nhận thức, tiêu chí này tập trung đánh giá mức độ hiểu biết của chủ thể giáo dục về PPGD của Hồ Chí Minh, đặc biệt là các PP đối thoại, dân chủ trong giáo dục; PP nêu gương; PP tự học; PP thi đua gắn với khen thưởng; PPGD phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu của xã hội. Bên cạnh đó, tiêu chí này cũng xem xét khả năng phân biệt giữa vận dụng một cách sáng tạo hay sao chép máy móc PPGD của Hồ Chí Minh trong bối cảnh thực hiện chuyển đổi số giáo dục. Vì vậy, hiểu rõ bản chất nhân văn, khoa học và cách mạng PPGD của Hồ Chí Minh là điều kiện tiên quyết để thực thi hiệu quả.

Về trách nhiệm, tiêu chí này phản ánh mức độ chủ động và cam kết của các chủ thể trong triển khai PPGD của Hồ Chí Minh vào hoạt động đào tạo. Với cán bộ quản lý, đó là trách nhiệm trong xây dựng chiến lược, ban hành chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi về nhân sự, tài chính, môi trường học tập. Với giảng viên, trách nhiệm thể hiện qua ĐMPP giảng dạy, lồng ghép các giá trị phương PPGD của Hồ Chí Minh vào bài giảng, làm gương trong đạo đức nghề nghiệp và phát huy vai trò dẫn dắt, truyền cảm hứng cho sinh viên.

Để đo lường tiêu chí này có thể thông qua một số chỉ báo như: tỷ lệ cán bộ, giảng viên hiểu biết về PPGD của Hồ Chí Minh; mức độ lồng ghép PPGD của Hồ Chí Minh trong chương trình giảng dạy; kết quả khảo sát nhận thức của sinh viên đối với các PPGD của Hồ Chí Minh. Tiêu chí về nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể giáo dục là điều kiện và là đòn bẩy để nâng cao hiệu quả vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong GDSV tại các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội. Khi nào các chủ thể giáo dục có nhận thức đúng đắn thì tinh thần trách nhiệm sẽ cao và có hành động cụ thể. Và khi đó những giá trị nhân văn và cách mạng trong PPGD của Hồ Chí Minh mới thực sự đi vào chiều sâu, tạo nên chuyển biến tích cực và bền vững trong môi trường giáo dục ĐHTT.

Tiêu chí 2. Mức độ nhận thức và vận dụng của các chủ thể về nội dung, hình thức phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.

Tiêu chí này phản ánh tính thực chất trong quá trình chuyển hóa các quan điểm, PPGD của Hồ Chí Minh thành những hành động cụ thể, phù hợp với đặc điểm người học và môi trường giáo dục tư thực.

Về nội dung vận dụng, tiêu chí này đòi hỏi các chủ thể giáo dục phải xác định được những giá trị cốt lõi trong PPGD của Hồ Chí Minh cần được triển khai trong giáo dục sinh viên. Nội dung các PP này cần được lồng ghép linh hoạt vào các học phần chuyên môn, kỹ năng mềm, hoạt động ngoại khóa cũng như chương trình của phòng công tác sinh viên, đoàn thanh niên, hội sinh viên sao cho phù hợp với mục tiêu giáo dục đào tạo của nhà trường.

Về hình thức vận dụng, các cơ sở giáo dục ĐHTT cần lựa chọn những cách thức tổ chức linh hoạt, hấp dẫn và hiệu quả để chuyển tải nội dung PPGD của Hồ Chí Minh; bao gồm các hình thức như: học tập qua dự án thực tế, phục vụ cộng đồng, tọa đàm chuyên đề... Ngoài ra, sự tích hợp công nghệ thông tin, học liệu số, mạng xã hội cũng cần được khai thác phù hợp để mở rộng không gian giáo dục và tăng cường tính tương tác, chủ động của người học.

Về phương pháp vận dụng, tiêu chí này nhấn mạnh vào cách thức triển khai cụ thể từ phía các chủ thể giáo dục. Giảng viên cần lựa chọn và kết hợp nhuần nhuyễn các PPGD của Hồ Chí Minh, đặc biệt cần được cá nhân hóa, phù hợp với từng đối tượng sinh viên khác nhau về xuất thân, động cơ học tập, khả năng tiếp nhận và định hướng nghề nghiệp. Cán bộ quản lý giáo dục cũng cần vận dụng PP quản trị mang tính hỗ trợ, định hướng và khơi gợi động lực học tập, thay vì chỉ đơn thuần giám sát hành chính.

Tiêu chí này cũng đòi hỏi tính nhất quán giữa nội dung, hình thức và phương pháp. Một chương trình giảng dạy có nội dung tốt, nhưng nếu lựa chọn hình thức áp dụng rập khuôn, không phù hợp với đặc điểm người học thì cũng khó đạt hiệu quả. Ngược lại, những hình thức hấp dẫn, linh hoạt, ứng

dụng công nghệ cao, nhưng không định hướng đúng nội dung giáo dục sẽ làm lệch mục tiêu giáo dục. Do đó, việc vận dụng cần đảm bảo tính hệ thống, logic và linh hoạt, đồng thời có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị trong và ngoài nhà trường.

Để đánh giá tiêu chí này, có thể dựa vào các chỉ báo như: số lượng chương trình giảng dạy hoặc hoạt động sinh viên có nội dung tích hợp PPGD của Hồ Chí Minh; mức độ áp dụng các PPGD đối thoại, nêu gương, dân chủ, tự học, thi đua gắn với khen thưởng...; tần suất và chất lượng hoạt động giáo dục trải nghiệm, học qua dự án, tự học, học tập cộng đồng; mức độ phản hồi tích cực từ sinh viên về tính hấp dẫn và hiệu quả của các PPGD.

Tiêu chí về nội dung, hình thức và PP vận dụng đóng vai trò cốt lõi trong đánh giá hiệu quả thực tiễn của quá trình vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh; đồng thời là thước đo của năng lực tổ chức, sáng tạo và tinh thần đổi mới trong môi trường giáo dục ĐHTT. Tiêu chí này góp phần xác định những điểm mạnh, điểm yếu của chủ thể giáo dục trong việc vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh để có các biện pháp điều chỉnh cho phù hợp.

Tiêu chí 3. Sự chuyển biến của các chủ thể trong vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.

Tiêu chí thứ ba nhằm đánh giá quá trình vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh thông qua mức độ chuyển biến trong nhận thức, hành vi và kết quả giáo dục của các chủ thể tham gia quá trình giáo dục. Đây là tiêu chí phản ánh sự chuyển biến từ nhận thức lý luận, đến thay đổi cụ thể trong thực tiễn PPGD sinh viên.

Sự chuyển biến của các chủ thể giáo dục được thể hiện qua khả năng đổi mới tư duy giáo dục, từ lối dạy học truyền thụ một chiều sang tổ chức dạy học phát triển năng lực người học, khuyến khích tư duy phản biện, sáng tạo và hợp tác. Đó là sự thay đổi trong văn hóa làm việc, từ hành chính sang phục vụ, từ áp đặt sang đối thoại, từ dạy chữ sang dạy người. Mức độ chuyển biến của các chủ thể giáo dục là yếu tố phản ánh chất lượng vận dụng PP Hồ Chí

Minh và là tiêu chí để định hướng cải tiến nội dung và PPGD trong chiến lược của nhà trường. Việc đánh giá tiêu chí này cần đảm bảo tính định lượng và định tính. Về định lượng, có thể thông qua khảo sát, thống kê: tỷ lệ sinh viên chủ động tự học, số lượng sinh viên tham gia hoạt động cộng đồng, các chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy. Về định tính, cần thông qua phiếu đánh giá của giảng viên, cán bộ quản lý và sự phản hồi của doanh nghiệp, của xã hội về sinh viên sau tốt nghiệp trên những mặt: phẩm chất đạo đức, tác phong, tinh thần học hỏi và khả năng làm việc độc lập.

Tiêu chí về mức độ chuyển biến của chủ thể giáo dục là tiêu chí phản hồi ngược, phản ánh tính hiệu quả cuối cùng việc vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong thực tiễn. Khi các chủ thể giáo dục có sự thay đổi tích cực, bền vững, tức là PP đã được vận dụng đúng đắn, có chiều sâu và phù hợp với đặc điểm của cơ sở giáo dục tự thực.

Tiêu chí 4. Kết quả của việc vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên

Tiêu chí thứ 4 đánh giá kết quả vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh vào thực tiễn GDSV tại các trường ĐHTT. Phản ánh những gì sinh viên tiếp nhận được về mặt kiến thức, kỹ năng, thể hiện sự phát triển toàn diện của người học về nhân cách, đạo đức, lối sống và trách nhiệm công dân. Đây là tiêu chí có tính tổng hợp, không chỉ gắn bó chặt chẽ với ba tiêu chí trước, mà còn khẳng định tính thực tiễn và giá trị bền vững PPGD của Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Thứ nhất, kết quả vận dụng thể hiện qua sự phát triển nhân cách toàn diện của sinh viên. Sinh viên nắm vững chuyên môn và có ý thức rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, nhân ái, biết sống có lý tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Sinh viên thể hiện được sự trưởng thành qua việc tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, xây dựng cộng đồng, các phong trào sinh viên tình nguyện, đồng thời có thái độ nghiêm túc với việc học tập và tự rèn luyện bản thân.

Thứ hai, kết quả vận dụng được thể hiện qua năng lực tự học, tự chủ và sáng tạo của sinh viên. Trong điều kiện giáo dục ĐHTT yêu cầu cao về sự chủ động, thì sinh viên có thể tự định hướng học tập, chủ động tìm kiếm tri thức, ứng dụng linh hoạt các PP học tập hiện đại, thể hiện rõ mức độ ảnh hưởng tích cực từ PPGD tự học, học tập suốt đời của Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện khả năng tư duy phản biện, hợp tác nhóm và giải quyết vấn đề, qua đó hình thành năng lực làm việc trong thực tiễn.

Thứ ba, kết quả còn thể hiện ở tinh thần phụng sự cộng đồng và trách nhiệm xã hội của sinh viên. Việc vận dụng đúng đắn PPGD của Hồ Chí Minh trong giáo dục không chỉ góp phần hình thành ý thức công dân tích cực như: tình yêu quê hương, đất nước, lối sống vì tập thể, biết đấu tranh với cái sai, cái ác, cái xấu và ủng hộ cái đẹp, cái thiện, sự nhân văn... mà còn cổ vũ tinh thần cống hiến, phụng sự và sẵn sàng đóng góp cho sự phát triển của đất nước trong sinh viên.

Để đánh giá kết quả vận dụng theo tiêu chí này, có thể căn cứ vào một số chỉ báo cụ thể như: Tỷ lệ sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa mang tính giáo dục nhân cách; kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên với các PPGD đang được áp dụng; phản hồi từ doanh nghiệp, tổ chức xã hội về phẩm chất đạo đức, tác phong, năng lực làm việc của sinh viên sau tốt nghiệp. Ngoài ra, các báo cáo thành tích, gương mặt sinh viên tiêu biểu và tỷ lệ sinh viên có đóng góp tích cực cho cộng đồng cũng là những minh chứng đánh giá hiệu quả của giáo dục.

Tiêu chí về kết quả vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh đối với sinh viên không chỉ nhằm đo lường thành tựu của quá trình giáo dục, mà còn góp phần khẳng định tính đúng đắn, bền vững và khả năng thích ứng PPGD của Hồ Chí Minh trong môi trường giáo dục ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

**Bảng 2.1. Tiêu chuẩn, tiêu chí đo lường đánh giá kết quả
vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh**

Tiêu chí	Chỉ báo đo lường	Thang đo	Nguồn tư liệu
1. Mức độ nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên	- Mức độ hiểu biết của các chủ thể giáo dục về PPGD Hồ Chí Minh. - Mức độ cam kết vận dụng trong quản lý, giảng dạy của các chủ thể giáo dục. - Tần suất lồng ghép trong hoạt động đào tạo của các cơ sở giáo dục.	1. Hoàn toàn không đồng ý. 2. Không đồng ý. 3. Phân vân. 4. Đồng ý. 5. Hoàn toàn đồng ý.	- Kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên, sinh viên. - Chương trình đào tạo, chiến lược phát triển, báo cáo tổng kết của các cơ sở giáo dục...
2. Mức độ nhận thức và vận dụng của các chủ thể về nội dung, hình thức PPGD của Hồ Chí Minh.	- Nội dung vận dụng. - Hình thức vận dụng. - PP vận dụng.	1. Hoàn toàn không đồng ý. 2. Không đồng ý. 3. Phân vân. 4. Đồng ý. 5. Hoàn toàn đồng ý.	- Kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên, sinh viên. - Chương trình đào tạo, chiến lược phát triển, báo cáo tổng kết của các cơ sở giáo dục...
3. Sự chuyển biến của các chủ thể	- Đổi mới tư duy giáo dục.	1. Hoàn toàn không đồng ý.	- Kết quả khảo sát cán bộ, giảng

Tiêu chí	Chỉ báo đo lường	Thang đo	Nguồn tư liệu
trong vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh.	- Thay đổi văn hóa làm việc từ hành chính sang phục vụ; từ áp đặt sang đối thoại dạy chữ, dạy người. - Mức độ hài lòng của sinh viên với hoạt động giảng dạy.	2. Không đồng ý. 3. Phân vân. 4. Đồng ý. 5. Hoàn toàn đồng ý.	viên, sinh viên. - Chương trình đào tạo, chiến lược phát triển, báo cáo tổng kết của các cơ sở giáo dục...
4. Kết quả của việc vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong GDSV	- Phát triển nhân cách toàn diện của sinh viên. - Năng lực tự học, tự chủ và sáng tạo của sinh viên. - Tinh thần phụng sự cộng đồng và trách nhiệm xã hội của sinh viên.	1. Hoàn toàn không đồng ý. 2. Không đồng ý. 3. Phân vân. 4. Đồng ý. 5. Hoàn toàn đồng ý.	- Kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên, sinh viên. - Chương trình đào tạo, chiến lược phát triển, báo cáo tổng kết của các cơ sở giáo dục...

Tiểu kết chương 2

Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh là hệ thống cách thức, biện pháp tác động đến người được giáo dục, nhằm biến đổi nhận thức, thái độ, hành vi của người được giáo dục theo mục tiêu giáo dục đề ra. Trong hệ thống PPGD của Hồ Chí Minh có các PP cụ thể, như phương pháp đối thoại, dân chủ, phương pháp nêu gương, phương pháp thi đua gắn với khen thưởng, phương pháp tự học, PPGD dục phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu của người học và xã hội. Thông qua hệ thống PPGD cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục không chỉ là truyền đạt tri thức, mà còn là quá trình tổ chức, dẫn dắt và khơi dậy năng lực của người học, nhằm hướng tới sự phát triển toàn diện của con người. Mặt khác PPGD của Hồ Chí Minh luôn đề cao sự phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh và nhu cầu thực tiễn. PPGD của Hồ Chí Minh có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, không chỉ là đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển PPGD đại học Việt Nam, mà còn là cơ sở lý luận cho việc hoạch định chủ trương, chính sách đổi mới PPGD sinh viên đại học Việt Nam ngày nay.

Vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong GDSV các trường đại học nói chung là quá trình chủ động chuyển hóa các quan điểm, nguyên tắc và cách thức giáo dục của Hồ Chí Minh thành các PPGD cụ thể, phù hợp với sứ mệnh của các trường đại học và góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước. Hiểu biết sâu sắc và vận dụng đúng đắn PPGD của Hồ Chí Minh, không chỉ góp phần đào tạo con người toàn diện, mà cao hơn là góp phần xây dựng nền GDĐH Việt Nam phát triển theo hướng hiện đại, tiên tiến.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ GÓC NHÌN PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH

3.1. THỰC TRẠNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC (2013-2025)

3.1.1. Khái quát về các trường đại học tư thực trên địa bàn Hà Nội

Sự hình thành và phát triển của hệ thống các trường ĐHTT xuất phát từ yêu cầu cấp thiết của thực tiễn. Trong bối cảnh hệ thống đại học công lập giữ vai trò chủ đạo nhưng chưa đáp ứng đủ nhu cầu học tập ngày càng tăng cao của xã hội, đặc biệt trong điều kiện dân số trẻ, tốc độ đô thị hóa nhanh và yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các trường ĐHTT ra đời đã góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận GDĐH cho đông đảo người học. Đồng thời, đóng vai trò hỗ trợ giảm tải cho các trường công lập và thúc đẩy sự cạnh tranh, đổi mới trong giáo dục, đào tạo. Tính đến năm 2025, cả nước có hơn 60 trường ĐHTT, trong đó trên địa bàn Hà Nội có 18 trường [xin xem phụ lục 1]. Theo Luật GDĐH năm 2019: Cơ sở GDĐH công lập do Nhà nước đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động, Nhà nước là đại diện chủ sở hữu; các trường ĐHTT hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp, được thành lập bởi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, tự chủ hoàn toàn về tài chính, hoạt động theo hai loại hình: 1) Không vì lợi nhuận, tức là nhà đầu tư cam kết không rút vốn, không chia lợi nhuận và toàn bộ phần tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung để tái đầu tư phát triển; 2) Vì lợi nhuận, khi nhà đầu tư được quyền hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp [13]. Đặc điểm nổi bật của các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội là:

Thứ nhất, về quy mô đào tạo, đặc điểm nổi bật của các trường tư thực ở Hà Nội là sự đa dạng về quy mô đào tạo, phát triển theo hướng đa ngành, đa

lĩnh vực với số lượng tuyển sinh lớn, mở rộng cơ sở vật chất. Chẳng hạn, FPT hiện đã có hệ thống cơ sở tại nhiều tỉnh thành như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng..., với hàng chục nghìn sinh viên. Tương tự, HUBT duy trì quy mô đào tạo hàng chục nghìn sinh viên mỗi năm. Ngược lại, các trường như VinUni và RMIT Việt Nam lựa chọn mô hình tinh gọn, chuyên sâu, tuyển sinh giới hạn với quy mô nhỏ. Số lượng tuyển sinh hàng năm được giới hạn nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện học tập và tỉ lệ giảng viên trên một sinh viên theo tiêu chuẩn quốc tế, chỉ vài trăm đến dưới 1.000 sinh viên mỗi khóa. Sự khác biệt về quy mô đào tạo của các trường tác động rõ nét đến hiệu quả vận dụng PPGD sinh viên.

Thứ hai, về lĩnh vực đào tạo, các trường tập trung mạnh vào lĩnh vực có tính ứng dụng cao, gắn trực tiếp với nhu cầu của thị trường lao động như: như công nghệ thông tin, kỹ thuật, công nghiệp, quản trị kinh doanh, y tế, du lịch, khách sạn hay các ngành khoa học xã hội mang tính nghề nghiệp như truyền thông, quan hệ công chúng và tâm lý học ứng dụng được ưu tiên phát triển rộng rãi. Điểm chung của các chương trình đào tạo là nhấn mạnh vào kỹ năng thực hành, khả năng thích ứng với môi trường làm việc thực tế và sự linh hoạt trong cập nhật công nghệ mới. Trong đó, công nghệ thông tin nổi lên như một ngành mũi nhọn được hầu hết các trường đầu tư mạnh: *Đại học FPT* là một trong những đơn vị tiên phong xây dựng hệ sinh thái đào tạo công nghệ thông tin toàn diện, bao gồm các mảng như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, phát triển phần mềm, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và internet vạn vật; *đại học Phenikaa* cũng đi theo hướng tích hợp chương trình đào tạo với hệ thống doanh nghiệp công nghệ trong tập đoàn Phenikaa, tạo điều kiện cho sinh viên vừa học, vừa thực hành trong môi trường doanh nghiệp; *VinUni và RMIT Việt Nam*, hai trường có yếu tố quốc tế cao lại tiếp cận thiên về đào tạo liên ngành, công nghệ thông tin được tích hợp trong các ngành quản trị, y sinh hoặc khoa học dữ liệu. Các trường như *HUBT hay Thăng Long*, tuy không có mạng lưới hợp tác quốc tế quy mô lớn như VinUni hay RMIT, nhưng lại nổi bật ở tính

thực tiễn và khả năng thích nghi nhanh với nhu cầu nhân lực nội địa. Các ngành kỹ thuật điện, điện tử, xây dựng, kế toán, tài chính, ngân hàng và quản trị kinh doanh đều được thiết kế với định hướng đầu ra cụ thể, gắn với các doanh nghiệp tuyển dụng tại Hà Nội và khu vực lân cận.

Thứ ba, về tầm nhìn của các trường. Tầm nhìn của một cơ sở GDĐH là hình ảnh tương lai mà nhà trường mong muốn đạt tới trong một thời hạn nhất định, phản ánh khát vọng, vị thế và bản sắc riêng biệt. Các trường đã và đang nỗ lực xác định chiến lược phát triển dài hạn dựa trên sự khác biệt về mô hình đào tạo và định hướng hội nhập quốc tế. Chẳng hạn, tầm nhìn của "VinUni là Trường ĐHTT, không vì lợi nhuận của Việt Nam, được xây dựng theo các chuẩn mực quốc tế, tích hợp các mô hình tinh hoa nhất của GDĐH toàn cầu với mục tiêu tạo ra đột phá trong chất lượng GDĐH Việt Nam và đạt đẳng cấp thế giới trong vòng 30 năm từ ngày thành lập" [111]. Năm 2025, VinUni công bố Chiến lược tăng tốc Giai đoạn 2 với mục tiêu lọt Top 100 đại học toàn cầu, dựa trên chương trình 'VinUni 500' thu hút 500 học giả tinh hoa và nguồn đầu tư 9.300 tỷ đồng từ Vingroup để mở rộng đào tạo và phát triển hệ sinh thái nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam [115]. Đây là khát vọng lớn, thể hiện cam kết về chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc tế, đưa giáo dục tư thục Việt Nam vươn tầm toàn cầu. Tầm nhìn của VinUni cũng cho thấy chiến lược đầu tư dài hạn, toàn diện và bài bản của một đại học phi lợi nhuận định hướng tinh hoa. Tương tự, đại học Phenikaa đặt mục: "Đại học định hướng đổi mới sáng tạo, xuất sắc trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao khởi nghiệp và hướng nghiệp; nơi đánh thức và hiện thực hóa tiềm năng; luôn gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển và tạo ra giá trị mới cho cộng đồng; Top 100 trường Đại học, Đại học tốt nhất châu Á vào năm 2035" [71].

Với mốc thời gian cụ thể và thước đo định lượng rõ ràng, tầm nhìn của Phenikaa là định hướng và cam kết trách nhiệm, đồng thời thể hiện vai trò của nhà trường như một trung tâm đổi mới sáng tạo có sức ảnh hưởng đến khu vực. Trong khi đó, các trường như RMIT, FPT, Thăng Long hay HUBT lại

xây dựng tầm nhìn xoay quanh định hướng ứng dụng, hội nhập và chuyển đổi số. RMIT nhấn mạnh: “Chiến lược của Đại học RMIT đến năm 2031 tiếp tục đẩy mạnh tầm nhìn và sứ mệnh đã đi cùng RMIT và trở thành một phần DNA của trường từ năm 1887” [93], thể hiện quan điểm giáo dục gắn với bối cảnh xã hội và xu thế toàn cầu hóa; đại học FPT, với mô hình iGSM “Industry Relevant - Global - Smart Education - Mega. Trở thành một hệ thống giáo dục Mega mang tính quốc tế, đáp ứng nhu cầu xã hội và dựa trên các công nghệ đào tạo tiên tiến nhất” [79]; đại học Thăng Long: “Đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trình độ đại học và sau đại học đa ngành với chất lượng cao gắn với nhu cầu xã hội; đẩy mạnh hợp tác quốc tế và nghiên cứu khoa học; xây dựng Trường theo định hướng đại học ứng dụng và hội nhập quốc tế, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [43]; HUBT: “Đến năm 2030, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội sẽ trở thành một cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ có chất lượng và uy tín, xếp vào top đầu trong các cơ sở GDDH theo định hướng thực hành ở Việt Nam, ngang tầm với các cơ sở GDDH định hướng thực hành trong khu vực” [29].

Thứ tư, về sứ mạng của các trường. Sứ mạng là lời khẳng định về lý do tồn tại, là cam kết của nhà trường với xã hội, người học và cộng đồng nghề nghiệp. Trong giáo dục đại học, sứ mệnh không chỉ giới hạn trong việc truyền thụ tri thức, mà còn mở rộng ra mục tiêu phát triển con người, phục vụ xã hội và dẫn dắt đổi mới. Các trường tuyên bố sứ mạng đều thể hiện rõ định hướng này. Chẳng hạn, VinUni xác định sứ mệnh: “Sứ mệnh của VinUni là đào tạo nguồn nhân lực tinh hoa, có trình độ, có kỹ năng, có vốn sống và khát vọng cống hiến nhằm mang lại hiệu quả cao nhất, đóng góp vào sự thịnh vượng của bản thân, xã hội, và tác động tích cực tới nền kinh tế tri thức toàn cầu” [111].

Sứ mệnh này vừa nhấn mạnh tính chất tinh hoa, vừa kết nối sâu sắc với yêu cầu phát triển bền vững và trách nhiệm công dân toàn cầu; đại học RMIT hướng đến: “Cung cấp trải nghiệm giáo dục đẳng cấp thế giới thật sự mang

tính quốc tế và được công nhận toàn diện bởi Cơ quan Tiêu chuẩn và Chất lượng GDDH Australia (TEQSA); tăng cường năng lực và danh mục nghiên cứu trong nước; và phát triển số lượng sinh viên với lực lượng sinh viên tốt nghiệp năng động và sẵn sàng làm việc” [93]. Đồng thời: “Cam kết ...sẽ mang lại lợi ích trực tiếp cho kinh tế Việt Nam...Các chương trình nâng cao năng lực phù hợp tập trung vào kỹ năng số, ngôn ngữ và lãnh đạo sẽ rất quan trọng trong việc chuẩn bị cho lực lượng lao động Việt” [93].

Ở một góc tiếp cận khác, đại học FPT xác định sứ mạng: “Cung cấp năng lực cạnh tranh toàn cầu cho đông đảo người học, góp phần mở mang bờ cõi trí tuệ đất nước” [79]. Trọng tâm ở đây không phải là đào tạo một nhóm tinh hoa, mà là mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức chất lượng cao và kỹ năng toàn cầu cho số đông, thể hiện tư duy khai phóng và bình đẳng trong giáo dục. Đại học HUBT với sứ mạng:

Trường đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội ...hoạt động vì sự nghiệp “trồng người” không vì mục đích lợi nhuận, đào tạo các nhà quản lý kinh tế và kỹ thuật - công nghệ thực hành, các cán bộ y dược có tay nghề cao, tạo nguồn nhân lực cho việc hình thành một đội ngũ cán bộ chủ chốt của các tổ chức, đơn vị doanh nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ sức khỏe, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh [29].

Sứ mạng này nhấn mạnh vào định hướng ứng dụng, phục vụ trực tiếp nhu cầu thị trường lao động, thể hiện sự gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, thị trường và xã hội, đồng thời phản ánh tính hiệu quả trong mô hình đào tạo nghề nghiệp. Trường đại học Thăng Long với sứ mạng: “Trường Đại học Thăng Long là cơ sở đào tạo đa ngành, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ theo định hướng ứng dụng, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của đất nước” [43].

Còn đại học Phenikaa: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và thực hành; Tạo môi trường nghiên cứu chuyên nghiệp và tự do sáng tạo để đánh thức và phát huy tối đa sở trường của mỗi người tạo ra những ảnh hưởng đột phá trong công nghệ và phát triển kinh tế xã hội” [71]. Sứ mạng này thể hiện khát vọng vươn ra ngoài phạm vi quốc gia, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu thông qua giáo dục và khoa học. Đại học không chỉ là nơi đào tạo nhân lực, mà còn là một chủ thể có trách nhiệm góp phần thay đổi thế giới theo hướng tích cực, nhân văn và bền vững.

Thứ năm, về giá trị cốt lõi. Giá trị cốt lõi của các trường là những nguyên tắc nền tảng chi phối mọi hoạt động và quyết sách chiến lược của nhà trường. Đây không chỉ là lời tuyên ngôn đạo đức hay khẩu hiệu truyền thông, mà là hệ giá trị thực hành, định hướng tư duy, hành vi của toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên. Trường VinUni đề cao các giá trị như: “Sáng tạo, sự thấu cảm, tinh thần lãnh đạo, tư duy khởi nghiệp, khả năng vượt trội, phát triển nhân tài cho tương lai” [111]. Giá trị cốt lõi của trường phản ánh định hướng xây dựng một môi trường giáo dục khai phóng, hiện đại và giàu tính nhân văn. Trong đó, sáng tạo, tư duy khởi nghiệp là nền tảng để thúc đẩy đổi mới và giải quyết các vấn đề xã hội trong kỷ nguyên số; sự thấu cảm thể hiện chiều sâu văn hóa và trách nhiệm cộng đồng, góp phần định hình những nhà lãnh đạo có đạo đức và tầm nhìn; còn tinh thần lãnh đạo và khả năng vượt trội nhấn mạnh đến hình thành thể hệ công dân toàn cầu tự tin, bản lĩnh và có năng lực tạo ảnh hưởng tích cực. Tổng thể các giá trị này cho thấy VinUni hướng đến đào tạo tri thức và nuôi dưỡng con người toàn diện cả về trí tuệ, cảm xúc và xã hội, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của đất nước.

Đại học Rmit: “RMIT cam kết thực hiện các giá trị cốt lõi của mình và tạo ra sự khác biệt ở cả địa phương và toàn cầu” [93]. Đây là tư duy giáo dục vượt khỏi ranh giới quốc gia và khẳng định sứ mạng gắn kết giữa tri thức hàn lâm và thực tiễn phát triển xã hội. Đại học FPT khẳng định triết lý: “Giáo dục

và đào tạo là tổ chức và quản trị việc tự học của người học” [79], cho thấy sự đề cao tính tự chủ, chủ động và năng lực học tập suốt đời, những năng lực cốt lõi trong xã hội tri thức. Giá trị cốt lõi của FPT còn thể hiện ở tinh thần công nghệ, khởi nghiệp và hội nhập, qua mô hình giáo dục hướng tới đổi mới và sáng tạo; tương tự, đại học Phenikaa xây dựng giá trị cốt lõi: “Mọi hoạt động chiến lược, quản trị vận hành và quan hệ hành xử với công chúng nội bộ và bên ngoài đều được thực hiện dựa trên 3 giá trị: Trải nghiệm - Xuất sắc - Tự hào” [71]. Với thông điệp: “Đại học Phenikaa là đại học đa ngành, xuất sắc trong đào tạo, nghiên cứu, khởi nghiệp và hướng nghiệp, nơi tạo điều kiện tối đa cho sáng tạo và thực hành, đánh thức và hiện thực hóa tiềm năng để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội, tạo ra những ảnh hưởng đột phá trong KHCN và phát triển kinh tế xã hội” [71]. Còn đại học HUBT với giá trị cốt lõi là: “Cung cấp một môi trường học tập, nghiên cứu, nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng, sáng tạo, bảo đảm cho người học khi tốt nghiệp đủ năng lực thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và môi trường hội nhập quốc tế. Giá trị văn hóa “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm - Văn minh” [29].

Thứ sáu, về cơ sở vật chất. Trong khi các trường đại học công lập được nhà nước đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ ngân sách và ưu tiên phát triển ĐNGV theo quy hoạch chiến lược, thì ngược lại các trường tư thục tự xây dựng cơ sở vật chất, huy động nguồn vốn xã hội hóa và chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi quy luật của thị trường. Những năm qua các trường đã đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở vật chất hiện đại và môi trường học tập linh hoạt, nhằm mục tiêu chuẩn hóa theo tiêu chí quốc tế và tối ưu hóa trải nghiệm học tập liên ngành. Điển hình, VinUni xây dựng các lớp học thông minh với thiết kế linh hoạt, phòng học đa năng và trang thiết bị hỗ trợ active learning, hội họp trực tuyến và phòng thí nghiệm nghiên cứu tương tác tại Trung tâm Trí tuệ Môi trường (CEI) [138]. Tương tự, RMIT Việt Nam triển khai phòng thí nghiệm tiêu chuẩn công nghiệp như: IT, AI, cyber-security (an toàn thông tin mạng) tại cả

hai cơ sở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, liên kết doanh nghiệp và phòng lab AI hợp tác cùng Ericsson [133]. Đại học Phenikaa cũng trang bị môi trường học tập theo tiêu chuẩn quốc tế, nhấn mạnh tính thực hành, KHCN và liên kết nghiên cứu với đối tác quốc tế [128]. Trường đại học Thăng Long tạo dựng hệ sinh thái học tập toàn diện với thư viện 24/7, phòng thí nghiệm mô phỏng ngân hàng, studio truyền thông 4K, mô phỏng bệnh viện, nhà hàng đạt chuẩn chuyên nghiệp, hỗ trợ tự học mọi lúc, mọi nơi [43]. Trong khi đó, FPT tích hợp nền tảng e-Learning và cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, đồng thời thúc đẩy hợp tác đào tạo quốc tế liên ngành với các trường đại học và doanh nghiệp như Asia University (Nhật Bản) [81, 84, 85]. Còn HUBT, sở hữu hệ thống cơ sở vật chất rộng hơn 20.000 m² tại cơ sở chính và phụ, trong đó có 236 phòng học tiêu chuẩn, thư viện gần 834 m² với hơn 4.200 đầu sách cùng mạng Wi-Fi phủ sóng toàn bộ khuôn viên trường, hỗ trợ tối đa cho việc phục vụ học tập, nghiên cứu và thi cử [27, 28, 29]. Mỗi phòng học đều được trang bị máy chiếu, âm thanh và mạng internet, cùng phòng chức năng có máy tính hiện đại, camera giám sát phục vụ thi trắc nghiệm và kiểm tra cuối học phần.

Thứ bảy, về người học. Sinh viên các trường tư thục có những đặc điểm khác biệt đáng kể so với sinh viên đại học công lập. 1) *Về điều kiện tài chính*, sinh viên trường công lập có lợi thế hơn nhờ mức học phí thấp, được nhà nước hỗ trợ ngân sách và nhiều chính sách học bổng. Điều này tạo điều kiện để phần lớn sinh viên có thể tập trung vào quá trình học tập mà không chịu áp lực tài chính quá lớn. Trong khi đó, sinh viên trường tư thục phải đối mặt với học phí cao hơn nhiều lần, chỉ được hỗ trợ bởi quỹ học bổng và chính sách nội bộ của trường. Một bộ phận sinh viên phải làm thêm, vay vốn để duy trì việc học, từ đó tạo động lực học tập mạnh mẽ trong nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ căng thẳng và phân tán thời gian; 2) *Về chất lượng và trình độ đầu vào*, sinh viên trường công lập thường được tuyển chọn với đầu vào với mức điểm

cao, có thành tích học tập tốt, định hướng rõ ràng vào các ngành nghề truyền thống, ổn định. Ngược lại, sinh viên tư thực có xuất thân đa dạng hơn, với sự phân hóa rõ rệt: nhóm từ gia đình có điều kiện kinh tế khá giả, mong muốn tiếp cận môi trường quốc tế; nhóm khác phụ thuộc vào học bổng hoặc làm thêm để trang trải chi phí học tập; 3) *Về động cơ và mục đích học tập*, sinh viên công lập thường hướng đến bằng cấp như một điều kiện để xin việc tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp lớn hoặc làm nền tảng học tập sau đại học. Mục tiêu này có thể khiến họ chú trọng nhiều hơn đến thành tích học tập. Trong khi đó, sinh viên tư thực có xu hướng định hướng nghề nghiệp rõ ràng, coi trọng kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm và cơ hội hội nhập quốc tế.

Những đặc điểm nêu trên của các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội vừa tạo ra thuận lợi, vừa đặt ra những thách thức đối với quá trình đổi mới PPGD. 1) Ở các trường có quy mô lớn, PP giảng dạy mang tính đại trà, việc triển khai các PPGD cá thể hóa và tăng cường tương tác gặp nhiều hạn chế. Trong khi đó, các trường có quy mô nhỏ và định hướng chuyên sâu lại thuận lợi hơn trong việc áp dụng linh hoạt các PPGD hiện đại, phát huy tốt hơn tính chủ động và khả năng sáng tạo của người học; 2) Sự đa dạng về lĩnh vực đào tạo thuận lợi để các trường vận dụng linh hoạt nhiều PP giảng dạy, đặc biệt là các PP học tập trải nghiệm, dự án và hợp tác doanh nghiệp, gắn kết chặt chẽ hoạt động đào tạo với doanh nghiệp; 3) Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của các trường có vai trò quyết định trong định hướng đổi mới PPGD. Những trường đặt mục tiêu hướng đến chất lượng, chuẩn quốc tế và hội nhập sâu thường liên kết chặt chẽ đào tạo với thực tiễn xã hội, chú trọng phát triển năng lực thực hành, kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng toàn cầu cho sinh viên. Các giá trị như tự học, trách nhiệm, dân chủ, nhân văn và kỷ cương trở thành nền tảng quan trọng thúc đẩy việc triển khai các PPDH lấy người học làm trung tâm và khuyến khích tư duy độc lập, sáng tạo, cũng như năng lực giải quyết vấn đề; 4) Cơ sở vật chất và hạ tầng

công nghệ hiện đại tạo điều kiện thuận lợi để ĐMPP dạy học. Việc đầu tư đồng bộ lớp học thông minh, phòng thí nghiệm chuẩn quốc tế, hệ thống e-Learning và trung tâm mô phỏng giúp giảng viên dễ dàng tích hợp công nghệ số, thực tế ảo, dữ liệu lớn và kết nối doanh nghiệp vào quá trình giảng dạy. Môi trường học tập linh hoạt cũng mở rộng cơ hội học mọi lúc, mọi nơi, hỗ trợ tốt cho PPDH kết hợp. Tuy nhiên, để triển khai hiệu quả đòi hỏi giảng viên phải có năng lực công nghệ thông tin và tư duy đổi mới, chi phí vận hành và nâng cấp hạ tầng cao gây áp lực tài chính. Đồng thời thói quen học tập của sinh viên cũng cần điều chỉnh, tránh lệ thuộc vào công nghệ, thiếu tư duy phản biện và kỹ năng tự học; 5) Sự đa dạng về xuất thân, điều kiện tài chính, định hướng nghề nghiệp đã tạo ra nhưng thuận lợi và khó khăn trong triển khai PP giảng dạy. *Về thuận lợi*, trước hết, động cơ học tập gắn liền với nghề nghiệp và định hướng hội nhập quốc tế của nhiều sinh viên tự thúc đẩy giảng viên áp dụng các PP giảng dạy hiện đại, lấy người học làm trung tâm. Mặt khác, sự phân hóa trong nhóm sinh viên, đặc biệt giữa nhóm có điều kiện kinh tế khá giả và nhóm phải dựa vào học bổng hoặc làm thêm, cũng tạo môi trường đa dạng, khuyến khích chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác và phát triển kỹ năng mềm trong lớp học. Tuy nhiên, việc chênh lệch về điều kiện tài chính và quỹ thời gian khiến một bộ phận sinh viên không thể tham gia đầy đủ các hoạt động học tập trải nghiệm, ảnh hưởng đến sự đồng đều trong học tập. Bên cạnh đó, do học phí cao, áp lực tài chính có thể làm giảm sự tập trung vào học tập của một số sinh viên, buộc giảng viên phải thiết kế bài giảng linh hoạt hơn, vừa đảm bảo chất lượng, vừa tạo điều kiện để sinh viên dễ dàng tiếp cận nội dung học. Cuối cùng, sự khác biệt về nền tảng tri thức đầu vào cũng khiến giảng viên gặp khó trong việc áp dụng thống nhất các PP giảng dạy, đòi hỏi phải tăng cường cá nhân hóa, phân tầng nhiệm vụ học tập để phù hợp với từng nhóm sinh viên.

3.1.2. Thực trạng chủ trương đổi mới phương pháp giáo dục sinh viên các trường đại học tư thục giai đoạn (2013-2025)

- *Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới phương pháp giáo dục.*

Hơn một thập niên vừa qua, công cuộc đổi mới giáo dục ở Việt Nam đã diễn ra mạnh mẽ, thể hiện qua hàng loạt chủ trương, chính sách chiến lược của Đảng và Nhà nước. Những định hướng này không chỉ góp phần hoàn thiện thể chế giáo dục quốc dân mà còn tác động trực tiếp đến chủ trương đổi mới PPGD đại học, đặc biệt là khối các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) “*Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” [4] là văn kiện có ý nghĩa chiến lược, xác lập quan điểm chỉ đạo xuyên suốt cho quá trình đổi mới giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới. Nghị quyết khẳng định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong phát triển con người, nguồn nhân lực và văn hóa dân tộc; đồng thời yêu cầu chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự học và tự nghiên cứu của người học. Nghị quyết 29 đồng thời đề cao yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, khuyến khích phát triển các mô hình giáo dục đa dạng, đặc biệt là các trường ĐHTT hoạt động theo định hướng xã hội hóa và không vì lợi nhuận, đây là định hướng quan trọng cho việc đổi mới PPGD con người toàn diện.

Luật giáo dục đại học (2018) [13], là văn bản pháp lý quan trọng cụ thể hóa chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện GDĐH ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Lần đầu tiên xác định rõ quyền tự chủ đại học như một nguyên tắc nền tảng, khẳng định: “cơ sở GDĐH được tự xác định mục tiêu,

lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu và chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản”. Đồng thời mở rộng chính sách của Nhà nước về phát triển GDDH theo hướng xã hội hóa, khuyến khích phát triển các trường ĐHTT, đặc biệt là trường hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các loại hình cơ sở giáo dục đại học. Cơ chế này góp phần hình thành hệ thống quản trị hiện đại, tăng tính linh hoạt và hiệu quả trong quản lý, qua đó tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục triển khai những PPGD phù hợp với nhu cầu của người học, chú trọng kỹ năng thực hành, năng lực sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Quyết định số 749/QĐ-TTg (2020) của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “*Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” [15], ngành giáo dục và đào tạo được xác định là một trong tám lĩnh vực ưu tiên hàng đầu trong lộ trình chuyển đổi số quốc gia. Mục tiêu trọng tâm của chương trình là “phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; phát triển hệ thống học tập trực tuyến mở”, đồng thời xây dựng “hệ thống đánh giá năng lực người học dựa trên công nghệ số”. Nội dung này tác động sâu sắc đến đổi mới PPGD đại học, chuyển từ PP giảng dạy truyền thống sang PPDH tích cực, nơi người học đóng vai trò trung tâm, chủ động tiếp cận tri thức qua các nền tảng trực tuyến và dữ liệu mở. Đối với các trường ĐHTT, chính sách chuyển đổi số tạo động lực ĐMPP giảng dạy theo hướng linh hoạt, sáng tạo và gắn kết hơn với nhu cầu thị trường.

Kết luận số 91-KL/TW (2024) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) [8], đã và đang tạo ra những tác động sâu rộng đối với quá trình đổi mới GDDH trên địa bàn Hà Nội, đặc biệt trong khối các trường ĐHTT. Trên cơ sở tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, kết luận này thể hiện sự kiên định của Đảng trong việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, mở ra định hướng cụ thể, thực tiễn, phù hợp với bối cảnh hội nhập, chuyển đổi số hiện nay. Tại Hà Nội, nơi tập trung nhiều cơ sở giáo dục

ĐHTT, Kết luận 91 đã thúc đẩy mạnh mẽ việc triển khai mô hình giáo dục lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tự chủ của các trường, ĐMPP giảng dạy, kiểm định chất lượng và ứng dụng công nghệ vào quá trình đào tạo. Kết luận 91 đã trở thành nền tảng chính trị, pháp lý quan trọng cho các trường ĐHTT trong hoạch định chiến lược phát triển, từng bước hiện thực hóa tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị cốt lõi trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024) của Bộ Chính trị về *“Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”* [9], xác định giáo dục và đào tạo, đặc biệt là giáo dục đại học, là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, giữ vai trò quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy chuyển đổi số. Nghị quyết nhấn mạnh việc phát triển, trọng dụng nhân lực khoa học và công nghệ, khuyến khích xây dựng mô hình GDDH số, hiện đại hóa phương thức đào tạo, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy và nghiên cứu. Đồng thời, Nghị quyết đề ra yêu cầu phát triển ĐNGV, nhà khoa học có năng lực nghiên cứu và giảng dạy lĩnh vực công nghệ cao, mở rộng hợp tác với các đại học uy tín quốc tế, đổi mới mạnh mẽ chương trình và PP đào tạo theo chuẩn quốc tế. Đối với các trường ĐHTT, Nghị quyết 57-NQ/TW tạo động lực mạnh mẽ để nâng cấp hạ tầng số, đầu tư ĐNGV, mở rộng hợp tác doanh nghiệp và quốc tế, đồng thời ĐMPP giảng dạy theo hướng tương tác, sáng tạo và thực hành, góp phần hình thành môi trường giáo dục mở, đổi mới sáng tạo toàn diện trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

Quyết định số 1705/QĐ-TTg (2024) của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *“Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”* [17], chiến lược này nhấn mạnh việc tiếp tục đổi mới nội dung, PPGD và đào tạo, hướng đến phát triển phẩm chất, năng lực, tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng và học tập suốt đời của người học, coi đây là trọng tâm của quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Điều này yêu cầu các cơ sở

GDDH phải ĐMPP giảng dạy, kiểm tra và đánh giá theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên, tăng cường ứng dụng công nghệ, thực hành nghề nghiệp và liên kết doanh nghiệp. Đối với các trường ĐHTT, Quyết định 1705/QĐ-TTg mở ra không gian tự chủ và cơ hội đổi mới mạnh mẽ trong mô hình đào tạo. Các trường có thể chủ động xây dựng chương trình đào tạo linh hoạt, tích hợp yếu tố số hóa và liên thông quốc tế, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo, phát huy năng lực tự học và sáng tạo của sinh viên.

Nghị quyết số 68-NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị *“Về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”* [10], đã mở ra nhiều cơ hội và tạo động lực cho quá trình đổi mới giáo dục đại học, đặc biệt tại các trường ĐHTT. Nghị quyết tạo hành lang pháp lý và môi trường thuận lợi cho việc tăng cường liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp tư nhân, khuyến khích cơ chế đặt hàng đào tạo và đầu tư của khu vực tư nhân vào giáo dục, giúp các trường tự thực phát triển chương trình đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn, đổi mới cách thức tổ chức dạy học theo hướng linh hoạt và ứng dụng. ĐMPP giảng dạy gắn với xây dựng nền tảng học tập trực tuyến, học liệu số và triển khai mô hình học tập cá nhân hóa, học suốt đời.

Nghị quyết số 71-NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị *“Về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo”* [11], xác định GDDH là nòng cốt trong phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài và đổi mới sáng tạo quốc gia. Nghị quyết yêu cầu đổi mới chương trình GDDH theo chuẩn quốc tế, tích hợp nội dung về dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, khuyến khích phát triển đại học công nghệ thế hệ mới và đại học đổi mới sáng tạo. Nghị quyết nhấn mạnh việc hiện đại hóa, chuyển đổi số toàn diện trong quản trị, giảng dạy, học tập, đánh giá, phát triển nền tảng giáo dục thông minh, sách giáo khoa và giáo trình số. Nội dung này có tác động sâu sắc đến đổi mới PPGD đại học, chuyển từ giảng dạy truyền thụ sang PP học tập tích cực, sáng tạo và dựa trên công nghệ. Đối với các trường ĐHTT, Nghị quyết

71-NQ/TW tạo động lực đổi mới toàn diện trong mô hình đào tạo, tự chủ học thuật và hợp tác quốc tế.

- *Chủ trương đổi mới phương pháp giáo dục của các trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội*

Giai đoạn 2013-2025, ĐMPP giảng dạy được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của GDĐH Việt Nam. Chủ trương này tập trung vào việc chuyển từ lối dạy học truyền thụ một chiều sang mô hình lấy người học làm trung tâm, khuyến khích sự chủ động, sáng tạo và khả năng vận dụng tri thức vào thực tiễn. Các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội đã cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước bằng nhiều chiến lược khác nhau. Chẳng hạn như: “Đại học VinUni, ngay từ những ngày đầu thành lập, trường đã xác lập một triết lý giáo dục hiện đại với bốn trụ cột cơ bản: học tập chủ động, học tập trải nghiệm, học tập theo nhóm và nghiên cứu liên ngành” [113]. Triết lý này không chỉ là nền tảng định hướng cho hoạt động giảng dạy mà còn được coi như kim chỉ nam trong toàn bộ chiến lược phát triển đào tạo và nghiên cứu của nhà trường. Trong *sứ mệnh, tầm nhìn* [111], VinUni định hướng xây dựng một môi trường học tập lấy sinh viên làm trung tâm, coi sinh viên là chủ thể của quá trình giáo dục. Nhà trường đặt trọng tâm vào việc tạo điều kiện để sinh viên chủ động tìm tòi tri thức, phát triển kỹ năng, cũng như hình thành năng lực nghiên cứu và sáng tạo. Song song với đó, VinUni chủ trương gắn kết chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế, nhằm xây dựng một hệ sinh thái giáo dục tiên tiến, tiệm cận các chuẩn mực hàng đầu thế giới.

RMIT Việt Nam, trong *Kế hoạch giáo dục của Rmit đến năm 2025* [134], chủ trương ĐMPP giảng dạy được gắn với với ba trụ cột: *Active - Applied - Authentic*. Cụ thể: *Active* nhấn mạnh đến việc xây dựng môi trường học tập chủ động, trong đó sinh viên không chỉ tiếp thu tri thức một chiều từ giảng viên mà được khuyến khích tham gia thảo luận, phản biện, làm việc nhóm và tự khám phá tri thức; *Applied* thể hiện định hướng gắn kết đào tạo

với thực tiễn nghề nghiệp, đảm bảo sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể trong công việc và cuộc sống. Đây là điểm khác biệt quan trọng của RMIT, khi nhà trường chú trọng vào khả năng thích ứng nghề nghiệp và kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế; *Authentic* khẳng định tính xác thực và giá trị thực tiễn của quá trình giáo dục, trong đó các học phần, dự án và hoạt động đánh giá được thiết kế sát với bối cảnh nghề nghiệp, giúp sinh viên rèn luyện năng lực trong môi trường gần với thực tế lao động nhất. Bên cạnh đó, RMIT còn chủ trương ĐMPP giảng dạy theo hướng phát triển tư duy phản biện, năng lực nghề nghiệp và tinh thần sáng tạo của sinh viên, coi đây là những phẩm chất cốt lõi của công dân toàn cầu.

Còn chủ trương đổi mới PPGD của FPT nằm trong triết lý giáo dục “*Thực học - Thực nghiệp*”, thể hiện rõ định hướng gắn kết chặt chẽ giữa quá trình đào tạo và yêu cầu của thực tiễn. Trường quan niệm rằng GDDH không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức hàn lâm mà còn phải đảm bảo khả năng vận dụng vào nghề nghiệp và đời sống xã hội. Chính vì vậy, FPT đặt mục tiêu đào tạo thế hệ sinh viên có thể hội tụ cả bốn yếu tố: Tri thức lý thuyết, kỹ năng thực hành, năng lực nghiên cứu và phẩm chất nghề nghiệp. Với định hướng phát triển “*Đại học thế hệ mới*” [82], nhà trường chủ trương xây dựng một chương trình đào tạo liên tục cập nhật, tích hợp công nghệ và PP học tập tiên tiến, nhằm giúp sinh viên thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của khoa học, công nghệ cũng như thị trường lao động.

Chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2030 của Đại học Phenikaa [69], thể hiện rõ định hướng đổi mới PPGD được xác lập như một trụ cột chiến lược. Nhà trường chủ trương xây dựng mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo”, coi đây là nền tảng xuyên suốt cho sự phát triển lâu dài. Mô hình này không dừng lại ở việc truyền thụ tri thức hàn lâm theo cách truyền thống mà mở rộng sang việc gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo - nghiên cứu - đổi mới sáng tạo - khởi nghiệp. Một trong những điểm nổi bật của chiến lược là việc *đổi mới PPDH gắn với nghiên cứu khoa học*. Thay vì chỉ học lý thuyết trong lớp, sinh

viên được khuyến khích tham gia vào các dự án nghiên cứu, từ đó hình thành năng lực khoa học, kỹ năng sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề thực tiễn. Mô hình này giúp quá trình học tập thành cơ hội trải nghiệm, tạo điều kiện để người học rèn luyện bản lĩnh nghề nghiệp và tư duy độc lập. Đây chính là cách thức mà Phenikaa thúc đẩy tinh thần học tập chủ động, đồng thời gắn liền với nhu cầu đổi mới sáng tạo trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0.

Trong *Chiến lược phát triển HUBT*, chủ trương đổi mới PPGD theo nguyên tắc “*gắn lý thuyết với thực hành*” [29], GDĐH không chỉ dừng ở việc trang bị kiến thức hàn lâm mà cần đồng thời phát triển năng lực vận dụng vào môi trường nghề nghiệp. Một trong những ưu tiên của HUBT là xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Ban Giám hiệu nhà trường đã ban hành nhiều chủ trương đổi mới PPDH theo định hướng lấy người học làm trung tâm, người học là chủ thể chính của hoạt động học tập, còn giảng viên đóng vai trò hướng dẫn, đồng hành và tạo điều kiện để người học phát huy tối đa năng lực cá nhân. Đây là bước chuyển quan trọng trong chủ trương đổi mới PPGD của HUBT, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thúc đẩy sự chủ động, sáng tạo của người học.

Viện Nghiên cứu Nhận thức và Giáo dục (TICES) [44] được xem là minh chứng cho chủ trương đổi mới PPGD của đại học Thăng Long. Sự ra đời của TICES không chỉ khẳng định định hướng coi đổi mới giáo dục là trọng tâm phát triển, mà còn tạo cơ sở khoa học để nhà trường thường xuyên đánh giá, điều chỉnh, hoàn thiện các PP dạy và học, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của GDĐH hiện đại. Trong chiến lược phát triển dài hạn, đại học Thăng Long nhấn mạnh việc xây dựng mô hình đào tạo mang tính linh hoạt và thích ứng cao, tạo ra lộ trình học tập đa dạng, mở, cho phép sinh viên lựa chọn học phần và PP tiếp cận phù hợp với năng lực, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp cá nhân. Đây được coi là bước đi quan trọng trong việc

chuyển từ PPGD truyền thống sang mô hình giáo dục cá nhân hóa, lấy sinh viên làm trung tâm của nhà trường.

Từ chủ trương đổi mới PPGD sinh viên của các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội cho thấy sự kế thừa sâu sắc các PPGD của Hồ Chí Minh, đồng thời thể hiện nhiều nội dung vận dụng linh hoạt phù hợp với yêu cầu của thời đại số. Trước hết, các trường đều chủ trương vận dụng PP đối thoại, dân chủ khi chuyển mạnh từ dạy học truyền thụ sang mô hình *lấy người học làm trung tâm*, coi sinh viên là chủ thể tích cực trong quá trình học tập và sáng tạo. Mỗi quan hệ thầy, trò được thiết lập trên tinh thần tôn trọng, trao đổi, khuyến khích phản biện và chia sẻ tri thức, thể hiện rõ nét ở các mô hình học tập chủ động của VinUni, RMIT, FPT hay Phenikaa. Tiếp đó, PP nêu gương được thể hiện trong chủ trương xây dựng ĐNGV không chỉ có trình độ chuyên môn cao mà còn là những *người hướng dẫn, đồng hành, truyền cảm hứng* cho sinh viên thông qua nghiên cứu, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Các trường cũng vận dụng PP tự học khi xây dựng môi trường học tập mở, cá nhân hóa, cho phép sinh viên tự lựa chọn học phần, PP và thời gian học tập linh hoạt. Bên cạnh đó, PP thi đua gắn với khen thưởng được thể hiện qua các chủ trương như: Triển lãm đồ án tốt nghiệp, cuộc thi sáng tạo vì phát triển bền vững, cuộc thi trí tuệ nhân tạo và Robot FPTU. Cuối cùng, các trường đều thể hiện rõ PPGD phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu xã hội, khi chủ động gắn đào tạo với doanh nghiệp, thực hành nghề nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh kinh tế tri thức.

Điểm mới nổi bật trong chủ trương đổi mới PPGD của các trường hiện nay là sự tích hợp giữa triết lý PPGD truyền thống của Hồ Chí Minh gắn với xu hướng giáo dục hiện đại, thông qua việc ứng dụng chuyển đổi số, học tập trải nghiệm, học tập theo dự án và nghiên cứu liên ngành. Từ chủ trương đổi mới PPGD có thể nhận thấy các trường đã và đang vận dụng linh hoạt, sáng tạo PPGD của Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và nhu cầu của xã hội hiện đại.

3.1.3. Phương pháp giáo dục sinh viên các trường đại học tư thực giai đoạn (2013-2025)

Từ chủ trương đổi mới PPGD của Đảng, Nhà nước, các trường ĐHTT đã triển khai đổi mới PPGD, theo hướng hiện đại, cá nhân hóa và lấy người học làm trung tâm.

Một là, tổ chức thực hiện phương pháp đối thoại, dân chủ trong giáo dục.

Nhận thức rõ về vai trò của PP đối thoại, dân chủ trong giáo dục, các trường đã chủ động triển khai thực hiện và cụ thể hóa trong chiến lược phát triển. Đại học VinUni đã xác lập triết lý giáo dục “Học tập chủ động, học tập trải nghiệm, học tập theo nhóm và nghiên cứu liên ngành” [139], hướng đến môi trường học tập tương tác, bình đẳng và sáng tạo; đại học RMIT Việt Nam triển khai PP đối thoại, dân chủ có hệ thống dưới định hướng giảng dạy “Chủ động - Ứng dụng - Thực tiễn” [133], với các hình thức đánh giá đa dạng như thuyết trình, phản biện nhóm, hồ sơ học tập cá nhân thay cho thi cử truyền thống; đại học FPT, thông qua mô hình “Học tập thực tiễn - Gắn với doanh nghiệp” [131], đã áp dụng PP học tập theo dự án gắn liền với nhu cầu doanh nghiệp và cộng đồng, khuyến khích thảo luận và giải quyết vấn đề thực tiễn; tại đại học Phenikaa, PP đối thoại được lồng ghép trong chiến lược phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp [128], góp phần hình thành môi trường học tập dân chủ, khuyến khích sinh viên chủ động kiến tạo tri thức; trường đại học HUBT, cũng thể hiện sự chuyển biến tích cực trong chỉ đạo tổ chức các hoạt động học tập có tính đối thoại, dân chủ như seminar, học nhóm, phát vấn trong giờ lý thuyết. Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo triển khai hình thức lấy ý kiến sinh viên thường xuyên sau mỗi kỳ học, để cải tiến chương trình. Sinh viên được trao đổi, bày tỏ quan điểm trên các fanpage của nhà trường, thiết lập các diễn đàn trao đổi trực tuyến trên hệ thống LMS và tăng cường mối quan hệ thầy, trò theo hướng đồng hành, tôn trọng và phản biện lẫn nhau qua các nhóm học tập trên zalo; trường đại học Thăng Long thành

lập Viện Nghiên cứu nhận thức và giáo dục (TICES) [44], một đơn vị tập trung vào nghiên cứu cải thiện PPGD. Mặc dù không có nhiều công bố cụ thể về áp dụng PP lớp học dân chủ, nhưng sự hiện diện của Viện TICES cho thấy một định hướng nghiêm túc về đổi mới giáo dục, đặc biệt là phát triển kỹ năng giảng dạy, tư duy và khả năng phản biện.

Từ nhận thức, các trường đã từng bước chuyển hóa thành nội dung, hình thức và PP vận dụng. Về nội dung, PP đối thoại, dân chủ được thể hiện trong chiến lược đào tạo và hoạt động giảng dạy của các trường: RMIT tổ chức các lớp học thảo luận, phản biện nhóm; FPT triển khai PP học gắn với dự án thực tế; Phenikaa tích hợp đối thoại vào các chương trình đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; về hình thức và PP giảng dạy nhiều trường đã mở rộng không gian đối thoại thông qua seminar, học nhóm, phát vấn, tọa đàm và lớp học dự án; riêng đại học HUBT chú trọng tổ chức các hoạt động học tập mang tính trao đổi, bình đẳng giữa giảng viên và sinh viên. Có thể nhận thấy PPGD đối thoại, dân chủ đã bước đầu được chú trọng trong tổ chức thực hiện của nhiều trường đại học. Những trường tiên phong đã thể hiện vai trò dẫn dắt trong chuyển đổi mô hình giáo dục sang hướng cởi mở, tôn trọng sinh viên và phát huy năng lực, phẩm chất của người học. Tuy nhiên, để PP này thực sự trở thành nền tảng trong mọi hoạt động dạy học, cần có sự đồng bộ hóa giữa chính sách của nhà trường, năng lực ĐNGV và văn hóa học tập đối thoại, dân chủ trong nhà trường.

Hai là, tổ chức thực hiện phương pháp nêu gương trong giáo dục.

Phương pháp giáo dục nêu gương của Hồ Chí Minh đã được nhiều trường ĐHTT khẳng định là một trong những trọng tâm trong ĐMPP giảng dạy và xây dựng văn hóa học đường.

Tại VinUni, tổ chức thực hiện PP nêu gương được thể hiện trong hệ thống cố vấn học tập, nơi cán bộ quản lý và giảng viên không chỉ truyền đạt tri thức mà còn được kỳ vọng trở thành hình mẫu về đạo đức nghề nghiệp, phong cách nghiên cứu và tác phong làm việc. Việc mời các giáo sư đầu

ngành tham gia Hội đồng trường [114] cho thấy nhận thức của nhà trường về vai trò nêu gương từ những tấm gương học thuật tiêu biểu; *tương tự, RMIT Việt Nam* với triết lý “Ứng dụng - Thực tiễn” đề cao tính chuyên nghiệp và tinh thần dẫn dắt của giảng viên. Nhà trường khuyến khích giảng viên thể hiện phong cách làm việc chuẩn mực, tư duy phản biện và tinh thần hợp tác, qua đó hình thành những hình mẫu thực tiễn để sinh viên noi theo; *đại học FPT*, văn hóa nêu gương thể hiện qua tinh thần giảng viên đồng hành cùng sinh viên, tham gia trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu, đề tài thực tế, tổ chức ngoại khóa và phát triển kỹ năng nghề nghiệp [87]; *tại Phenikaa*, PP nêu gương được lồng ghép trong chương trình đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, giảng viên được xem là người truyền cảm hứng, dẫn dắt sinh viên thông qua seminar, dự án nghiên cứu và các không gian sáng tạo; *ở đại học HUBT*, việc nêu gương được cụ thể hóa qua các phong trào người tốt, việc tốt và các chương trình tôn vinh sinh viên đạt thành tích, góp phần hình thành hình mẫu đạo đức và tinh thần trách nhiệm xã hội; *đại học Thăng Long* tuy chưa có chính sách riêng về PP nêu gương, nhưng việc xây dựng chương trình đào tạo linh hoạt, cập nhật xu thế quốc tế và lan tỏa hình ảnh sinh viên, cựu sinh viên tiêu biểu qua các kênh truyền thông chính thức cho thấy PP này đã được triển khai và hiệu quả trong thực tiễn.

Từ đó các trường từng bước chuyên hóa PP nêu gương thành nội dung, hình thức và PP giảng dạy. Về nội dung, việc nêu gương được gắn với các giá trị đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, hợp tác và sáng tạo; được lồng ghép trong các học phần kỹ năng, hoạt động ngoại khóa và chương trình hỗ trợ sinh viên. Về hình thức, các trường triển khai đa dạng như: cố vấn học tập ở VinUni, đối thoại với doanh nghiệp ở RMIT, trải nghiệm thực tế tại FPT, seminar và không gian sáng tạo ở Phenikaa, phong trào tôn vinh sinh viên điển hình ở HUBT, lan tỏa hình ảnh sinh viên tiêu biểu ở đại học Thăng Long. Về phương pháp, giảng viên thể hiện nêu gương qua thái độ, tác phong, năng lực chuyên môn và khả năng truyền cảm hứng. Nhiều trường mở rộng vai trò

nêu gương từ giảng viên sang cán bộ quản lý và sinh viên điển hình, qua đó hình thành hệ sinh thái học tập dựa trên hình mẫu. Thực tiễn tổ chức thực hiện tại các trường đại học, PP nêu gương đã bước đầu được quan tâm trong định hướng đào tạo và xây dựng môi trường học đường tích cực. Tuy nhiên, ở nhiều trường, PP nêu gương vẫn chưa được thể chế hóa mang tính hệ thống, văn bản chính sách, vẫn thiếu tiêu chí cụ thể và cơ chế giám sát rõ ràng cho PP nêu gương. Các hoạt động thường mang tính tự phát, phụ thuộc vào chủ trương của từng khoa hoặc phong trào đoàn thể học đường.

Ba là, tổ chức thực hiện phương pháp tự học, học tập thường xuyên, học suốt đời.

Chuyển đổi số và phát triển kinh tế tri thức, PP tự học, học tập thường xuyên và học suốt đời đang trở thành xu thế giáo dục tất yếu tại nhiều trường ĐHTT, đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực có năng lực tự thích ứng, học hỏi liên tục trong suốt cuộc đời. Các trường đã quan tâm đến phát triển kỹ năng tự học, chủ động học tập và khai thác nguồn tài nguyên học tập mở cho sinh viên, thông qua các hình thức tổ chức đào tạo linh hoạt và hỗ trợ học tập số hóa.

Đại học VinUni, đào tạo cá nhân hóa theo năng lực và định hướng nghề nghiệp; chương trình học mở, linh hoạt với sự đồng hành của giảng viên và cố vấn học tập; hệ thống thư viện số, LMS, học liệu từ Cornell và Penn giúp sinh viên tự nghiên cứu [140]; *RMIT Việt Nam* tiên phong trong cá nhân hóa học tập và học tiếp kết hợp trực tuyến; chương trình “hỗ trợ học tập đồng đẳng” thúc đẩy học đồng đẳng, củng cố ý thức học tập suốt đời [136]. FPT với triết lý “Thực học - Thực nghiệp” thể hiện qua hệ thống nền tảng học tập và quản lý giáo dục, kết nối hơn 80.000 đầu sách điện tử, thư viện số và các khóa học trực tuyến. Sinh viên bắt buộc hoàn thành $\geq 20\%$ khối lượng học qua hệ thống, giảng viên cập nhật ≥ 30 giờ/năm đào tạo trực tuyến [88]; *Phenikaa* gắn học tập với nghiên cứu, đổi mới, ứng dụng, phát triển hệ sinh thái công nghệ số, giúp sinh viên chủ động nghiên cứu độc lập, học tập liên

ngành [73]; *HUBT* triển khai LMS riêng từ năm 2020, tích hợp học liệu số, bài giảng điện tử, kiểm tra trực tuyến, khuyến khích học nhóm, seminar, học liệu mở, kết hợp học trực tiếp, trực tuyến, cá nhân hóa tiến độ qua hệ thống theo dõi tự động [27, 30]; *Thăng Long* kết hợp lý thuyết với thực hành, yêu cầu sinh viên thường xuyên đọc tài liệu, phân tích tình huống, thảo luận nhóm. Đầu tư LMS nội bộ, lớp học trực tuyến, kho học liệu điện tử, khuyến khích học ngoài giờ, đặc biệt trong các ngành ngoại ngữ, y tế công cộng và công nghệ thông tin [45].

Trên cơ sở đó, các trường đã cụ thể hóa tinh thần tự học và học tập suốt đời thành nội dung, hình thức và PP phù hợp với đặc điểm người học và môi trường giáo dục tự thực. Về nội dung, các trường lồng ghép giá trị tự chủ trong học tập, nghiên cứu và vào hoạt động đào tạo, tích hợp trong học phần kỹ năng mềm, hoạt động ngoại khóa và chương trình hỗ trợ sinh viên, qua đó hình thành thói quen học tập chủ động, rèn luyện năng lực tự học lâu dài; Về hình thức và PP giảng dạy, các trường triển khai mô hình đào tạo linh hoạt, học tập kết hợp khai thác tài nguyên mở, học qua dự án và học tập cộng đồng, mở rộng không gian và thời gian học tập, giúp sinh viên chủ động lựa chọn lộ trình và phương thức học phù hợp. Có thể thấy, trong bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, các trường ĐHTT đã bước đầu thể hiện sự chuyển biến tích cực trong tổ chức thực hiện PP tự học, học tập thường xuyên và học suốt đời. Tuy mức độ triển khai còn khác nhau giữa các trường, nhưng nhìn chung, xu hướng này đang dần trở thành một định hướng chiến lược và là yếu tố cốt lõi nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời đại số và kinh tế tri thức.

Bốn là, tổ chức thực hiện phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu xã hội.

Phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu xã hội đang trở thành một định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển của

nhiều trường đại học. Nhiều trường đã triển khai các mô hình đào tạo đa dạng, chú trọng năng lực thực hành, kỹ năng nghề nghiệp, đồng thời mở rộng không gian học tập phù hợp với đặc điểm người học, đặc thù ngành nghề và bối cảnh xã hội.

Tại VinUni đánh giá năng lực đầu vào và xây dựng kế hoạch học tập cá nhân dưới sự hướng dẫn của giảng viên, cố vấn học tập. Chương trình đào tạo tích hợp liên ngành, linh hoạt giữa học phần và thực hành, giúp người học phát triển tư duy và thích ứng với môi trường nghề nghiệp đa dạng [112]; *RMIT Việt Nam* áp dụng điều chỉnh chương trình, PP giảng dạy dựa trên nhu cầu thực tế từng ngành và từng nhóm sinh viên. Học phần được thiết kế theo chuẩn doanh nghiệp, kết hợp đào tạo, thực tập và đánh giá thực tiễn. Sinh viên được tự chọn lộ trình học cá nhân, có quyền tăng tốc hoặc rút ngắn thời gian học [94]; *đại học FPT* thực hiện PP cá nhân hóa qua triết lý “Thực học - Thực nghiệp”, từ năm thứ hai sinh viên được phân nhóm theo năng lực và định hướng nghề nghiệp để tham gia kỳ thực tập OJT dài hạn, dự án thực tế, có cố vấn học tập hỗ trợ. Đồng thời triển khai đào tạo song ngữ, học bằng tiếng Anh tùy năng lực đầu vào [80]; *đại học Phenikaa* phát triển chương trình đào tạo cá nhân hóa trong mô hình đại học đổi mới sáng tạo, sinh viên học theo lộ trình mở, tham gia nhóm nghiên cứu, khởi nghiệp ngay từ năm nhất. Các học phần thiết kế linh hoạt theo mô-đun, cho phép học song ngành, tích hợp kiến thức liên ngành [70]; *đại học HUBT* điều chỉnh chương trình dựa trên khảo sát doanh nghiệp, phản hồi cựu sinh viên và phòng đảm bảo chất lượng. Triển khai học phần thực hành tại doanh nghiệp, đồng thời tổ chức hội chợ việc làm để sinh viên gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với doanh nghiệp [25]; *đại học Thăng Long* thực hiện PPGD gắn thực tiễn xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực y tế công cộng, kế toán, tài chính, ngoại ngữ; chương trình ngoại ngữ được thiết kế phân tầng theo năng lực đầu vào và định hướng nghề nghiệp. Những mô hình này cho thấy các trường ĐHTT đang vận dụng linh hoạt nguyên lý giáo dục

của Hồ Chí Minh vào thực tiễn, góp phần cá nhân hóa quá trình dạy học, gắn đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp và nhu cầu xã hội.

Từ nhận thức trên, các trường đã chuyển hóa PPGD cá nhân hóa thành nội dung, hình thức và PP tổ chức giảng dạy. Về nội dung, chương trình đào tạo được thiết kế linh hoạt, tích hợp liên ngành, chú trọng năng lực thực hành, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng nghề nghiệp. Các học phần đều hướng tới mục tiêu phát triển năng lực cá nhân, tư duy độc lập và sáng tạo của sinh viên. Về hình thức, PP giảng dạy, nhiều trường triển khai đào tạo theo mô-đun, học tập linh hoạt theo lộ trình cá nhân, kết hợp đào tạo, thực tập, khởi nghiệp và đánh giá thực tiễn; mở rộng không gian học tập với phòng lab, xưởng thực hành, dự án mô phỏng, khuyến khích sinh viên học mọi lúc, mọi nơi. Có thể thấy, PPGD phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu xã hội đang được các trường ĐHTT tổ chức thực hiện ngày càng linh hoạt và thực tiễn hơn. Nhiều trường đã xây dựng chương trình đào tạo có khả năng cá nhân hóa, cho phép sinh viên lựa chọn lộ trình học tập theo năng lực và mục tiêu nghề nghiệp. Việc gắn kết đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động, kết hợp học tập, thực hành, khởi nghiệp ngay từ sớm đã góp phần phát huy vai trò chủ động của người học, nâng cao tính thích ứng và hiệu quả giáo dục. Đây là hướng đi phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại và đáp ứng tốt yêu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao.

Năm là, tổ chức thực hiện phương pháp thi đua gắn khen thưởng trong giáo dục.

Nhiều trường ĐHTT bước đầu triển khai PP thi đua gắn với khen thưởng như một công cụ quản lý, tạo động lực và định hướng hành vi học tập, rèn luyện cho sinh viên. Thi đua không dừng lại ở khẩu hiệu mà dần được thể chế thành cơ chế đánh giá, xét thưởng và tôn vinh những cá nhân, tập thể có đóng góp tích cực trong học tập, nghiên cứu và hoạt động xã hội.

Tại VinUni tổ chức hệ thống học bổng cạnh tranh theo kỳ, giải thưởng nghiên cứu khoa học, dự án sinh viên và bảng xếp hạng sinh viên xuất sắc,

khen thưởng dựa trên điểm số, năng lực nghiên cứu, kỹ năng tổ chức, sáng tạo và trách nhiệm xã hội, giúp hình thành văn hóa thi đua toàn diện [137]; *RMIT Việt Nam* gắn thi đua trong đánh giá học tập qua dự án thực tiễn thay vì thi cử truyền thống. Sinh viên tham gia các chương trình học tập trải nghiệm và đổi mới sáng tạo vì cộng đồng, nhận học bổng khen thưởng theo năng lực giải quyết vấn đề, tính sáng tạo và hiệu quả ứng dụng. Các tiêu chí khen thưởng được công bố công khai trong kế hoạch giáo dục 2021-2025 [135]; *đại học FPT* xây dựng mô hình thi đua, khen thưởng gắn với thực hành nghề nghiệp và đổi mới sáng tạo. Hằng năm, trường tổ chức các cuộc thi lập trình, khởi nghiệp công nghệ, cuộc thi sáng tạo trí tuệ nhân tạo; kỳ thực tập doanh nghiệp được xem là “thi đua nghề nghiệp”, với cơ chế đánh giá, xếp loại và đề xuất học bổng rõ ràng [132]; *đại học Phenikaa* lồng ghép thi đua trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp Phenikaa do dự án đổi mới sáng tạo Phenikaa tài trợ và đầu tư. Sinh viên được khuyến khích trình bày kết quả nghiên cứu, công bố khoa học, tham gia cuộc thi quốc tế, hình thành văn hóa thi đua gắn với sáng tạo và cống hiến [127]; *đại học HUBT* đưa thi đua, khen thưởng vào kế hoạch công tác thường niên, vinh danh sinh viên xuất sắc toàn khóa, sinh viên tiêu biểu vượt khó, đội tuyển dự thi chuyên ngành, tạo cơ hội để sinh viên phấn đấu, rèn luyện và khẳng định bản thân [28]; *đại học Thăng Long* duy trì hệ thống học bổng và giải thưởng dành cho sinh viên có thành tích nổi bật, tổ chức lễ vinh danh học bổng nghiên cứu khoa học và học bổng doanh nghiệp, cùng các cuộc thi chuyên ngành tiếng Anh, kế toán ứng dụng, công nghệ thông tin nhằm phát hiện, khích lệ những tấm gương học tập tiêu biểu [46].

Từ quá trình tổ chức thực hiện các trường đã triển khai PP thi đua, khen thưởng một cách cụ thể, sáng tạo và phù hợp với đặc điểm người học. Về nội dung, các hoạt động thi đua được mở rộng từ lĩnh vực học tập sang nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, sáng tạo và phục vụ cộng đồng, gắn kết đánh giá

kết quả học tập với rèn luyện đạo đức trong cùng một hệ thống quản lý. Về hình thức, PP thi đua, khen thưởng được thể chế hóa thành các chương trình học bổng, bảng xếp hạng, giải thưởng nghiên cứu, sáng tạo và phục vụ cộng đồng, nhằm khuyến khích nỗ lực cá nhân và tinh thần hợp tác tập thể. Như vậy, việc tổ chức thực hiện PP thi đua gắn với khen thưởng trong giáo dục tại các trường đã có những bước phát triển tích cực. Các hình thức thi đua không còn mang tính hình thức mà đã được lồng ghép linh hoạt vào hoạt động học tập, nghiên cứu, khởi nghiệp và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Nhiều trường đã xây dựng cơ chế đánh giá minh bạch, đa chiều, gắn khen thưởng với kết quả thực chất và năng lực toàn diện của sinh viên. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, một số trường, PP thi đua, khen thưởng vẫn còn mang tính hình thức, chưa có cơ chế đánh giá minh bạch và gắn kết chặt chẽ với mục tiêu phát triển năng lực người học. Nhiều phong trào còn thiếu định hướng chiến lược, chưa có tiêu chí rõ ràng, dẫn đến việc thi đua mang tính ngắn hạn, phong trào, thiếu chiều sâu.

Có thể nhận thấy việc tổ chức thực hiện PPGD tại các trường đại học đã có những chuyển biến tích cực, phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại. Nhiều trường đã bước đầu áp dụng hiệu quả các PP như đối thoại, dân chủ; nêu gương; tự học, học tập suốt đời; thi đua gắn khen thưởng; và giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu xã hội. Các mô hình này được triển khai linh hoạt, gắn với thực tiễn đào tạo, góp phần nâng cao vai trò chủ động, tư duy phản biện và tinh thần học tập suốt đời của sinh viên. Tuy nhiên, mức độ thực hiện vẫn còn chưa đồng đều, một số cơ sở chưa thể chế hóa các biện pháp thành chính sách cụ thể, thiếu cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả. Đòi hỏi sự đồng bộ hơn trong định hướng chiến lược, năng lực tổ chức thực hiện và xây dựng văn hóa giáo dục phù hợp với cơ sở giáo dục.

3.2. THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC

3.2.1. Thành tựu, hạn chế và nguyên nhân

Thành tựu

Một là, phương pháp giáo dục đối thoại, dân chủ được triển khai hiệu quả trong môi trường giáo dục đại học tư thực.

Một trong những thành tựu nổi bật trong đổi mới PPGD tại các trường ĐHTT là triển khai hiệu quả PPGD đối thoại, dân chủ trong môi trường học tập, thể hiện ở cả nội dung, hình thức và PP giảng dạy. Kết quả khảo sát sinh viên ($n = 900$) cho thấy 89,1% đồng ý/hoàn toàn đồng ý rằng giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở, khuyến khích sinh viên tham gia bài giảng (LH9); 87,1% sinh viên cảm thấy tự tin khi phát biểu hoặc tham gia thảo luận (LH7); và 85,7% đồng ý rằng giảng viên có ghi nhận, tổng kết ý kiến sinh viên (LH8) [xin xem phụ lục 7]. Điều đó chứng tỏ môi trường học tập dân chủ đang được hình thành và phát triển trong các trường ĐHTT.

Mức độ chuyển biến về nhận thức của các chủ thể vận dụng thay đổi tích cực trong tư duy và thực tiễn thực hiện. *Về phía giảng viên*, 75,3% giảng viên được hỏi cho rằng thường xuyên khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu (AD2), biểu hiện của sự chuyển đổi từ dạy chữ sang dạy người, từ áp đặt sang đối thoại [xin xem phụ lục 8]. *Về phía sinh viên*, 82,9% cho rằng mình có hiểu biết về PP đối thoại, dân chủ trong giáo dục (HB1); 87,1% cảm thấy tự tin khi tham gia thảo luận, thể hiện sự trưởng thành trong năng lực tư duy, giao tiếp và tự chủ học tập (LH7) [xin xem phụ lục 7]. *Về phía cán bộ quản lý*, 53,4% khẳng định giảng viên được khuyến khích vận dụng PPGD tích cực (QL2); 93% cho biết hoạt động giảng dạy được kiểm tra, đánh giá định kỳ (QL3); và 96% đồng tình rằng PPGD Hồ Chí Minh có thể vận dụng hiệu quả trong GDDH hiện nay (ĐT2) [xin xem phụ lục 9].

**Bảng 3.1. Kết quả khảo sát thực trạng phương pháp giáo dục
đối thoại, dân chủ trong giáo dục sinh viên**

Chủ thể	Nội dung khảo sát	Tỷ lệ đồng ý/Hoàn toàn đồng ý (%)
Sinh viên, số phiếu =900	Giảng viên sử dụng câu hỏi gợi mở, khuyến khích sinh viên tham gia bài giảng	89,1
	Sinh viên cảm thấy tự tin khi phát biểu, tham gia thảo luận	87,1
	Giảng viên ghi nhận và tổng kết ý kiến sinh viên	85,7
	Sinh viên có hiểu biết về PPGD đối thoại, dân chủ	82,9
Giảng viên, số phiếu =150	Thường xuyên khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu	75,3
Cán bộ quản lý, số phiếu 30	Giảng viên được khuyến khích vận dụng PPGD tích cực	53,4
	Hoạt động giảng dạy được kiểm tra, đánh giá định kỳ	93,0
	PPGD Hồ Chí Minh có thể vận dụng hiệu quả trong GDDH hiện nay	96,0

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát

Như vậy, việc vận dụng PPGD đối thoại, dân chủ tại các trường ĐHTT ở Hà Nội đã mang lại những chuyển biến tích cực trong cả nhận thức và hành động của các chủ thể giáo dục. PP đối thoại, dân chủ không chỉ nâng cao chất lượng dạy và học, mà còn tạo nền tảng cho việc hình thành môi trường học tập bình đẳng, khai phóng và sáng tạo, khẳng định giá trị khoa học, nhân văn và khả năng thích ứng bền vững PPGD của Hồ Chí Minh trong bối cảnh GDDH hiện nay.

Hai là, phương pháp nêu gương đã phát huy các giá trị đạo đức, tinh thần trách nhiệm trong hoạt động giảng dạy, học tập ở các trường tư thục.

Phương pháp nêu gương là một giá trị cốt lõi trong tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh, được vận dụng hiệu quả trong môi trường giáo dục tại các trường ĐHTT. Thành tựu này thể hiện rõ qua sự chuyển biến trong nhận thức và từng bước chuyển hóa PP nêu gương thành nội dung, hình thức và PP giảng dạy. Theo kết quả *khảo sát giảng viên* ($n = 150$), 94,7% cho biết thường xuyên vận dụng PP nêu gương trong giảng dạy (AD1) [xin xem phụ lục 8], cho thấy PP này đã được triển khai trong nội dung và hình thức đào tạo. *Ở góc độ quản lý* 93% cán bộ cho biết hoạt động giảng dạy được kiểm tra, đánh giá định kỳ về hiệu quả (QL3) [xin xem phụ lục 9]. Như vậy, nội dung và hình thức vận dụng PP nêu gương trong các trường ĐHTT đã bước đầu mang tính hệ thống, phù hợp với đặc điểm của môi trường giáo dục tư thục hiện nay.

Bảng 3.2. Kết quả khảo sát thực trạng phương pháp nêu gương trong giáo dục sinh viên

Chủ thể	Nội dung khảo sát	Tỷ lệ đồng ý/ Hoàn toàn đồng ý (%)
Sinh viên, số phiếu =900	Sinh viên đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng việc giảng viên làm gương có tác động tích cực đến đạo đức và lối sống của người học	82,7
Giảng viên, số phiếu =150	Thường xuyên vận dụng PP nêu gương trong giảng dạy	94,7
Cán bộ quản lý, số phiếu 30	Cán bộ cho biết hoạt động giảng dạy được kiểm tra, đánh giá định kỳ về hiệu quả	93,0
	Cán bộ quản lý hoàn toàn đồng ý rằng PPGD của Hồ Chí Minh, bao gồm cả nêu gương, có thể vận dụng hiệu quả trong GDĐH hiện nay	96,0

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát

Việc vận dụng PP nêu gương đã tạo chuyển biến trong tư duy và hành động của các chủ thể giáo dục. Giảng viên chuyển từ vai trò truyền đạt tri thức sang người dẫn dắt, hình mẫu đạo đức và phong cách nghề nghiệp, thể hiện qua việc tham gia hoạt động thực tiễn, đồng hành cùng sinh viên, tổ chức học theo dự án và chia sẻ trải nghiệm nghề nghiệp. Theo kết quả khảo sát ($n = 900$), 82,7% sinh viên đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng việc giảng viên làm gương có tác động tích cực đến đạo đức và lối sống của người học (KQ7) [xin xem phụ lục 7]; 96% cán bộ quản lý hoàn toàn đồng ý rằng PPGD của Hồ Chí Minh, bao gồm cả nêu gương, có thể vận dụng hiệu quả trong GDDH hiện nay (ĐT2) [xin xem phụ lục 9]. Như vậy, PP nêu gương đã và đang được vận dụng hiệu quả trong hoạt động giảng dạy tại các trường ĐHTT ở Hà Nội, góp phần định hình hệ sinh thái học tập dựa trên giá trị hình mẫu, lan tỏa chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm trong cộng đồng. Thành tựu này có mối tương quan sâu sắc với PPGD nêu gương của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh không coi việc làm gương là hình thức mà là PP tác động mạnh mẽ, bền vững tới nhận thức, tình cảm và hành vi của người học thông qua tấm gương của thầy cô giáo và môi trường giáo dục.

Ba là, văn hóa tự học, học tập suốt đời đã lan tỏa, tạo chuyển biến tích cực đối với người dạy và người học.

Một chuyển biến tích cực khác của hoạt động giáo dục tại các trường ĐHTT là sự hình thành và lan tỏa văn hóa tự học, học tập suốt đời trong sinh viên. PP tự học và học tập suốt đời theo tư tưởng Hồ Chí Minh được các trường ĐHTT xác định là xu thế tất yếu của giáo dục hiện đại.

Về nhận thức, kết quả khảo sát sinh viên ($n = 900$) cho thấy mức độ nhận thức và thực hành tự học của sinh viên ở mức cao. Cụ thể, 76% sinh viên đồng ý PP tự học, học tập suốt đời của Hồ Chí Minh đã được giới thiệu trong nội dung môn học và trong hoạt động đào tạo (HB3); 84,4% sinh viên

cho rằng giảng viên yêu cầu sinh viên thực hiện các dự án học tập, học theo nhóm hoặc cá nhân (PP2); đặc biệt, 82,9% sinh viên đồng ý giảng viên có đưa ra các nhiệm vụ học tập gắn với định hướng khởi nghiệp cho sinh viên (PP8) [xin xem phụ lục 7]. Về trách nhiệm, kết quả khảo sát ($n = 150$) giảng viên cho thấy 85,4% giảng viên cho rằng có hiểu biết về PP tự học, giáo dục thường xuyên, tự học suốt đời của Hồ Chí Minh (HB3); 77,3% giảng viên đồng ý, PP tự học và học tập suốt đời vẫn còn nguyên giá trị trong bối cảnh giáo dục hiện nay (VD2); 70,3% giảng viên đồng ý quan điểm khi sinh viên được khuyến khích tự học, tự nghiên cứu theo PPGD của Hồ Chí Minh giúp nâng cao tính chủ động và khả năng tư duy độc lập của sinh viên (HQ2) [xin xem phụ lục 8]. Ở góc độ quản lý, 96% cán bộ quản lý khẳng định PPGD của Hồ Chí Minh có thể vận dụng hiệu quả trong GDĐH hiện nay, trong đó có PP tự học và học tập suốt đời (ĐT2); 50% cán bộ quản lý cho rằng, nhà trường có định hướng cụ thể về đổi mới PPGD theo hướng phát huy vai trò người học (QL1) [xin xem phụ lục 9].

Bảng 3.3. Kết quả khảo sát thực trạng phương pháp tự học, học tập suốt trong giáo dục sinh viên

Chủ thể	Nội dung khảo sát	Tỷ lệ đồng ý/ Hoàn toàn đồng ý (%)
Sinh viên, số phiếu =900	PP tự học, học tập suốt đời của Hồ Chí Minh đã được giới thiệu trong nội dung môn học và trong hoạt động đào tạo	76,0
	Giảng viên yêu cầu sinh viên thực hiện các dự án học tập, học theo nhóm hoặc cá nhân	84,4
	Giảng viên có đưa ra các nhiệm vụ học tập gắn với định hướng khởi nghiệp cho sinh viên	82,9

Chủ thể	Nội dung khảo sát	Tỷ lệ đồng ý/ Hoàn toàn đồng ý (%)
Giảng viên, số phiếu =150	Giảng viên cho rằng có hiểu biết về PP tự học, giáo dục thường xuyên, tự học suốt đời của Hồ Chí Minh	85,4
	Giảng viên đồng ý, PP tự học và học tập suốt đời vẫn còn nguyên giá trị trong bối cảnh giáo dục hiện nay	77,3
	Giảng viên đồng ý quan điểm khi sinh viên được khuyến khích tự học, tự nghiên cứu theo PPGD của Hồ Chí Minh giúp nâng cao tính chủ động và khả năng tư duy độc lập của sinh viên	70.3
Cán bộ quản lý, số phiếu 30	Cán bộ quản lý cho rằng PPGD của Hồ Chí Minh có thể vận dụng hiệu quả trong GDDH hiện nay, trong đó có PP tự học và học tập suốt đời	96,0
	Cán bộ quản lý cho rằng, nhà trường có định hướng cụ thể về đổi mới PPGD theo hướng phát huy vai trò người học	50,0

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát

Việc vận dụng PP tự học và học tập suốt đời đã tạo chuyển biến trong tư duy, hành động và văn hóa làm việc của các chủ thể giáo dục. Nhiều giảng viên đã trở thành người tự học suốt đời, liên tục cập nhật tri thức, chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp, tạo cảm hứng cho sinh viên. Ở góc độ quản lý, nhiều cán bộ đã chuyển từ tư duy quản trị hành chính sang quản trị học tập lấy người học làm trung tâm, chú trọng tạo môi trường học tập mở, tăng cường ứng dụng số và thúc đẩy đổi mới PPGD. Những kết quả trên cho thấy sự

tương thích rõ nét giữa thực tiễn giáo dục tại các trường ĐHTT với PP tự học và học tập suốt đời theo tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần hình thành thế hệ sinh viên có năng lực tự chủ, tinh thần nghiên cứu sáng tạo và khát vọng học tập suốt đời.

Bốn là, phương pháp giáo dục cá nhân hóa được triển khai hiệu quả trong tổ chức hoạt động giảng dạy và đánh giá.

Trong xu thế đổi mới giáo dục hiện nay, PPGD cá nhân hóa được xem là một định hướng trọng tâm trong chiến lược phát triển của nhiều trường ĐHTT, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người học và yêu cầu chuyển đổi số. Xét theo tiêu chí nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh, *kết quả khảo sát sinh viên* ($n = 900$) cho thấy, 80,5% sinh viên cho rằng giảng viên lắng nghe và tôn trọng mọi ý kiến đóng góp (LH4); 69,6% cho rằng giảng viên tạo không khí thoải mái, cởi mở để sinh viên tự tin phát biểu (LH5); 70,3% khẳng định giảng viên thường xuyên sử dụng các trò chơi, mô phỏng hoặc tình huống thực tế để tăng tính tương tác (PP7) [xin xem phụ lục 7]. Những số liệu này cho thấy sinh viên nhận thức rõ tinh thần dân chủ, bình đẳng, tôn trọng cá tính và khuyến khích phát triển toàn diện của người học, những yếu tố cốt lõi trong PPGD phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh; *Về trách nhiệm của giảng viên, khảo sát* ($n = 150$) ghi nhận 84,7% cho rằng họ hiểu rõ PPGD phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu người học (HB4); 73,9% đang vận dụng PP chú trọng phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên (AD6); 86% cho biết thường xuyên tạo điều kiện cho sinh viên tham gia hoạt động xã hội, cộng đồng để rèn luyện kỹ năng sống và đạo đức nghề nghiệp (AD3) [xin xem phụ lục 8]; *ở góc độ quản lý* ($n = 30$), 56,6% cán bộ đồng tình rằng giảng viên được khuyến khích áp dụng PPGD của Hồ Chí Minh, trong đó có PP phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu xã hội (QL4); 93% khẳng định hoạt động giảng dạy được kiểm tra, đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo việc triển khai cá nhân hóa diễn ra nghiêm túc (QL3) [xin xem phụ lục 9].

Bảng 3.4. Kết quả khảo sát thực trạng phương pháp giáo dục cá nhân hóa trong giáo dục sinh viên

Chủ thể	Nội dung khảo sát	Tỷ lệ đồng ý/Hoàn toàn đồng ý (%)
Sinh viên, số phiếu =900	Giảng viên lắng nghe và tôn trọng mọi ý kiến đóng góp của sinh viên	80,5
	Giảng viên tạo không khí thoải mái, cởi mở để sinh viên tự tin phát biểu	69,6
	Giảng viên thường xuyên sử dụng các trò chơi, mô phỏng hoặc tình huống thực tế để tăng tính tương tác	70,3
	Sinh viên đồng ý rằng họ được tạo cơ hội thực hành kỹ năng chuyên môn qua phòng lab, xưởng thực hành, dự án giả định	83,9
	Sinh viên nhận thấy hoạt động đánh giá tại trường khuyến khích sự học hỏi và sáng tạo	82,7
Giảng viên, số phiếu =150	Giảng viên hiểu biết về PPGD phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu người học	84,7
	Đã vận dụng PPGD chú trọng phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên	73,9
	Thường xuyên tạo điều kiện cho sinh viên tham gia hoạt động xã hội, cộng đồng để rèn luyện kỹ năng sống và đạo đức nghề nghiệp	86,0
Cán bộ quản lý, số phiếu 30	Cán bộ cho rằng giảng viên được khuyến khích áp dụng PPGD của Hồ Chí Minh, trong đó có PP phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu xã hội	56,6
	Hoạt động giảng dạy được kiểm tra, đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo việc triển khai cá nhân hóa diễn ra nghiêm túc	93,0

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát

Việc vận dụng PPGD cá nhân hóa đang tạo chuyển biến trong tư duy, hành động và cách tổ chức giảng dạy của các chủ thể. Giảng viên chuyển sang vai trò người hướng dẫn, huấn luyện, cố vấn học tập, lắng nghe, điều chỉnh nội dung và PP dạy theo đặc điểm từng nhóm sinh viên, tăng cường hoạt động tương tác, phản hồi và đánh giá cả quá trình thay vì chỉ qua kỳ thi cuối học phần. Sinh viên chuyển từ học thụ động sang học chủ động, mạnh dạn nêu ý kiến, tham gia hoạt động mô phỏng, thảo luận, dự án thực tế. Kết quả khảo sát cho thấy 83,9% sinh viên đồng ý rằng họ được tạo cơ hội thực hành kỹ năng chuyên môn qua phòng lab, xưởng thực hành, dự án giả định (KN8); 82,7% nhận thấy hoạt động đánh giá tại trường khuyến khích sự học hỏi và sáng tạo (KQ8) [xin xem phụ lục 7]. Như vậy, PPGD cá nhân hóa đã được triển khai hiệu quả trong tổ chức hoạt động giảng dạy và đánh giá ở các trường tư thục. Thành tựu này cho thấy giáo dục ĐHTT ngày càng gắn bó chặt chẽ với yêu cầu thực tiễn của xã hội, từ đó nâng cao hiệu quả đào tạo và khả năng thích ứng nghề nghiệp của người học. Kết quả này cũng thể hiện sự tương quan sâu sắc với PPGD phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu xã hội của Hồ Chí Minh.

Năm là, phương pháp thi đua, khen thưởng đã khuyến khích rèn luyện đạo đức, kỹ năng và động lực học tập của sinh viên

Các trường đã nhận thức và vận dụng PP thi đua, khen thưởng như một công cụ giáo dục quan trọng, góp phần khơi dậy động lực học tập, rèn luyện đạo đức và phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Kết quả *khảo sát sinh viên* (n = 900) cho thấy mức độ nhận thức cao, 87,1% sinh viên cho rằng đã được tìm hiểu về PP thi đua, khen thưởng trong giáo dục của Hồ Chí Minh (TH5); 70,3% có hiểu biết rõ về nội dung và ý nghĩa của PP này (HB5); và 82,7% đồng ý rằng hoạt động thi đua, khen thưởng trong nhà trường được tổ chức công khai, minh bạch và đúng đối tượng (KQ7) [xin xem phụ lục 7]. *Về trách nhiệm* của giảng viên, *khảo sát* (n = 150) ghi nhận 86% đồng ý rằng việc tạo điều kiện cho sinh viên tham gia hoạt động xã hội, cộng đồng có vai

trò quan trọng trong rèn luyện đạo đức và kỹ năng sống (AD3); đồng thời 82% khẳng định PPGD của Hồ Chí Minh, trong đó có thi đua, khen thưởng, vẫn còn nguyên giá trị trong bối cảnh hiện nay (VD2) [xin xem phụ lục 8]. Ở góc độ quản lý, nhiều cán bộ cho rằng thi đua không chỉ là hình thức khen thưởng định kỳ, mà còn là cơ chế khuyến khích và điều chỉnh hành vi học tập, thể hiện trách nhiệm của nhà trường trong việc tạo động lực và nuôi dưỡng tinh thần phấn đấu của sinh viên.

Bảng 3.5. Kết quả khảo sát thực trạng phương pháp thi đua, khen thưởng trong giáo dục sinh viên

Chủ thể	Nội dung khảo sát	Tỷ lệ đồng ý/Hoàn toàn đồng ý (%)
Sinh viên, số phiếu =900	Sinh viên đã được tìm hiểu về PP thi đua, khen thưởng trong giáo dục của Hồ Chí Minh	87,1
	Có hiểu biết rõ về nội dung và ý nghĩa của PP này	70,3
	Hoạt động thi đua, khen thưởng trong nhà trường được tổ chức công khai, minh bạch và đúng đối tượng	82,7
Giảng viên, số phiếu =150	Việc tạo điều kiện cho sinh viên tham gia hoạt động xã hội, cộng đồng có vai trò quan trọng trong rèn luyện đạo đức và kỹ năng sống	86,0
	PPGD của Hồ Chí Minh, trong đó có thi đua, khen thưởng, vẫn còn nguyên giá trị trong bối cảnh hiện nay	82,0

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát

Việc vận dụng PP thi đua, khen thưởng đang tạo chuyển biến trong nhận thức các chủ thể giáo dục. Giảng viên chủ động hơn trong việc khích lệ và định hướng sinh viên, coi thi đua là công cụ giáo dục mềm hiệu quả giúp

xây dựng tinh thần tự học, sáng tạo và hợp tác. Sinh viên chuyển từ mục tiêu học để đạt điểm sang học để khẳng định năng lực và giá trị bản thân, tích cực tham gia các cuộc thi, dự án nghiên cứu và hoạt động cộng đồng. Kết quả khảo sát ($n = 900$) cho thấy 79,6% sinh viên đồng ý rằng hoạt động thi đua, khen thưởng trong trường có tác dụng thúc đẩy động lực học tập và rèn luyện đạo đức, kỹ năng sống (KQ8) [xin xem phụ lục 7]. Ở cấp quản lý, các nhà trường đã chuyển từ đánh giá kết quả học tập sang đánh giá năng lực toàn diện, coi trọng tính công khai, minh bạch và minh chứng thực tế thông qua sản phẩm học tập và đóng góp của người học. PP thi đua, khen thưởng đã chứng minh hiệu quả trong việc phát triển nhân cách, đạo đức và động lực học tập của sinh viên các trường ĐHTT. Sinh viên thể hiện tinh thần nỗ lực, cầu tiến, hợp tác và sáng tạo, biết gắn việc học với trách nhiệm xã hội, kỷ luật và khát vọng cống hiến. Các phong trào thi đua, học bổng, giải thưởng và dự án khởi nghiệp đã trở thành cơ chế khuyến khích hữu hiệu, giúp sinh viên rèn luyện bản lĩnh, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ tích cực trong học tập. Thành tựu này cho thấy sự tương quan rõ nét với PPGD thi đua gắn với khen thưởng mà Hồ Chí Minh đã đề cao.

Nguyên nhân

Thứ nhất, đặc thù thể chế và cơ chế vận hành của các trường đại học tư thục, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc linh hoạt hóa trong thiết kế chương trình đào tạo, tổ chức hoạt động giảng dạy.

Các trường ĐHTT hoạt động theo mô hình tự chủ, cho phép thiết lập các quy trình nội bộ riêng biệt trong hoạch định mục tiêu đào tạo, kiến thức học phần, tiêu chí đánh giá cũng như tiêu chuẩn tuyển dụng và phát triển ĐNGV. Sự linh hoạt trong thể chế đã thúc đẩy các trường không ngừng tìm kiếm các mô hình giáo dục hiệu quả, có khả năng tạo ra giá trị khác biệt để nâng cao chất lượng đầu ra và gia tăng sức cạnh tranh trong thị trường giáo dục. Trong bối cảnh GDĐH chuyển dịch theo hướng hội nhập quốc tế, lấy chuẩn đầu ra và năng lực người học làm trung tâm, các trường đứng trước áp

lực mạnh mẽ trong việc đổi mới PPGD. Bên cạnh đó, cơ chế cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục tự thực buộc mỗi trường phải xây dựng giá trị cốt lõi và thế mạnh riêng, từ đó đầu tư vào cải tiến chất giáo dục. Nhiều trường đã chủ động tiếp thu và triển khai các PPDH tiên tiến mang tính khai phóng, linh hoạt và cá nhân hóa. Thúc đẩy giảng viên thực hiện mô hình lớp học dân chủ, ứng dụng nguyên lý nêu gương, khuyến khích tự học và lồng ghép nội dung học tập với thực tiễn nghề nghiệp không chỉ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, mà còn thể hiện sự tương quan với các giá trị nền tảng trong PPGD của Hồ Chí Minh.

Thứ hai, đội ngũ giảng viên tại các trường đại học tự thực, đặc biệt là lực lượng giảng viên trẻ, đã tích cực thúc đẩy đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại.

Đội ngũ giảng viên trẻ tại các trường ĐHTT đang thể hiện tốt vai trò này thông qua việc tiếp cận nhanh chóng với các PPGD tích cực, ĐMPP giảng dạy phù hợp đối tượng, điều kiện của người học. *Kết quả khảo sát giảng viên* cho thấy nhận thức về các PPGD của Hồ Chí Minh ở mức tương đối cao, thể hiện qua tỷ lệ 81,4% giảng viên hiểu rõ PPGD dân chủ, bình đẳng (HB1); 77,7% hiểu rõ PP nêu gương (HB2); và đặc biệt có tới 84,7% giảng viên khẳng định đang áp dụng PP đối thoại, dân chủ trong giảng dạy (AD1) [xin xem phụ lục 8]. Những con số này không chỉ phản ánh mức độ nhận thức tích cực mà còn chứng minh sự chuyển hóa thành hành động cụ thể trong hoạt động giảng dạy. Có thể nói, đây là biểu hiện rõ nét cho thấy ĐNGV đang tiếp cận các PPGD của Hồ Chí Minh một cách chủ động, thực chất và phù hợp với yêu cầu hiện đại. Không chỉ dừng lại ở nhận thức và áp dụng máy móc, giảng viên trẻ còn linh hoạt vận dụng các giá trị cốt lõi trong PPGD của Hồ Chí Minh, phù hợp với đặc điểm của sinh viên trường tự thực. Như vậy, ĐNGV, đặc biệt lớp giảng viên trẻ đang là lực lượng chủ lực góp phần tạo nên nền tảng thực tiễn và điều kiện khả thi để các PPGD dân chủ, nêu gương, khuyến khích tự học, trở nên sống động và phát huy giá trị trong môi trường giáo dục

hiện đại. Họ không chỉ là người thực thi chính sách mà còn là những người đổi mới PPGD từ bên trong, đưa PPGD của Hồ Chí Minh vào thực tiễn.

Thứ ba, sự đa dạng về trình độ đầu vào và định hướng nghề nghiệp của sinh viên đã khuyến khích cá nhân hóa phương pháp giáo dục.

Sinh viên các trường tư thục có sự khác biệt về trình độ đầu vào, sự đa dạng về định hướng nghề nghiệp và mục đích học tập. Khác với cơ sở đào tạo công lập, sinh viên khối tư thục có mức độ không đồng nhất, đòi hỏi nhà trường phải thiết kế chương trình và PP giảng dạy mang tính linh hoạt, thích ứng với thực tiễn. Kết quả khảo sát cho thấy, 79,8% sinh viên cho rằng họ có lập kế hoạch học tập cá nhân và tuân thủ kế hoạch học tập (NL1); 85,6% sinh viên cho rằng họ có ý thức tự chịu trách nhiệm với kết quả học tập (NL4) và 84,2% sinh viên đồng ý quan điểm họ được giảng viên hướng dẫn cách tự học (NL7) [xin xem phụ lục 7]. Các số liệu này cho thấy sinh viên đang chủ động và tích cực trong việc học, nhưng cũng nói lên sự kỳ vọng ngày càng cao của họ đối với nhà trường trong việc cá nhân hóa lộ trình học tập. Cùng với đó, các chỉ số liên quan đến lớp học linh hoạt và PP giảng dạy mở cũng đạt điểm số cao, 82,5% sinh viên cho rằng họ cảm thấy việc tham gia thảo luận giúp bạn hiểu bài sâu hơn và nhớ kiến thức lâu hơn (LH10) và 77,6% sinh viên đồng thuận PP giảng dạy của nhà trường giúp rèn luyện kỹ năng phản biện, giao tiếp (LH13); 78% sinh viên cho rằng họ có mức hiểu biết cao PPGD phù hợp đối tượng của Hồ Chí Minh, đồng thời đánh giá cao tính ứng dụng của các PP này trong hoạt động dạy học (HB4). Ngoài ra, 89,3% sự đồng thuận của sinh viên “giảng viên sử dụng câu hỏi gợi mở để kích thích tư duy” (LH9) [xin xem phụ lục 7]. Những kết quả này chứng minh các biểu hiện như linh hoạt trong đánh giá, tự chọn học phần, học theo nhóm nhỏ, đã và đang được triển khai, nhận được sự đánh giá tích cực từ sinh viên. Dựa trên các kết quả khảo sát có thể rút ra kết luận rằng, sự đa dạng về trình độ học vấn và định hướng nghề nghiệp của sinh viên là một nguyên nhân quan trọng thúc đẩy việc triển khai PPGD cá nhân hóa.

Thứ tư, các mô hình quản trị giáo dục hiện đại, đặc biệt là tư tưởng giáo dục khai phóng, học tập suốt đời và phát triển toàn diện, tạo thuận lợi cho đổi mới phương pháp giáo dục sinh viên.

Một nguyên nhân quan trọng dẫn đến những thành tựu trong đổi mới PPGD tại các trường là sự lan tỏa sâu rộng của mô hình quản trị giáo dục hiện đại, đặc biệt là tư tưởng giáo dục khai phóng, học tập suốt đời và phát triển toàn diện. Những mô hình này mang lại tư duy quản trị mới và góp phần định hình lại vai trò của thầy và trò trong toàn bộ quá trình giáo dục. Triết lý giáo dục khai phóng góp phần thúc đẩy chuyển đổi từ mô hình giáo dục truyền thụ tri thức sang mô hình phát triển năng lực người học, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động và xã hội hiện đại. Bên cạnh đó, giáo dục khai phóng, tự học suốt đời còn khuyến khích phát triển môi trường học tập linh hoạt, đa ngành và liên ngành. Các trường như VinUni, RMIT, FPT, Phenikaa... đã từng bước tổ chức đào tạo theo mô-đum mở, cho phép sinh viên chọn lựa học phần phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp cá nhân, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động học qua thực tiễn, nghiên cứu sinh viên, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Sự ảnh hưởng của triết lý giáo dục khai phóng, tự học suốt đời cũng thúc đẩy đổi mới trong PP kiểm tra, đánh giá. Thay vì chú trọng thi cử truyền thống, nhiều trường đã chuyển sang đánh giá quá trình học tập thông qua sản phẩm học tập, dự án nhóm, phản biện cá nhân và hồ sơ học tập, qua đó khơi dậy tinh thần sáng tạo, trách nhiệm và tự rèn luyện trong sinh viên.

Hạn chế

Thứ nhất, còn hạn chế trong việc phát huy tính chủ động, sáng tạo và tư duy độc lập của sinh viên.

Kết quả khảo sát sinh viên ($n = 900$) cho thấy, chỉ 70,3% sinh viên cho rằng giảng viên thường xuyên sử dụng các trò chơi, hoạt động mô phỏng hoặc tình huống thực tế để tăng tính tương tác trong giờ học (PP7), đây là tỷ lệ thấp nhất trong nhóm các chỉ báo về PP giảng dạy tích cực; 69,6% sinh viên đánh

giáo chương trình học giúp phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp (PP11) và 73,9% giảng viên khẳng định đã vận dụng PP phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên (AD6) [xin xem phụ lục 7]. Kết quả này cho thấy, dù PP lấy người học làm trung tâm đã được các chủ thể giáo dục nhận thức, mang lại hiệu quả trong giáo dục, nhưng việc cụ thể hóa trong thực tiễn giảng dạy và học tập vẫn chưa đi vào chiều sâu, thiếu nhất quán giữa các khoa, ngành và chương trình đào tạo.

Thứ hai, chương trình đào tạo ở một số trường chưa được điều chỉnh, cập nhật kịp thời đầy đủ theo định hướng người học làm trung tâm.

Chương trình đào tạo tại một số trường tư thục vẫn nặng về truyền đạt lý thuyết, chưa tạo điều kiện để sinh viên thực hành, trải nghiệm, phản biện và trình bày ý tưởng một cách thường xuyên. Sự thiếu kết nối giữa các học phần, thiếu công cụ đánh giá về năng lực mềm, cũng như thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên bộ môn và khoa chuyên ngành, khiến cho quá trình phát triển năng lực cá nhân của người học diễn ra rời rạc, thiếu tính liên thông. Như vậy, định hướng lấy người học làm trung tâm đã được đưa vào triết lý đào tạo, nhưng việc hiện thực triết lý đó vẫn còn gặp nhiều rào cản. Những hạn chế này cho thấy nhu cầu cấp thiết trong việc tái cấu trúc tổng thể chương trình theo phát triển hướng năng lực và tích hợp hiệu quả giữa giảng dạy chuyên môn. Từ đó đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện và thực chất, hiệu quả hơn cho sinh viên trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

Thứ ba, việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa phổ biến và đồng bộ ở một số trường tư thục.

Một số trường có điều kiện tốt như VinUni, FPT, RMIT đã triển khai hệ thống LMS, lớp học trực tuyến, học liệu số và các khóa mở nội bộ, góp phần thúc đẩy năng lực tự học và sáng tạo của sinh viên. Tuy nhiên, phần lớn các trường khác vẫn chỉ dừng ở mức trình chiếu slide, chia sẻ tài liệu, chưa khai thác hiệu quả công nghệ số để ĐMPP dạy học. Thực trạng này chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới PPGD theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW (2013) và Nghị quyết 71/

NQ/TW (2025), trong đó xác định chuyển đổi số là một trong những đột phá quan trọng để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học, gắn với mục tiêu phát triển năng lực tự học, sáng tạo và học suốt đời cho người học.

Thứ tư, một bộ phận sinh viên chưa hình thành thói quen tự học hiệu quả.

Mặc dù các trường đã tích cực triển khai các hình thức hỗ trợ học tập cá nhân như học liệu số, nền tảng LMS, không gian tự học và hướng dẫn lập kế hoạch học tập, nhưng thực tế cho thấy một bộ phận sinh viên vẫn chưa hình thành được thói quen tự học hiệu quả. Biểu hiện dễ thấy là sinh viên chủ yếu chỉ học khi có bài tập được giao, học để đối phó với thi cử, thay vì chủ động tìm hiểu kiến thức mới. Trong các giờ học, một số sinh viên còn thụ động ghi chép, ít đặt câu hỏi hoặc phản biện, cho thấy kỹ năng tự học, tự nghiên cứu còn hạn chế. Bên cạnh đó, nhiều sinh viên chưa biết cách lập kế hoạch học tập dài hạn, thiếu kỹ năng quản lý thời gian và chưa có khả năng đánh giá tiến độ học tập của bản thân. Việc sử dụng tài nguyên học tập mở như thư viện điện tử, kho học liệu trực tuyến hay các khóa học kỹ năng mềm còn mang tính hình thức. Một số sinh viên chưa ý thức được tầm quan trọng của việc đọc sách, nghiên cứu ngoài giờ, dẫn đến việc thiếu chiều sâu kiến thức và kỹ năng tự học.

Nguyên nhân

Thứ nhất, một số giảng viên chưa áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại, cơ sở vật chất còn hạn chế và sinh viên chưa quen với phương pháp học chủ động

Mặc dù nhiều trường ĐHTT đã nỗ lực ĐMPP giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, song trong thực tiễn, không ít giảng viên vẫn chịu ảnh hưởng của lối dạy truyền thống, coi trọng việc truyền thụ kiến thức một chiều hơn là khơi gợi tư duy và sáng tạo của người học. Việc bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn về các PPGD tích cực như học theo dự án, học theo nhóm, học qua tình huống hoặc trò chơi học tập vẫn còn hạn chế, thiếu tính

thường xuyên và hệ thống. Bên cạnh đó, điều kiện lớp học ở nhiều trường, đặc biệt là các cơ sở có quy mô lớn như HUBT hay Thăng Long, chưa thật sự linh hoạt. Bố trí phòng học cố định, sĩ số đông, thiếu không gian tương tác khiến việc triển khai các hoạt động nhóm, phản biện hoặc trải nghiệm trở nên khó khăn. Về phía sinh viên, một bộ phận vẫn chưa hình thành được kỹ năng tự học, tự quản lý thời gian và chủ động khám phá tri thức. Nhiều sinh viên còn ngại trao đổi, phản biện hoặc trình bày ý tưởng trước tập thể, dẫn đến việc tiếp cận tri thức thiên về tiếp nhận thụ động.

Thứ hai, cơ chế chính sách của một số cơ sở giáo dục chưa tạo được môi trường thuận lợi cho đổi mới phương pháp giáo dục của nhà trường.

Mặc dù nhiều trường ĐHTT đã có bước đi tích cực trong đổi mới nội dung và hình thức dạy học, song ở một số cơ sở đào tạo, vẫn chưa được thể chế hóa thành chiến lược dài hạn và cơ chế thực thi cụ thể trong toàn trường. Công tác bồi dưỡng giảng viên về PPGD tích cực, kỹ năng thiết kế bài học theo chuẩn đầu ra hoặc ứng dụng công nghệ trong dạy học chưa được tổ chức thường xuyên và đồng bộ. Bên cạnh đó, cơ chế khen thưởng, thi đua và khuyến khích ĐMPP chưa được quy định rõ, khiến phần lớn hoạt động đổi mới vẫn dựa trên tinh thần tự nguyện cá nhân hơn là định hướng chiến lược của nhà trường. Ở cấp quản lý, sự phối hợp giữa phòng đào tạo, phòng công tác sinh viên, khoa chuyên môn và đoàn thể còn thiếu gắn kết, hạn chế trong nâng cao hiệu quả vận dụng các PPGD.

Thứ ba, điều kiện hạ tầng công nghệ giáo dục và năng lực số của đội ngũ giảng viên còn hạn chế.

Chuyển đổi số trở thành xu thế tất yếu của giáo dục hiện đại, nhiều trường ĐHTT vẫn chưa xây dựng được hệ thống hạ tầng công nghệ đồng bộ và ổn định phục vụ giảng dạy. Một số cơ sở có điều kiện tốt như VinUni, FPT hay RMIT đã triển khai hiệu quả các hệ thống quản lý học tập, thư viện điện tử và nền tảng học liệu mở, song ở nhiều trường khác, hạ tầng kỹ thuật còn

yếu, việc ứng dụng công nghệ chủ yếu dừng ở mức trình chiếu và chia sẻ tài liệu. Khoảng cách đầu tư giữa các trường dẫn đến sự chênh lệch rõ rệt trong khả năng tiếp cận công nghệ và trải nghiệm học tập của sinh viên. Về phía giảng viên, một bộ phận, đặc biệt ở các trường quy mô vừa và nhỏ, vẫn còn hạn chế về kỹ năng số, chưa được đào tạo hoặc thực hành thường xuyên với các công cụ công nghệ mới. Điều này khiến việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy chưa phát huy hết tiềm năng, nhất là trong việc cá nhân hóa lộ trình học tập, tăng cường tương tác và hỗ trợ sinh viên tự học.

Thứ tư, một số chủ thể giáo dục thiếu tính liên tục trong hướng dẫn kỹ năng tự học, tự đánh giá, lập kế hoạch học tập cá nhân cho sinh viên

Nhiều trường ĐHTT chưa đầu tư đầy đủ vào việc phát triển các nền tảng và môi trường hỗ trợ hình thành văn hóa tự học bền vững. Việc xây dựng các hệ sinh thái học tập mở như thư viện điện tử, kho học liệu trực tuyến, nền tảng quản lý tiến độ học tập cá nhân hoặc hệ thống đánh giá tự động vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt tại các trường quy mô lớn nhưng nguồn lực trung bình như HUBT và Thăng Long. Ngay cả ở những cơ sở tiên phong như RMIT, FPT hay VinUni, các không gian học tập mở, phòng học đa chức năng hay cố vấn học thuật cá nhân tuy đã được triển khai ở mức cao nhưng vẫn phụ thuộc vào từng khoa, từng chương trình, chưa tạo thành thói quen học tập lan tỏa trong toàn bộ sinh viên. Việc hướng dẫn kỹ năng tự học, tự đánh giá và lập kế hoạch học tập cá nhân còn rời rạc, chủ yếu được lồng ghép trong các học phần kỹ năng mềm hoặc khóa học ngắn hạn, chưa trở thành yêu cầu xuyên suốt trong chương trình đào tạo. Nhiều sinh viên vẫn chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của học tập suốt đời trong bối cảnh xã hội thay đổi nhanh chóng, dẫn đến tâm lý học đối phó, học để thi thay vì học để phát triển bản thân. Điều này cho thấy việc hình thành văn hóa tự học, một giá trị cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về học suốt đời, vẫn chưa thực sự trở thành một thành tố bền vững trong môi trường giáo dục ĐHTT.

3.2.2. Những vấn đề đặt ra về phương pháp giáo dục sinh viên các trường tư thục, từ góc nhìn phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh

Một là, việc thực hiện phương pháp đối thoại, dân chủ trong điều kiện nhận thức của đội ngũ giảng viên về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh còn hạn chế.

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học, Nghị quyết số 71-NQ/TW (2025), nhận định: “quan niệm về tự chủ và xã hội hoá giáo dục còn chưa phù hợp”, đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ: “Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo, cùng với việc trao quyền tự chủ thực chất hơn cho các cơ sở giáo dục đại học. Trên cơ sở đó, việc tiếp tục triển khai PPGD đối thoại, dân chủ trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm phát huy vai trò chủ thể của người học trong quá trình giáo dục.

Thực tiễn cho thấy việc vận dụng PPGD đối thoại, dân chủ đã được triển khai trong giảng dạy ở nhiều trường ĐHTT. Nhiều cơ sở đào tạo đã nỗ lực xây dựng môi trường học tập khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động seminar, hùng biện, phản biện, học theo dự án hoặc trình bày quan điểm cá nhân, tuy nhiên, bức tranh tổng thể vẫn còn chưa đồng đều. Tuy nhiên một số giảng viên vẫn giữ vai trò trung tâm trong quá trình giảng dạy, từ thiết kế chương trình đến tổ chức bài học. PP thuyết giảng kết hợp thảo luận chưa đủ mạnh để khuyến khích sinh viên tham gia tích cực vào quá trình học. Các trường như Phenikaa, FPT, Thăng Long và HUBT đã có những cải tiến trong việc đưa công nghệ vào giảng dạy, tạo cơ hội cho sinh viên tham gia thảo luận, tuy nhiên, sự thay đổi này không đồng đều giữa các khoa, giữa các giảng viên. Trái lại, các trường như RMIT và VinUni với hệ thống giảng dạy chuẩn quốc tế đã áp dụng hiệu quả các PP học tích cực như lớp học đảo ngược, nghiên cứu tình huống và học qua dự án. PP này giúp sinh viên có cơ hội tự do thể hiện quan điểm và tham gia vào quá trình học tập. Điều này cho

thấy, khi có sự đầu tư về cơ sở vật chất và ĐMPP giảng dạy, môi trường học tập đối thoại và dân chủ sẽ có sự cải thiện rõ rệt.

Tuy nhiên, việc tạo dựng một môi trường học tập đối thoại, dân chủ vẫn là một thách thức lớn. Chính sự thiếu nhất quán này đặt ra yêu cầu nghiên cứu và tiếp tục cải tiến PPGD đối thoại, dân chủ, nhằm bảo đảm quyền tham gia thực chất của người học, phát huy năng lực tư duy phản biện và sáng tạo, hướng tới xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, hiện đại và nhân văn trong các trường ĐHTT hiện nay.

Hai là, việc thực hiện phương pháp nêu gương của người thầy trong khi một số giảng viên chưa thực sự là tấm gương sáng về chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

Nghị quyết số 71-NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị đã đề ra nhiệm vụ: Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới, đồng thời đề cao nhiệm vụ: “Kiên trì xây dựng văn hoá học đường, văn hoá chất lượng, thực học, thực nghiệp gắn với trách nhiệm nêu gương của đội ngũ nhà giáo; chú trọng bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo”. Đây là định hướng quan trọng nhằm củng cố vai trò của người thầy không chỉ trong hoạt động giảng dạy mà còn trong việc lan tỏa chuẩn mực đạo đức, văn hóa và trách nhiệm xã hội của người học. Sự phát triển mạnh mẽ của giáo dục ĐHTT đặt ra yêu cầu phát huy văn hóa nêu gương “thầy ra thầy, trò ra trò” càng trở nên cấp thiết.

Thực tiễn tại các trường ĐHTT cho thấy, nhiều giảng viên đã thể hiện vai trò nêu gương trong nghiên cứu, giảng dạy và hoạt động xã hội, góp phần hình thành môi trường giáo dục năng động, cởi mở, giàu tính nhân văn. Một số trường đã xây dựng quy chuẩn nghề nghiệp và chương trình bồi dưỡng đạo đức giảng viên theo hướng hội nhập quốc tế, khuyến khích giảng viên tham gia các dự án cộng đồng, tình nguyện, hoặc đồng hành cùng sinh viên trong hoạt động xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, vẫn còn hạn chế về sự chênh lệch giữa nhận thức và hành động nêu gương của các cơ sở đào

tạo. Không ít giảng viên mới chỉ chú trọng truyền đạt tri thức, ít quan tâm đến việc thể hiện trách nhiệm xã hội hoặc định hướng nhân cách cho sinh viên. Một số cơ sở giáo dục chưa hình thành được cơ chế khuyến khích và đánh giá cụ thể đối với những hành vi nêu gương tích cực của giảng viên.

Thực tế này đặt ra vấn đề cần xây dựng một chiến lược đồng bộ hơn, từ đào tạo giảng viên chuẩn tác phong người thầy mẫu mực, có chuyên môn giỏi cho đến xây dựng môi trường giáo dục nhân văn, gương mẫu và phát triển toàn diện cho người học. Khi cả hệ thống giáo dục đồng bộ thực hiện PP nêu gương, môi trường học tập mới thực sự đạt được sự bình đẳng, dân chủ. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng PP nêu gương của Hồ Chí Minh trong GDSV các trường tư thục là điều cần thiết, có tính cấp bách nhằm xây dựng ĐNGV và môi trường giáo dục mẫu mực, góp phần hình thành hệ giá trị nhân văn, truyền cảm hứng học tập cho sinh viên, từ đó thúc đẩy quá trình giáo dục toàn diện cả về tri thức, kỹ năng và trách nhiệm công dân cho người học.

Ba là, triển khai phương pháp tự học và học tập suốt đời trong bối cảnh yêu cầu về xây dựng xã hội học tập và đổi mới giáo dục mạnh mẽ hiện nay.

Nghị quyết số 71-NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị đưa ra quan điểm chỉ đạo: “Xây dựng hệ thống giáo dục mở, liên thông, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập”. Đây là một trong những đột phá chiến lược nhằm phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới, tư tưởng này là sự kế thừa, phát triển PPGD của Hồ Chí Minh về tự học, học tập suốt đời.

Hiện nay, việc triển khai PPGD tự học và học tập suốt đời tại các trường ĐHTT vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Một bộ phận sinh viên chưa hình thành thói quen tự học, còn phụ thuộc vào giảng viên và chương trình giảng dạy chính thức, học theo kế hoạch có sẵn, thiếu tinh thần chủ động tìm tòi, khám phá tri thức ngoài phạm vi bài giảng. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc học tập suốt đời còn hạn chế, chưa thấy được việc tự học liên tục và sáng tạo là điều kiện để tự hoàn thiện, vươn lên trong xã hội tri thức hiện nay. Bên cạnh đó, nhiều cơ sở đào tạo vẫn thiếu cơ chế hiệu quả

nhằm khuyến khích, định hướng và hỗ trợ người học phát huy tính chủ động trong học tập. Các nền tảng học trực tuyến, khóa học mở, hay hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên khai thác còn hạn chế. Cơ chế giám sát và đồng hành của giảng viên với sinh viên chưa thực sự đồng bộ giữa các trường. Một số trường như FPT, Phenikaa, VinUni và RMIT đã triển khai các hình thức học trực tuyến, học qua dự án, học kết hợp, mở rộng hệ thống học liệu số và nền tảng quản lý học tập. Tuy nhiên, ở nhiều cơ sở giáo dục khác, văn hoá tự học vẫn chưa hình thành thói quen, sinh viên còn thiếu kỹ năng tra cứu, tự học qua tài nguyên số và chưa được khuyến khích đánh giá bản thân một cách chủ động.

Trước yêu cầu giáo dục cần đổi mới cả nội dung và PPGD, việc thúc đẩy tự học, tự giáo dục và học tập suốt đời không chỉ là yêu cầu cá nhân mà còn là chính sách phát triển Quốc gia. Đối với các trường ĐHTT, đây là nhiệm vụ chiến lược nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động tri thức và góp phần phát triển con người toàn diện. Vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh về tự học và học tập suốt đời là cơ sở quan trọng để hình thành thể hệ sinh viên chủ động, tự rèn luyện, có năng lực thích ứng và sáng tạo.

Bốn là, việc thực hiện chính sách thi đua và khen thưởng trong điều kiện một số cơ sở đào tạo chưa thiết lập được hệ thống đánh giá thi đua, khen thưởng công bằng và minh bạch.

Nghị quyết số 71-NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị nhấn mạnh yêu cầu “khơi dậy mạnh mẽ các phong trào thi đua” về học tập suốt đời vì sự phát triển bền vững của đất nước. Trên cơ sở đó, thi đua, khen thưởng cần được tiếp cận như một PPGD nhằm tạo động lực nội sinh cho người học, lan tỏa giá trị văn hóa tích cực và hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ.

Mặc dù các trường đã triển khai chính sách thi đua, khen thưởng để động viên sinh viên học tập và rèn luyện, nhưng hệ thống này vẫn chưa đáp ứng tốt yêu cầu về phạm vi và tính minh bạch. Có thể thấy một số vấn đề sau:

(1) *Thi đua chủ yếu gắn với thành tích học tập*, chưa chú trọng đầy đủ các yếu tố khác như sáng tạo, nghiên cứu khoa học, đóng góp cộng đồng và kỹ năng mềm, khiến sinh viên dễ chạy theo điểm số mà xem nhẹ phát triển năng lực toàn diện; (2) *Thiếu công bằng, minh bạch trong đánh giá*, quy định thi đua giữa các trường chưa thống nhất, một số sinh viên có đóng góp xã hội hoặc hoạt động ngoại khóa đáng kể chưa được ghi nhận tương xứng; (3) *Định hướng động lực chưa đúng*, khi tiêu chí thiên về kết quả học tập, việc hình thành động lực nội sinh và giá trị nhân văn bị hạn chế; (4) Cơ chế khuyến khích kỹ năng mềm và nghiên cứu khoa học còn thiếu, một số cơ sở đào tạo chưa có hệ thống thi đua, khen thưởng đầy đủ để động viên sinh viên tham gia nghiên cứu, sáng tạo và hoạt động xã hội.

Những vấn đề trên cho thấy có khoảng cách giữa thực tiễn và yêu cầu đổi mới PPGD theo định hướng khơi dậy động lực học tập suốt đời, bảo đảm minh bạch và lấy sự tiến bộ của người học làm trung tâm là một yêu cầu cấp thiết. Vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng PP thi đua gắn với khen thưởng theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong GDSV các trường tư thục, nhằm tạo động lực học tập rộng mở, nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm và ý thức cống hiến; đồng thời xây dựng môi trường giáo dục lấy sự tiến bộ của người học làm trung tâm, thúc đẩy phát triển hài hòa giữa tri thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức.

Năm là, thực hiện phương pháp giáo dục phù hợp đối tượng, điều kiện và nhu cầu của xã hội cho sinh viên trong khi chương trình đào tạo chưa đáp ứng kịp sự thay đổi của thị trường lao động và đặc thù của từng nhóm sinh viên.

Theo quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 71-NQ/TW (2025): “Giáo dục và đào tạo phải gắn kết chặt chẽ giữa học tập và thực hành, giữa lý thuyết và ứng dụng, bảo đảm sự liên thông giữa nhà trường và đời sống xã hội...GDĐH giữ vai trò trung tâm trong phát triển nhân lực trình độ cao cho đất nước”. Trên nền tảng đó, yêu cầu vận dụng linh hoạt PPGD phù hợp với

đối tượng người học, điều kiện của cơ sở đào tạo và nhu cầu xã hội trở thành đòi hỏi cấp thiết đối với các cơ sở giáo dục ĐHTT.

Tại nhiều trường ĐHTT, khung chương trình đào tạo vẫn tương đối cố định và ít có điều chỉnh căn cứ vào năng lực, hoàn cảnh hay sở trường của từng nhóm sinh viên. Thay vì lấy người học làm trung tâm, một số giảng viên áp dụng một mẫu giảng dạy chung cho mọi đối tượng, gây nên tình trạng một bộ phận sinh viên học bài quá sức, trong khi số khác lại chán nản vì nội dung quá dễ. PP giảng dạy tại nhiều nơi vẫn là thuyết giảng, truyền đạt lý thuyết, sinh viên ghi chép và tiếp thu. Việc học đi đôi với hành ở một số cơ sở đào tạo chỉ xuất hiện dưới dạng thực tập cuối khóa, thay vì được xen kẽ qua các dự án, nghiên cứu tình huống hay mô phỏng thực tiễn ngay trong từng học phần. Kết quả là sinh viên thiếu trải nghiệm thực tế và kỹ năng vận dụng kiến thức vào công việc sau này. Đồng thời, giáo trình và tài liệu học tập ở một số trường cũng phản ánh sự lạc hậu và chậm được cập nhật, trong khi xã hội liên tục thay đổi, nhiều môn học vẫn giữ nguyên nội dung nhiều năm, khiến sinh viên cảm thấy kiến thức không còn phù hợp, mất cơ hội rèn luyện và nắm bắt kịp xu hướng mới. Việc khuyến khích sinh viên tham gia tự nghiên cứu, đề xuất đề tài hay bảo vệ quan điểm cá nhân trong lớp học vẫn còn rất hạn chế. Các hoạt động thảo luận, phản biện hay dự án chưa được tổ chức thường xuyên, dẫn đến sinh viên hình thành thói quen thụ động, khó phát huy tính chủ động và sáng tạo. Mối liên kết giữa trường và các doanh nghiệp, tổ chức xã hội để tổ chức thực tập, tham quan hoặc triển khai dự án cộng đồng còn mờ nhạt, khiến sinh viên thiếu cơ hội vận dụng kiến thức trong môi trường làm việc thực tiễn. Thực trạng trên đặt ra vấn đề đặt cần tiếp tục cá thể hóa quá trình học tập, cập nhật học liệu theo chuẩn năng lực, tăng cường liên kết với doanh nghiệp, cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở quán triệt chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới giáo dục, các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, PPGD được vận dụng phù hợp với đặc điểm từng trường. Các PPGD của Hồ Chí Minh như đối thoại, dân chủ, nêu gương đang vận dụng hiệu quả trong các cơ sở đào tạo; PP tự học, học tập suốt đời đã được giới thiệu trong nội dung môn học; PPGD cá nhân hóa bước đầu được triển khai; từng bước lồng ghép PP thi đua, khen thưởng vào quá trình giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng và tạo lập động lực học tập. Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình đổi mới vẫn bộc lộ những hạn chế: nhận thức về PPGD của Hồ Chí Minh chưa nhất quán, trách nhiệm triển khai giữa các chủ thể chưa đồng bộ; nội dung, hình thức và PP vận dụng thiếu tính hệ thống, chậm thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số; liên kết nhà trường, doanh nghiệp và cộng đồng chưa đi vào chiều sâu; thực trạng PPGD trong phát triển nhân cách, năng lực tự học và trách nhiệm xã hội của sinh viên chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Từ góc nhìn PPGD của Hồ Chí Minh, cho thấy thực trạng đổi mới PPGD ở các trường đang đặt ra những vấn đề cần khắc phục như: Tiếp tục triển khai hiệu quả phương pháp đối thoại, dân chủ trong bối cảnh chuyển đổi số và tự chủ đại học; phát huy văn hoá nêu gương và trách nhiệm xã hội của ĐNGV; thúc đẩy tự học, học tập suốt đời gắn xây dựng xã hội học tập; thực hiện thi đua, khen thưởng theo hướng phát triển toàn diện người học; và vận dụng linh hoạt PPGD phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Giải quyết thành công các vấn đề trên sẽ là tiền đề để nâng cao hiệu quả vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong GDSV ở các trường ĐHTT, góp phần hiện thực hoá mục tiêu phát triển con người toàn diện trong thời gian tới.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG GIÁO DỤC SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

4.1. NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1.1. Tác động từ bối cảnh quốc tế và những sáng kiến của UNESCO về đổi mới phương pháp giáo dục

Hiện nay xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các quốc gia gắn kết chặt chẽ với nhau thông qua mạng lưới kinh tế, chính trị, văn hóa và giáo dục toàn cầu. Sự phát triển mạnh mẽ của mạng lưới phân công lao động quốc tế đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với mỗi nền giáo dục phải đổi mới và thích ứng linh hoạt nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động toàn cầu. Cơ cấu kinh tế thế giới hiện nay đang chuyển dịch nhanh chóng từ mô hình công nghiệp truyền thống sang các lĩnh vực kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Những tiến bộ vượt bậc của khoa học, công nghệ, đặc biệt là trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, robot tự động, năng lượng tái tạo và tài chính số, đang trở thành động lực tăng trưởng mới của nhân loại. Những biến đổi đó đặt ra thách thức to lớn cho giáo dục, buộc các hệ thống giáo dục phải đổi mới toàn diện, không chỉ trong nội dung chương trình mà đặc biệt là trong PPGD, nhằm hình thành nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, tư duy sáng tạo, kỹ năng số hóa và ý thức phát triển bền vững.

Cuộc đua về tri thức và đổi mới sáng tạo trên toàn cầu đang diễn ra quyết liệt. Các quốc gia không chỉ cạnh tranh về tài nguyên, thị trường mà còn cạnh tranh gay gắt về khả năng sáng tạo công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới và sản phẩm giáo dục sáng tạo. Trong bối cảnh này, PPGD cần

thay đổi từ truyền đạt kiến thức sang phát triển tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và đổi mới sáng tạo. Nền giáo dục toàn cầu cần tập trung vào việc phát triển những công dân có khả năng làm chủ công nghệ, linh hoạt thích ứng với sự thay đổi liên tục. Sự dịch chuyển nhanh chóng của lao động trí thức, kỹ thuật cao đang diễn ra mạnh mẽ và các quốc gia phát triển đang tích cực thu hút nhân tài toàn cầu. Để không tụt lại phía sau, giáo dục phải đáp ứng nhu cầu, đào tạo những công dân toàn cầu, thành thạo ngoại ngữ, giỏi kỹ năng mềm, am hiểu văn hóa quốc tế và có khả năng làm việc trong môi trường đa quốc gia.

Trước yêu cầu yêu cầu đó, UNESCO đã triển khai những sáng kiến quan trọng nhằm đổi mới PPGD. *Sáng kiến "Futures of Education"* được UNESCO khởi xướng năm 2020 [110] là một nỗ lực tái định hình tương lai của giáo dục trong bối cảnh công nghệ và các thách thức toàn cầu. Sáng kiến "Futures of Education" kêu gọi sự tham gia của tất cả các bên liên quan để xây dựng lại hệ thống giáo dục thế kỷ 21, một nền giáo dục toàn diện, linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với nhu cầu phát triển xã hội và môi trường trong kỷ nguyên số. Ngoài ra, Chương trình "Education 2030" và Mục tiêu Giáo dục Toàn cầu 4 [109] trong khuôn khổ Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc đã nhấn mạnh giáo dục cần đảm bảo chất lượng, công bằng và hòa nhập cho mọi người, đồng thời khuyến khích ĐMPP giảng dạy, học tập. Đặc biệt, "Education 2030" còn chú trọng vào áp dụng công nghệ và PPGD sáng tạo để nâng cao chất lượng giáo dục toàn cầu.

Những tác động từ bối cảnh quốc tế và sáng kiến của UNESCO tạo điều kiện thúc đẩy vận dụng hiệu quả PPGD của Hồ Chí Minh trong GDSV các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội. Nhân tố này, giúp tăng cường nhận thức, triển khai đổi mới PPGD vì chu kỳ sống của một nghề nghiệp ngày càng ngắn lại, liên tục cập nhật và tái đào tạo kỹ năng là điều tất yếu. PPGD cần phải thay đổi mạnh mẽ, từ truyền đạt kiến thức sang phát triển năng lực tự học, học tập suốt đời. Đồng thời, giáo dục cần tích hợp kỹ năng số, tư duy đổi

mới sáng tạo vào mọi hoạt động giảng dạy và học tập, giúp người học làm chủ tương lai trong một thế giới biến động không ngừng.

4.1.2. Tác động của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đến yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục

Kỷ nguyên chuyển đổi số, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đang tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục và đào tạo. Các nền tảng học tập thông minh giúp cá nhân hóa lộ trình học, tăng khả năng tự học, phù hợp với PPGD của Hồ Chí Minh. Môi trường số giúp mở rộng mô hình lớp học tương tác, phát triển kỹ năng hợp tác và phản biện, tuy nhiên, hiệu quả phụ thuộc vào kỹ năng sử dụng công nghệ của giảng viên và văn hóa học đường. Ứng dụng công nghệ nhưng phải giữ vững mục tiêu giáo dục con người theo hướng nhân văn, phát triển năng lực, phẩm chất của người học. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, quá trình chuyển đổi số trong giáo dục tạo ra những tác động sâu rộng đối với PP giảng dạy và học tập tại các trường đại học, đặc biệt là các trường tư thục trên địa bàn Hà Nội. Việc ứng dụng công nghệ giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và mở ra những cơ hội mới cho sinh viên trong tiếp cận kiến thức và phát triển kỹ năng. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra những thách thức không nhỏ, đòi hỏi sự nỗ lực và chuẩn bị kỹ lưỡng từ các cơ sở giáo dục. Cụ thể:

- *Nền tảng học tập trí tuệ nhân tạo và công nghệ học máy.* Một trong những tác động rõ nét nhất của công nghệ số đối với giáo dục là khả năng cá nhân hóa quá trình học tập. Nhờ các thuật toán học máy, hệ thống có thể phân tích dữ liệu học tập của từng sinh viên để thiết kế lộ trình học tập riêng biệt phù hợp với năng lực, sở thích và nhu cầu cá nhân từng sinh viên. Đây là bước tiến quan trọng trong đổi mới PPGD, giúp người học phát huy tối đa năng lực bản thân, thay vì tuân theo một chương trình đào tạo cứng nhắc, đồng loạt. Các nền tảng giáo dục ứng dụng AI có thể thu thập và phân tích dữ liệu học tập của sinh viên, từ điểm số, thời lượng học, mức độ tương tác, đến sử dụng nguồn học liệu, để đưa ra các đề xuất học tập phù hợp. Chẳng hạn,

với sinh viên tiếp thu nhanh, hệ thống có thể tự động gợi ý các nội dung nâng cao, với sinh viên yếu hoặc gặp khó khăn về nhận thức, hệ thống sẽ ưu tiên các nội dung bổ trợ, lặp lại hoặc gợi ý học lại những phần chưa nắm vững. Công nghệ số trong giáo dục giúp tăng hiệu quả học tập và hỗ trợ người học rèn luyện tính tự chủ, biết tự điều chỉnh và tiến bộ theo tốc độ cá nhân.

Từ góc nhìn PPGD của Hồ Chí Minh, quá trình cá nhân hóa học tập, nhận diện điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để lập kế hoạch học tập, tương đồng với PPGD phù hợp với đối tượng, đặc điểm và nhu cầu của xã hội. Bên cạnh những lợi ích của ứng dụng AI và học máy vào cá nhân hóa học tập cũng đặt ra không ít thách thức: *Thứ nhất*, là vấn đề bảo mật dữ liệu cá nhân, khi các hệ thống cần thu thập lượng lớn thông tin học tập của sinh viên để phân tích và xử lý; *thứ hai*, yêu cầu về năng lực công nghệ, chuyên môn giảng viên, cần biết làm chủ công nghệ và hiểu sâu về cách thiết kế nội dung phù hợp với từng nhóm người học; và *thứ ba*, một nguy cơ tiềm ẩn là việc cá nhân hóa quá mức có thể làm suy yếu tinh thần tập thể, khả năng hợp tác trong làm việc nhóm, những giá trị đạo đức xã hội mà Hồ Chí Minh luôn đề cao, nhất là trong giáo dục con người phát triển toàn diện.

Việc cá nhân hóa học tập bằng công nghệ AI và học máy là một xu thế tất yếu trong đổi mới PPGD đại học trong thời gian tới. Nếu được triển khai đúng hướng, sẽ góp phần hiện thực hóa những giá trị cốt lõi trong PPGD của Hồ Chí Minh, hướng đến phát triển con người toàn diện, tự chủ, sáng tạo, có khả năng hòa nhập vào thực tiễn lao động và đời sống xã hội. Tuy nhiên, để đạt được điều đó, cần có cơ chế hỗ trợ đồng bộ về kỹ thuật, nhân lực và đạo đức nghề nghiệp, nhằm đảm bảo công nghệ phục vụ cho giáo dục, chứ không làm lệch lạc mục tiêu nhân văn của giáo dục.

- *Chuyển đổi cách thức giao tiếp và tương tác học tập trong kỷ nguyên số.* Quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ, các nền tảng công nghệ như Google Classroom, Microsoft Teams, Zoom, Moodle hay các hệ thống quản lý học tập, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong tăng cường sự tương tác và hợp

tác giữa sinh viên, giảng viên, nhà trường. Những công cụ này hỗ trợ truyền tải nội dung bài giảng và mở rộng không gian giao tiếp học tập vượt ra ngoài giới hạn lớp học truyền thống. Sinh viên có thể đặt câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm, trình bày ý tưởng, phản hồi bài học hoặc phối hợp làm việc nhóm với bạn bè và giảng viên một cách linh hoạt, mọi lúc, mọi nơi. Sự linh hoạt về thời gian, không gian sẽ tạo ra một mô hình học tập mới, việc học không còn là hoạt động một chiều từ người dạy đến người học mà trở thành quá trình tương tác đa chiều, thúc đẩy sự chủ động, sáng tạo và hợp tác giữa các chủ thể giáo dục.

Tuy nhiên, việc gia tăng tương tác trong môi trường học trực tuyến cũng đặt ra không ít thách thức:

Thứ nhất, đội ngũ giảng viên chưa được đào tạo về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh. Một trong những yếu tố quyết định đến hiệu quả vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh vào GDĐH là ĐNGV. Tuy nhiên, trong môi trường giáo dục tư thực, một số giảng viên chưa nhận thức sâu sắc về PPGD của Hồ Chí Minh, nên khi vận dụng mang tính máy móc, thiếu tính linh hoạt, phù hợp với yêu cầu thực tế. Kết quả, việc vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trở nên hời hợt, thiếu sức sống và không còn phù hợp với nhu cầu phát triển của sinh viên trong xã hội hiện đại. Nếu giảng viên không được đào tạo về PPGD của Hồ Chí Minh hoặc không có sự hiểu biết sâu sắc về cách vận dụng các nguyên lý giáo dục của Người vào môi trường ĐHTT sẽ rất khó tạo ra một nền giáo dục phát triển toàn diện cả về trí tuệ lẫn đạo đức.

Thứ hai, nguy cơ “công cụ hóa giáo dục” khi áp dụng công nghệ và AI. Xu thế ĐMPP giảng dạy hiện nay là áp dụng công nghệ, AI để nâng cao hiệu quả giảng dạy. Tuy nhiên, cũng tiềm ẩn một số rủi ro nếu không áp dụng đúng đắn. Việc "công cụ hóa giáo dục", khi công nghệ trở thành yếu tố chi phối toàn bộ quá trình giảng dạy. Nếu giáo dục đơn thuần là công cụ truyền tải thông tin, thay vì là quá trình tương tác, phát triển nhân cách, sinh viên có thể trở thành những sản phẩm bị lệ thuộc vào công nghệ, thay vì trở thành những

chủ thể sáng tạo. Trong PPGD của Hồ Chí Minh, giáo dục là quá trình khai phóng trí tuệ và phát triển toàn diện nhân cách con người, tuy nhiên, khi công nghệ và AI được áp dụng mà không có sự cân nhắc kỹ lưỡng về mặt triết lý nhân văn, sẽ dẫn đến tình trạng giáo dục biến thành một quy trình máy móc, trong đó sinh viên là những đối tượng thụ động, tiếp nhận kiến thức qua các phần mềm, ứng dụng, mà không có sự tương tác trực tiếp với giảng viên và bạn bè. Công cụ hóa giáo dục có thể làm giảm khả năng tự chủ và sáng tạo của sinh viên. Giáo dục không chỉ là trang bị kiến thức mà còn là quá trình giúp sinh viên hình thành, phát triển nhân cách, trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp. Vì thế, nếu giảng dạy chỉ dựa vào công nghệ, thiếu đi các yếu tố tương tác và phát triển tinh thần tự học, sinh viên sẽ thiếu khả năng ứng phó với các tình huống thực tế.

Để phát huy kỹ năng tương tác và làm việc nhóm trong môi trường học tập số, các trường đại học cần chú trọng đến việc bồi dưỡng năng lực công nghệ cho giảng viên, xây dựng PP tổ chức lớp học tương tác phù hợp, đồng thời phát triển văn hóa học tập tích cực, tôn trọng lẫn nhau và có trách nhiệm cộng đồng. Đây cũng chính là cách để hiện thực hóa PPGD toàn diện của Hồ Chí Minh trong điều kiện mới của thời đại số.

- *Cải thiện hiệu quả giảng dạy thông qua ứng dụng công nghệ và phương tiện học tập trực quan.* Trong kỷ nguyên chuyển đổi số, ứng dụng các thiết bị như bảng tương tác thông minh, máy chiếu kỹ thuật số, phần mềm học tập đa phương tiện đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học. Những công cụ này hỗ trợ giảng viên trình bày bài giảng sinh động, trực quan và giúp làm rõ các khái niệm phức tạp thông qua hình ảnh, biểu đồ, video minh họa. Nhờ đó, sinh viên dễ dàng tiếp nhận kiến thức, nâng cao khả năng tập trung và tương tác trong lớp học. Không dừng lại ở truyền đạt thông tin, các công cụ kỹ thuật số còn giúp giảng viên đo lường mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên theo thời gian thực, từ đó điều chỉnh nội dung và PP giảng dạy phù hợp với từng nhóm đối tượng học sinh. Sự thay

đổi này phản ánh đúng tinh thần lấy người học làm trung tâm trong PPGD của Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, thách thức đặt ra là không phải tất cả giảng viên đều thành thạo công nghệ. Nếu phụ thuộc vào phương tiện giảng dạy kỹ thuật số mà thiếu đi sự linh hoạt, sáng tạo trong truyền đạt kiến thức có thể dẫn tới tình trạng bài giảng bị rập khuôn, thiếu chiều sâu. Để khắc phục, cần có chính sách đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng số cho ĐNGV, đảm bảo người thầy có thể làm chủ công nghệ và biết cách tích hợp vào đổi mới PPGD một cách hiệu quả. Do đó, công nghệ chỉ thực sự phát huy vai trò khi trở thành công cụ hỗ trợ cho đổi mới PPGD theo hướng sáng tạo, nhân văn và phù hợp với đối tượng người học.

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học, đặc biệt tại các trường tư thục trên địa bàn Hà Nội, là một xu hướng và là yếu tố quyết định đổi mới PPGD trong thời gian tới. Ứng dụng công nghệ giúp nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra những cơ hội học tập linh hoạt và cá nhân hóa cho sinh viên, phù hợp với yêu cầu và xu hướng phát triển của thị trường lao động toàn cầu. Tuy nhiên, quá trình này cũng đối mặt với không ít thách thức, từ việc đầu tư vào hạ tầng cơ sở, đào tạo ĐNGV, cho đến xây dựng chiến lược chuyển đổi số bài bản. Nhân tố này đóng vai trò then chốt, tác động đến quá trình đổi mới PPGD, giúp các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội phải tìm cách thích nghi, phát triển trong kỷ nguyên số, đồng thời tạo ra một môi trường học tập tích cực, đáp ứng nhu cầu của sinh viên và xã hội. Nếu các trường không vượt qua được những khó khăn này, quá trình chuyển đổi số sẽ gặp phải cản trở, làm giảm hiệu quả, không đạt được mục tiêu đổi mới PPGD mà các trường đặt ra.

4.1.3. Tác động từ bối cảnh trong nước và yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục ở Việt Nam

Trong thời gian tới, quá trình đổi mới PPGD ở Việt Nam, đặc biệt tại các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ hàng loạt chính sách quốc gia. Những nhân tố này không chỉ định hình lại triết lý giáo

dục mà còn thúc đẩy chuyển đổi sâu rộng về nội dung, hình thức và PP giảng dạy trong điều kiện công nghệ số và trí tuệ nhân tạo phát triển nhanh.

Đảng, Nhà nước Việt Nam coi giáo dục và đào tạo, cùng với khoa học và công nghệ, là quốc sách hàng đầu. Nhiều chủ trương, chính sách lớn đã được ban hành, tạo nền tảng cho ĐMPP giảng dạy và đạt kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, trước sức ép của chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo, hệ thống giáo dục đứng trước yêu cầu đổi mới toàn diện cả về nội dung, chương trình và đặc biệt là PPGD. *Kết luận số 91-KL/TW (2024) của Bộ Chính trị* xác định chuyển sang mô hình giáo dục hiện đại với trọng tâm lấy người học làm trung tâm: “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời”. Từ đó, các cơ sở đào tạo, nhất là khối ĐHTT, cần thiết kế chương trình linh hoạt, cá nhân hóa, phù hợp với nhu cầu, năng lực, mục tiêu nghề nghiệp của người học. Đồng thời chuyển vai trò giảng viên từ truyền thụ sang định hướng và hỗ trợ dựa trên dữ liệu học tập; *Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024) của Bộ Chính trị* xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá chiến lược hàng đầu: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia”. Văn kiện này định vị hệ thống GDĐH ở vị trí trung tâm kiến tạo tri thức và công nghệ, qua đó tạo khuôn khổ chính sách nhất quán để thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới PPGD theo hướng hiện đại, số hóa và cá nhân hóa, bao gồm tổ chức dạy học dựa trên dự án, tăng cường kiểm tra đánh giá số hóa và chuẩn hóa năng lực số cho người học, nhà giáo; *Nghị quyết số 68 NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị nhấn mạnh*: “Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia; là lực lượng tiên phong trong phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết 57-NQ/TW năm 2024 của Bộ Chính trị và các chủ trương, đường lối khác của Đảng” [10]. Theo hướng này, chủ trương xã hội hóa giáo dục được củng cố, tạo cơ chế huy động nguồn lực xã hội và hợp tác công tư, qua

đó gia tăng năng lực đầu tư cho hạ tầng số, học liệu mở và mô hình dạy học linh hoạt tại các cơ sở đại học, đặc biệt là các trường tư thục.

Nghị quyết 71 - NQ/TW (2025) của Bộ chính trị chỉ rõ các điểm nghẽn kéo dài về tiếp cận, chất lượng và năng lực đào tạo nhân lực trình độ cao, bao gồm khoảng cách tiếp cận giữa các vùng; chất lượng ĐNGV và cơ sở vật chất; bất cập về nội dung, chương trình; sự chưa tương xứng trong giáo dục đạo đức, thể chất, thẩm mỹ; cùng các hiện tượng hình thức và tiêu cực làm suy giảm hiệu quả giáo dục. Đối với bậc đại học, Nghị quyết 71 xác định các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể: “phần đầu 100% cơ sở giáo dục đại học... đạt chuẩn quốc gia, 20% cơ sở được đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á [11]”; Nghị quyết cũng nhấn mạnh: “Nâng tầm các cơ sở GDDH thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng”. Nghị quyết yêu cầu xây dựng nền tảng giáo dục thông minh, sách giáo khoa và giáo trình thông minh; đẩy mạnh ứng dụng KHCN, trí tuệ nhân tạo trong đổi mới PPGD, kiểm tra, đánh giá; phát triển mô hình giáo dục số, giáo dục trí tuệ nhân tạo, quản trị giáo dục thông minh, trường học số, lớp học thông minh.

Thời gian tới, tình hình xã hội Việt Nam dự kiến sẽ có nhiều chuyển biến quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh tăng tốc phát triển kinh tế và mục tiêu trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào năm 2045.

Thứ nhất, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển kinh tế bền vững, lấy công nghệ cao, dịch vụ chất lượng và kinh tế xanh làm trụ cột. Mục tiêu trong giai đoạn tới là chuyển từ nền kinh tế dựa vào công nghiệp và xuất khẩu sang các lĩnh vực như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo và dịch vụ đẳng cấp quốc tế đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ cao, khả năng sáng tạo, tư duy đổi mới và kỹ năng ứng dụng công nghệ trong thực tiễn sản xuất kinh doanh. Trước yêu cầu đó, các trường đại học, đặc biệt là khối tư thục cần chủ động đổi mới PPGD theo hướng gắn liền với thực tiễn, tăng cường đào tạo theo năng lực, học qua dự án, học theo trải nghiệm và tích

hợp công nghệ số vào quá trình giảng dạy. Khi đó, GDĐH mới thực sự đóng vai trò là nền tảng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho nền kinh tế phát triển bền vững và có năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Thứ hai, cải cách hệ thống chính trị và bộ máy hành chính, sẽ góp phần tạo ra một môi trường pháp lý và hành chính thuận lợi cho phát triển giáo dục. Các trường đại học, đặc biệt là các trường tư thục, sẽ có thêm cơ hội để tự chủ về chương trình đào tạo, PP giảng dạy, cũng như khả năng kết nối mạnh mẽ với doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế. Chính sách giáo dục sẽ cần ưu tiên phát triển các mô hình giáo dục tiên tiến, khuyến khích sự sáng tạo và khởi nghiệp, tạo điều kiện cho các trường đại học nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, thúc đẩy một môi trường học tập mở, linh hoạt, đổi mới sáng tạo.

Thứ ba, thị trường lao động sẽ cạnh tranh khốc liệt hơn. Yêu cầu đối với lao động sẽ không chỉ giới hạn ở chuyên môn mà còn mở rộng ra kỹ năng mềm như khả năng làm việc nhóm, giao tiếp quốc tế, tư duy logic và tinh thần khởi nghiệp. Những kỹ năng này sẽ trở thành yếu tố quan trọng để sinh viên có thể thành công trong một môi trường làm việc hội nhập. Hệ thống giáo dục đại học, đặc biệt là khối tư thục, cần phải đổi mới mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu này. Các PP giảng dạy phải chuyển hướng từ truyền đạt kiến thức sang phát triển năng lực tư duy độc lập, khả năng sáng tạo và ứng phó với sự thay đổi của xã hội. Các trường đại học cần kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp, phát triển các chương trình đào tạo linh hoạt và ứng dụng thực tiễn, đồng thời chú trọng đến phát triển phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội và khả năng hội nhập quốc tế cho sinh viên.

Thứ tư, nhận thức của xã hội về tầm quan trọng của giáo dục trong phát triển đất nước sẽ ngày càng cao hơn. Phụ huynh và cộng đồng sẽ chú trọng đến phát triển toàn diện cho người học, bao gồm các kiến thức chuyên môn, phát triển phẩm chất, đạo đức, tư duy độc lập và khả năng sáng tạo. Tạo ra một nhu cầu lớn đối với hệ thống giáo dục, yêu cầu phải ĐMPP giảng dạy để

đảm bảo sinh viên được trang bị đầy đủ những kỹ năng và phẩm chất cần thiết cho cuộc sống và công việc trong kỷ nguyên số.

Bối cảnh quốc tế và những sáng kiến đổi mới về giáo dục của UNESCO và yêu cầu của đất nước sẽ tác động sâu sắc đến GDĐH ở Việt Nam, đặc biệt là trong việc ĐMPP giảng dạy và học tập. Chuyển đổi số sẽ thúc đẩy áp dụng các công nghệ mới vào quá trình giảng dạy và quản lý, tạo ra những thay đổi trong cách thức tiếp cận và truyền đạt kiến thức. Bên cạnh đó, yêu cầu hội nhập quốc tế sẽ khiến các trường đại học, nhất là ĐHTT phải nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển các chương trình học đáp ứng chuẩn quốc tế và khuyến khích sự sáng tạo và khởi nghiệp. Chính sách tự chủ đại học sẽ tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục tự thực chủ động hơn trong xây dựng chương trình đào tạo, PP giảng dạy và mở rộng cơ hội hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp quốc tế. Những yếu tố này đều góp phần thúc đẩy sự đổi mới PPGD, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực cho nền kinh tế tri thức.

4.2. PHƯƠNG HƯỚNG VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG GIÁO DỤC SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

4.2.1. Vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh kết hợp với đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại

Chuyển đổi số, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng - đổi mới PPGD trở thành yêu cầu mang tính chiến lược đối với giáo dục đại học, đặc biệt tại các cơ sở giáo dục ĐHTT trên địa bàn Hà Nội. Kết luận số 91-KL/TW (2024) của Bộ Chính trị đã định hướng về đổi mới nội dung và PPGD theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại; phát triển năng lực tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng với công nghệ; khuyến khích ứng dụng nền tảng số và các mô hình giáo dục mới. Những định hướng này tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng một cách

có hệ thống các PPGD của Hồ Chí Minh vào thực tiễn giảng dạy trong các trường ĐHTT.

Thứ nhất, PP đối thoại, dân chủ trong giáo dục của Hồ Chí Minh yêu cầu thầy và trò thiết lập mối quan hệ cởi mở, tôn trọng lẫn nhau, thúc đẩy tính chủ động, sáng tạo và hợp tác. Tinh thần này được phản ánh rõ trong các chính sách hiện hành như Kết luận số 91-KL/TW (2024), nhấn mạnh vai trò của người học là trung tâm của quá trình giáo dục, đồng thời khuyến khích xây dựng mô hình lớp học tương tác, ứng dụng công nghệ nhằm mở rộng không gian đối thoại, chia sẻ giữa giảng viên và sinh viên. Trong môi trường số, PP đối thoại không còn giới hạn trong lớp học truyền thống mà có thể triển khai linh hoạt qua các nền tảng học tập trực tuyến, tạo điều kiện để người học tham gia sâu hơn vào quá trình kiến tạo tri thức.

Thứ hai, PP nêu gương được Hồ Chí Minh coi là hình thức giáo dục có sức lan tỏa mạnh mẽ. Trong bối cảnh hiện đại, việc xây dựng hình ảnh người giảng viên là tấm gương về đạo đức nghề nghiệp, tinh thần học tập suốt đời, khả năng ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo là rất cần thiết. Nghị quyết 57-NQ/TW (2024) và Nghị quyết 68-NQ/TW (2025) đều nhấn mạnh vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, trong đó giảng viên đại học là người truyền đạt và là hình mẫu sáng tạo và đổi mới cho sinh viên noi theo.

Thứ ba, PP thi đua gắn với khen thưởng trong giáo dục của Hồ Chí Minh khuyến khích tinh thần học tập và tạo động lực phấn đấu trong học tập, rèn luyện. Áp dụng PP này trong điều kiện giáo dục hiện đại có thể thông qua các hình thức công nhận thành tích học tập linh hoạt, đánh giá qua dự án, hoặc ghi nhận sáng kiến đổi mới học tập, công nghệ. Các chương trình khởi nghiệp trong trường đại học hiện nay, đặc biệt là trong khối tư thực trên địa bàn Hà Nội, có thể tích hợp PP này bằng cách gắn kết đánh giá năng lực với các giải thưởng đổi mới sáng tạo, các cuộc thi học tập, cũng như hợp tác với doanh nghiệp để ghi nhận đóng góp thực tế của sinh viên.

Thứ tư, PP tự học, giáo dục thường xuyên và học tập suốt đời theo tư tưởng Hồ Chí Minh hoàn toàn phù hợp với định hướng xây dựng nền giáo dục mở, cá nhân hóa và học tập thông minh được xác định trong Kết luận số 91-KL/TW (2024) và Nghị quyết số 71-NQ/TW (2025). Trong các trường ĐHTT, phát triển hệ sinh thái học liệu số, nền tảng học tập trực tuyến và công nghệ trí tuệ nhân tạo sẽ hỗ trợ người học tiếp cận tri thức mọi lúc, mọi nơi và giúp cá nhân hóa tiến trình học tập. Trong đó, giảng viên, trong vai trò là người hướng dẫn, sẽ hỗ trợ người học thiết lập lộ trình học tập riêng phù hợp với năng lực, điều kiện và định hướng nghề nghiệp cá nhân.

Thứ năm, PPGD phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu của người học và xã hội là định hướng xuyên suốt trong PPGD của Hồ Chí Minh và ngày càng trở nên thiết thực trong giai đoạn hiện nay. Nghị quyết 57-NQ/TW (2024) đã xác lập GDDH là trung tâm đào tạo nhân lực số, đòi hỏi các trường tự thực cần xây dựng chương trình học linh hoạt, tích hợp liên ngành và đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số. Việc thiết kế chương trình đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW cũng là minh chứng cho việc vận dụng PPGD phù hợp với đối tượng người học của Hồ Chí Minh vào thực tiễn giáo dục ĐHTT trên địa bàn Hà Nội.

Chủ trương đổi mới PPGD của Đảng và Nhà nước là phương hướng, để các trường ĐHTT vận dụng hiệu quả PPGD của Hồ Chí Minh theo hướng kết hợp linh hoạt giữa PPGD truyền thống và các mô hình giáo dục hiện đại. Giúp nâng cao chất lượng giáo dục và định hình một nền giáo dục nhân văn, sáng tạo và thích ứng tốt với bối cảnh toàn cầu hóa và công nghệ hóa ngày càng sâu rộng.

4.2.2. Vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh gắn với nâng cao năng lực tự học, học tập suốt đời, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng đặt ra yêu cầu cần nâng cao năng lực tự học và học tập suốt đời trở thành một trong

những định hướng chiến lược của GDĐH Việt Nam. Nghị quyết số 52-NQ/TW (2019) của Bộ Chính trị nhấn mạnh việc: “Hình thành mạng học tập mở của người Việt Nam. Thực hiện theo lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng đạt trình độ cơ bản cho người dân. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, xây dựng văn hoá số trong cộng đồng” [5]. Tư tưởng này tương đồng với PPGD của Hồ Chí Minh, trong đó coi trọng việc học tập không ngừng nghỉ, học để theo kịp sự phát triển của xã hội và để phụng sự nhân dân.

Phương pháp tự học, giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời mà Hồ Chí Minh đề ra không chỉ dừng lại ở tiếp thu tri thức trong khuôn khổ trường lớp, mà nhấn mạnh tinh thần học tập tự giác, chủ động và liên tục trong suốt cuộc đời. Theo Người, học là để hành, học là để tự rèn luyện, phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân. Tư tưởng ấy càng trở nên thiết thực trong kỷ nguyên số, khi tri thức thay đổi nhanh chóng và năng lực tự học trở thành năng lực cốt lõi để phát triển bền vững. Quyết định số 131/QĐ-TTg (2022) của Thủ tướng Chính phủ đã xác định rõ mục tiêu đưa dạy học trên môi trường số trở thành hoạt động thiết yếu, thúc đẩy học tập linh hoạt, cá nhân hóa và suốt đời [16]. Đồng thời, Nghị quyết 57-NQ/TW (2024) tiếp tục xác lập GDĐH là trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nhấn mạnh yêu cầu phát triển ĐNGV đủ năng lực giảng dạy các lĩnh vực then chốt và ĐMPP đào tạo theo hướng hiện đại, mở rộng học tập trực tuyến và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Trong điều kiện thực tế của các trường ĐHTT, việc vận dụng PPGD Hồ Chí Minh đòi hỏi các cơ sở đào tạo cần xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ học tập suốt đời cho sinh viên. Cụ thể, cần phát triển hệ thống thư viện điện tử, kho học liệu số mở, các nền tảng học tập trực tuyến, cùng các dịch vụ tư vấn học tập và hướng nghiệp thường xuyên. Bên cạnh đó, giảng viên cần đóng vai trò là người hướng dẫn, khơi gợi động cơ học tập bằng cách giao nhiệm vụ tự

học, triển khai mô hình học tập theo dự án, học theo vấn đề và kết hợp đào tạo kỹ năng mềm trong chương trình chính khóa.

Phương pháp thi đua gắn khen thưởng trong giáo dục cũng cần được vận dụng linh hoạt như một công cụ thúc đẩy tinh thần tự học. Việc tổ chức các hình thức khen thưởng có tính chất động viên như học bổng, ghi nhận đóng góp nghiên cứu, giải thưởng học tập sẽ tạo động lực cho sinh viên không ngừng phấn đấu, tự học và nâng cao năng lực toàn diện. Qua đó, PPGD của Hồ Chí Minh góp phần hình thành năng lực học tập suốt đời, tư duy phản biện và tinh thần tự chủ trong người học, những phẩm chất cốt lõi được nhấn mạnh trong các chính sách giáo dục hiện nay.

Việc vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong bối cảnh đổi mới GDĐH hiện nay, đặc biệt với khối trường tư thục, vừa mang tính kế thừa tư tưởng vừa là phương hướng phù hợp với yêu cầu phát triển con người toàn diện.

4.2.3. Vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh đồng thời với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn quốc, giáo dục ĐHTT trên địa bàn Hà Nội cần thích ứng nhanh chóng với các định hướng chiến lược nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực số. Quyết định số 131/QĐ-TTg (2022) của Thủ tướng Chính phủ xác định rõ: “Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số là đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” [16]. Mục tiêu của Đề án là hình thành một nền giáo dục mở, thích ứng trên nền tảng số, phát triển hệ thống học liệu điện tử, nền tảng dạy học trực tuyến, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận của người học với các mô hình giáo dục số hiện đại. Những định hướng này tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các PPGD của Hồ Chí Minh trong điều kiện công nghệ số hiện nay.

Thứ nhất, PP đối thoại, dân chủ trong giáo dục được Hồ Chí Minh nhấn mạnh như một cách phát huy trí tuệ tập thể, khơi gợi tinh thần phản biện và

tạo môi trường học tập tích cực. Trong môi trường giáo dục số, PP đối thoại được thực hiện nhờ vào các nền tảng trực tuyến như diễn đàn học tập, nhóm thảo luận, phản hồi tức thời trên hệ thống quản lý học tập. Tăng cường tương tác hai chiều giữa giảng viên và sinh viên tạo điều kiện để người học chủ động kiến tạo tri thức, đồng thời thúc đẩy dân chủ và hợp tác trong giáo dục; qua đó thể hiện tư tưởng tôn trọng con người, phát huy vai trò chủ thể của người học và khẳng định thầy - trò là những chủ thể đồng hành trong quá trình giáo dục.

Thứ hai, PP nêu gương trong giáo dục của Hồ Chí Minh tiếp tục có giá trị định hướng trong môi trường dạy và học trực tuyến. Người thầy trong môi trường số là người truyền đạt tri thức và là người đi đầu trong sử dụng công nghệ mới, nghiên cứu học liệu số và ĐMPP giảng dạy. Việc các giảng viên chủ động khai thác các nền tảng số, xây dựng video bài giảng, hướng dẫn sinh viên trực tuyến và thực hành trước để người học noi theo vừa thể hiện đúng tinh thần nêu gương, vừa phù hợp yêu cầu của thực tiễn theo PPGD của Hồ Chí Minh.

Thứ ba, PPGD phù hợp với đối tượng, điều kiện và nhu cầu của người học và xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ được thể hiện rõ qua khả năng linh hoạt của các nền tảng giáo dục số, mà còn được cụ thể hóa trên cơ sở xây dựng dữ liệu học tập cá nhân. Trên cơ sở đó, nhà trường có thể điều chỉnh nội dung, PP và hình thức đánh giá sao cho phù hợp với trình độ, năng lực và định hướng nghề nghiệp của từng sinh viên.

Thứ tư, PP thi đua gắn với khen thưởng có thể được đổi mới trên môi trường số thông qua các chương trình học tích hợp trò chơi, bảng xếp hạng học tập trực tuyến hoặc công nhận thành tích thông qua chứng chỉ số. Việc áp dụng những hình thức này vừa góp phần tạo động lực, thúc đẩy tinh thần học tập, vừa nuôi dưỡng tinh thần cạnh tranh lành mạnh, khích lệ đổi mới sáng tạo trong học tập.

Thứ năm, PP tự học, giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời của Hồ Chí Minh có ý nghĩa đặc biệt trong kỷ nguyên số. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, học tập là công việc suốt đời, không ngừng nghỉ để đáp ứng sự thay đổi của xã hội. Việc xây dựng hệ sinh thái học liệu số, nền tảng học tập trực tuyến, trí tuệ nhân tạo hỗ trợ cá nhân hóa tiến trình học tập là cách thiết thực để các trường ĐHTT hiện thực hóa quan điểm này. Sinh viên được hỗ trợ xây dựng lộ trình học tập riêng, tiếp cận tài liệu mở mọi lúc, mọi nơi, góp phần hình thành thói quen học tập liên tục, nâng cao năng lực tự học và khả năng tự thích nghi trong môi trường số.

Chuyển đổi số trong giáo dục là yêu cầu mang tính thời đại và là cơ hội để kế thừa, phát triển các PPGD của Hồ Chí Minh trong điều kiện mới. Các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội cần xem đây là hướng đi chiến lược để vừa hiện đại hóa hoạt động giáo dục, vừa tiếp nối giá trị truyền thống một cách sáng tạo, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.

4.2.4. Vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh gắn với xây dựng môi trường học tập hiện đại, thúc đẩy tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng nghề nghiệp

Yêu cầu xây dựng môi trường học tập hiện đại đòi hỏi các cơ sở đào tạo phải đầu tư hệ thống cơ sở vật chất tiên tiến, đồng thời tạo không gian khuyến khích tư duy sáng tạo, năng lực phản biện và khả năng thích ứng nghề nghiệp cho người học. Nghị quyết số 52-NQ/TW (2019) của Bộ Chính trị đã khẳng định mục tiêu phát triển nguồn nhân lực có “khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi”. Bổ sung cho định hướng này, Quyết định số 131/QĐ-TTg (2022) nhấn mạnh xây dựng “nền giáo dục mở, thích ứng trên nền tảng số” và yêu cầu “đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức dạy và học” thông qua công nghệ. Những chủ trương này đặt ra yêu cầu thiết kế mô hình học tập linh hoạt, tích hợp học trực tuyến, khai thác nguồn tài nguyên mở, tăng cường kết nối giữa giáo dục và thực tiễn nghề nghiệp.

Thứ nhất, PP đối thoại, dân chủ trong giáo dục của Hồ Chí Minh là yếu tố không thể thiếu khi xây dựng môi trường học tập hiện đại. Trong môi trường số, tinh thần dân chủ và đối thoại có thể được mở rộng qua các nền tảng học tập trực tuyến, diễn đàn phản hồi và các hình thức tương tác hai chiều giữa giảng viên và sinh viên. Mô hình lớp học hiện đại không còn đơn thuần là nơi truyền thụ một chiều, mà trở thành không gian trao đổi, đồng kiến tạo tri thức. Điều này phù hợp với PPGD dân chủ của Hồ Chí Minh, lấy người học làm trung tâm, khơi dậy tinh thần phản biện và sáng tạo trong tiếp thu tri thức.

Thứ hai, PP nêu gương của Hồ Chí Minh tiếp tục phát huy vai trò trong môi trường học tập hiện đại. Người thầy vừa là người giảng dạy vừa là hình mẫu về năng lực sáng tạo, ứng dụng công nghệ và tư duy đổi mới. Hình mẫu giảng viên tiên phong đổi mới phương pháp, thiết kế trải nghiệm học tập mới, khuyến khích và đồng hành cùng sinh viên thực hiện các ý tưởng sáng tạo chính là hình thức cụ thể hóa PP nêu gương của Hồ Chí Minh trong môi trường hiện đại.

Thứ ba, PP thi đua gắn với khen thưởng có thể được vận dụng hiệu quả thông qua tổ chức các cuộc thi trong học tập, ý tưởng sáng tạo, lập trình, hoặc chương trình khởi nghiệp của nhà trường. Đánh giá không chỉ dựa vào điểm số mà còn qua đóng góp thực tế, giải pháp sáng tạo, năng lực triển khai của sinh viên. Đây là hình thức vừa thúc đẩy tinh thần thi đua học tập, vừa góp phần đào tạo những người học năng động, sáng tạo và có trách nhiệm xã hội.

Thứ tư, PPGD phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu của người học và xã hội của Hồ Chí Minh đặc biệt phù hợp với định hướng cá nhân hóa học tập hiện nay. Theo đó, mỗi sinh viên cần được tạo điều kiện học tập phù hợp với năng lực, sở trường, điều kiện học tập và định hướng nghề nghiệp. Môi trường học hiện đại cho phép thiết kế chương trình đào tạo linh hoạt, lựa chọn học phần mở, phối hợp với doanh nghiệp và tổ chức xã hội để tổ chức thực tập, khởi nghiệp, dự án cộng đồng. Giúp sinh viên phát triển kỹ năng

nghề nghiệp và tăng cường khả năng thích nghi với sự biến động của thị trường lao động.

Thứ năm, PP tự học, giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời tiếp tục đóng vai trò nền tảng trong phát triển môi trường học tập hiện đại. Các trường ĐHTT có thể triển khai các công cụ hỗ trợ học tập cá nhân hóa, học liệu mở, tư vấn học tập cá nhân để hỗ trợ sinh viên học mọi lúc, mọi nơi. Giúp sinh viên hình thành thói quen học tập suốt đời, nâng cao năng lực tự thích nghi, đáp ứng yêu cầu mà các chính sách hiện hành đặt ra về phát triển nguồn nhân lực số linh hoạt và chủ động.

Xây dựng môi trường học tập hiện đại là điều kiện để vận dụng hiệu quả, sáng tạo các PPGD của Hồ Chí Minh. Trong các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội, việc gắn kết giữa các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về đổi mới giáo dục với các PPGD của Hồ Chí Minh sẽ góp phần tạo ra hệ sinh thái giáo dục chất lượng cao, phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất của người học và thích ứng tốt với những biến động nhanh chóng của xã hội.

4.3. GIẢI PHÁP VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

4.3.1. Nâng cao nhận thức về yêu cầu và nội dung vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên

Nhận thức đúng đắn, đầy đủ PPGD của Hồ Chí Minh trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên và sinh viên tại các trường ĐHTT có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả việc vận dụng các PP vào thực tiễn giảng dạy và học tập. Trong tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh, PPGD không chỉ là truyền đạt tri thức, mà phải là quá trình phát triển toàn diện con người cả về trí tuệ, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, năng lực thực hành, nhận thức đúng đắn về PPGD là nền tảng vận dụng hiệu quả trong giáo dục sinh viên.

Thực tế cho thấy, nhận thức là bước khởi đầu của quá trình vận dụng PPGD, là yếu tố định hình thái độ, tư duy và PP tiếp cận của cả người dạy và

người học. Nếu cán bộ quản lý và giảng viên không nhận thức đúng về nội dung, ý nghĩa, giá trị các PPGD của Hồ Chí Minh thì khó có thể tích hợp các yếu tố dân chủ, nêu gương, tự học, thi đua hay cá thể hóa trong hoạt động giáo dục một cách đúng đắn, hiệu quả. Tương tự, nếu sinh viên không nhận thức được vai trò chủ thể của mình trong quá trình học tập, thì khó có thể phát huy tinh thần tự học, tự rèn luyện, học hỏi suốt đời để “làm giàu” cho chính bản thân mình, từ đó làm giảm hiệu quả của hoạt động giáo dục.

Ngoài ra, việc làm rõ giá trị lý luận và thực tiễn PPGD của Hồ Chí Minh cũng góp phần củng cố nền tảng tư tưởng vững chắc cho công tác giáo dục và có tác dụng định hướng hành động cụ thể trong cải tiến PP dạy học. Giá trị lý luận PPGD của Hồ Chí Minh thể hiện ở tính kế thừa chủ nghĩa nhân văn truyền thống, sự tiếp thu có chọn lọc tinh hoa giáo dục phương Đông, phương Tây, đồng thời đặt giáo dục trong mối quan hệ hữu cơ với sự phát triển của xã hội. Giá trị thực tiễn lại thể hiện qua tính linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp với từng đối tượng và hoàn cảnh cụ thể, qua đó góp phần xây dựng một môi trường giáo dục dân chủ, nhân văn và hiện đại. Nội dung này nằm trong tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục mà các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội đang hướng tới. Trong bối cảnh GDDH đang chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng cá thể hóa, hội nhập và gắn kết với thực tiễn, nhận thức đúng đắn PPGD của Hồ Chí Minh sẽ giúp các chủ thể giáo dục, điều chỉnh PP giảng dạy, xác lập mục tiêu giáo dục toàn diện, đào tạo nên những con người phát triển cân bằng giữa năng lực nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

Giải pháp nâng cao nhận thức về PPGD của Hồ Chí Minh có tính khả thi cao trong môi trường ĐHTT. So với các trường công lập vốn chịu sự quản lý và quy định nghiêm ngặt, các trường tư thục có ưu thế về tính tự chủ và linh hoạt. Đặc biệt, nhiều trường tư thục hiện nay mời giảng viên, chuyên gia từ các trường công lập hoặc các trường danh tiếng ở nước ngoài về giảng dạy, cố vấn - họ là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và phong cách sư phạm chuẩn mực. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các

sáng kiến, nâng cao nhận thức giáo dục và điều chỉnh PP giảng dạy phù hợp với đặc điểm sinh viên và yêu cầu xã hội. Cụ thể như:

Ở *VinUni* với sứ mệnh đào tạo công dân toàn cầu mang giá trị nhân văn, năng lực lãnh đạo, tinh thần phục vụ cộng đồng nên đầu tư mạnh cho các chương trình nâng cao năng lực giảng viên và sinh viên. Đây là điều kiện thuận lợi để lồng ghép nội dung PPGD của Hồ Chí Minh; *hoặc ở đại học FPT*, văn hóa học tập linh hoạt, sáng tạo, gắn với giá trị cốt lõi là tự học suốt đời và giáo dục cá nhân hóa đã tạo ra nền tảng thuận lợi để triển khai các chuyên đề, seminar, tọa đàm về PPGD của Hồ Chí Minh. Câu lạc bộ Nhà giáo trẻ FPT và các chương trình học kỳ doanh nghiệp là những kênh thiết thực để truyền đạt nhận thức về PPGD dân chủ và nêu gương của Hồ Chí Minh; *hay ở đại học Phenikaa*, mặc dù còn ở giai đoạn phát triển ban đầu nhưng nhà trường đặc biệt chú trọng đến các chương trình trải nghiệm thực tế và phát triển tư duy đổi mới sáng tạo cho sinh viên. Đây là tiền đề để triển khai các hoạt động giáo dục mang tính tích hợp, kết hợp giữa PP tự học, học đi đôi với hành của Hồ Chí Minh và mô hình giáo dục khai phóng hiện đại của Nhà trường; *HUBT* có hệ thống tổ chức Đoàn, Hội và các câu lạc bộ của sinh viên phát triển mạnh. Vì vậy có thể thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về PPGD của Hồ Chí Minh trong các lớp học chính trị đầu khóa, lớp cảm tình Đoàn, Đảng, từ đó hình thành thói quen tiếp cận PPGD của Hồ Chí Minh một cách gần gũi, phù hợp với điều kiện của sinh viên trường tư thục; *trường đại học Thăng Long* với sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động nghệ thuật, kỹ năng mềm và hợp tác quốc tế đã mở ra không gian học tập đa dạng, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận với các giá trị văn hóa, tư tưởng. Việc lồng ghép nội dung PPGD của Hồ Chí Minh vào các chương trình rèn luyện kỹ năng và xây dựng bản sắc sinh viên Thăng Long hoàn toàn khả thi, đặc biệt thông qua các hoạt động sáng tạo của các phòng ban như Trung tâm hỗ trợ học tập, Phòng công tác sinh viên và giảng viên môn lý luận chính trị.

Từ các dẫn chứng cụ thể trên, cho thấy giải pháp nâng cao nhận thức về PPGD Hồ Chí Minh trong các trường ĐHTT là hoàn toàn khả thi, nếu được thiết kế đúng mức độ phân hóa và huy động được nguồn lực tổ chức sẵn có của từng cơ sở giáo dục.

Để giải pháp nâng cao nhận thức về PPGD của Hồ Chí Minh được triển khai một cách hiệu quả và bền vững, cần hội đủ các điều kiện trên bốn phương diện chính: học thuật, tổ chức, truyền thông và nguồn lực nhân sự.

Về học thuật: Cần xây dựng được hệ thống học liệu khoa học, súc tích, dễ tiếp cận và có khả năng truyền cảm hứng. Các tài liệu này cần tập trung giới thiệu các PPGD tiêu biểu của Hồ Chí Minh. Gắn nội dung mỗi PP với các tình huống thực tiễn trong bối cảnh GDĐH hiện nay: như lớp học linh hoạt, giáo dục qua trải nghiệm, đào tạo kỹ năng mềm, giáo dục số; biên soạn dưới dạng cẩm nang rút gọn, kết hợp slide, video bài giảng giúp phù hợp với thói quen học tập đa phương tiện của sinh viên tư thực; nội dung cần được thẩm định bởi tổ chuyên môn thuộc các khoa Lý luận chính trị và sự phản biện từ giảng viên trẻ để đảm bảo tính cập nhật, hấp dẫn.

Về tổ chức: Giải pháp cần được tổ chức trong khuôn khổ nhà trường, gắn với kế hoạch đào tạo và lịch trình hoạt động sinh viên: Lồng ghép nội dung vào các học phần bắt buộc như Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo dục công dân, Kỹ năng mềm, nhằm bảo đảm mức độ tiếp cận đồng đều và chính thống; tổ chức chuyên đề, hội thảo, tọa đàm thường niên có chủ đề gắn với PPGD của Hồ Chí Minh, theo mô hình nhiều đối tượng: giảng viên, sinh viên, khách mời; thiết lập chuỗi hoạt động theo chủ đề, như “*Tháng sinh viên Hồ Chí Minh*”, “*Tuần lễ học tập suốt đời*”, từ đó xây dựng không khí học tập và khơi dậy ý thức học tập, tự hoàn thiện bản thân.

Về truyền thông: Truyền thông nội bộ là công cụ quan trọng để lan tỏa nhận thức nhanh chóng và hiệu quả. Thiết kế các chiến dịch truyền thông học đường, vận dụng công nghệ và nền tảng số để tiếp cận sinh viên một cách sinh động, liên tục; truyền tải thông tin ở dạng hình ảnh, video ngắn, truyền

thông kỹ thuật số và mô hình mini talk nhằm cụ thể hóa các khái niệm trừu tượng trong PPGD của Hồ Chí Minh; phối hợp giữa phòng công tác sinh viên, phòng truyền thông và các câu lạc bộ sinh viên để vận hành hoạt động truyền thông một cách thống nhất, sáng tạo và có sức lan tỏa.

Về nguồn lực: Để triển khai đồng bộ, cần sự huy động và phối hợp hiệu quả giữa các chủ thể trong trường: Ban giám hiệu giữ vai trò định hướng chiến lược, phê duyệt và phân bổ nguồn lực cho các chương trình nâng cao nhận thức; khoa Lý luận chính trị hoặc tổ bộ môn phụ trách môn Tư tưởng Hồ Chí Minh đảm nhận nội dung chuyên môn, tham gia biên soạn tài liệu, tổ chức giảng dạy, cố vấn chuyên đề; phòng công tác sinh viên đảm trách tổ chức các hoạt động ngoại khóa, chương trình đầu khóa, cuộc thi và các hoạt động gắn kết sinh viên; ĐNGV trẻ, nhiệt huyết, có khả năng ứng dụng công nghệ và hiểu rõ tâm lý sinh viên, đóng vai trò then chốt lan tỏa nhận thức, dẫn dắt hoạt động và phản hồi sát thực tiễn.

Triển khai giải pháp này, cần thực hiện các bước:

Bước 1: Trước khi triển khai, cần khảo sát sâu thực trạng nhận thức hiện tại của giảng viên và sinh viên về PPGD của Hồ Chí Minh. Phiếu khảo sát có thể dựa trên bộ câu hỏi đã ban hành trong nghiên cứu, tập trung vào các nội dung như: mức độ hiểu về các PPGD của Hồ Chí Minh, khả năng vận dụng vào giảng dạy/học tập và nhu cầu được tìm hiểu thêm. Kết quả khảo sát sẽ là cơ sở để thiết kế nội dung phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Bước 2: Biên soạn và xuất bản cẩm nang PPGD của Hồ Chí Minh trong GDĐH từ góc nhìn hiện đại. Cẩm nang cần thể hiện ngắn gọn, hệ thống hóa các PPGD của Hồ Chí Minh với ví dụ minh họa thực tiễn tại các trường đại học. Tài liệu được xuất bản ở dạng bản in và bản số, tích hợp vào LMS hoặc thư viện số của trường để sinh viên, giảng viên truy cập dễ dàng.

Bước 3: Tích hợp nội dung vào các hoạt động sinh hoạt đầu khóa, chương trình ngoại khóa và ngày hội học tập, tổ chức chuyên đề. Ngoài ra, ngày hội thường niên “Học tập vì sự phát triển bền vững” có thể là diễn đàn

để giới thiệu mô hình, gương điển hình, truyền cảm hứng học tập theo PPGD của Hồ Chí Minh.

Bước 4: Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về PPGD của Hồ Chí Minh, với hình thức trực tuyến, thi trắc nghiệm kết hợp trò chơi hoặc sáng tác hình ảnh, video ngắn về PPGD.

Bước 5: Đánh giá định kỳ hiệu quả nhận thức sau triển khai qua khảo sát cuối khóa và báo cáo từ các đơn vị chuyên trách. Sau mỗi học kỳ hoặc năm học, nhà trường cần tổ chức khảo sát đo lường sự thay đổi trong nhận thức của sinh viên và giảng viên đối với PPGD của Hồ Chí Minh, từ đó điều chỉnh hoạt động tuyên truyền, đào tạo phù hợp. Kết quả khảo sát nên được kết hợp với báo cáo hoạt động của phòng công tác sinh viên, khoa lý luận chính trị và giảng viên chủ nhiệm lớp để đưa ra đánh giá toàn diện về mức độ hiệu quả của giải pháp.

Việc nâng cao nhận thức về PPGD của Hồ Chí Minh vừa mang lại hiệu quả trong cải thiện thái độ, tư duy và hành động giáo dục của giảng viên, sinh viên, cán bộ quản lý vừa có tác động lâu dài, bền vững trên nhiều phương diện của hệ sinh thái giáo dục ĐHTT như:

Tác động đến tư tưởng và văn hóa giáo dục: Trong bối cảnh nhiều trường ĐHTT chịu áp lực cạnh tranh, thương mại hóa và chạy theo xu hướng thị trường, việc nâng cao nhận thức về PPGD của Hồ Chí Minh sẽ giúp các chủ thể trong nhà trường không đánh mất định hướng cốt lõi là giáo dục con người toàn diện. Về lâu dài, giải pháp giúp chuyển hóa các giá trị lý luận thành chuẩn mực hành vi giáo dục, như khuyến khích đối thoại bình đẳng giữa thầy và trò, tôn trọng sự khác biệt của người học, đề cao trách nhiệm xã hội, phát huy tính nêu gương của giảng viên, cán bộ quản lý trong giáo dục đào tạo. Đây là cơ sở để tạo ra một môi trường giáo dục lành mạnh, nơi người học hấp thụ kiến thức, hình thành nhân cách và lý tưởng sống đúng đắn.

Tác động đến chất lượng đào tạo: Khi nhận thức được nâng cao, cả giảng viên và sinh viên sẽ chủ động tham gia vào việc cải tiến PP dạy học,

dẫn đến những chuyển biến thực chất về chất lượng đào tạo: *Đối với giảng viên*, nhận thức sâu sắc về các PPGD của Hồ Chí Minh sẽ giúp họ linh hoạt hơn trong đổi mới PPGD, phát triển các mô hình dạy học kết hợp, học tập qua trải nghiệm hoặc giáo dục khai phóng phù hợp với đặc thù sinh viên trường tư thục. Tạo ra chuỗi tác động lan tỏa, từ cải tiến PP đến nâng cao năng lực nghề nghiệp, từ đó góp phần hình thành chân dung sinh viên mới giỏi về nghề và có đạo đức, tinh thần cống hiến, tư duy toàn cầu; *đối với sinh viên* có nhận thức tốt, bản thân sẽ tích cực hơn trong tự học, tự rèn luyện và tham gia học tập suốt đời.

Tác động đến chiến lược phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của nhà trường: Trong dài hạn, giải pháp này góp phần củng cố bản sắc riêng của các trường ĐHTT, góp phần đào tạo nhân lực cao cho đất nước. Là cơ sở để các trường xây dựng chiến lược phát triển bền vững, hài hòa giữa hiệu quả kinh tế và trách nhiệm cộng đồng.

Nâng cao nhận thức về PPGD của Hồ Chí Minh là giải pháp mang ý nghĩa định hướng và dẫn dắt cho quá trình đổi mới PPGD trong các trường ĐHTT hiện nay. Khi nhận thức được hình thành một cách đúng đắn, đầy đủ và hệ thống, sẽ tạo ra sự thay đổi sâu sắc trong tư duy, thái độ và hành động giáo dục của cả giảng viên, cán bộ quản lý và sinh viên.

4.3.2. Nâng cao năng lực của giảng viên về vận dụng phương pháp giáo dục đối thoại, dân chủ, nêu gương của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên

Giải pháp này hướng tới mục tiêu xây dựng ĐNGV có trình độ chuyên môn, sư phạm vững vàng và có tư duy giáo dục hiện đại, nhân văn, sẵn sàng đồng hành cùng sinh viên trong quá trình học tập, phát triển toàn diện.

Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh, với trọng tâm là dân chủ, đối thoại và nêu gương trong giáo dục, cung cấp một hệ thống quan điểm sâu sắc, mang tính chỉ dẫn chiến lược cho phát triển môi trường giáo dục hiện đại. Trong đó, dân chủ và đối thoại trong giáo dục là nguyên tắc tổ chức lớp học

và là biểu hiện cụ thể của sự tôn trọng, khích lệ sinh viên trong học tập, khơi dậy tinh thần phản biện tích cực, học tập chủ động và tự chủ của người học. PP nêu gương mà Hồ Chí Minh nhấn mạnh không chỉ dừng lại ở lời dạy đạo đức, mà còn là yêu cầu thực tiễn đối với thầy cô giáo từ hành vi, tác phong, thái độ đến cách ứng xử trong môi trường giáo dục. Vì vậy, mục đích trọng tâm của giải pháp là xây dựng một ĐNGV đủ năng lực, phẩm chất để thực thi các PPGD của Hồ Chí Minh trong điều kiện mới. Đồng thời hướng đến cải tạo môi trường giáo dục, sinh viên được tôn trọng, dân chủ, bình đẳng trong quá trình học tập.

Khác với các trường công lập, sinh viên trường ĐHTT có sự đa dạng về xuất thân, động cơ học tập và năng lực nền tảng, do đó yêu cầu này càng trở nên cấp thiết. Khi giảng viên được nâng cao năng lực theo hướng nhân văn dân chủ, nêu gương thì môi trường học tập sẽ chuyển biến rõ rệt từ chỗ thụ động, áp đặt sang tích cực, sáng tạo và khai phóng; đồng thời giúp nâng cao chất lượng đào tạo và góp phần định hình phong cách học, văn hóa ứng xử, bản sắc riêng cho từng cơ sở giáo dục. Giải pháp nâng cao năng lực giảng viên và cải tiến môi trường học tập theo PP đối thoại, dân chủ và nêu gương được đánh giá là có tính khả thi cao, xét trên điều kiện hiện có của các trường cũng như định hướng phát triển GDĐH hiện nay.

Thứ nhất, phần lớn các trường trong phạm vi khảo sát đang triển khai các chương trình giáo dục theo hướng mở, linh hoạt và cá thể hóa, tạo điều kiện thuận lợi để tích hợp PPGD của Hồ Chí Minh, đặc biệt là các yếu tố như dân chủ, nêu gương và đối thoại trong tổ chức giảng dạy. Chẳng hạn: *trường đại học VinUni*, 80% ĐNGV có bằng tiến sĩ, 44% giảng viên người nước ngoài tới từ 11 quốc gia cùng hệ thống chương trình phát triển năng lực sư phạm bài bản [113]. Nhà trường đặc biệt chú trọng đến các kỹ năng mềm như kỹ năng lãnh đạo, tư duy phản biện và tương tác trong học tập, tạo ra môi trường học tập dân chủ, nơi tiếng nói của sinh viên luôn được lắng nghe và phản hồi tích cực. Chính sách phản hồi 360 độ trong giảng dạy *Student*

Feedback & Teaching Quality Loop là minh chứng rõ nét cho tính khả thi trong triển khai không gian học tập đối thoại, đa chiều; *đại học RMIT Hà Nội* nổi bật với hệ sinh thái đào tạo dựa trên công nghệ và học tập tích cực. Việc tổ chức lớp học theo mô hình seminar nhỏ, học theo dự án, cùng các diễn đàn thảo luận mở, đã và đang tạo ra không gian để giảng viên thực hiện tốt vai trò dẫn dắt, khuyến khích sự tham gia bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt trong lớp học; *trường đại học FPT* và *đại học Phenikaa* có mô hình đào tạo kết nối mạnh mẽ với thực tiễn, kết hợp chặt chẽ giữa doanh nghiệp và nhà trường. FPT sở hữu văn hóa học tập sáng tạo, khuyến khích sinh viên bày tỏ ý kiến cá nhân và học qua phản biện, qua đó tạo ra môi trường học tập dân chủ và chủ động. Câu lạc bộ Nhà giáo trẻ và chương trình đào tạo giảng viên tương lai là nền tảng để phát triển ĐNGV giỏi về chuyên môn, có phẩm chất nêu gương và khả năng kết nối với sinh viên. Tại Phenikaa, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, cùng các chương trình đào tạo liên ngành, học tập qua nghiên cứu cũng mở ra cơ hội để triển khai lớp học linh hoạt, khuyến khích đối thoại và tư duy phản biện giữa giảng viên, sinh viên; *đại học HUBT* và *đại học Thăng Long* có thế mạnh trong tổ chức hoạt động gắn với cộng đồng, kỹ năng nghề nghiệp và trải nghiệm thực tiễn. Giảng viên tham gia hướng dẫn các chương trình ngoại khóa, mô hình học tập qua dịch vụ cộng đồng hoặc hội thảo kỹ năng mềm đã góp phần tăng cường vai trò nêu gương trong hành vi, tác phong sư phạm.

Thứ hai, dữ liệu khảo sát từ 900 sinh viên cho thấy, mặc dù sinh viên đánh giá cao chất lượng giảng dạy hiện nay, nhưng vẫn còn hạn chế đáng kể trong khía cạnh môi trường học tập dân chủ, bình đẳng và tôn trọng. Cụ thể: 30,4% (LH5) sinh viên cho rằng họ không có nhiều cơ hội được phát biểu hoặc phản biện trong lớp học; vẫn còn 29,6% (PP7) sinh viên mong muốn giảng viên sử dụng các trò chơi, hoạt động mô phỏng hoặc tình huống thực tế để tăng tính tương tác trong giờ học [xin xem phụ lục 7]. Những số liệu này cho thấy, sinh viên mong muốn được học tập trong môi trường đối thoại, dân chủ trong

giáo dục. Đây là điều kiện thuận lợi để triển khai giải pháp một cách có chiều sâu, huy động đồng bộ các nguồn lực để cải thiện PP của giảng viên.

Để giải pháp nâng cao năng lực giảng viên và đổi mới môi trường học tập theo PP dân chủ, đối thoại và nêu gương có thể triển khai hiệu quả và bền vững trong các trường ĐHTT, cần các điều kiện thuận lợi về con người, cơ chế tổ chức, hạ tầng vật chất và công nghệ hỗ trợ.

Về năng lực của đội ngũ giảng viên: Đây là điều kiện then chốt quyết định hiệu quả triển khai giải pháp. Giảng viên cần được bồi dưỡng PPGD hiện đại, không chỉ truyền đạt kiến thức mà hướng đến vai trò dẫn dắt, khơi gợi và truyền cảm hứng học tập. Đòi hỏi năng lực sử dụng linh hoạt các kỹ thuật hỏi mở, phản biện đa chiều, tư duy phản biện. Giảng viên phải hiểu rõ và thấm nhuần nguyên tắc nêu gương trong dạy học, thể hiện qua thái độ kỹ năng phạm dân chủ, lắng nghe và tôn trọng sinh viên.

Về cơ chế hỗ trợ tổ chức và chuyên môn: Các trường cần xây dựng chương trình đào tạo chuyên đề ngắn hạn về PPGD của Hồ Chí Minh dành cho giảng viên trẻ. Nội dung tập huấn cần hướng đến các kỹ năng tổ chức lớp học dân chủ, thiết kế bài giảng mở, kỹ năng quản lý lớp học có tính phản hồi cao và nghiệp vụ tổ chức đối thoại trong giảng dạy. Đồng thời, có cơ chế ghi nhận, đưa tiêu chí giảng viên nêu gương, lớp học dân chủ vào đánh giá chất lượng giảng dạy hàng kỳ, nhằm khuyến khích duy trì động lực cải tiến PP giảng dạy.

Về cơ sở vật chất trong không gian học tập: Một môi trường học tập dân chủ không chỉ đổi mới về PP giảng dạy mà còn về hình thức tổ chức không gian lớp học. Các lớp học truyền thống với bàn ghế cố định cần được cải tiến theo hướng mở, linh hoạt, dễ thay đổi. Bố trí chỗ ngồi theo mô hình hình tròn, bán nguyệt, nhóm module nhỏ, tạo điều kiện thảo luận nhóm, trao đổi ngang hàng giữa sinh viên, giảng viên. Các lớp học tại RMIT và VinUni hiện nay đã chứng minh cho giải pháp này, thiết kế không gian mở có tác động tích cực đến mức độ tham gia, phát biểu và tư duy sáng tạo của sinh viên.

Về ứng dụng công nghệ: Giải pháp không thể tách rời việc tích hợp các công nghệ học tập đa chiều, tạo không gian học tập phản hồi hai chiều và theo thời gian thực. Cần khuyến khích sử dụng các nền tảng như Mentimeter (slide trình chiếu kèm câu hỏi trắc nghiệm), Padlet (Bảng thảo luận trực tuyến, chia sẻ ý tưởng), Kahoot (Game hóa câu hỏi trắc nghiệm) hoặc LMS có tích hợp phản hồi trực tiếp, để sinh viên có thể đưa ra ý kiến, bình chọn, phản biện và thảo luận ngay trong quá trình học. Những công cụ này giúp tăng cường sự chủ động của sinh viên và giảm bớt tính áp đặt của PP giảng dạy một chiều.

Sự điều phối đồng bộ giữa các đơn vị chức năng trong trường: Để giải pháp triển khai thành công, cần sự phối hợp nhịp nhàng giữa các phòng ban như: Phòng đào tạo, thiết kế lại nội dung chương trình, đưa yêu cầu về PPGD của Hồ Chí Minh vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; khoa chuyên ngành, chủ động rà soát, cải tiến bài giảng theo hướng đối thoại và phản biện; phòng công tác sinh viên, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tọa đàm theo chủ đề “lớp học dân chủ”, “vai trò người thầy nêu gương”; phòng truyền thông, hỗ trợ xây dựng tài liệu, video minh họa, lan tỏa điển hình giảng viên giỏi.

Triển khai giải pháp này, cần thực hiện các bước:

Bước 1: Đánh giá thực trạng năng lực sư phạm của giảng viên và phản hồi từ người học. Để triển khai hiệu quả giải pháp trước hết cần đánh giá định tính và định lượng về thực trạng năng lực sư phạm của ĐNGV. Nhà trường cần phối hợp với các khoa chuyên môn tổ chức khảo sát nội bộ, phỏng vấn sâu, phân tích các biểu mẫu đánh giá học kỳ để xác định những điểm mạnh, điểm yếu của giảng viên trong áp dụng PPDH lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, cần thu thập phản hồi từ sinh viên qua các kênh như phiếu đánh giá giảng viên, diễn đàn sinh viên, tọa đàm đối thoại với giảng viên, từ đó làm rõ những khoảng trống về môi trường học tập dân chủ, nhu cầu được thảo luận, phản biện và thể hiện ý kiến cá nhân.

Bước 2: Thiết kế chương trình tập huấn sư phạm theo PPGD của Hồ Chí Minh. Trên cơ sở phân tích ở bước 1, nhà trường xây dựng chương trình

bồi dưỡng định kỳ cho giảng viên, trong đó tập trung vào tổ chức lớp học theo mô hình đối thoại và phát triển tư duy độc lập cho người học. Nội dung tập huấn cần cụ thể, có tính ứng dụng cao như: kỹ năng đặt câu hỏi gợi mở, tổ chức cuộc thi hùng biện, tranh biện, kiểm soát thảo luận trong lớp học, dẫn dắt bằng tình huống sư phạm thực tế. Mô hình tiết học theo cấu trúc “5 phút khơi gợi, 15 phút đối thoại, 10 phút phản hồi mở” được giới thiệu như một mô hình mẫu có thể nhân rộng, đặc biệt trong các môn học xã hội, kỹ năng hoặc lý luận chính trị.

Bước 3: Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá lớp học dân chủ, đối thoại. Để đảm bảo tính định hướng và khả năng giám sát việc cải tiến, cần xây dựng một bộ tiêu chí đánh giá môi trường lớp học theo tiêu chuẩn dân chủ và đối thoại. Bộ tiêu chí này bao gồm các yếu tố như: tỷ lệ thời gian dành cho thảo luận, mức độ tham gia của sinh viên, tần suất giảng viên phản hồi mở, sự khuyến khích ý kiến trái chiều và mức độ lắng nghe, tôn trọng khác biệt. Các tiêu chí này cần được lồng ghép vào hệ thống kiểm định học thuật nội bộ của nhà trường, đồng thời dùng làm cơ sở để khen thưởng, ghi nhận sáng kiến đổi mới của giảng viên.

Bước 4: Tổ chức chiến dịch truyền thông “Lớp học dân chủ, giảng viên nêu gương”. Theo đó, một chiến dịch truyền thông học đường mang tính giáo dục và lan tỏa được tổ chức sẽ góp phần nâng cao nhận thức và thúc đẩy hành vi tích cực từ phía giảng viên và sinh viên. Nội dung tập trung vào việc giới thiệu các mô hình lớp học tích cực; vinh danh giảng viên có sáng kiến trong dạy học đối thoại; xây dựng chuyên mục video ngắn hoặc podcast chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn của giảng viên; tạo các không gian online để sinh viên đóng góp ý tưởng lớp học lý tưởng. Chiến dịch này cần được triển khai đồng bộ trên các nền tảng truyền thông nội bộ, kết hợp giữa hình thức trực tuyến và ngoại khóa thực địa.

Bước 5: Thí điểm cải tiến không gian lớp học theo hướng tương tác và linh hoạt. Nhà trường cần chủ động thí điểm các mô hình lớp học có thiết kế

không gian khuyến khích tương tác cao. Việc bố trí lại bàn ghế theo mô hình hình tròn, nhóm nhỏ hoặc sử dụng không gian mở ngoài trời có thể thí điểm ở những khoa có tính ứng dụng cao như: Khoa xã hội học, Quản trị kinh doanh... Các trường như RMIT, VinUni, FPT, Thăng Long hiện đã có hạ tầng và kinh nghiệm thiết kế lớp học linh hoạt, có thể chọn làm mô hình điểm, từ đó tổng kết kinh nghiệm và mở rộng sang các đơn vị khác. Ngoài ra, nhà trường cũng cần hỗ trợ kỹ thuật và ngân sách để trang bị công cụ công nghệ hỗ trợ thảo luận, như màn hình cảm ứng, bảng di động, bộ thiết bị thu phát tín hiệu tương tác nhanh.

Nâng cao năng lực giảng viên kết hợp với cải tiến môi trường học tập theo tinh thần dân chủ, đối thoại và nêu gương sẽ tạo ra những tác động sâu rộng, bền vững đến chất lượng giáo dục, văn hóa học đường và chiến lược phát triển dài hạn của các trường ĐHTT. Thể hiện trên ba chiều cạnh chính:

Tác động đến văn hóa học đường. Khi PPGD của Hồ Chí Minh được cụ thể hóa trong thực tiễn giảng dạy, sẽ dần hình thành nên một nền văn hóa học tập cởi mở, tôn trọng sự khác biệt và khuyến khích phản biện tích cực. Giảng viên không còn giữ vai trò truyền đạt tri thức mà trở thành người nêu gương, người đồng hành, người khơi gợi và dẫn dắt tư duy của sinh viên. Về lâu dài, góp phần làm thay đổi cách thức tổ chức lớp học, tạo ra một hệ sinh thái giáo dục dựa trên niềm tin, sự tôn trọng và đối thoại. Đây là điều kiện cốt lõi để xây dựng môi trường đại học dân chủ, nhân văn, phù hợp với định hướng phát triển của các trường tư thục chất lượng cao.

Tác động đến sự phát triển năng lực toàn diện và chủ động của người học. Việc giảng viên ứng dụng công nghệ, khơi gợi tư duy, tổ chức thảo luận dân chủ và phản hồi cởi mở sẽ tạo điều kiện để sinh viên hình thành tư duy phản biện, năng lực chuyên môn, khả năng tự học và làm việc nhóm hiệu quả. Trong các lớp học mà giảng viên thực sự nêu gương về đạo đức nghề nghiệp, thái độ học tập và tinh thần công dân, sinh viên sẽ dễ dàng noi theo và phát triển bản thân một cách chủ động, tích cực. Về lâu dài, giải pháp này góp

phần đào tạo nên thế hệ sinh viên giỏi chuyên môn và có bản lĩnh cá nhân, tinh thần trách nhiệm và khả năng thích ứng với thị trường lao động.

Tác động đến vị trí và chiến lược phát triển bền vững của nhà trường. Khi giải pháp này được thực hiện hiệu quả, nhà trường không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo mà còn khẳng định được bản sắc sư phạm riêng, gắn với triết lý giáo dục của Hồ Chí Minh. Đây là nền tảng để các trường hoạch định chiến lược phát triển dài hạn, mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút sinh viên chất lượng cao và đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển giáo dục quốc gia trong thời đại chuyển đổi số và toàn cầu hóa.

Giải pháp nâng cao năng lực giảng viên và đổi mới môi trường học tập theo PP đối thoại, dân chủ và nêu gương là bước đi phù hợp với yêu cầu phát triển GDĐH hiện đại và là sự cụ thể hóa sâu sắc PPGD của Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới. Khi giảng viên thực sự trở thành người đồng hành, người nêu gương và người truyền cảm hứng, còn lớp học trở thành không gian mở, khơi dậy tinh thần phản biện và chủ động của sinh viên, thì chất lượng đào tạo, uy tín học đường sẽ được nâng lên rõ rệt. Đây là nền tảng chiến lược để các trường ĐHTT phát triển bền vững, tạo nên bản sắc riêng trong hệ sinh thái giáo dục quốc gia và quốc tế.

4.3.3. Phát triển không gian giáo dục số và truyền thông phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh phù hợp với đặc điểm sinh viên trường tư thực

Trong bối cảnh GDĐH đang dịch chuyển mạnh mẽ sang mô hình giáo dục số, giải pháp phát triển không gian học tập số kết hợp truyền thông PPGD của Hồ Chí Minh hướng tới mục tiêu tận dụng tối đa sức mạnh công nghệ để lan tỏa giá trị PPGD một cách linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm của sinh viên.

Với sinh viên các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội, nhóm đối tượng có khả năng sử dụng tốt công nghệ, tư duy cởi mở và thói quen học tập ở nhiều nền tảng khác, việc tiếp cận các PPGD truyền thống nếu không được

thiết kế lại bằng công cụ số sẽ gặp khó khăn trong tiếp nhận và thẩm thấu. Do đó, mục đích cốt lõi của giải pháp là chuyển hóa các giá trị PPGD của Hồ Chí Minh thành các sản phẩm học tập số, nội dung truyền thông giáo dục, hoạt động học tập trực tuyến, qua đó vừa duy trì giá trị cốt lõi của phương pháp, vừa nâng cao tính hấp dẫn và dễ tiếp cận với sinh viên.

Giải pháp này vừa đáp ứng xu hướng học tập hiện đại và mở rộng biên độ tiếp cận tri thức cho sinh viên, đưa PPGD của Hồ Chí Minh ra khỏi lớp học truyền thống để đến với sinh viên qua thẻ, hình ảnh, video ngắn, mạng xã hội, hệ thống LMS hoặc ứng dụng di động, vừa giúp hình thành môi trường học tập số linh hoạt, sinh viên có thể chủ động truy cập, tìm hiểu và phản hồi về PPGD của Hồ Chí Minh. Về lâu dài, mục tiêu của giải pháp còn hướng tới xây dựng một nền tảng học tập số PPGD của Hồ Chí Minh, phục vụ lâu dài cho sinh viên các trường tư thục, như một kênh tư liệu, truyền thông, tương tác, giúp nhà trường vừa thực hiện giáo dục, vừa tăng cường nhận diện bản sắc giáo dục mang tính dân tộc trong thời kỳ toàn cầu hóa.

Giải pháp phát triển không gian học tập số và truyền thông PPGD của Hồ Chí Minh có tính khả thi cao trong bối cảnh hiện nay, khi các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội đã và đang đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới hình thức tổ chức học tập. Tính khả thi được đảm bảo trên các phương diện cụ thể như sau:

Thứ nhất, hệ thống hạ tầng số hiện đại đã được triển khai đồng bộ tại phần lớn các trường khảo sát. Các trường như VinUni, RMIT, FPT và Phenikaa đã xây dựng hệ sinh thái học tập số hoàn chỉnh, bao gồm nền tảng quản lý học tập như: LMS, Canvas, Moodle, Blackboard; hệ thống thư viện số; nền tảng bài giảng điện tử; công cụ tương tác học tập. Đây là điều kiện tiên quyết để phát triển các chương trình học trực tuyến về PPGD của Hồ Chí Minh trên nền tảng sẵn có, không cần đầu tư mới mà chỉ cần tổ chức nội dung phù hợp.

Thứ hai, sinh viên trường tư thục phù hợp với hình thức học tập số hóa và truyền thông đa phương tiện. Theo kết quả khảo sát $n = 900$ sinh viên, có tới 82,9% (CT5) sinh viên tự đánh giá có khả năng sử dụng internet và công cụ học trực tuyến thành thạo; 74,3% (CT6) sinh viên bày tỏ mong muốn tiếp cận tư tưởng và PPGD Hồ Chí Minh qua hình thức số như video ngắn, thẻ học, hình ảnh, mạng xã hội [xin xem phụ lục 7]. Điều này chứng minh mức độ sẵn sàng tiếp nhận cao của người học, là yếu tố then chốt quyết định thành công của giải pháp.

Thứ ba, chủ trương chiến lược về chuyển đổi số trong giáo dục đã được khẳng định trong định hướng phát triển của các trường tư thục khảo sát. FPT và RMIT đã đưa công nghệ số vào trụ cột đổi mới đào tạo. VinUni xác lập hệ thống học liệu mở và đào tạo kỹ năng số như một phần của sứ mệnh giáo dục toàn diện. Việc truyền thông nội dung PPGD của Hồ Chí Minh trên các nền tảng số sẽ phù hợp và đồng thuận với định hướng chung này, đảm bảo tính thống nhất và tính khả thi về mặt quản trị.

Giải pháp có cơ sở về mặt kỹ thuật, công nghệ và phù hợp với tâm thế tiếp nhận của người học và định hướng phát triển của nhà trường, cho thấy mức độ khả thi cao cả về nhận thức, nguồn lực và tổ chức thực hiện.

Để giải pháp phát triển không gian học tập số và truyền thông PPGD của Hồ Chí Minh được triển khai hiệu quả và bền vững tại các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội, cần hội đủ một số điều kiện như sau:

Trước hết, về nền tảng kỹ thuật, các nhà trường cần tận dụng tối đa hệ thống quản lý học tập trực tuyến hiện có như Canvas (VinUni), Blackboard (RMIT), Moodle (Phenikaa) để xây dựng các module học tập chuyên biệt về PPGD của Hồ Chí Minh. Các module này nên được thiết kế linh hoạt, tích hợp chức năng đánh giá, phản hồi, theo dõi tiến trình học tập, đồng thời bảo đảm khả năng truy cập đa nền tảng (máy tính, điện thoại, máy tính bảng).

Thứ hai, về truyền thông, cần đầu tư vào việc số hóa nội dung học tập dưới dạng sinh động, gần gũi với thói quen học tập của sinh viên. Cụ thể, các

nhà trường cần tổ chức xây dựng các video minh họa về từng PPGD của Hồ Chí Minh; về sơ đồ tóm tắt nội dung và bài học tương tác ứng dụng thực tiễn... để ĐNGV, chuyên gia, cựu sinh viên được tiếp cận. Đồng thời, nguồn tài nguyên này cần được kiểm duyệt và thẩm định bởi các chuyên gia về Hồ Chí Minh học và tổ chuyên môn thuộc khoa Lý luận chính trị, đảm bảo tính khoa học, chính xác và phù hợp với văn hóa học đường của từng trường.

Thứ ba, về cộng đồng học tập trực tuyến, cần thiết lập các nhóm sinh viên hoặc diễn đàn học thuật trên nền tảng quen thuộc như Facebook, Zalo, Telegram với chủ đề xoay quanh “Hiểu đúng - Học hay PPGD của Hồ Chí Minh”. Những nhóm này là nơi chia sẻ tài liệu và là không gian giao lưu, tương tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa sinh viên, cố vấn học tập và giảng viên. Các chiến dịch truyền thông học đường nên gắn với các hoạt động cụ thể như thử thách thiết kế ấn phẩm số, sản xuất video ngắn, kể chuyện minh họa PPGD của Hồ Chí Minh, từ đó giúp truyền tải nội dung một cách sáng tạo và có sức lan tỏa.

Cuối cùng, về nguồn lực phối hợp tổ chức, việc triển khai giải pháp cần có sự điều phối chặt chẽ giữa các đơn vị chức năng trong trường. Khoa Lý luận chính trị đóng vai trò chủ trì học thuật, biên soạn tài liệu, tổ chức các buổi chuyên đề. Khoa Công nghệ thông tin và Trung tâm tin học chịu trách nhiệm kỹ thuật, bảo đảm vận hành nền tảng LMS, hỗ trợ số hóa bài giảng. Phòng Truyền thông phối hợp xây dựng kế hoạch truyền thông và triển khai các kênh lan tỏa nội dung trên mạng xã hội. Đội ngũ cố vấn học tập và cán bộ hỗ trợ sinh viên giữ vai trò kết nối, khuyến khích sinh viên tham gia chủ động, tiếp nhận thông tin một cách hiệu quả.

Triển khai giải pháp này, cần thực hiện các bước:

Bước 1: Rà soát và tích hợp nội dung PPGD của Hồ Chí Minh vào hệ thống học tập số. Trước tiên, các trường cần tiến hành rà soát hệ thống học tập số hiện có, từ đó xác định vị trí thích hợp để tích hợp nội dung về PPGD của Hồ Chí Minh. Nội dung này có thể đưa vào dưới dạng các khóa học tự

chọn, học phần kỹ năng mềm, hoặc chuyên đề bổ trợ thuộc môn học tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo dục công dân... Việc tích hợp nên theo hướng mở, học tập tự nguyện, không áp lực đánh giá, khuyến khích sinh viên tiếp cận linh hoạt theo tiến độ cá nhân. Đây là bước khởi đầu quan trọng nhằm lan tỏa nhận thức ban đầu trong môi trường học tập quen thuộc với sinh viên.

Bước 2: Thành lập nhóm xây dựng nội dung số. Sau khi xác định cấu trúc và vị trí tích hợp, các trường cần thành lập nhóm xây dựng học liệu truyền thông, bao gồm ba thành phần nòng cốt: giảng viên lý luận chính trị phụ trách nội dung chuyên môn; trung tâm truyền thông, phụ trách định dạng hóa thông điệp. Nhóm này đảm bảo tính chính xác, hấp dẫn của học liệu và đóng vai trò cầu nối giữa nội dung hàn lâm và hình thức truyền tải phù hợp với giới trẻ hiện đại.

Bước 3: Tổ chức cuộc thi truyền thông học thuật. Để khơi dậy hứng thú và lan tỏa mạnh mẽ các giá trị trong PPGD của Hồ Chí Minh, có thể tổ chức cuộc thi truyền thông sáng tạo với chủ đề “Hiểu Hồ Chí Minh - Học về PPGD của Hồ Chí Minh”. Cuộc thi nên mở rộng hình thức dự thi bao gồm video ngắn, podcast, infographic, bài đăng mạng xã hội, nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thể hiện tư duy sáng tạo và quan điểm cá nhân về các PPGD của Hồ Chí Minh. Đây là hoạt động truyền thông hiệu quả và là PP học tập tích cực, nơi người học đồng thời là người sản xuất và chia sẻ tri thức.

Bước 4: Phát động chuỗi sự kiện học tập kết hợp online, offline. Có thể tổ chức chuỗi hoạt động học tập mang tên “Tuần lễ học tập PPGD của Hồ Chí Minh”, kết hợp cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Các nội dung có thể bao gồm seminar, mini talk, phỏng vấn nhanh, thảo luận nhóm online, được phát trực tiếp và lưu trữ trên các nền tảng như YouTube của trường, TikTok sinh viên, Instagram chính thức của phòng công tác sinh viên. Điều này giúp tăng cơ hội tiếp cận, tạo không khí học tập lan tỏa, khuyến khích sinh viên học tập mọi lúc, mọi nơi.

Bước 5: Thiết lập cơ chế công nhận và khuyến khích tham gia. Để duy trì động lực và khuyến khích sự tham gia tích cực của sinh viên, cần xây dựng cơ chế công nhận kết quả học tập ngoài lớp học. Sinh viên có thể được tính điểm rèn luyện, quy đổi thành học phần kỹ năng mềm, hoặc ghi nhận vào hồ sơ sinh viên xuất sắc nếu tham gia tích cực vào các hoạt động truyền thông PPGD của Hồ Chí Minh. Đây là biện pháp thiết thực để gắn hoạt động học tập tự nguyện với lợi ích cá nhân, đồng thời thúc đẩy ý thức trách nhiệm và tự chủ trong học tập.

Về lâu dài, giải pháp phát triển không gian học tập số và truyền thông PPGD của Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở lan tỏa thông tin, mà còn tạo ra những thay đổi sâu sắc trong cách thức học tập, tiếp nhận tri thức và hình thành tư duy giáo dục của sinh viên. Việc số hóa PPGD của Hồ Chí Minh theo hướng trực quan, ngắn gọn, linh hoạt, sẽ giúp nâng cao mức độ tiếp cận và duy trì hứng thú học tập lâu dài. Thay vì học tập mang tính áp đặt, nhàm chán, sinh viên sẽ cảm nhận được tính gần gũi, thiết thực và khả năng ứng dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong cuộc sống và học tập hàng ngày. Giải pháp cũng góp phần xây dựng văn hóa học tập suốt đời trong môi trường đại học, nơi người học chủ động khám phá tri thức, kết nối cộng đồng học tập và tích lũy kỹ năng thông qua các nền tảng số. Mô hình học tập mở, cá nhân hóa và linh hoạt, là xu thế của GDĐH hiện đại sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ thông qua số hóa nội dung PPGD của Hồ Chí Minh và tổ chức các hoạt động truyền thông tương tác. Giải pháp làm thay đổi vai trò của sinh viên, từ người tiếp nhận tri thức thụ động trở thành người kiến tạo, người lan tỏa tri thức. Khi sinh viên trực tiếp tham gia thiết kế học liệu số, sản xuất nội dung truyền thông hoặc tổ chức hoạt động truyền bá PPGD của Hồ Chí Minh, họ không chỉ học để hiểu mà còn học để hành và học để lan tỏa, góp phần hiện thực hóa PPGD của Hồ Chí Minh.

Giải pháp phát triển không gian học tập số và truyền thông PPGD của Hồ Chí Minh phù hợp với đặc điểm sinh viên trường tư thục và bắt nhịp xu thế chuyển đổi số trong GDĐH hiện đại.

4.3.4. Xây dựng đồng bộ cơ chế đánh giá toàn diện kết quả vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên

Giải pháp này hướng tới xây dựng một cơ chế đánh giá đồng bộ, khoa học và toàn diện phản ánh trung thực, đầy đủ mức độ thực hiện và hiệu quả vận dụng các PPGD của Hồ Chí Minh trong GDSV tại các trường ĐHTT. Không giống các PP kiểm tra, đánh giá truyền thống chủ yếu tập trung vào kết quả học tập, cơ chế này đề cao việc đánh giá quá trình, sự phát triển toàn diện người học.

Theo Hồ Chí Minh, giáo dục là quá trình rèn luyện và tự hoàn thiện con người toàn diện, vì vậy đánh giá vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh không thể tách rời khỏi việc quan sát và ghi nhận sự trưởng thành về nhân cách, khả năng hành động có trách nhiệm và quá trình tự rèn luyện của sinh viên. Việc thiết lập cơ chế đánh giá như vậy giúp các trường tư thục điều chỉnh nội dung, PPDH một cách kịp thời và tạo động lực nội sinh cho sinh viên phát triển toàn diện, bền vững. Bên cạnh đó, cơ chế đánh giá toàn diện còn có ý nghĩa chiến lược trong đảm bảo chất lượng giáo dục ĐHTT. Khi các tiêu chí đánh giá phản ánh đúng bản chất giáo dục theo hướng nhân văn, dân chủ, sáng tạo thì chính bản thân hệ thống giáo dục sẽ tự điều chỉnh theo hướng ngày càng gần hơn với PPGD mà Hồ Chí Minh.

Giải pháp xây dựng cơ chế đánh giá toàn diện việc vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong các trường ĐHTT có tính khả thi cao trên cả ba phương diện: *Thứ nhất*, hầu hết các trường tư thục được khảo sát như VinUni, RMIT, FPT, Phenikaa, HUBT, Thăng Long đều đã thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nội bộ một cách bài bản. Đặc biệt, các trường đều đang chú trọng đánh giá các yếu tố năng lực mềm, thái độ học

tập, khả năng trải nghiệm và sáng tạo, phù hợp với PPGD con người toàn diện của Hồ Chí Minh; *thứ hai*, dữ liệu khảo sát từ sinh viên cho thấy 80,5% (KQ2) sinh viên đồng thuận cao với việc triển khai đánh giá đa chiều, công bằng, lấy nỗ lực cá nhân và sự phát triển toàn diện làm trung tâm, thay vì chỉ dựa vào điểm số học tập [xin xem phụ lục 7]. Điều này thể hiện sự sẵn sàng tiếp nhận các hình thức đánh giá tích hợp tư duy phản biện, đối thoại, tự học và rèn luyện đạo đức của sinh viên; *thứ ba*, một số trường như RMIT và VinUni đã áp dụng hiệu quả mô hình đánh giá theo chuẩn đầu ra và học tập trải nghiệm. Các mô hình này được điều chỉnh để tích hợp thêm các giá trị PPGD của Hồ Chí Minh mà không gây xáo trộn lớn đến hệ thống đánh giá hiện hành. Từ đó có thể khẳng định, nền tảng tổ chức, kỹ thuật và PPGD của các trường ĐHTT hoàn toàn cho phép triển khai giải pháp một cách hiệu quả và có chiều sâu.

Để hiện thực các giải pháp một cách đồng bộ và hiệu quả, cần đảm bảo bốn nhóm điều kiện then chốt sau: 1) Cần xây dựng một khung đánh giá rõ ràng và cụ thể, phản ánh đúng nội hàm của các PPGD của Hồ Chí Minh. Các tiêu chí đánh giá nên bao gồm: mức độ tự học và tự quản trong học tập; năng lực đối thoại và phản biện; thái độ trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng; tinh thần thi đua, sáng tạo trong học tập và hoạt động xã hội; khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; 2) Nền tảng công nghệ đánh giá cần được điều chỉnh để hỗ trợ triển khai giải pháp này. Các hệ thống quản lý học tập hiện tại, cần tích hợp module đánh giá theo tiêu chí đạo đức, năng lực, thái độ, cho phép đánh giá theo quá trình và theo dự án, hỗ trợ phản hồi đa chiều từ nhiều chủ thể; 3) giảng viên và người đánh giá cần được bồi dưỡng về kỹ năng đánh giá định tính, đánh giá theo quá trình, cũng như kỹ thuật xây dựng bảng tiêu chí đánh giá năng lực mềm và đạo đức, kết quả học tập. Đây là yếu tố quyết định chất lượng của hệ thống đánh giá, đồng thời góp phần nâng cao năng lực chuyên môn và tư duy giáo dục hiện đại của đội ngũ giảng dạy; 4) Cần thiết

lập cơ chế đánh giá đa chiều, trong đó có sự tự đánh giá của sinh viên, cố vấn học tập và các đối tác liên kết như doanh nghiệp, tổ chức cộng đồng trong các học phần thực tập, học kỳ doanh nghiệp hoặc dự án xã hội. Cơ chế này giúp phản ánh chân thực hơn sự tiến bộ của người học trong môi trường thực tế, đồng thời góp phần kết nối chặt chẽ giáo dục nhà trường với nhu cầu phát triển xã hội.

Triển khai giải pháp này, cần thực hiện các bước:

Bước 1: Thành lập nhóm xây dựng khung đánh giá tích hợp PPGD của Hồ Chí Minh trong đào tạo. Nhà trường cần thành lập một tổ công tác liên ngành bao gồm giảng viên khoa Lý luận chính trị, chuyên gia giáo dục, cố vấn học tập và đại diện giảng viên các khoa chuyên môn. Nhóm này có nhiệm vụ xây dựng khung tiêu chí đánh giá tổng thể, kết hợp các tiêu chí định tính (phẩm chất đạo đức, thái độ học tập, tinh thần trách nhiệm, khả năng tự học, tinh thần thi đua, sáng tạo...) và các tiêu chí định lượng (kết quả học tập, số lượng hoạt động tham gia, mức độ hoàn thành dự án...). Việc xác lập khung tiêu chí cần tham chiếu PPGD của Hồ Chí Minh.

Bước 2: Tích hợp các tiêu chí vào các nội dung đào tạo và hoạt động của sinh viên. Sau khi có khung đánh giá, nhà trường tiến hành tích hợp hệ thống tiêu chí vào các học phần và hoạt động giáo dục đang có. Cụ thể, các tiêu chí về tinh thần thi đua trong học tập, tự học, tư duy phản biện, văn hóa học đường... được lồng ghép trong các học phần kỹ năng mềm, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, các hoạt động ngoại khóa, dự án nhóm và học kỳ doanh nghiệp. Quá trình tích hợp phải đảm bảo tính liên mạch giữa mục tiêu học tập, nội dung giảng dạy và hình thức đánh giá, để sinh viên nhận thức rõ vai trò PPGD của Hồ Chí Minh trong toàn bộ hành trình học tập.

Bước 3: Thi điểm cơ chế đánh giá theo “hồ sơ học tập”. Trường sẽ lựa chọn một số học phần có tính trải nghiệm cao như: seminar, thuyết trình, phản biện, dự án cộng đồng, hoạt động tình nguyện... để áp dụng cơ chế “hồ sơ

học tập”; trong đó sinh viên tự tổng hợp kết quả học tập (bài viết, ảnh tư liệu hoạt động, video bài học, nhật ký học tập...). Hồ sơ này vừa là công cụ tự đánh giá, vừa là căn cứ để giảng viên và cố vấn học tập đưa ra đánh giá, khuyến khích người học phát triển toàn diện thay vì chỉ quan tâm điểm số.

Bước 4: Xây dựng hệ thống phản hồi ba chiều thông qua LMS. Nhằm tăng tính minh bạch và khách quan, nhà trường sẽ xây dựng cơ chế phản hồi đa chiều giữa giảng viên, sinh viên, cố vấn học tập, thông qua hệ thống quản lý học tập số LMS. Cụ thể, sau mỗi học phần hoặc hoạt động, sinh viên có thể phản hồi về quá trình giảng dạy, tự đánh giá năng lực và thái độ học tập của bản thân; giảng viên và cố vấn cũng đưa ra nhận xét và hướng dẫn cải thiện. Cuối kỳ, trường tổ chức khảo sát quy mô lớn để đo mức độ hình thành các phẩm chất giáo dục theo PPGD của Hồ Chí Minh, làm cơ sở điều chỉnh hoạt động đào tạo trong kỳ sau.

Bước 5: Tổ chức đánh giá tổng hợp định kỳ và đưa vào báo cáo chất lượng đào tạo. Cuối mỗi năm học hoặc học kỳ, nhà trường tổ chức đánh giá tổng hợp mức độ thực hiện PPGD của Hồ Chí Minh ở cấp trường, thông qua việc tổng hợp kết quả đánh giá của các lớp, khoa, học phần và hoạt động ngoại khóa. Kết quả đánh giá được đưa vào báo cáo chất lượng đào tạo thường niên, đồng thời sử dụng để cải tiến chương trình, PP giảng dạy và hoạt động hỗ trợ sinh viên. Qua đó, nhà trường đảm bảo tính liên tục trong cải tiến chất lượng và đưa PPGD của Hồ Chí Minh thành hệ tiêu chuẩn cốt lõi trong kiểm định và quản trị chất lượng giáo dục đầu ra của học phần, chương trình đào tạo.

Việc xây dựng một cơ chế đánh giá toàn diện PPGD của Hồ Chí Minh sẽ tạo ra bước chuyển căn bản trong tư duy quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục tại các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội. Trước hết, giải pháp này góp phần giúp nhà trường thoát khỏi mô hình đánh giá truyền thống, thiên về điểm số và kiến thức lý thuyết, để hướng đến một PP đánh giá năng lực, phẩm chất

toàn diện. Đây là định hướng đánh giá phù hợp với PPGD của Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, cơ chế đánh giá toàn diện còn có tác động thúc đẩy sự chuyển biến trong hoạt động giảng dạy. Khi giảng viên được định hướng và hỗ trợ thực hiện đánh giá theo các tiêu chí toàn diện, họ buộc phải ĐMPP dạy học: từ truyền thụ sang dẫn dắt, từ giảng giải sang đối thoại, từ lý thuyết sang thực hành. Điều này sẽ khơi dậy tinh thần tự học, khả năng sáng tạo, tính chủ động và trách nhiệm xã hội trong sinh viên.

Về lâu dài, hệ thống đánh giá toàn diện sẽ trở thành công cụ phản ánh trung thực và khách quan hiệu quả đào tạo của nhà trường, đồng thời là một thước đo chất lượng, uy tín và sự phát triển bền vững của các trường ĐHTT. Khi đánh giá không còn là điểm kết thúc của quá trình học tập, mà trở thành động lực thúc đẩy sự tiến bộ toàn diện của người học thì môi trường giáo dục sẽ trở nên nhân văn hơn, linh hoạt hơn và gắn bó sâu sắc hơn với các giá trị cốt lõi trong PPGD của Hồ Chí Minh.

Giải pháp xây dựng cơ chế đánh giá toàn diện kết quả thực hiện PPGD của Hồ Chí Minh là một yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh đổi mới GDĐH hiện nay và là một bước đi chiến lược nhằm hiện thực hóa PPGD con người theo hướng toàn diện, nhân văn của Hồ Chí Minh. Triển khai cơ chế này còn giúp nhà trường đo lường đúng bản chất quá trình học tập, rèn luyện của sinh viên, đồng thời thúc đẩy giảng viên ĐMPP giảng dạy theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Về lâu dài, hệ thống đánh giá toàn diện sẽ trở thành công cụ quan trọng trong quản trị chất lượng, góp phần nâng cao uy tín và bản sắc giáo dục ở các trường ĐHTT hiện nay.

4.3.5. Xây dựng văn hóa tự học suốt đời trong giáo dục sinh viên và hoàn thiện hình thức khen thưởng thành tích học tập theo phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh

Giải pháp này hướng đến mục tiêu hình thành văn hóa tự học suốt đời - một trụ cột quan trọng trong PPGD của Hồ Chí Minh. Xây dựng thói quen và

ý thức tự học giúp sinh viên phát triển năng lực học tập liên tục, khả năng thích ứng với xã hội tri thức đang biến đổi nhanh chóng và đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong thời đại chuyển đổi số. Tinh thần tự học không chỉ là động lực thúc đẩy sự tiến bộ cá nhân, mà còn nuôi dưỡng phẩm chất cầu thị, ý chí vươn lên, tinh thần trách nhiệm của người học. Giải pháp cũng hướng tới việc hoàn thiện cơ chế khen thưởng, khuyến khích và lan tỏa những hành vi học tập chủ động, sáng tạo và có trách nhiệm trong môi trường giáo dục ĐHTT. PP tự học, tự học suốt đời và PP khen thưởng sẽ là nền tảng quan trọng để xây dựng thế hệ sinh viên giỏi chuyên môn, giàu nhân cách, có bản lĩnh và có năng lực.

Giải pháp có tính khả thi cao trong bối cảnh hiện nay của các trường ĐHTT bởi vì thực tế cho thấy các trường đã đầu tư mạnh vào các yếu tố nền tảng như: khuyến khích sinh viên xây dựng kế hoạch học tập cá nhân; tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm từ sinh viên giỏi, cựu sinh viên thành đạt hoặc các tọa đàm chuyên gia. Đồng thời, nhiều trường có hệ thống học liệu mở gồm tài liệu tham khảo, video bài giảng, các khóa học kỹ năng mềm, nền tảng học tập số và các câu lạc bộ để sinh viên chủ động lựa chọn nội dung học tập phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp của mình. Bên cạnh đó, nhiều trường đã triển khai đa dạng các hình thức khen thưởng nhằm khuyến khích tinh thần học tập tích cực của sinh viên, như: cấp học bổng theo thành tích học tập; tuyên dương sinh viên tiêu biểu trong hoạt động nghiên cứu khoa học; trao giải thưởng cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo; hoặc khen thưởng tại các cuộc thi học thuật ở cấp trường, cấp quốc gia và quốc tế. Chính những điều kiện này tạo môi trường thuận lợi để triển khai và từng bước nhân rộng PPGD tự học, PP khen thưởng của Hồ Chí Minh.

Dữ liệu khảo sát sinh viên tại các trường cho thấy mức độ đồng thuận cao, điểm trung bình 4,05/5 (KQ7) sinh viên đồng ý quan điểm nhà trường có cơ chế khuyến khích công bằng, minh bạch và chú trọng vào quá trình học

tập, sáng tạo cá nhân chứ không chỉ là kết quả cuối cùng [xin xem phụ lục 7]. Nhiều sinh viên cũng bày tỏ mong muốn được khen thưởng không chỉ về mặt vật chất mà còn về mặt tinh thần và học tập thông qua việc ghi nhận trong hồ sơ học tập, cơ hội giao lưu, học bổng hoặc được giới thiệu tham gia các hoạt động học thuật quốc tế. Điều này cho thấy kỳ vọng của sinh viên hoàn toàn phù hợp với định hướng của giải pháp, sử dụng khen thưởng như một công cụ giáo dục để định hướng và lan tỏa giá trị tích cực.

Bên cạnh đó, nhiều trường ĐHTT như FPT, Rmits, VinUni, Phenikaa có truyền thống xây dựng văn hóa học tập chủ động, khuyến khích sinh viên tự nghiên cứu và phát triển các dự án đổi mới sáng tạo. Các cơ sở này cũng đã áp dụng cơ chế đánh giá và khen thưởng linh hoạt, dựa trên tiến bộ cá nhân và mức độ đóng góp vào cộng đồng học tập. Đây là điều kiện thuận lợi để triển khai mô hình thi đua, khen thưởng theo PPGD của Hồ Chí Minh. Trong đó nhấn mạnh vai trò nêu gương, thi đua lành mạnh và phát triển năng lực học tập suốt đời của người học. Với những nền tảng hiện có, giải pháp có khả năng được hiện thực hóa một cách hiệu quả và bền vững.

Để giải pháp trở thành hiện thực, trước hết các nhà trường cần hoàn thiện hệ thống tiêu chí khen thưởng phản ánh đúng PPGD của Hồ Chí Minh. Các tiêu chí này không chỉ dừng lại ở thành tích học tập mà cần chú trọng đến những giá trị nền tảng như: tinh thần vượt khó, khả năng tự học bền bỉ, sáng kiến phục vụ cộng đồng, tinh thần phụng sự xã hội và văn hóa học đường. Việc cụ thể hóa các tiêu chí này thành văn bản hướng dẫn và công khai áp dụng trong các hoạt động đánh giá, khen thưởng sẽ tạo sự minh bạch, công bằng và khuyến khích rộng rãi trong toàn thể sinh viên.

Bên cạnh đó, hệ thống khen thưởng cần được tổ chức theo hướng phân cấp linh hoạt và đa dạng hình thức. Khen thưởng có thể được triển khai ở nhiều cấp độ từ lớp học, bộ môn, khoa, tổ chức đoàn thể đến cấp trường, nhằm phát hiện, ghi nhận và lan tỏa gương điển hình ngay từ cơ sở. Hình

thức khen thưởng không nhất thiết chỉ là học bổng hay giấy khen truyền thống, mà nên kết hợp các hình thức sáng tạo và mang giá trị động lực cao như vinh danh trên truyền thông nội bộ, cộng điểm vào kết quả học tập, trao cơ hội tham gia dự án nghiên cứu, thực tập doanh nghiệp hoặc đại diện trường trong các diễn đàn học tập. Cách làm này sẽ tạo ra sự hấp dẫn, tăng tính lan tỏa và cổ vũ hành vi học tập tích cực từ chính nhu cầu phát triển bản thân của sinh viên.

Một điều kiện then chốt khác là cần gắn kết chặt chẽ cơ chế khen thưởng với hệ thống đánh giá học tập và rèn luyện của sinh viên. Các kết quả đánh giá về năng lực tự học, tư duy phản biện, tinh thần trách nhiệm xã hội như đã đề cập trong giải pháp 4.3.4 cần được liên kết với hệ thống khen thưởng để đảm bảo tính đồng bộ giữa động lực, tiêu chí và kết quả giáo dục. Tránh tình trạng khen thưởng hình thức, đồng thời thúc đẩy sinh viên chủ động phát triển toàn diện chứ không chỉ chạy theo điểm số.

Triển khai giải pháp này, cần thực hiện các bước:

Trước tiên, nhà trường nên tổ chức định kỳ các sự kiện truyền cảm hứng như: “Ngày hội tự học và đổi mới sáng tạo”, “Tháng sinh viên tự học” hoặc chuyên mục “Góc gương sáng tự học” trên truyền thông nội bộ. Các hoạt động này tạo sân chơi học tập và là kênh lồng ghép các bài học PPGD của Hồ Chí Minh, như tinh thần học để làm người, học suốt đời, học đi đôi với hành và học để phụng sự xã hội.

Thứ hai, trường cần đầu tư phát triển hệ sinh thái hỗ trợ học tập mở và đa dạng, gồm: ngân hàng học liệu mở, thư viện số, hệ thống kho tài nguyên học tập, các khóa kỹ năng mềm trực tuyến. Đặc biệt, nên triển khai mô hình cố vấn học tập, trong đó các sinh viên giỏi tình nguyện hỗ trợ bạn học yếu hơn, kết hợp các công cụ kỹ thuật số để giám sát và hỗ trợ quá trình tự học. Điều này không chỉ tạo động lực học tập mà còn phát triển tinh thần trách nhiệm, đoàn kết và tự hoàn thiện trong cộng đồng sinh viên.

Thứ ba, các trường cần xây dựng cơ chế theo dõi, thống kê và phản hồi thường xuyên về quá trình tự học của sinh viên. Việc phản hồi có thể thực hiện theo học kỳ, qua cố vấn học tập hoặc các báo cáo tiến độ học tập. Những cá nhân, nhóm sinh viên có tiến bộ nổi bật trong học tập, đặc biệt là trong tự học, nên được tuyên dương và khen thưởng kịp thời. Cơ chế này sẽ giúp duy trì động lực học tập dài hạn, đồng thời lan tỏa tinh thần tự học tích cực trong toàn trường.

Thứ tư, để triển khai hiệu quả giải pháp khen thưởng, các trường ĐHTT cần thành lập hội đồng khuyến học và phát triển văn hóa học tập suốt đời ở cấp trường. Hội đồng này bao gồm đại diện từ ban giám hiệu, các khoa chuyên ngành, cố vấn học tập, giảng viên và đại diện đoàn thể sinh viên. Hội đồng sẽ giữ vai trò tham mưu, giám sát và điều phối các hoạt động khuyến học trong toàn trường, bảo đảm tính khách quan, liên ngành và gần gũi với người học.

Thứ năm, nhà trường cần xây dựng và ban hành bộ tiêu chí khen thưởng dựa trên PPGD của Hồ Chí Minh, thể hiện những giá trị trọng tâm như tinh thần vượt khó, gương mẫu trong học tập, nỗ lực tự học bền bỉ, sáng kiến phục vụ cộng đồng và văn hóa học đường. Các tiêu chí này cần được tích hợp vào hệ thống quản lý sinh viên LMS nhằm thuận tiện trong việc theo dõi, tổng hợp và minh bạch hóa quy trình khen thưởng. Đây là bước quan trọng để thể chế hóa các giá trị tư tưởng thành cơ chế vận hành cụ thể trong nhà trường.

Về lâu dài, việc nuôi dưỡng văn hóa tự học suốt đời sẽ giúp sinh viên rèn luyện tư duy học tập liên tục, năng lực tự đào tạo và khả năng thích ứng linh hoạt trước những biến đổi không ngừng của xã hội hiện đại. Trong bối cảnh thị trường lao động dịch chuyển nhanh chóng, những kỹ năng này trở thành điều kiện thiết yếu để sinh viên phát triển thành công dân toàn cầu có năng lực cạnh tranh, tư duy mở và ý thức trách nhiệm xã hội cao. Bên cạnh

đó, việc xây dựng một hệ thống khen thưởng toàn diện theo PPGD của Hồ Chí Minh sẽ góp phần tạo động lực mạnh mẽ cho sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện. Hệ thống này không chỉ khích lệ thành tích mà còn hướng tới bồi dưỡng các giá trị đạo đức và nhân cách. Những phẩm chất như nêu gương, tinh thần phụng sự, sáng tạo, khiêm tốn và cầu thị được lan tỏa, từng bước trở thành chuẩn mực ứng xử và định hướng phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục ĐHTT.

Đặc biệt, giải pháp còn góp phần chuyển học tập từ một nhiệm vụ sang nhu cầu nội tại và trách nhiệm xã hội tự nguyện chính là thành quả căn bản và lâu dài nhất mà giải pháp hướng tới. Khi mỗi sinh viên coi việc tự học là con đường tự phát triển và phụng sự cộng đồng, đó chính là lúc PPGD của Hồ Chí Minh thật sự đi vào đời sống và phát huy giá trị bền vững trong giáo dục hiện đại.

Các giải pháp vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh vào thực tiễn giáo dục ĐHTT trên địa bàn Hà Nội thể hiện tư duy hệ thống, bám sát yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Mỗi giải pháp đều được xây dựng dựa trên cơ sở lý luận vững chắc, có căn cứ thực tiễn từ khảo sát tại các trường ĐHTT và có tính đại diện trên địa bàn Hà Nội, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

Tiểu kết chương 4

Trong thời gian tới, sự tác động mạnh mẽ của bối cảnh quốc tế, của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và tình hình trong nước đòi hỏi ĐMPP giảng dạy theo hướng mở, đối thoại, dân chủ, linh hoạt, nêu gương, tự học và gắn kết với không gian học tập số, truyền thông đa phương tiện. Những yếu tố này sẽ bảo đảm sự phát triển toàn diện con người, đồng thời phù hợp với PPGD của Hồ Chí Minh.

Khác với các trường đại học công lập, các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội, nhờ mức độ tự chủ và linh hoạt trong quản trị, có điều kiện vận dụng nhanh các chủ trương của Đảng như các Nghị quyết 52-NQ/TW, Quyết định 131/QĐ-TTg, Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 68-NQ/TW và Nghị quyết 71-NQ/TW để thúc đẩy ĐMPP giảng dạy theo hướng mở, linh hoạt, tăng cường tự học, học tập suốt đời gắn với chuyển đổi số, qua đó nâng cao năng lực thích ứng nghề nghiệp của người học và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Để hiện thực hóa các định hướng trên, việc nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về PPGD của Hồ Chí Minh đóng vai trò then chốt. Quá trình này cần được triển khai song hành với việc phát triển không gian học tập số, xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, đề cao nêu gương và phù hợp với đặc điểm người học trong các trường ĐHTT. Bên cạnh đó, việc thiết kế cơ chế đánh giá toàn diện theo năng lực và chuẩn đầu ra, kết hợp với các hình thức thi đua, khen thưởng linh hoạt, sẽ góp phần kích lệ động lực học tập, tạo nền tảng hình thành văn hóa tự học và học tập suốt đời cho sinh viên.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đề tài *Vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên các trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội*, luận án rút ra một số kết luận cơ bản sau:

Thứ nhất, PPGD của Hồ Chí Minh được thể hiện thông qua các hình thức: đối thoại dân chủ, nêu gương, khuyến khích tự học và thi đua gắn với khen thưởng; đồng thời bảo đảm phù hợp với đặc điểm người học và nhu cầu xã hội, nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu, nội dung và yêu cầu giáo dục trong những điều kiện cụ thể. PPGD của Hồ chí Minh vừa có giá trị lý luận, giá trị thực tiễn sâu sắc: *Về lý luận* PPGD của Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển những giá trị giáo dục truyền thống của dân tộc, đồng thời góp phần hình thành và phát triển PPGD đại học ở Việt Nam trong giai đoạn 1945-1954. Đây cũng là cơ sở lý luận cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống giáo dục đại học, không chỉ chú trọng đến nội dung giảng dạy mà còn nhấn mạnh tầm quan trọng của PPGD, hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực nghề nghiệp của người học; *về thực tiễn*, PPGD của Hồ Chí Minh góp phần khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của giáo dục thực dân, khôi phục và phát huy những giá trị giáo dục dân tộc; PPGD của Hồ Chí Minh góp phần đào tạo đội ngũ trí thức phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Ngày nay, PPGD của Hồ Chí Minh có ý nghĩa định hướng cho việc đổi mới PPGD trong các trường đại học nhằm mục tiêu phát triển con người toàn diện, khuyến khích tinh thần tự học, tinh thần sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Luận án đã góp phần làm sáng tỏ những vấn đề nêu trên.

Thứ hai, việc tiếp cận nghiên cứu PPGD của Hồ Chí Minh trong thời gian qua đã được giới nghiên cứu quan tâm và đã đạt được những thành tựu nhất định - làm sáng rõ PPGD của Hồ Chí Minh và những giá trị của PPGD của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, qua tổng quan các công trình nghiên cứu trong

và ngoài nước, có thể nhận thấy phần lớn các nghiên cứu hiện nay đang dừng lại hướng tiếp cận ở tầm khái quát và giới hạn trong nghiên cứu vận dụng vào bậc giáo dục phổ thông, giáo dục lý luận chính trị hoặc các trường đại học công lập. Trong khi đó, khối ĐHTT, với những đặc điểm riêng biệt về cơ cấu tổ chức, quản trị, chiến lược đào tạo, sự đa dạng về nguồn gốc xuất thân của người học, lại chưa được đề cập, thực tiễn đó đã đặt ra yêu cầu cấp thiết vấn đề: *Vận dụng PP giải quyết của Hồ Chí Minh trong GDSV các trường tư thục trên địa bàn Hà Nội*. Do đó, đây cũng là điểm mới rất cơ bản của đề tài luận án.

Thứ ba, trong giai đoạn 2013-2025, các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội đã chủ động và tích cực đổi mới PPGD, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Các trường đã từng bước triển khai các PPGD của Hồ Chí Minh vào thực tiễn giảng dạy thông qua xây dựng môi trường học tập mở, khuyến khích sự trao đổi, thảo luận giữa giảng viên và sinh viên; qua tấm gương mẫu mực của người thầy và môi trường giáo dục; qua ứng dụng công nghệ số, các khóa học ngoài giờ và các buổi hội thảo chuyên đề để rèn PP tự học; qua giáo dục cá nhân hóa, đáp ứng nhu cầu và khả năng học tập riêng biệt của từng sinh viên; và qua lồng ghép PP thi đua, khen thưởng vào các hoạt động giáo dục, tạo động lực học tập và rèn luyện cho người học. Tuy nhiên, từ góc nhìn PPGD của Hồ Chí Minh, bên cạnh những thành tựu đạt được cũng còn một số hạn chế như: sự thiếu nhất quán trong việc khuyến khích sinh viên tham gia vào quá trình học tập chủ động; chưa phát huy hết tiềm năng của PP thi đua, khen thưởng, khiến động lực học tập của sinh viên chưa thực sự được khơi dậy; thiếu cơ chế khuyến khích và định hướng rõ ràng, khiến sinh viên thiếu động lực tự tìm tòi kiến thức ngoài lớp học. Luận án đã góp phần làm rõ những thành tựu và hạn chế về thực trạng đổi mới PPGD trong các trường ĐHTT trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2013-2025, đồng thời nhận diện những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu để vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

Thứ tư, việc đổi mới PPGD sinh viên thời gian tới sẽ chịu sự tác động mạnh mẽ từ bối cảnh quốc tế, sự phát triển của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và sự tác động từ những chuyển biến trong nước. Do đó, ĐMPP giảng dạy theo hướng mở, đối thoại, dân chủ, linh hoạt, nêu gương, tự học của Hồ Chí Minh và gắn kết với không gian học tập số sẽ giúp sinh viên tiếp cận kiến thức dễ dàng, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập. Vận dụng sáng tạo PPGD của Hồ Chí Minh trong môi trường số không chỉ thúc đẩy sự tự học mà còn nâng cao hiệu quả học tập thông qua việc sử dụng công nghệ, truyền thông đa phương tiện. Bên cạnh đó, xây dựng cơ chế đánh giá toàn diện và chú trọng giáo dục bằng khen thưởng công bằng, minh bạch sẽ khuyến khích sinh viên không chỉ đạt thành tích học tập mà còn phát triển kỹ năng mềm, văn hóa tự học suốt đời, từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục

Những kết quả nghiên cứu của luận án đã góp phần làm sáng tỏ và sâu sắc hơn hệ thống các quan điểm về PPGD của Hồ Chí Minh; đồng thời khẳng định hiệu quả vận dụng linh hoạt, sáng tạo các giá trị PPGD của Hồ Chí Minh trong môi trường ĐHTT. Bằng việc tiếp cận từ thực tiễn giáo dục ĐHTT trên địa bàn Hà Nội và gắn kết chặt chẽ với bối cảnh quốc tế, định hướng chính sách quốc gia, luận án đã cung cấp một hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu vận dụng PPGD của Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên số.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Tâm (2023), *Nâng cao tư duy độc lập, sáng tạo của sinh viên Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh, số 44, tr154.
2. Nguyễn Thị Tâm (2024), *Vận dụng phương châm giáo dục “Lý luận liên hệ thực tiễn, học đi đôi với hành” của Hồ Chí Minh trong giảng dạy các môn lý luận chính trị ở HUBT*, Tạp Chí Kinh doanh và Công nghệ, số 44, tr 64.
3. Nguyễn Thị Tâm (2024), *Vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh, hình thành, rèn luyện tư duy đột phá cho sinh viên Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị, số đặc biệt, tr 90.
4. Nguyễn Thị Tâm (2025), *Vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong xây dựng môi trường học tập dân chủ, linh hoạt và sáng tạo cho sinh viên các trường đại học tư thục, trên địa bàn Hà Nội*, Tạp chí Lý luận Chính trị, <https://lyluanchinhtri.vn/>.
5. Nguyễn Thị Tâm (2025), *Vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục sinh viên các trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội*, Tạp chí Thanh niên, số 78, tr115.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Phạm Ngọc Anh, Nguyễn Thị Kim Dung (Đồng chủ biên) (2011), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đào tạo*, Nxb Lao Động - Xã hội, Hà Nội.
2. Hoàng Anh (Chủ biên) (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và vận dụng vào đào tạo đại học hiện nay*, Nxb CTQG - ST, Hà Nội.
3. Hoàng Chí Bảo (Chủ biên) (2005), *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, đăng tại <https://moet.gov.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
5. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết 52-NQ/TW về Một số chủ trương chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, đăng tại <https://thuvienphapluat.vn/>, [Truy cập ngày 23/4/2025].
6. Bộ Giáo dục và đào tạo (2024) *Thông tư Ban Hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học*, Số 01/2024/TT-BGDĐT, đăng tại <https://moet.gov.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2024), *Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Quốc gia về “Chuyển đổi số trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản trị đại học”*, Nxb Dân trí, Hà Nội.
8. Bộ chính trị (2024), *Kết luận số 91-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, đăng tại <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
9. Bộ chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW Về đột phá phát triển khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, đăng tại <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].

10. Bộ chính trị (2025), *Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, đăng tại <https://thuvienphapluat.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
11. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, đăng tại <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
12. Chính phủ (2011), *Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg, Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục*, đăng tại <https://chinhphu.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
13. Chính phủ (2018), *Luật giáo dục đại học*, Luật số: 43/2018/QH14, đăng tại <https://vanban.chinhphu.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
14. Chính phủ (2019), *Luật giáo dục*, Luật số: 43/2019/QH14, đăng tại <https://thuvienphapluat.vn/>, [Truy cập ngày 23/4/2025].
15. Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg về phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"*, đăng tại <https://chinhphu.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
16. Chính phủ (2022), *Quyết định số 131/QĐ-TTg về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030*, đăng tại <https://thuvienphapluat.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
17. Chính phủ (2024), *Quyết định số 1705/QĐ-TTg phê duyệt "Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"*, đăng tại <https://vanban.chinhphu.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
18. Chính phủ (2025), *Nghị quyết số 281/NQ-CP Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, đăng tại <https://chinhphu.vn/>, [Truy cập ngày 20/9/2025].

19. Phạm Khắc Cường (2017), Hồ Chí Minh - Tấm gương sư phạm sáng ngời, *Tạp chí Giáo dục*, Hà Nội.
20. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG - Sự Thật, Hà Nội.
21. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG - Sự Thật, Hà Nội.
22. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), tập 1,2, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, sự thật, Hà Nội.
23. Nguyễn Thị Hải (2017), “Vận dụng phương pháp giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giảng dạy và học tập”, đăng trên *Tạp chí Cộng sản điện tử*, đăng tại <https://www.tapchicongsan.org.vn/>, [Truy cập ngày 20/7/2025]
24. Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức, (2002), *Giáo dục học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
25. HUBT, *Chương trình đào tạo hệ cử nhân*, đăng tại <https://hubt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
26. HUBT, *Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi*, đăng tại <https://hubt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
27. HUBT, *Báo cáo tổng kết, kiểm định chất lượng*, đăng tại <https://hubt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
28. HUBT, *Báo cáo tổng kết hàng năm*, lưu hành nội bộ.
29. HUBT, *Chiến lược phát triển giai đoạn 2018-2022, tầm nhìn 2030*, đăng tại <https://hubt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
30. HUBT, *E- learning là gì*, đăng tại <https://hubt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
31. Đại học Huế (2019), Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Quốc gia “*Bác Hồ Với giáo dục*”, Nxb Đại học Huế.
32. Bùi Hiền (2011), *Từ điển Giáo dục học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

33. Nguyễn Tiến Hùng (2013), *Đổi mới căn bản và toàn diện quản lý giáo dục Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế*, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, (94).
34. Phạm Thị Mai Hương (chủ biên), (2022), *Sự sẵn sàng thay đổi của giáo viên - Bệ đỡ cho thành công của đổi mới giáo dục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
35. Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên) (2013), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
36. Phan Văn Kha (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 với sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam*, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, (87).
37. Nguyễn Công Khanh (chủ biên) (2020), *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
38. Phan Ngọc Liên, Nguyễn An (chủ biên) (2003), *Bách khoa thư Hồ Chí Minh sơ giản*, tập I: Hồ Chí Minh với Giáo dục - Đào tạo, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
39. Phạm Văn Linh (chủ biên) (2015), *Định hướng chiến lược, giải pháp đột phá nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo Việt Nam*, Nxb CTQG -ST, Hà Nội.
40. Nguyễn Thị Lý (2024), “Quan điểm Hồ Chí Minh về phương pháp giáo dục, định hướng cho việc đổi mới phương pháp giáo dục ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, đăng tại <https://www.quanlynhanuoc.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025]
41. Đỗ Quế Lượng (2022), *Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, những thành tựu nổi bật qua 25 năm xây dựng và phát triển*, *Tạp chí kinh doanh và Công nghệ*, (16).
42. Trường đại học Thăng Long, *Chương trình đào tạo*, đăng tại <https://thanglong.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].

43. Trường đại học Thăng Long, *Giới thiệu, sứ mạng, mục tiêu*, đăng tại <https://thanglong.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
44. Trường đại học Thăng Long, *Viện nghiên cứu nhận thức và giáo dục Thăng Long*, đăng tại <https://thanglong.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
45. Trường đại học Thăng Long, *Thăng Long University*, đăng tại <https://elearning.thanglong.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
46. Trường đại học Thăng Long, *Đời sống Thăng Long*, đăng tại <https://thanglong.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
47. Trường đại học Thăng Long, *Trường Đại học Thăng Long trao học bổng dành cho 10 sinh viên Khóa 37 có thành tích học tập nổi bật*, đăng tại <https://thanglong.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
48. Trường đại học Thăng Long, *Lễ Ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với Công ty IIG Việt Nam*, đăng tại <https://thanglong.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
49. Nguyễn Thị Tuyết Mai (2023), *Giáo dục đại học tư thục Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, *Tạp chí Quản lý giáo dục*.
50. Vũ Duy Mền (Chủ biên) (2020), *Lịch sử giáo dục Việt Nam từ thế kỷ X đến năm 1858*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
51. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

61. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Võ Văn Nam (2008), *Tư tưởng tự học của Hồ Chí Minh và biện pháp nâng cao việc tự học cho sinh viên đại học Sư phạm*, Luận án tiến sĩ, Trường đại học Sư Phạm Hà Nội.
67. Nguyễn Thị Nga (Chủ biên), (2012), *Phát triển nền giáo dục Việt Nam trong những thập niên đầu thế kỷ XXI theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.
68. Trần Quang Nhiếp (2020), *Hồ Chí Minh - Tám gương lớn về sự nêu gương*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
69. Đại học Phenikaa, *Chiến lược phát triển 2020-2030*, đăng tại <https://phenikaa-uni.edu.vn>, [truy cập ngày 22/04/2025].
70. Đại học Phenikaa, *Chương trình đào tạo đại học*, đăng tại <https://phenikaa-uni.edu.vn>, [truy cập ngày 22/03/2025].
71. Đại học Phenikaa, *Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của đại học Phenikaa*, đăng tại <https://phenikaa-uni.edu.vn>, [truy cập ngày 22/05/2025].
72. Đại học Phenikaa, *Báo cáo ba công khai*, đăng tại <https://phenikaa-uni.edu.vn/>, [truy cập ngày 22/05/2025].
73. Đại học Phenikaa, *Phenikaa chuyển động*, đăng tại <https://phenikaa-uni.edu.vn>, [truy cập ngày 22/03/2025].
74. Đại học Phenikaa, *Đại học Phenikaa mở rộng hợp tác doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực*, đăng tại <https://phenikaa-uni.edu.vn/vi/post/tin-tuc/>, [truy cập ngày 22/04/2025].
75. Bùi Đình Phong (Chủ biên), (2017), *Hồ Chí Minh - Trí tuệ và văn hóa*, Nxb, CAND.

76. Bùi Đình Phong (2020), *Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, tập 3, Nxb Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh.
77. Nguyễn Thị Phương (2020), *Lịch sử giáo dục Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
78. Vũ Ngọc Phương (2021), *Lược sử Giáo Dục và Cải Cách Giáo Dục ở Việt Nam* đăng tại <https://nghien cuculichsu.com/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
79. Trường đại học FPT, *Giới thiệu về FPT*, đăng tại <https://daihoc.fpt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
80. Trường đại học FPT, *Chương trình đào tạo*, đăng tại <https://daihoc.fpt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
81. Trường đại học FPT, *Các chương trình hợp tác đào tạo toàn cầu*, đăng tại <https://daihoc.fpt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
82. Trường đại học FPT, *Triết lý đào tạo*, đăng tại <https://daihoc.fpt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
83. Trường đại học FPT (2022), *Báo cáo phương pháp đào tạo và hợp tác quốc tế*, đăng tại <https://daihoc.fpt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
84. Trường đại học FPT, (2024), *FPT hợp tác Đại học quốc gia Singapore phát triển nhân lực AI*, đăng tại <https://daihoc.fpt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
85. Trường đại học FPT (2025), *Trường Đại học FPT ký kết hợp tác với Trung tâm Hỗ trợ Khởi nghiệp sáng tạo Quốc gia, mở rộng cơ hội thực tiễn và học bổng cho sinh viên*, đăng tại <https://daihoc.fpt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
86. Trường đại học FPT, *Tuyển sinh, chính sách tài chính*, đăng tại <https://daihoc.fpt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
87. Trường đại học FPT, *Trường ĐH này không chỉ có ‘giáo sư’ nghiêm túc mà còn có GV sẵn sàng trải nghiệm ‘cực real’ cùng SV*, đăng tại <https://daihoc.fpt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].

88. Trường đại học FPT, *Tìm hiểu về nền tảng học tập trực tuyến EduNext*, đăng tại <https://aptech.fpt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
89. Lý Việt Quang (Chủ biên) (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục với vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay*, Nxb CTQG, Hà Nội.
90. Ngô Nhật Quang (2018), *Tư tưởng tự giáo dục liên tục ở Bác Hồ*, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, Hà Nội.
91. Lý Việt Quang (2020), “Những quan điểm đổi mới về phương pháp dạy và học của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Quốc gia *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý giáo dục*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
92. Nguyễn Quỳnh (2022), *Hội nghị 120 doanh nghiệp với Trường đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội về ngày hội việc làm cho sinh viên năm 2022*, đăng tại <https://hubt.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/3/2025].
93. Trường đại học RMIT, *Giới thiệu chung, về chúng tôi, chiến lược phát triển*, đăng tại <https://www.rmit.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
94. Trường đại học RMIT, *Chương trình đào tạo hệ đại học*, đăng tại <https://www.rmit.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
95. Trường đại học RMIT, *Các dự án nghiên cứu gắn với đạo đức và liêm chính*, đăng tại <https://www.rmit.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
96. Trường đại học RMIT, *Các dự án và quan hệ đối tác*, đăng tại <https://www.rmit.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
97. Trường đại học RMIT, *Học tập tại RMIT Melbourne*, đăng tại <https://www.rmit.edu.vn/> [Truy cập ngày 20/4/2025].
98. Trường đại học RMIT, *Đời sống sinh viên*, đăng tại <https://www.rmit.edu.vn/>, {truy cập [Truy cập ngày 20/4/2025].
99. Nguyễn Xuân Sinh (2013), *Vận dụng tư tưởng “lấy tự học làm cốt” của Hồ Chí Minh vào bồi dưỡng phương pháp học tập cho học viên cấp phân*

đội ở các nhà trường quân đội hiện nay, Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng, Hà Nội.

100. Đinh Văn Tiến (2020), Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội sẵn sàng cho công tác kiểm định chất lượng, *Tạp chí kinh doanh và Công nghệ* (10).
101. Trần Bá Tiến (2021), *Phát triển giáo dục đại học ngoài công lập ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học giáo dục, Viện KHGD Việt Nam.
102. Thái Duy Tuyên (2003), *Cơ sở triết học của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*, đề tài cấp bộ, mã số B2001-49-16, Hà Nội.
103. Nguyễn Thị Thủy, Phạm Thị Huyền (2020), Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, đại học Thái Nguyên.
104. Nguyễn Thị Thủy và Nguyễn Thị Như Quỳnh (2025), "Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục vào công tác đổi mới phương pháp dạy học tại Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh", *Tạp chí Quản lý Nhà nước* tại trang <https://www.quanlynhanuoc.vn/>, [Truy cập ngày 20/5/2025].
105. Hoàng Trang (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục - những nội dung cơ bản*, Tạp chí Giáo dục, (114).
106. Nguyễn Xuân Trung (2016), “Triết lý giáo dục Việt Nam: Từ truyền thống đến Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lý luận điện tử*, tại trang <https://lyluanchinhtri.vn/>, [Truy cập ngày 20/8/2025].
107. Trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (2025), Tài liệu hội thảo khoa học cấp Quốc gia “*Bác Hồ với giáo dục, giáo dục với Bác Hồ*”, Trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
108. UNESCO (1998), *Hội nghị toàn cầu về Giáo dục Đại học: Giáo dục Đại học trong thế kỷ XXI: Tầm nhìn và hành động*, Paris, đăng tại <https://unesdoc.unesco.org/>, [truy cập ngày 22/04/2025].

109. UNESCO (2017), *Education 2030 - Incheon Declaration and Framework for Action*, đăng tại <https://uis.unesco.org/>, [truy cập ngày 22/04/2025].
110. UNESCO (2020), *Futures of Education: Learning to Become*, Paris, đăng tại <https://unesdoc.unesco.org/>, [truy cập ngày 22/06/2025].
111. Trường đại học VinUni, *Sứ mệnh, Tầm nhìn* của VinUni, đăng tại <https://vinuni.edu.vn>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
112. Trường đại học VinUni, *Chương trình đào tạo*, đăng tại <https://vinuni.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
113. Trường Đại học VinUni (2023), *Báo cáo thường niên và chiến lược phát triển giáo dục bền vững*, đăng tại <https://vinuni.edu.vn>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
114. Trường đại học VinUni, *Hội đồng trường*, đăng tại <https://vinuni.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
115. Trường đại học VinUni (2025), *VinUni đặt mục tiêu vào top 100 đại học hàng đầu thế giới - mời tuyển 500 nhà khoa học toàn cầu*, đăng tại <https://vinuni.edu.vn>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
116. Trường đại học VinUni, *Những điều cần biết về Học bổng VinUni*, đăng tại <https://max-edu.org/blog/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
117. Trường đại học VinUni, *Những mốc quan trọng*, đăng tại <https://admissions.vinuni.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
118. Trường đại học VinUni, *Trải nghiệm học tập của sinh viên*, đăng tại <https://cas.vinuni.edu.vn/>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
119. Trường đại học VinUni, *VinUni Hợp tác cùng Đại Học Duke (Hoa Kỳ) - Thúc đẩy Giáo dục Toàn Cầu và Hợp tác Nghiên cứu*, đăng tại <https://vinuni.edu.vn>, [Truy cập ngày 20/4/2025].
120. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (1990), *Tìm hiểu tư tưởng giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

121. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
122. Nguyễn Quốc Vương (2023), *Giáo dục Việt Nam học gì từ Nhật Bản*, Nxb Phụ Nữ Việt Nam, Hà Nội.
123. Phạm Viết Vượng (2000), *Giáo dục học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh

124. Albert Bandura (1977), *Social Learning Theory*, Nxb Prentice Hall, Hoa Kỳ.
125. Phan Le-Ha và Doan Ba Ngoc (đồng chủ biên), (2020), *Higher Education in Market-Oriented Socialist Vietnam: New Players, Discourses, and Practices*, Nxb Palgrave Macmillan.
126. Martin Hayden (2017), “*The road ahead for the higher education sector in Vietnam*”, đăng trên *Journal of International and Comparative Education*, [Truy cập ngày 20/6/2025].
127. Đại học Phenika, *Phenikaa Startup Idea 2024*, đăng tại <https://phenikaa-uni.edu.vn/>, [truy cập ngày 22/06/2025].
128. Đại học Phenika, *Digital education platform applied in the training program for Economics - Business sector of Phenikaa University*, đăng tại <https://phenikaa-uni.edu.vn/>, [truy cập 22/05/2025].
129. Martha Stone Wiske (2021), *Teaching for Understanding: Linking Research with Practice*, Nxb, Jossey Bass, Hoa Kỳ.
130. John Hattie (2020), *Visible Learning: A Synthesis of Over 800 Meta-Analyses Relating to Achievement*, Nxb Routledge, Anh Quốc.
131. Trường đại học FPT, *FPT Education*, đăng tại <https://fpt.com/en/business/education>, [truy cập ngày 22/05/2025].
132. Trường đại học FPT, *FPTU AI & Robotics Challenge 2025*, đăng tại <https://daihoc.fpt.edu.vn/>, [truy cập ngày 22/04/2025].

133. Trường đại học Rmit, *RMIT Vietnam leads AI innovation in higher education*, đăng tại <https://www.rmit.edu.vn/>, [truy cập ngày 22/05/2025].
134. Trường đại học Rmit, *RMIT's Education Plan to 2025*, đăng tại <https://www.rmit.edu.vn/>, [truy cập ngày 22/06/2025].
135. Trường đại học Rmit, *Discover RMIT's 2025 scholarships*, đăng tại <https://www.rmit.edu.vn/>, [truy cập ngày 22/05/2025].
136. Trường đại học Rmit, *Explore your study options*, đăng tại <https://www.rmit.edu.vn/>, [truy cập ngày 22/06/2025].
137. Trường đại học VinUni (2024), *Annual report 2022-2023*, đăng tại <https://vinuni.edu.vn/>, [truy cập ngày 22/07/2025].
138. Trường đại học VinUni, *Innovation in Teaching and Learning* đăng tại <https://vinuni.edu.vn/>, [truy cập ngày 22/07/2025].
139. Trường đại học VinUni, *Academics*, đăng tại <https://vinuni.edu.vn/>, [truy cập ngày 22/05/2025].
140. Trường đại học VinUni, *VinUniversity receives commendation from the Ministry of Education and Training*, đăng tại <https://vinuni.edu.vn/>, [truy cập ngày 22/05/2025].

PHỤ LỤC**Phụ lục 1****DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC
TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI TÍNH ĐẾN NĂM 2025**

STT	TÊN TRƯỜNG
1	Đại học FPT Hà Nội
2	Đại học Thăng Long
3	Đại học Phenikaa
4	Đại học Công nghệ Đông Á
5	Đại học Thành Đô
6	Đại học Phương Đông
7	Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị
8	Đại học CMC
9	Đại học Đại Nam
10	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội
11	Đại học VinUni
12	Đại học Anh quốc Việt Nam (BUV)
13	Đại học RMIT Việt Nam
14	Đại học Hòa Bình
15	Đại học Nguyễn Trãi
16	Đại học Quốc tế Bắc Hà
17	Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội
18	Đại học Đông Đô

Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn>

Phụ lục 2**PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN SINH VIÊN**

*(Về thực trạng phương pháp giáo dục sinh viên một số trường
đại học trên địa bàn Hà Nội)*

Phiếu khảo sát được xây dựng nhằm thu thập ý kiến sinh viên về thực trạng phương pháp giáo dục hiện nay tại một số trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội. Kết quả khảo sát là cơ sở để: 1) Đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả các phương pháp giáo dục đang được các trường áp dụng; 2) Xác định các vấn đề còn hạn chế trong vận dụng phương pháp giáo dục sinh viên các trường tư thục trên địa bàn Hà Nội; 3) Đề xuất phương hướng, giải pháp vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên các trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

Tuổi:

Giới tính:

☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác

Trường:

Ngành học thuộc lĩnh vực:

Năm học hiện tại:

☐ Năm 1 ☐ Năm 2 ☐ Năm 3 ☐ Năm 4 trở lên

II. THỰC TRẠNG VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

Thang đo:

1. Hoàn toàn không đồng ý.
2. Không đồng ý.
3. Phân vân.
4. Đồng ý.
5. Hoàn toàn đồng ý.

STT	NỘI DUNG	①	②	③	④	⑤
I	<i>Các lớp học được tổ chức theo hướng mở, linh hoạt, khuyến khích sinh viên đối thoại, thảo luận.</i>					
I.1	Giảng viên thường xuyên tạo cơ hội và khuyến khích sinh viên đặt câu hỏi trong giờ học	①	②	③	④	⑤
I.2	Giảng viên khuyến khích sinh viên phát biểu ý kiến cá nhân, kể cả khi ý kiến đó khác biệt với số đông hoặc ý kiến của giảng viên.	①	②	③	④	⑤
I.3	Các buổi học thường có các hoạt động thảo luận nhóm hoặc thảo luận chung toàn lớp.	①	②	③	④	⑤
I.4	Giảng viên lắng nghe và tôn trọng mọi ý kiến đóng góp của sinh viên, không phân biệt đúng sai hay cấp bậc.	①	②	③	④	⑤
I.5	Giảng viên tạo không khí thoải mái, cởi mở để sinh viên không ngại phát biểu, thể hiện quan điểm.	①	②	③	④	⑤
I.6	Giảng viên có hướng dẫn sinh viên cách thức thảo luận, tranh luận một cách văn minh và hiệu quả.	①	②	③	④	⑤
I.7	Sinh viên cảm thấy tự tin khi phát biểu ý kiến hoặc tham gia thảo luận trong lớp.	①	②	③	④	⑤
I.8	Các ý kiến đóng góp của sinh viên được giảng viên ghi nhận và tổng kết lại.	①	②	③	④	⑤
I.9	Giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở, kích thích tư duy để khuyến khích sinh viên tham gia vào bài giảng.	①	②	③	④	⑤
I.10	Sinh viên cảm thấy việc tham gia thảo luận giúp hiểu bài sâu hơn và nhớ kiến thức lâu hơn.	①	②	③	④	⑤
I.11	Giảng viên đưa ra các chủ đề tranh luận hoặc vấn đề thực tiễn để sinh viên cùng giải quyết.	①	②	③	④	⑤
I.12	Nhà trường có tổ chức các diễn đàn, buổi tọa đàm, seminar nơi sinh viên có thể tự do trình bày quan điểm, ý tưởng của mình.	①	②	③	④	⑤

STT	NỘI DUNG	①	②	③	④	⑤
I.13	Sinh viên cảm thấy phương pháp giảng dạy hiện tại giúp rèn luyện kỹ năng giao tiếp và phản biện.	①	②	③	④	⑤
II	<i>Giảng viên thường xuyên áp dụng các phương pháp học tập tích cực như học theo dự án, seminar, làm việc nhóm.</i>					
II.1	Giảng viên tổ chức các buổi học dưới dạng seminar (hội thảo chuyên đề) để sinh viên trình bày và thảo luận.	①	②	③	④	⑤
II.2	Giảng viên yêu cầu sinh viên thực hiện các dự án học tập theo nhóm hoặc cá nhân.	①	②	③	④	⑤
II.3	Giảng viên thường xuyên chia nhóm và giao nhiệm vụ làm việc nhóm cho sinh viên.	①	②	③	④	⑤
II.4	Giảng viên khuyến khích sinh viên tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề trước khi thảo luận trên lớp.	①	②	③	④	⑤
II.5	Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách thức hợp tác, phân công nhiệm vụ hiệu quả khi làm việc nhóm.	①	②	③	④	⑤
II.6	Giảng viên tạo cơ hội để sinh viên thuyết trình, bảo vệ ý tưởng của mình trước lớp.	①	②	③	④	⑤
II.7	Giảng viên sử dụng các trò chơi, hoạt động mô phỏng hoặc tình huống thực tế để tăng tính tương tác trong giờ học.	①	②	③	④	⑤
II.8	Giảng viên có đưa ra các nhiệm vụ học tập gắn với định hướng khởi nghiệp cho sinh viên.	①	②	③	④	⑤
II.9	Giảng viên khuyến khích sinh viên tự đánh giá và đánh giá chéo kết quả làm việc nhóm hoặc dự án của nhau.	①	②	③	④	⑤
II.10	Giảng viên cung cấp phản hồi mang tính xây dựng, giúp sinh viên cải thiện kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề.	①	②	③	④	⑤

STT	NỘI DUNG	①	②	③	④	⑤
II.11	Sinh viên cảm thấy các phương pháp giảng dạy giúp phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả.	①	②	③	④	⑤
II.12	Sinh viên cảm thấy các phương pháp giảng dạy giúp áp dụng kiến thức vào thực tiễn tốt hơn.	①	②	③	④	⑤
III.	<i>Các buổi học có sự kết nối giữa lý thuyết với thực tiễn thông qua các hoạt động trải nghiệm.</i>					
III.1	Sinh viên có được tham gia các buổi học thực tế, tham quan nhà máy, doanh nghiệp hoặc các dự án cộng đồng do trường/giảng viên tổ chức chưa?	①	②	③	④	⑤
III.2	Các buổi học thường bắt đầu bằng việc đặt vấn đề hoặc câu hỏi lớn có liên quan đến thực tiễn cuộc sống hoặc ngành nghề.	①	②	③	④	⑤
III.3	Giảng viên thường xuyên sử dụng ví dụ, tình huống, case study thực tế từ doanh nghiệp/cộng đồng để minh họa lý thuyết.	①	②	③	④	⑤
III.4	Sinh viên được tham gia vào các chuyến đi thực tế, tham quan nhà máy, công ty hoặc các dự án cộng đồng liên quan đến môn học.	①	②	③	④	⑤
III.5	Giảng viên khuyến khích sinh viên tự tìm hiểu, thu thập dữ liệu thực tế để phân tích và giải quyết các vấn đề học tập.	①	②	③	④	⑤
III.6	Các bài tập lớn, tiểu luận hoặc đồ án môn học thường yêu cầu sinh viên áp dụng lý thuyết vào việc giải quyết một vấn đề thực tiễn cụ thể.	①	②	③	④	⑤
III.7	Giảng viên mời các chuyên gia, người có kinh nghiệm thực tế từ doanh nghiệp/ngành nghề đến chia sẻ tại lớp học.	①	②	③	④	⑤
III.8	Sinh viên được tạo cơ hội để thực hành các kỹ năng chuyên môn thông qua các phòng lab, xưởng thực hành, hoặc dự án giả định.	①	②	③	④	⑤

STT	NỘI DUNG	①	②	③	④	⑤
III.9	Giảng viên thường xuyên cập nhật nội dung bài giảng dựa trên các xu hướng mới, yêu cầu của thị trường lao động.	①	②	③	④	⑤
III.10	Sinh viên cảm thấy việc tham gia các hoạt động trải nghiệm giúp họ hiểu sâu sắc hơn về ngành học và định hướng nghề nghiệp.	①	②	③	④	⑤
III.11	Bạn cảm thấy việc học tại trường giúp bạn phát triển khả năng giải quyết vấn đề thực tế.	①	②	③	④	⑤
IV	<i>Đánh giá kết quả học tập công bằng, khuyến khích sáng tạo của người học.</i>					
IV.1	Tiêu chí đánh giá kết quả học tập (điểm số, bài tập, dự án...) được giảng viên công bố rõ ràng ngay từ đầu môn học.	①	②	③	④	⑤
IV.2	Các hình thức kiểm tra, đánh giá (bài thi, tiểu luận, thuyết trình, dự án...) đa dạng, không chỉ tập trung vào việc ghi nhớ lý thuyết.	①	②	③	④	⑤
IV.3	Điểm số và đánh giá của giảng viên phản ánh đúng năng lực và quá trình nỗ lực học tập của bạn.	①	②	③	④	⑤
IV.4	Giảng viên cung cấp phản hồi chi tiết, mang tính xây dựng sau các bài kiểm tra, giúp bạn nhận ra điểm mạnh và cần cải thiện.	①	②	③	④	⑤
IV.5	Có cơ chế rõ ràng để sinh viên thắc mắc hoặc khiếu nại về kết quả đánh giá nếu cảm thấy không thỏa đáng.	①	②	③	④	⑤
IV.6	Bạn cảm thấy mình được đối xử công bằng trong quá trình đánh giá kết quả học tập so với các sinh viên khác.	①	②	③	④	⑤
IV.7	Các hình thức khen thưởng, biểu dương trong học tập (nếu có) được thực hiện công khai, minh bạch và đúng đối tượng.	①	②	③	④	⑤
IV.8	Bạn cảm thấy việc đánh giá kết quả học tập tại trường thúc đẩy bạn học hỏi và sáng tạo nhiều hơn.	①	②	③	④	⑤

III. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ HỌC, HỌC TẬP SUỐT ĐỜI CỦA SINH VIÊN

Thang đo:

1. Hoàn toàn không đồng ý.
2. Không đồng ý.
3. Phân vân.
4. Đồng ý.
5. Hoàn toàn đồng ý.

STT	NỘI DUNG	①	②	③	④	⑤
1	Bạn thường xuyên lập kế hoạch học tập cá nhân rõ ràng và tuân thủ kế hoạch đó.	①	②	③	④	⑤
2	Bạn chủ động tìm kiếm, chọn lọc và khai thác các nguồn học liệu ngoài giáo trình (sách, báo, internet...).	①	②	③	④	⑤
3	Bạn có thói quen tự học và cập nhật kiến thức, kỹ năng mới một cách thường xuyên.	①	②	③	④	⑤
4	Bạn có ý thức tự chịu trách nhiệm với kết quả học tập của bản thân.	①	②	③	④	⑤
5	Bạn biết tự đánh giá và cải tiến phương pháp học tập của mình để đạt hiệu quả tốt hơn.	①	②	③	④	⑤
6	Nhà trường có các hoạt động khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu (ví dụ: câu lạc bộ học thuật, seminar...)	①	②	③	④	⑤
7	Giảng viên hướng dẫn bạn cách tự học và tự tìm tòi kiến thức hiệu quả.	①	②	③	④	⑤

IV. NHẬN THỨC CỦA BẠN VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH

IV.1. Mức độ tiếp cận và kênh thông tin

1. Bạn đã từng nghe hoặc biết đến cụm từ "Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh" chưa?

Rồi ☐

Chưa ☐

Nếu rồi thì mời bạn chuyển sang phần sau:

IV.2. Bạn đã tiếp cận thông tin về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh thông qua những kênh nào sau đây? (Có thể chọn nhiều đáp án)

Trong nhà trường:

- ☐ Các môn học chính khóa (ví dụ: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam...)
- ☐ Các buổi nói chuyện chuyên đề, tọa đàm do nhà trường/khoa/đoàn thể tổ chức
- ☐ Các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ (ví dụ: Câu lạc bộ đảng viên sinh viên, câu lạc bộ sinh viên tình nguyện...)
- ☐ Sách, tài liệu tham khảo trong thư viện của trường
- ☐ Giảng viên trực tiếp lồng ghép trong các môn học khác
- ☐ Các hoạt động đoàn/hội sinh viên

Ngoài nhà trường:

- ☐ Sách, báo, tạp chí
- ☐ Internet (website, diễn đàn, mạng xã hội...)
- ☐ Truyền hình, phát thanh
- ☐ Gia đình, người thân
- ☐ Bạn bè, đồng nghiệp
- ☐ Các tổ chức xã hội, cộng đồng
- ☐ Khác (Vui lòng ghi rõ:)

IV.3 Đánh giá theo thang đo mức độ nhận thức về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh

Thang đo:

1. Hoàn toàn không đồng ý.
2. Không đồng ý.
3. Phân vân.
4. Đồng ý.
5. Hoàn toàn đồng ý.

STT	NỘI DUNG					
I	<i>Sinh viên có hiểu biết về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh</i>					
I.1	Tôi có hiểu biết phương pháp đối thoại dân chủ và bình đẳng trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
I.2	Tôi biết đến phương pháp nêu gương trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
I.3	Biết về phương pháp tự học, giáo dục thường xuyên, tự học suốt đời của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
I.4	Hiểu biết về phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu của người học và xã hội của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
I.5	Hiểu biết về phương pháp thi đua gắn với giáo dục khen thưởng trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
II.	<i>Tôi đã được nghe, học hoặc tìm hiểu về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh</i>					
II.1	Phương pháp đối thoại dân chủ và bình đẳng trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
II.2	Phương pháp nêu gương trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
II.3	Phương pháp tự học, giáo dục thường xuyên, tự học suốt đời của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
II.4	Phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu của người học và xã hội của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
II.5	Phương pháp thi đua gắn với giáo dục khen thưởng trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
III.	<i>Cách thức giúp bạn tiếp thu tốt nhất các nội dung về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.</i>					

STT	NỘI DUNG					
III.1	Các môn học chính khóa với giảng viên truyền đạt tốt.	①	②	③	④	⑤
III.2	Các buổi nói chuyện chuyên đề, tọa đàm với diễn giả uy tín.	①	②	③	④	⑤
III.3	Các hoạt động ngoại khóa, thực tế, câu lạc bộ sinh viên tình nguyện.	①	②	③	④	⑤
III.4	Thảo luận nhóm, làm việc theo dự án.	①	②	③	④	⑤
III.5	Đọc sách, tài liệu, bài viết trên báo, mạng internet.	①	②	③	④	⑤
III.6	Xem phim tài liệu, video.	①	②	③	④	⑤
III.7	Trải nghiệm thực tế tại các địa danh lịch sử, văn hóa liên quan.	①	②	③	④	⑤

V. CÂU HỎI MỞ (tự nguyện trả lời)

15. Theo bạn, phương pháp giảng dạy nào đang được áp dụng hiệu quả nhất tại trường? Vì sao?

.....

16. Bạn có kiến nghị gì để nâng cao chất lượng dạy học tại trường?

.....

Phụ lục 3**PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN GIẢNG VIÊN**

*(Về thực trạng phương pháp giáo dục sinh viên tại một số trường
đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội)*

Phiếu khảo sát được xây dựng nhằm thu thập ý kiến giảng viên về thực trạng phương pháp giáo dục hiện nay tại một số trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội. Kết quả khảo sát là cơ sở để: 1) Đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả các phương pháp giáo dục đang được các trường áp dụng; 2) Xác định các vấn đề còn hạn chế trong vận dụng phương pháp giáo dục sinh viên các trường tư thục trên địa bàn Hà Nội; 3) Đề xuất phương hướng, giải pháp vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên các trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

Giới tính:

☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác

Đơn vị công tác:

Ngành giảng dạy:

Thâm niên giảng dạy:

☐ Dưới 5 năm ☐ 5-10 năm ☐ Trên 10 năm

II. THỰC TRẠNG VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC HIỆN NAY CỦA NHÀ TRƯỜNG

Thang đo:

1. Hoàn toàn không đồng ý.
2. Không đồng ý.
3. Phân vân.
4. Đồng ý.
5. Hoàn toàn đồng ý.

STT	NỘI DUNG					
I	<i>Các lớp học được tổ chức theo hướng mở, linh hoạt, khuyến khích sinh viên đối thoại, dân chủ giữa thầy và trò.</i>					
I.1	Giảng viên thường xuyên tạo cơ hội và khuyến khích sinh viên đặt câu hỏi trong giờ học.	①	②	③	④	⑤
I.2	Giảng viên khuyến khích sinh viên phát biểu ý kiến cá nhân, kể cả khi ý kiến đó khác biệt với số đông hoặc ý kiến của giảng viên.	①	②	③	④	⑤
I.3	Các buổi học thường có các hoạt động thảo luận nhóm hoặc thảo luận chung toàn lớp.	①	②	③	④	⑤
I.4	Giảng viên lắng nghe và tôn trọng mọi ý kiến đóng góp của sinh viên, không phân biệt đúng sai hay cấp bậc.	①	②	③	④	⑤
I.5	Giảng viên tạo không khí thoải mái, cởi mở để sinh viên không ngại phát biểu, thể hiện quan điểm.	①	②	③	④	⑤
I.6	Giảng viên có hướng dẫn sinh viên cách thức thảo luận, tranh luận một cách văn minh và hiệu quả.	①	②	③	④	⑤
I.7	Sinh viên cảm thấy tự tin khi phát biểu ý kiến hoặc tham gia thảo luận trong lớp.	①	②	③	④	⑤
I.8	Các ý kiến đóng góp của sinh viên được giảng viên ghi nhận và tổng kết lại.	①	②	③	④	⑤
I.9	Giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở, kích thích tư duy để khuyến khích sinh viên tham gia vào bài giảng.	①	②	③	④	⑤
I.10	Sinh viên cảm thấy việc tham gia thảo luận giúp họ hiểu bài sâu hơn và nhớ kiến thức lâu hơn.	①	②	③	④	⑤
I.11	Giảng viên có đưa ra các chủ đề tranh luận hoặc vấn đề thực tiễn để sinh viên cùng giải quyết.	①	②	③	④	⑤
I.12	Nhà trường có tổ chức các diễn đàn, buổi tọa đàm, seminar nơi sinh viên có thể tự do trình bày quan điểm, ý tưởng của mình.	①	②	③	④	⑤

STT	NỘI DUNG					
I.13	Sinh viên cảm thấy phương pháp giảng dạy hiện tại giúp họ rèn luyện kỹ năng giao tiếp và phản biện.	①	②	③	④	⑤
II	<i>Giảng viên thường xuyên áp dụng các phương pháp học tập tích cực như học theo dự án, seminar, làm việc nhóm.</i>					
II.1	Giảng viên tổ chức các buổi học dưới dạng seminar (hội thảo chuyên đề) để sinh viên trình bày và thảo luận.	①	②	③	④	⑤
II.2	Giảng viên yêu cầu sinh viên thực hiện các dự án học tập theo nhóm hoặc cá nhân.	①	②	③	④	⑤
II.3	Giảng viên thường xuyên chia nhóm và giao nhiệm vụ làm việc nhóm cho sinh viên.	①	②	③	④	⑤
II.4	Giảng viên khuyến khích sinh viên tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề trước khi thảo luận trên lớp.	①	②	③	④	⑤
II.5	Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách thức hợp tác, phân công nhiệm vụ hiệu quả khi làm việc nhóm.	①	②	③	④	⑤
II.6	Giảng viên tạo cơ hội để sinh viên thuyết trình, bảo vệ ý tưởng của mình trước lớp.	①	②	③	④	⑤
II.7	Giảng viên sử dụng các trò chơi, hoạt động mô phỏng hoặc tình huống thực tế để tăng tính tương tác trong giờ học.	①	②	③	④	⑤
II.8	Giảng viên có đưa ra các nhiệm vụ học tập gắn với định hướng khởi nghiệp cho sinh viên.	①	②	③	④	⑤
II.9	Giảng viên khuyến khích sinh viên tự đánh giá và đánh giá chéo kết quả làm việc nhóm hoặc dự án của nhau.	①	②	③	④	⑤
II.10	Giảng viên cung cấp phản hồi mang tính xây dựng, giúp sinh viên cải thiện kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề.	①	②	③	④	⑤
II.11	Sinh viên cảm thấy các phương pháp giảng dạy của nhà trường giúp họ phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả.	①	②	③	④	⑤

STT	NỘI DUNG					
II.12	Sinh viên cảm thấy các phương pháp giảng dạy của nhà trường giúp họ áp dụng kiến thức vào thực tiễn tốt hơn.	①	②	③	④	⑤
III.	<i>Các buổi học có sự kết nối giữa lý thuyết với thực tiễn thông qua các hoạt động trải nghiệm.</i>					
III.1	Sinh viên được tham gia các buổi học có chuyến đi thực tế, tham quan nhà máy, doanh nghiệp hoặc các dự án cộng đồng do trường/giảng viên tổ chức.	①	②	③	④	⑤
III.2	Các buổi học thường bắt đầu bằng việc đặt vấn đề hoặc câu hỏi lớn có liên quan đến thực tiễn cuộc sống hoặc ngành nghề.	①	②	③	④	⑤
III.3	Giảng viên thường xuyên sử dụng ví dụ, tình huống, case study thực tế từ doanh nghiệp/cộng đồng để minh họa lý thuyết.	①	②	③	④	⑤
III.4	Sinh viên được tham gia vào các chuyến đi thực tế, tham quan nhà máy, công ty hoặc các dự án cộng đồng liên quan đến môn học.	①	②	③	④	⑤
III.5	Giảng viên khuyến khích sinh viên tự tìm hiểu, thu thập dữ liệu thực tế để phân tích và giải quyết các vấn đề học tập.	①	②	③	④	⑤
III.6	Các bài tập lớn, tiểu luận hoặc đồ án môn học thường yêu cầu sinh viên áp dụng lý thuyết vào việc giải quyết một vấn đề thực tiễn cụ thể.	①	②	③	④	⑤
III.7	Giảng viên mời các chuyên gia, người có kinh nghiệm thực tế từ doanh nghiệp/ngành nghề đến chia sẻ tại lớp học.	①	②	③	④	⑤
III.8	Sinh viên được tạo cơ hội để thực hành các kỹ năng chuyên môn thông qua các phòng lab, xưởng thực hành hoặc dự án giả định.	①	②	③	④	⑤

STT	NỘI DUNG					
III.9	Giảng viên thường xuyên cập nhật nội dung bài giảng dựa trên các xu hướng mới, yêu cầu của thị trường lao động.	①	②	③	④	⑤
III.10	Sinh viên cảm thấy việc tham gia các hoạt động trải nghiệm giúp họ hiểu sâu sắc hơn về ngành học và định hướng nghề nghiệp.	①	②	③	④	⑤
III.11	Sinh viên cảm thấy việc học tại trường giúp họ phát triển khả năng giải quyết vấn đề thực tế	①	②	③	④	⑤
IV	<i>Đánh giá kết quả học tập công bằng, khuyến khích sáng tạo của người học.</i>					
IV.1	Tiêu chí đánh giá kết quả học tập (điểm số, bài tập, dự án...) được giảng viên công bố rõ ràng ngay từ đầu môn học.	①	②	③	④	⑤
IV.2	Các hình thức kiểm tra, đánh giá (bài thi, tiểu luận, thuyết trình, dự án...) đa dạng, không chỉ tập trung vào việc ghi nhớ lý thuyết.	①	②	③	④	⑤
IV.3	Điểm số và đánh giá của giảng viên phản ánh đúng năng lực và quá trình nỗ lực học tập của bạn.	①	②	③	④	⑤
IV.4	Giảng viên cung cấp phản hồi chi tiết, mang tính xây dựng sau các bài kiểm tra, giúp họ nhận ra điểm mạnh và cần cải thiện.	①	②	③	④	⑤
IV.5	Có cơ chế rõ ràng để sinh viên thắc mắc hoặc khiếu nại về kết quả đánh giá nếu cảm thấy không thỏa đáng.	①	②	③	④	⑤
IV.6	Sinh viên cảm thấy được đối xử công bằng trong quá trình đánh giá kết quả học tập so với các sinh viên khác.	①	②	③	④	⑤
IV.7	Các hình thức khen thưởng, biểu dương trong học tập (nếu có) được thực hiện công khai, minh bạch và đúng đối tượng.	①	②	③	④	⑤
IV.8	Sinh viên cảm thấy việc đánh giá kết quả học tập tại trường thúc đẩy họ học hỏi và sáng tạo nhiều hơn.	①	②	③	④	⑤

III. NHẬN THỨC CỦA THẦY/CÔ VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC HỒ CHÍ MINH

Thầy/cô hãy đánh giá nhận thức của mình về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh như sau:

Thang đo:

1. Hoàn toàn không đồng ý.
2. Không đồng ý.
3. Phân vân.
4. Đồng ý.
5. Hoàn toàn đồng ý.

STT	NỘI DUNG					
I	<i>Giảng viên có hiểu biết phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.</i>					
I.1	Phương pháp đối thoại, dân chủ trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
I.2	Phương pháp nêu gương trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
I.3	Phương pháp tự học, giáo dục thường xuyên, tự học suốt đời của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
I.4	Phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu của người học và xã hội của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
I.5	Phương pháp thi đua gắn với giáo dục khen thưởng trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
II	<i>Tôi cho rằng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh còn nhiều giá trị có thể vận dụng vào giáo dục đại học hiện nay.</i>					
II.1	Thường xuyên tìm hiểu về tư tưởng và phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
II.2	Các phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh như: phương pháp tự học; phương pháp đối thoại, dân chủ trong giáo dục; phương pháp nêu gương trong giáo dục; phương pháp thi đua gắn với khen thưởng; phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng vẫn còn nguyên giá trị trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay.	①	②	③	④	⑤

STT	NỘI DUNG					
II.3	Nhận thức rõ về vai trò của người thầy trong phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh (làm gương, mẫu mực, gần gũi với học trò...).	①	②	③	④	⑤
II.4	Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh góp phần hình thành nhân cách toàn diện cho người học (đạo đức, trí tuệ, thể chất...).	①	②	③	④	⑤
II.5	Hiểu rõ về tầm quan trọng của việc tự học, tự rèn luyện trong phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
II.6	Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh chú trọng đến việc phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học.	①	②	③	④	⑤
III.	<i>Tôi đã từng áp dụng một số phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh như: phương pháp tự học; phương pháp đối thoại, dân chủ trong giáo dục; phương pháp nêu gương trong giáo dục; phương pháp thi đua gắn với khen thưởng; phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng.</i>					
III.1	Áp dụng phương pháp đối thoại, dân chủ trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	①	②	③	④	⑤
III.2	Khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu và tìm tòi kiến thức độc lập.	①	②	③	④	⑤
III.3	Tạo điều kiện để sinh viên tham gia vào các hoạt động xã hội, cộng đồng nhằm rèn luyện đạo đức và kỹ năng sống.	①	②	③	④	⑤
III.4	Thường xuyên liên hệ các nội dung bài giảng với bối cảnh xã hội, thực tiễn đất nước để nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng cho sinh viên.	①	②	③	④	⑤
III.4	Coi trọng việc giáo dục về lòng yêu nước, tinh thần dân tộc cho sinh viên trong các môn học của mình.	①	②	③	④	⑤
III.5	Áp dụng phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính chủ động và sáng tạo của sinh viên.	①	②	③	④	⑤

STT	NỘI DUNG					
III.6	Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh có thể giúp giải quyết một số thách thức trong giáo dục đại học hiện nay (ví dụ: chất lượng đầu ra, định hướng nghề nghiệp, đạo đức sinh viên...).	①	②	③	④	⑤
III.7	Việc lồng ghép các phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh vào chương trình đào tạo hiện tại có khả thi và cần thiết không?	①	②	③	④	⑤
IV	Tôi nhận thấy việc vận dụng phương pháp của Hồ Chí Minh giúp nâng cao hiệu quả giáo dục đối với sinh viên					
IV.1	Việc lồng ghép tinh thần học đi đôi với hành, lý thuyết gắn liền thực tiễn giúp sinh viên nắm vững kiến thức và kỹ năng thực tế hơn.	①	②	③	④	⑤
IV.2	Khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu theo tinh thần giáo dục của Hồ Chí Minh giúp nâng cao tính chủ động và khả năng tư duy độc lập của sinh viên.	①	②	③	④	⑤
IV.3	Vận dụng nguyên tắc học tập suốt đời của Hồ Chí Minh vào giảng dạy giúp sinh viên hình thành ý thức tự cập nhật kiến thức, không ngừng phát triển bản thân.	①	②	③	④	⑤
IV.4	Giáo dục về tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng theo tư tưởng Hồ Chí Minh giúp sinh viên có trách nhiệm hơn với xã hội.	①	②	③	④	⑤
IV.5	Việc giảng viên làm gương, mẫu mực theo phương pháp nêu của Hồ Chí Minh có tác động tích cực đến việc hình thành đạo đức, lối sống của sinh viên.	①	②	③	④	⑤
IV.6	Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức cho sinh viên theo phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh giúp hạn chế các tiêu cực trong môi trường học đường.	①	②	③	④	⑤

STT	NỘI DUNG					
IV.7	Thúc đẩy sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa, tình nguyện theo định hướng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh giúp phát triển kỹ năng mềm và khả năng làm việc nhóm.	①	②	③	④	⑤
IV.8	Việc định hướng sinh viên gắn lý thuyết với thực tiễn sản xuất, lao động (theo phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh) giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập với thị trường lao động sau khi ra trường.	①	②	③	④	⑤
IV.9	Nhận thấy sinh viên được giáo dục theo phương pháp của Hồ Chí Minh có ý thức kỷ luật tốt hơn trong học tập và rèn luyện	①	②	③	④	⑤
IV.10	Nhận thấy sinh viên thể hiện sự tự tin và khả năng giải quyết vấn đề tốt hơn khi được khuyến khích tư duy độc lập theo phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh?	①	②	③	④	⑤

IV. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, ĐỀ XUẤT

Dạng trắc nghiệm và câu trả lời ngắn/dài

1. Thầy/cô đánh giá mức độ thuận lợi khi áp dụng phương pháp giáo dục tích cực tại trường hiện nay:

- ☐ Rất thuận lợi
☐ Tương đối thuận lợi
☐ Ít thuận lợi
☐ Gặp nhiều khó khăn

2. Theo thầy/cô, đâu là khó khăn lớn nhất khi đổi mới các phương pháp giáo dục hiện nay?

.....

13. Thầy/cô có đề xuất gì để đổi mới phương pháp giảng dạy theo phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh?

.....

Phụ lục 4**PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN CÁN BỘ QUẢN LÝ**

*(Về thực trạng phương pháp giáo dục sinh viên tại một số trường
đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội)*

Phiếu khảo sát được xây dựng nhằm thu thập ý kiến cán bộ quản lý về thực trạng phương pháp giáo dục hiện nay tại một số trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội. Kết quả khảo sát là cơ sở để: 1) Đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của các phương pháp giáo dục đang được các trường áp dụng; 2) Xác định các vấn đề còn hạn chế trong vận dụng phương pháp giáo dục sinh viên các trường tư thục trên địa bàn Hà Nội; 3) Đề xuất phương hướng, giải pháp vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh vào thực tiễn giáo dục sinh viên các trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

Giới tính:

☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác

Chức vụ hiện tại:

☐ Hiệu trưởng ☐ Phó hiệu trưởng

☐ Trưởng/phó khoa ☐ Trưởng phòng đào tạo/CTSV

☐ Khác:

Đơn vị công tác:

Số năm công tác trong quản lý giáo dục đại học:

☐ Dưới 5 năm ☐ 5-10 năm ☐ Trên 10 năm

II. ĐÁNH GIÁ VỀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

1. Hoàn toàn không đồng ý.

2. Không đồng ý.

3. Phân vân.

4. Đồng ý.

5. Hoàn toàn đồng ý.

Ông/bà vui lòng đánh giá các nhận định sau về thực trạng quản lý giáo dục tại đơn vị mình?

STT	NỘI DUNG	1	2	3	4	5
1	Nhà trường có định hướng cụ thể về đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng phát huy vai trò người học.					
2	Giảng viên được khuyến khích áp dụng các phương pháp giáo dục tích cực, nhân văn, khoa học, dân chủ của Hồ Chí Minh.					
3	Các hoạt động giảng dạy được kiểm tra, đánh giá định kỳ về hiệu quả phương pháp giảng dạy.					
3	Việc vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh có trong định hướng giáo dục.					
4	Việc xây dựng chương trình giáo dục có xem xét tới nhu cầu xã hội và đặc điểm người học.					

III. NHẬN THỨC CỦA ÔNG/BÀ VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH

Ông/bà vui lòng đánh giá mức độ đồng tình với các phát biểu sau:

STT	NỘI DUNG	1	2	3	4	5
5	Tôi có nhận thức rõ ràng về các giá trị cốt lõi trong phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.					
6	Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh có thể vận dụng hiệu quả trong giáo dục đại học hiện nay.					
7	Nhà trường có chủ trương/đề án lồng ghép phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong các hoạt động giáo dục.					

STT	NỘI DUNG	1	2	3	4	5
8	Tôi nhận thấy việc vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh giúp nâng cao chất lượng giáo dục sinh viên.					
9	Cần có chiến lược rõ ràng hơn để áp dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh vào giáo dục đại học tư thực hiện nay.					

IV. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, ĐỀ XUẤT

10. Theo ông/bà, thuận lợi lớn nhất khi đổi mới phương pháp giáo dục ở trường hiện nay là gì?

.....

11. Khó khăn hoặc trở ngại lớn nhất trong quản lý và triển khai phương pháp giáo dục mới ở trường là gì?

.....

12. Ông/bà có kiến nghị gì để vận dụng hiệu quả phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong nhà trường hiện nay?

.....

Phụ lục 5**PHIẾU PHÒNG VẤN CHUYÊN SÂU SINH VIÊN**

(Về thực trạng vận dụng phương pháp giáo dục sinh viên một số trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội)

I. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên (tùy chọn):

Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác

Trường:

Ngành học:

Năm học hiện tại:

☐ Năm 1 ☐ Năm 2 ☐ Năm 3 ☐ Năm 4 trở lên

II. MỤC ĐÍCH PHÒNG VẤN

Phòng vấn nhằm tìm hiểu sâu hơn về trải nghiệm học tập, nhận thức, đánh giá và đề xuất của sinh viên liên quan đến các phương pháp giáo dục đang được giảng viên áp dụng, đặc biệt có áp dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh như: Phương pháp tự học; phương pháp đối thoại, dân chủ trong giáo dục; phương pháp nêu gương trong giáo dục; phương pháp thi đua gắn với khen thưởng; phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng hay không?

Dữ liệu thu thập được sẽ được xử lý ẩn danh và chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học trong khuôn khổ luận án tiến sĩ.

III. CÂU HỎI PHÒNG VẤN

1. *Bạn có thể chia sẻ cảm nhận chung của mình về phương pháp giảng dạy mà các giảng viên đang áp dụng tại trường hiện nay không?*
2. *Trong quá trình học, bạn có thường xuyên được khuyến khích phát biểu, tranh luận, phản biện trong lớp không?*
3. *Bạn đã từng tham gia học theo dự án, học gắn với thực tiễn hoặc hoạt động ngoại khóa có tính giáo dục chưa? Nếu có, bạn thấy những hoạt động đó mang lại giá trị gì?*

4. *Bạn có nhận thấy giảng viên thể hiện sự dân chủ và tôn trọng sinh viên trong quá trình giảng dạy không? Bạn có thể kể một ví dụ cụ thể?*
5. *Theo bạn, giảng viên có thực sự là tấm gương trong ứng xử, tinh thần học thuật và đạo đức không? Bạn đánh giá ra sao?*
6. *Bạn có thường được yêu cầu hoặc tạo điều kiện để tự học, nghiên cứu tài liệu hoặc trình bày quan điểm cá nhân không?*
7. *Những phương pháp giáo dục hiện nay có giúp bạn phát triển tư duy, kỹ năng sống và định hướng nghề nghiệp không?*
8. *Bạn đã từng học hoặc nghe về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh không? Nếu có, bạn ấn tượng hoặc nhớ nhất điều gì?*
9. *Theo bạn, những phương pháp như: Phương pháp tự học; phương pháp đối thoại, dân chủ trong giáo dục; phương pháp nêu gương trong giáo dục; phương pháp thi đua gắn với khen thưởng; phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng có đang được giảng viên vận dụng không? Vận dụng như thế nào?*
10. *Bạn có mong muốn hoặc đề xuất gì để cải thiện phương pháp giảng dạy tại trường?*
11. *Theo bạn, việc vận dụng phương pháp giáo dục Hồ Chí Minh trong giảng dạy có phù hợp với sinh viên đại học tự thực không? Vì sao?*

Phụ lục 6**PHIẾU PHỎNG VẤN CHUYÊN SÂU**

*(Dành cho giảng viên/cán bộ quản lý một số trường
đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên:

Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác

Chức vụ/đơn vị công tác:

Vị trí công tác hiện tại:

☐ Giảng viên ☐ Cán bộ quản lý ☐ Khác:

Số năm công tác trong giáo dục đại học: ☐ Dưới 5 ☐ 5-10 ☐ Trên 10

Ngành chuyên môn/giảng dạy:

II. MỤC ĐÍCH PHỎNG VẤN

Cuộc phỏng vấn nhằm tìm hiểu sâu hơn về quan điểm, thực trạng, đánh giá và đề xuất của ông/bà liên quan đến thực trạng và khả năng vận dụng phương pháp giáo dục Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên tại các trường đại học tư thục hiện nay.

III. NỘI DUNG PHỎNG VẤN

1. Thực trạng vận dụng phương pháp giáo dục hiện nay tại đơn vị

- Ông/bà có thể cho biết những phương pháp giáo dục đang được sử dụng phổ biến trong giảng dạy hiện nay tại trường là gì?

- Theo ông/bà, các phương pháp đó có đáp ứng được nhu cầu, năng lực và đặc điểm của sinh viên không?

- Việc đổi mới phương pháp giảng dạy có được chỉ đạo, hỗ trợ từ phía nhà trường như thế nào?

2. Nhận thức và đánh giá về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh

- Ông/bà đã từng tìm hiểu hoặc nghiên cứu về các phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh chưa?

- Theo ông/bà, những nội dung/giá trị nào trong phương pháp giáo dục Hồ Chí Minh còn phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học hiện nay?

- Ông/bà đánh giá như thế nào về tính khả thi trong việc vận dụng các phương pháp như: phương pháp tự học; phương pháp đối thoại, dân chủ trong giáo dục; phương pháp nêu gương trong giáo dục; phương pháp thi đua gắn với khen thưởng; phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng vào giảng dạy hiện nay?

3. Kinh nghiệm vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh (nếu có)

- Ông/bà đã từng vận dụng các phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong giảng dạy? Nếu có, vui lòng chia sẻ ví dụ cụ thể.

- Kết quả và phản hồi của sinh viên như thế nào?

- Gặp thuận lợi hoặc khó khăn gì khi vận dụng?

4. Đề xuất và phương hướng

- Theo ông/bà, cần có những điều kiện nào để vận dụng hiệu quả phương pháp giáo dục Hồ Chí Minh tại các trường đại học tư thục?

- Ông/bà có đề xuất gì với ban giám hiệu hoặc cơ quan quản lý để khuyến khích giảng viên vận dụng các phương pháp giáo dục tích cực, phù hợp với phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh?

Phụ lục 7**BÁO CÁO KẾT QUẢ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC
CỦA HỒ CHÍ MINH, QUA PHIẾU HỎI SINH VIÊN**

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học tại Việt Nam, năng lực tự học, học tập suốt đời và việc vận dụng các phương pháp giáo dục Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục. Để đánh giá thực trạng này, nghiên cứu sinh tiến hành khảo sát xã hội học với số phiếu 900 sinh viên thuộc 6/18 trường đại học tư thục tại Hà Nội. Trong đó trường:

- VinUni	150 (16,7%)
- Đại học Phenikaa	150 (16,7%)
- Trường đại học RMIT	150 (16,7%)
- Đại học Thăng Long	150 (16,7%)
- Đại học HUBT	150 (16,7%)
- Đại học FPT	150 (16,7%)

Giả thuyết nghiên cứu

H1: Hiểu biết về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh tác động thuận chiều đến năng lực học tập.

H2: Được tìm hiểu về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh tác động thuận chiều đến năng lực học tập.

H3: Cách thức giúp tiếp thu các phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh tác động thuận chiều đến năng lực học tập.

H4: Các lớp học được tổ chức theo hướng mở, linh hoạt phù hợp với đối tượng người học tác động thuận chiều đến năng lực học tập.

H5: Giảng viên thường xuyên áp dụng các phương pháp học tập tích cực như học theo dự án, seminar, làm việc tác động thuận chiều đến năng lực học tập.

H6: Các buổi học có sự kết nối giữa lý thuyết với thực tiễn thông qua các hoạt động trải nghiệm tác động thuận chiều đến năng lực học tập.

H7: Đánh giá kết quả học tập công bằng, khuyến khích sáng tạo của người học tác động thuận chiều đến năng lực học tập.

H8: Nhà trường có các hoạt động, sự kiện liên quan đến việc nghiên cứu, giảng dạy phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh tác động thuận chiều năng lực học tập.

Mã hóa ký hiệu

Loại biến	Tên biến	Ký hiệu
Biến phụ thuộc	Năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên (NLHT)	NL
Biến độc lập	Hiểu biết về phương pháp giáo dục Hồ của Chí Minh	HB
Biến độc lập	Được tìm hiểu về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh	TH
Biến độc lập	Cách thức giúp tiếp thu các nội dung và Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh	CT
Biến độc lập	Các lớp học được tổ chức theo hướng mở, linh hoạt phù hợp với đối tượng người học	LH
Biến độc lập	Giảng viên thường xuyên áp dụng các phương pháp học tập tích cực như học theo dự án, seminar, làm việc nhóm	PP
Biến độc lập	Các buổi học có sự kết nối giữa lý thuyết với thực tiễn thông qua các hoạt động trải nghiệm.	KN
Biến độc lập	Đánh giá kết quả học tập công bằng, khuyến khích sáng tạo của người học.	KQ

Thang đo các biến

1. Hoàn toàn không đồng ý.
2. Không đồng ý.
3. Phân vân.
4. Đồng ý.
5. Hoàn toàn đồng ý.

Kết quả khảo sát:

NL	Năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên (NLHT)						
		1	2	3	4	5	Giá trị TB
NL1	Bạn thường xuyên lập kế hoạch học tập cá nhân rõ ràng và tuân thủ kế hoạch đó không?	4 (0,4%)	36 (4%)	141 (15,6%)	545 (60,5%)	174 (19,3%)	3,94
NL2	Bạn chủ động tìm kiếm, chọn lọc và khai thác các nguồn học liệu ngoài giáo trình (sách, báo, internet...).	2 (0,2%)	37 (4,1%)	176 (19,5%)	510 (56,6%)	175 (19,4%)	3,91
NL3	Bạn có thói quen tự học và cập nhật kiến thức, kỹ năng mới một cách thường xuyên.	8 (0,9%)	62 (6,9%)	138 (15,3%)	521 (57,8%)	171 (19%)	3,87
NL4	Bạn có ý thức tự chịu trách nhiệm với kết quả học tập của bản thân.	5 (0,6%)	0 (0%)	124 (13,8%)	564 (62,6%)	207 (23%)	4,08
NL5	Bạn biết tự đánh giá và cải tiến phương pháp học tập của mình để đạt hiệu quả tốt hơn.	1 (0,1%)	1 (0,1%)	116 (19,9%)	605 (47,2%)	177 (19,6%)	3,7
NL6	Nhà trường có các hoạt động khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu (ví dụ: câu lạc bộ học thuật, seminar...).	3 (0,3%)	11 (1,2%)	115 (12,8%)	587 (65,1%)	184 (20,4%)	4,04
NL7	Giảng viên hướng dẫn bạn cách tự học và tự tìm tòi kiến thức hiệu quả.	1 (0,1%)	13 (1,4%)	128 (14,2%)	589 (65,4%)	169 (18,8%)	4,01

HB	Hiểu biết về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh						
HB1	Tôi hiểu rõ các phương pháp đối thoại dân chủ và bình đẳng trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	2 (0,2%)	30 (3,3%)	121 (13,4%)	555 (61,6%)	193 (21,3%)	4,01
HB2	Tôi biết đến phương pháp nêu gương trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	6 (0,7%)	70 (7,8%)	139 (15,4%)	429 (47,6%)	257 (28,4%)	3,95
HB3	Biết về phương pháp tự học, giáo dục thường xuyên, tự học suốt đời của Hồ Chí Minh.	1 (0,1%)	30 (3,3%)	170 (18,9%)	500 (55,5%)	199 (20,1%)	3,96
HB4	Hiểu biết về phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu của người học và xã hội của Hồ Chí Minh.	5 (0,6%)	37 (4,1%)	137 (15,2%)	522 (57,9%)	199 (20,1%)	3,97
HB5	Hiểu biết về phương pháp thi đua gắn với giáo dục khen thưởng của Hồ Chí Minh.	4 (0,4%)	56 (6,2%)	207 (23%)	518 (57,5%)	115 (12,8%)	3,76
TH	Được tìm hiểu về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh						
TH1	Phương pháp đối thoại, dân chủ trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	7 (0,8%)	50 (6,3%)	174 (19,3%)	479 (53,2%)	190 (21,1%)	3,88
TH2	Phương pháp nêu gương trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	2 (0,2%)	27 (3%)	146 (16,2%)	499 (55,4%)	226 (25,1%)	4,02

TH3	Phương pháp tự học, giáo dục thường xuyên, tự học suốt đời của Hồ Chí Minh.	7 (0,8%)	83 (9,2%)	183 (20,3%)	502 (55,7%)	125 (13,9%)	3,73
TH4	Phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu của người học của Hồ Chí Minh.	3 (0,3%)	23 (2,6%)	129 (14,3%)	510 (56,7%)	235 (26,1%)	4,06
TH5	Phương pháp thi đua gắn với khen thưởng trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	4 (0,4%)	13 (1,4%)	98 (10,9%)	558 (61,9%)	227 (25,2%)	4,1
CT	Cách thức giúp tiếp thu các nội dung và phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh						
CT1	Các môn học chính khóa với giảng viên truyền đạt tốt.	6 (0,7%)	70 (7,8%)	139 (15,4%)	429 (47,6%)	256 (28,4%)	3,95
CT2	Các buổi nói chuyện chuyên đề, tọa đàm với diễn giả uy tín.	1 (0,1%)	30 (3,3%)	170 (18,9%)	500 (55,5%)	199 (22,1%)	3,96
CT3	Các hoạt động ngoại khóa, thực tế, câu lạc bộ sinh viên tình nguyện.	5 (0,6%)	37 (4,1%)	137 (15,2%)	522 (57,9%)	199 (22,1)	3,97
CT4	Thảo luận nhóm, làm việc theo dự án.	4 (0,4%)	56 (6,2%)	207 (23%)	518 (57,6%)	115 (12,8%)	3,76
CT5	Đọc sách, tài liệu, bài viết trên báo/mạng	2 (0,2@)	30 (3,3%)	121 (13,4%)	555 (61,6%)	192 (21,3%)	4,01
CT6	Xem phim tài liệu, video	7 (0,8%)	50 (5,5%)	174 (19,3%)	479 (53,2%)	190 (21,1%)	3,88
CT7	Trải nghiệm thực tế tại các địa danh lịch sử, văn hóa liên quan	2 (0,2%)	27 (3%)	146 (16,2%)	499 (55,4%)	226 (25,1%)	4,02

LH	Các lớp học được tổ chức theo hướng mở, linh hoạt phù hợp với đối tượng người học và nhu cầu của xã hội.						
LH1	Giảng viên thường xuyên tạo cơ hội và khuyến khích sinh viên đặt câu hỏi trong giờ học.	4 (0,4%)	56 (6,2%)	207 (23%)	518 (57,5%)	115 (12,8%)	3,76
LH2	Giảng viên khuyến khích sinh viên phát biểu ý kiến cá nhân, kể cả khi ý kiến đó khác biệt với số đông hoặc ý kiến của giảng viên.	2 (0,2%)	30 (3,3%)	121 (13,4%)	555 (61,6%)	192 (21,3%)	4,01
LH3	Các buổi học thường có các hoạt động thảo luận nhóm hoặc thảo luận chung toàn lớp.	7 (0,8%)	50 (5,5%)	174 (19,3%)	479 (53,2%)	190 (21,1%)	3,88
LH4	Giảng viên lắng nghe và tôn trọng mọi ý kiến đóng góp của sinh viên, không phân biệt đúng sai hay cấp bậc.	2 (0,2%)	27 (3%)	146 (16,2%)	499 (55,4%)	226 (25,1%)	4,02
LH5	Giảng viên tạo không khí thoải mái, cởi mở để sinh viên không ngại phát biểu, thể hiện quan điểm.	7 (0,8%)	83 (9,2%)	183 (20,3%)	502 (55,7%)	125 (13,9%)	3,73
LH6	Giảng viên có hướng dẫn sinh viên cách thức thảo luận, tranh luận một cách văn minh và hiệu quả.	3 (0,3%)	23 (2,6%)	129 (14,3%)	510 (56,6%)	235 (26,1%)	4,06

LH7	Bạn cảm thấy tự tin khi phát biểu ý kiến hoặc tham gia thảo luận trong lớp.	4 (0,4%)	13 (1,4%)	98 (10,9%)	558 (61,9%)	227 (25,2%)	4,1
LH8	Các ý kiến đóng góp của sinh viên thường được giảng viên ghi nhận và tổng kết lại.	3 (0,3%)	19 (2,1%)	106 (11,8%)	529 (58,7%)	243 (27%)	4,1
LH9	Giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở, kích thích tư duy để khuyến khích sinh viên tham gia vào bài giảng.	6 (0,7%)	4 (0,4%)	86 (9,5%)	551 (61,2%)	253 (28,1%)	4,16
LH10	Bạn cảm thấy việc tham gia thảo luận giúp bạn hiểu bài sâu hơn và nhớ kiến thức lâu hơn.	0 (0%)	1 (0,1%)	156 (17,3%)	590 (65,5%)	153 (17%)	3,99
LH11	Giảng viên có đưa ra các chủ đề tranh luận hoặc vấn đề thực tiễn để sinh viên cùng giải quyết.	5 (0,6%)	23 (2,6%)	116 (12,9%)	509 (56,5%)	247 (27,4%)	4,08
LH12	Nhà trường có tổ chức các diễn đàn, buổi tọa đàm, seminar nơi sinh viên có thể tự do trình bày quan điểm, ý tưởng của mình.	6 (0,7%)	70 (7,8%)	139 (15,4%)	429 (47,6%)	256 (28,4%)	3,95
LH13	Bạn cảm thấy phương pháp giảng dạy hiện tại giúp bạn rèn luyện kỹ năng giao tiếp và phản biện.	1 (0,1%)	30 (3,3%)	170 (18,9%)	500 (55,5%)	199 (22,1%)	3,96

PP	Giảng viên thường xuyên áp dụng các phương pháp học tập tích cực như học theo dự án, seminar, làm việc nhóm.						
PP1	Giảng viên tổ chức các buổi học dưới dạng seminar (hội thảo chuyên đề) để sinh viên trình bày và thảo luận	3 (0,3%)	11 (1,2%)	115 (12,8%)	587 (65,1%)	184 (20,4%)	4,04
PP2	Giảng viên yêu cầu sinh viên thực hiện các dự án học tập theo nhóm hoặc cá nhân.	1 (0,1%)	13 (1,4%)	128 (14,2%)	589 (65,4%)	169 (18,8%)	4,01
PP3	Giảng viên thường xuyên chia nhóm và giao nhiệm vụ làm việc nhóm cho sinh viên.	2 (0,2%)	30 (3,3%)	121 (13,4%)	555 (61,6%)	192 (21,3%)	4,01
PP4	Giảng viên khuyến khích sinh viên tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề trước khi thảo luận trên lớp.	6 (0,7%)	70 (7,8%)	139 (15,4%)	429 (47,6%)	256 (28,4%)	3,95
PP5	Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách thức hợp tác, phân công nhiệm vụ hiệu quả khi làm việc nhóm.	1 (0,1%)	30 (3,3%)	170 (18,9%)	500 (55,5%)	199 (22,1%)	3,96
PP6	Giảng viên tạo cơ hội để sinh viên thuyết trình, bảo vệ ý tưởng của mình trước lớp.	5 (0,6%)	37 (4,1%)	137 (15,2%)	522 (57,9%)	199 (22,1%)	3,97
PP7	Giảng viên sử dụng các trò chơi, hoạt động mô phỏng hoặc tình huống thực tế để tăng tính tương tác trong giờ học.	4 (0,4%)	56 (6,2%)	207 (23%)	518 (57,5%)	115 (12,8%)	3,76

PP8	Giảng viên có đưa ra các nhiệm vụ học tập gắn với định hướng khởi nghiệp cho sinh viên.	2 (0,2%)	30 (3,3%)	121 (13,4%)	555 (61,6%)	192 (21,3%)	4,01
PP9	Giảng viên khuyến khích sinh viên tự đánh giá và đánh giá chéo kết quả làm việc nhóm hoặc dự án của nhau.	7 (0,8%)	50 (5,5%)	174 (19,3%)	479 (53,2%)	190 (21,1%)	3,88
PP10	Giảng viên cung cấp phản hồi mang tính xây dựng, giúp sinh viên cải thiện kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề.	2 (0,2%)	27 (3%)	146 (16,2%)	499 (55,4%)	226 (25,1%)	4,02
PP11	Bạn cảm thấy các phương pháp giảng dạy này giúp bạn phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả.	7 (0,8%)	83 (9,2%)	183 (20,3%)	502 (55,7%)	125 (13,9%)	3,73
PP12	Bạn cảm thấy các phương pháp giảng dạy này giúp bạn áp dụng kiến thức vào thực tiễn tốt hơn.	3 (0,3%)	23 (2,6%)	129 (14,3%)	510 (56,6%)	235 (26,1%)	4,06
KN	Các buổi học có sự kết nối giữa lý thuyết với thực tiễn thông qua các hoạt động trải nghiệm.						
KN1	Bạn đã bao giờ tham gia các buổi học có chuyến đi thực tế, tham quan nhà máy, doanh nghiệp hoặc các dự án cộng đồng do trường/giảng viên tổ chức chưa?	2 (0,2%)	27 (3%)	146 (16,2%)	499 (55,4%)	226 (25,1%)	4,02

KN2	Các buổi học thường bắt đầu bằng việc đặt vấn đề hoặc câu hỏi lớn có liên quan đến thực tiễn cuộc sống hoặc ngành nghề.	7 (0,8%)	83 (9,2%)	183 (20,3%)	502 (55,7%)	125 (13,9%)	3,73
KN3	Giảng viên thường xuyên sử dụng ví dụ, tình huống, case study thực tế từ doanh nghiệp/cộng đồng để minh họa lý thuyết.	3 (0,3%)	23 (2,6%)	129 (14,3%)	510 (56,6%)	235 (26,1%)	4,06
KN4	Sinh viên được tham gia vào các chuyến đi thực tế, tham quan nhà máy, công ty, hoặc các dự án cộng đồng liên quan đến môn học.	4 (0,4%)	13 (1,4%)	98 (10,9%)	558 (61,9%)	227 (25,2%)	4,1
KN5	Giảng viên khuyến khích sinh viên tự tìm hiểu, thu thập dữ liệu thực tế để phân tích và giải quyết các vấn đề học tập.	3 (0,3%)	19 (2,1%)	106 (11,8%)	529 (58,7%)	243 (27%)	4,1
KN6	Các bài tập lớn, tiểu luận hoặc đồ án môn học thường yêu cầu sinh viên áp dụng lý thuyết vào việc giải quyết một vấn đề thực tiễn cụ thể.	6 (0,7%)	4 (0,4%)	86 (9,5%)	551 (61,2%)	253 (28,1%)	4,16
KN7	Giảng viên mời các chuyên gia, người có kinh nghiệm thực tế từ doanh nghiệp/ngành nghề đến chia sẻ tại lớp học.	0 (0%)	1 (0,1%)	156 (17,3%)	590 (56,5%)	153 (17%)	3,99

KN8	Bạn được tạo cơ hội để thực hành các kỹ năng chuyên môn thông qua các phòng lab, xưởng thực hành, hoặc dự án giả định.	5 (0,6%)	23 (2,6%)	116 (12,9%)	509 (56,5%)	247 (27,4%)	4,08
KN9	Giảng viên thường xuyên cập nhật nội dung bài giảng dựa trên các xu hướng mới, yêu cầu của thị trường lao động.	6 (0,7%)	70 (7,8%)	139 (15,4%)	429 (47,6%)	256 (28,4%)	3,95
KN10	Bạn cảm thấy việc tham gia các hoạt động trải nghiệm giúp bạn hiểu sâu sắc hơn về ngành học và định hướng nghề nghiệp.	1 (0,1%)	30 (3,3%)	170 (18,9%)	500 (55,5%)	199 (22,1%)	3,96
KN11	Bạn cảm thấy việc học tại trường giúp bạn phát triển khả năng giải quyết vấn đề thực tế.	5 (0,6%)	37 (4,1%)	137 (15,2%)	522 (57,9%)	199 (22,1%)	3,97
KQ	Đánh giá kết quả học tập công bằng, khuyến khích sáng tạo của người học						
KQ1	Tiêu chí đánh giá kết quả học tập (điểm số, bài tập, dự án...) được giảng viên công bố rõ ràng ngay từ đầu môn học.	7 (0,8%)	50 (5,5%)	174 (19,3%)	479 (53,2%)	190 (21,1%)	3,88
KQ2	Các hình thức kiểm tra, đánh giá (bài thi, tiểu luận, thuyết trình, dự án...) đa dạng, không chỉ tập trung vào việc ghi nhớ lý thuyết.	2 (0,2%)	27 (3%)	146 (16,2%)	499 (55,4%)	226 (25,1%)	4,02

KQ3	Điểm số và đánh giá của giảng viên phản ánh đúng năng lực và quá trình nỗ lực học tập của bạn,	4 (0,4%)	56 (6,2%)	207 (23%)	518 (57,5%)	115 (12,8%)	3,76
KQ4	Giảng viên cung cấp phản hồi chi tiết, mang tính xây dựng sau các bài kiểm tra, giúp bạn nhận ra điểm mạnh và cần cải thiện.	2 (0,2%)	30 (3,3%)	121 (13,4%)	555 (61,6%)	192 (21,3%)	4,01
KQ5	Có cơ chế rõ ràng để sinh viên thắc mắc hoặc khiếu nại về kết quả đánh giá nếu cảm thấy không thỏa đáng.	7 (0,8%)	50 (5,5%)	174 (19,3%)	479 (53,2%)	190 (21,1%)	3,88
KQ6	Bạn cảm thấy mình được đối xử công bằng trong quá trình đánh giá kết quả học tập so với các sinh viên khác.	2 (0,2%)	27 (3%)	146 (16,2%)	499 (55,4%)	226 (25,1%)	4,02
KQ7	Các hình thức khen thưởng, biểu dương trong học tập (nếu có) được thực hiện công khai, minh bạch và đúng đối tượng.	7 (0,8%)	83 (9,2%)	183 (20,3%)	502 (55,7%)	125 (23,9%)	4,06
KQ8	Bạn cảm thấy việc đánh giá kết quả học tập tại trường thúc đẩy bạn học hỏi và sáng tạo nhiều hơn.	3 (0,3%)	23 (2,6%)	129 (14,3%)	510 (56,6%)	235 (26,1%)	4,1

Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh

Báo cáo kết quả tương quan giữa các yếu tố với năng lực học tập, học tập suốt đời của sinh viên với phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh

- Giả thuyết 1, tương quan với các yếu tố hiểu biết về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.

"Năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên" có mối tương quan đáng kể với "Hiểu biết về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh". Cụ thể: NL1 (Lập kế hoạch học tập) và NL2 (Tìm kiếm, khai thác học liệu) có mối tương quan thuận chiều với hầu hết các khía cạnh của hiểu biết về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh, đặc biệt là với HB1 và HB2. Điều này gợi ý rằng việc hiểu biết về các phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh có thể thúc đẩy sinh viên chủ động hơn trong việc lập kế hoạch và tìm kiếm nguồn học liệu; NL3 (Thói quen tự học và cập nhật kiến thức) có mối tương quan thuận chiều mạnh mẽ nhất với HB1 (Hiểu rõ đối thoại dân chủ và bình đẳng) và HB2 (Biết phương pháp nêu gương). Điều này nhấn mạnh vai trò của việc hiểu biết sâu sắc về các phương pháp này trong việc hình thành thói quen tự học của sinh viên; NL4 (Ý thức tự chịu trách nhiệm) là điểm khác biệt khi có tương quan nghịch chiều với HB4 và HB5. Đây là một phát hiện cần được nghiên cứu kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân. Có thể có những yếu tố phức tạp hơn tác động đến ý thức tự chịu trách nhiệm của sinh viên, hoặc cách thức mà các phương pháp này được hiểu và áp dụng có thể ảnh hưởng khác nhau; Các chỉ số NL còn lại (NL5, NL6, NL7) cũng có tương quan thuận chiều với một số yếu tố HB, tuy nhiên mức độ tương quan thường yếu hơn so với NL1, NL2 và NL3.

Tóm lại, kết quả phân tích tương quan này ủng hộ giả thuyết rằng hiểu biết về các phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh có tác động thuận chiều đến năng lực tự học của sinh viên, đặc biệt là trong việc hình thành thói quen tự học và chủ động trong học tập. Tuy nhiên, cần có thêm nghiên cứu sâu hơn để giải thích những tương quan nghịch chiều và làm rõ cơ chế tác động.

- Giả thuyết 2, tương quan với các yếu tố được tìm hiểu về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.

Mối tương quan giữa các khía cạnh của năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên (NL) và được tìm hiểu về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh (TH). Việc "Được tìm hiểu về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh" (TH) có mối tương quan thuận chiều với nhiều khía cạnh của "Năng lực tự học, học tập suốt

đời của sinh viên" (NL). Các yếu tố TH1 (Phương pháp đối thoại dân chủ và bình đẳng) và TH2 (Phương pháp nêu gương) có xu hướng tương quan thuận chiều với khả năng lập kế hoạch học tập (NL1) và chủ động tìm kiếm học liệu (NL2). TH3 (Phương pháp tự học, giáo dục thường xuyên, tự học suốt đời) cho thấy mối tương quan thuận chiều tương đối mạnh với thói quen tự học và cập nhật kiến thức (NL3). Tuy nhiên, TH3 lại có tương quan nghịch chiều với ý thức tự chịu trách nhiệm (NL4), đây là một điểm cần được lý giải thêm. TH4 (Phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu) và TH5 (Phương pháp thi đua gắn với khen thưởng) cũng cho thấy các mối tương quan thuận chiều với một số chỉ số NL, đặc biệt là NL4 và NL5, NL6, NL7.

Tổng thể, việc sinh viên được tìm hiểu về các phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh có vẻ có liên hệ tích cực đến việc phát triển năng lực tự học của họ, đặc biệt là trong việc hình thành thói quen học tập chủ động và khả năng lập kế hoạch. Tuy nhiên, mối tương quan nghịch chiều của TH3 với NL4 cần được xem xét sâu hơn để hiểu rõ bản chất của mối quan hệ này.

- Giả thuyết 3, tương quan với các yếu tố cách thức giúp tiếp thu các nội dung và phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.

Mối tương quan giữa các khía cạnh của năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên (NL) và cách thức giúp tiếp thu các nội dung và phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh (CT). Phân tích cho thấy "Cách thức giúp tiếp thu các nội dung và phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh" (CT) có mối tương quan đáng kể với "Năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên" (NL). Các cách thức tiếp thu nội dung như CT1 (môn học chính khóa với giảng viên truyền đạt tốt) và CT5 (đọc sách, tài liệu) thể hiện mối tương quan thuận chiều mạnh mẽ nhất với các khía cạnh quan trọng của năng lực tự học như lập kế hoạch (NL1), chủ động tìm kiếm học liệu (NL2) và đặc biệt là thói quen tự học (NL3). Điều này gợi ý rằng các phương pháp học tập truyền thống và tự tìm thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền tảng tự học cho sinh viên. Các hoạt động ngoại khóa, thực tế (CT3) và thảo luận nhóm (CT4) lại có mối tương quan nghịch chiều với ý thức tự chịu trách nhiệm (NL4). Đây là một phát hiện bất ngờ và cần được điều tra sâu hơn để hiểu nguyên nhân, có thể do sinh viên chưa thấy được mối liên hệ trực tiếp giữa các hoạt động này với trách nhiệm cá nhân trong học tập. Các cách thức tiếp thu khác như

nói chuyện chuyên đề (CT2), xem phim tài liệu (CT6) và trải nghiệm thực tế (CT7) cũng cho thấy các mối tương quan thuận chiều với các chỉ số NL khác nhau, góp phần vào việc phát triển năng lực tự học của sinh viên.

Nhìn chung, kết quả phân tích tương quan này ủng hộ giả thuyết rằng các cách thức tiếp thu nội dung và phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh có tác động đến năng lực tự học của sinh viên, đặc biệt là thúc đẩy việc lập kế hoạch và tìm kiếm học liệu, cũng như hình thành thói quen tự học. Tuy nhiên, mối tương quan nghịch chiều của một số chỉ số CT với NL4 cần được xem xét kỹ lưỡng hơn trong các nghiên cứu tiếp theo.

- Giả thuyết 4, tương quan với các yếu tố lớp học được tổ chức theo hướng mở, linh hoạt phù hợp với đối tượng người học.

Mối tương quan giữa các khía cạnh của năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên (NL) và các lớp học được tổ chức theo hướng mở, linh hoạt phù hợp với đối tượng người học (LH). Các yếu tố liên quan đến “Các lớp học được tổ chức theo hướng mở, linh hoạt phù hợp với đối tượng người học” (LH) cho thấy mối tương quan thuận chiều và đáng kể với “Năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên” (NLHT). Điều này ủng hộ giả thuyết rằng việc tổ chức lớp học theo hướng mở, linh hoạt có tác động tích cực đến năng lực tự học, tự học suốt đời của sinh viên.

- Các khía cạnh như LH2 (Giảng viên khuyến khích phát biểu ý kiến cá nhân), LH3 (Thảo luận nhóm/chung), LH4 (Giảng viên lắng nghe và tôn trọng ý kiến), LH5 (Giảng viên tạo không khí thoải mái), LH7 (Tự tin phát biểu), LH8 (Ý kiến được ghi nhận), LH9 (Câu hỏi gợi mở), LH11 (Chủ đề tranh luận), LH12 (Diễn đàn, tọa đàm) và LH13 (Rèn luyện kỹ năng giao tiếp) đều cho thấy mối tương quan dương đáng kể với nhiều khía cạnh của NLHT. Điều này cho thấy môi trường học tập cởi mở, khuyến khích tương tác và thể hiện quan điểm cá nhân có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy năng lực tự học.

- Đặc biệt, NL1 (lập kế hoạch), NL2 (chủ động tìm kiếm tài liệu), và NL3 (thói quen tự học) có mối tương quan rất mạnh với LH2 (khuyến khích phát biểu ý kiến cá nhân) và LH12 (diễn đàn, tọa đàm). Điều này cho thấy việc tạo cơ hội cho sinh viên thể hiện bản thân và tham gia vào các hoạt động học thuật mở là rất quan trọng.

Tuy nhiên, có một số điểm cần lưu ý: NL4 (ý thức tự chịu trách nhiệm) có mối tương quan âm đáng kể với LH1 (khuyến khích đặt câu hỏi) và LH5 (tạo không

khí thoải mái). Điều này có thể gợi ý rằng việc quá tập trung vào sự thoải mái và đặt câu hỏi có thể làm giảm đi ý thức tự chịu trách nhiệm của một số sinh viên, hoặc cần có sự cân bằng giữa sự thoải mái và kỷ luật trong việc học tập. LH1 (khuyến khích đặt câu hỏi) và LH10 (thảo luận giúp hiểu bài sâu hơn) ít có mối tương quan đáng kể với các khía cạnh của NLHT hơn so với các yếu tố LH khác, và thậm chí LH10 có mối tương quan âm với NL1.

Tóm lại, việc tổ chức lớp học theo hướng mở và linh hoạt nhìn chung mang lại lợi ích đáng kể cho việc phát triển năng lực tự học của sinh viên. Tuy nhiên, cần chú ý đến một số khía cạnh cụ thể có thể có tác động ngược chiều hoặc ít ảnh hưởng hơn, để tối ưu hóa môi trường học tập.

- Giả thuyết 5, tương quan với các yếu tố giảng viên thường xuyên áp dụng các phương pháp học tập tích cực như học theo dự án, seminar, làm việc nhóm.

Mối tương quan giữa các khía cạnh của năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên (NL) và giảng viên thường xuyên áp dụng các phương pháp học tập tích cực (PP). Việc giảng viên thường xuyên áp dụng các phương pháp học tập tích cực (PP) như học theo dự án, seminar, làm việc nhóm, v.v., cho thấy mối tương quan thuận chiều và đáng kể với "Năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên" (NLHT). Điều này củng cố giả thuyết rằng các phương pháp giảng dạy tích cực có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy năng lực tự học của sinh viên.

- Các yếu tố như PP1 (Tổ chức seminar), PP2 (Yêu cầu dự án học tập), PP3 (Chia nhóm làm việc), PP4 (Khuyến khích tự tìm hiểu), PP5 (Hướng dẫn hợp tác), PP6 (Tạo cơ hội thuyết trình), PP8 (Nhiệm vụ gắn với khởi nghiệp), PP9 (Tự đánh giá, đánh giá chéo), PP10 (Phản hồi xây dựng), và PP11 (Phát triển kỹ năng làm việc nhóm/giao tiếp) đều có mối tương quan dương đáng kể với nhiều khía cạnh của NLHT. Điều này cho thấy việc áp dụng đa dạng các phương pháp học tập tích cực là hữu ích trong việc phát triển năng lực tự học của sinh viên.

- Đáng chú ý, NL1 (lập kế hoạch học tập), NL2 (chủ động tìm kiếm tài liệu), và NL3 (thói quen tự học) có mối tương quan rất mạnh với PP3 (chia nhóm làm việc), PP4 (khuyến khích tự tìm hiểu), và PP8 (nhiệm vụ gắn với khởi nghiệp). Điều này chỉ ra rằng các hoạt động thực hành, làm việc nhóm và nghiên cứu cá nhân có tác động đặc biệt lớn đến việc hình thành thói quen và kỹ năng tự học.

- Tuy nhiên, có một số điểm cần lưu ý: NL4 (ý thức tự chịu trách nhiệm) có mối tương quan âm đáng kể với PP6 (thuyết trình) và PP7 (trò chơi, hoạt động mô

phòng). Điều này khá bất ngờ và có thể gợi ý rằng trong một số trường hợp, việc tập trung vào các hoạt động này có thể không trực tiếp thúc đẩy ý thức tự chịu trách nhiệm của sinh viên, hoặc có thể cần được kết hợp với các yếu tố khác để đạt hiệu quả tối ưu; PP7 (trò chơi, hoạt động mô phỏng) cũng ít có mối tương quan đáng kể với các khía cạnh khác của NLHT.

Tóm lại, việc giảng viên áp dụng các phương pháp học tập tích cực là một yếu tố quan trọng thúc đẩy năng lực tự học của sinh viên, đặc biệt là các phương pháp liên quan đến làm việc nhóm, nghiên cứu và thực hiện dự án. Tuy nhiên, cần xem xét cụ thể từng phương pháp để đảm bảo hiệu quả tối đa và tránh những tác động không mong muốn đến một số khía cạnh của năng lực tự học.

- *Giả thuyết 6, tương quan với các yếu tố các buổi học có sự kết nối giữa lý thuyết với thực tiễn thông qua các hoạt động trải nghiệm.*

Mối tương quan giữa các khía cạnh của năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên (NL) và các buổi học có sự kết nối giữa lý thuyết với thực tiễn thông qua các hoạt động trải nghiệm (KN). Nhìn chung, đa số các yếu tố về “Các buổi học có sự kết nối giữa lý thuyết với thực tiễn thông qua các hoạt động trải nghiệm” (KN) cho thấy mối tương quan thuận chiều và đáng kể với “Năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên” (NLHT). Điều này củng cố giả thuyết rằng việc đưa các hoạt động trải nghiệm thực tế vào giảng dạy có tác động tích cực đến năng lực tự học của sinh viên.

- Các khía cạnh như KN1 (tham gia chuyến đi thực tế), KN2 (đặt vấn đề thực tiễn), KN3 (sử dụng ví dụ thực tế), KN4 (tham gia thực tế), KN5 (tự tìm hiểu dữ liệu thực tế), KN6 (áp dụng lý thuyết giải quyết vấn đề thực tiễn), KN7 (mời chuyên gia), KN8 (thực hành kỹ năng chuyên môn), KN9 (cập nhật nội dung bài giảng), KN10 (hiểu sâu sắc ngành học/định hướng nghề nghiệp) và KN11 (phát triển khả năng giải quyết vấn đề thực tế) đều có mối tương quan dương đáng kể với nhiều khía cạnh của NLHT. Điều này cho thấy việc kết nối lý thuyết với thực tiễn thông qua các hoạt động trải nghiệm là một phương pháp hiệu quả để nâng cao năng lực tự học của sinh viên.

- Đặc biệt, NL1 (lập kế hoạch), NL2 (chủ động tìm kiếm tài liệu), và NL3 (thói quen tự học) có mối tương quan rất mạnh với KN9 (giảng viên cập nhật nội dung bài giảng dựa trên xu hướng thị trường). Điều này cho thấy sự liên quan của kiến thức với thực tiễn thị trường lao động là yếu tố quan trọng thúc đẩy sinh viên tự học và cập nhật kiến thức.

Tuy nhiên, cần lưu ý một số điểm: NL1 (lập kế hoạch học tập) có mối tương quan âm yếu với KN7 (giảng viên mời chuyên gia chia sẻ). Điều này khá bất ngờ và có thể cần được nghiên cứu thêm để hiểu rõ nguyên nhân. Một số yếu tố KN có mối tương quan yếu hơn so với các yếu tố khác, mặc dù vẫn có ý nghĩa thống kê.

Tóm lại, việc tích hợp các hoạt động trải nghiệm và kết nối lý thuyết với thực tiễn trong giảng dạy là một yếu tố quan trọng thúc đẩy năng lực tự học của sinh viên. Việc này giúp sinh viên nhìn thấy sự liên quan của kiến thức, từ đó chủ động hơn trong việc tìm hiểu và áp dụng vào thực tế.

- Giả thuyết 7 và 8, tương quan với các yếu tố đánh giá kết quả học tập công bằng, khuyến khích sáng tạo của người học.

Mối tương quan giữa các khía cạnh của năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên (NL) và đánh giá kết quả học tập công bằng, khuyến khích sáng tạo của người học (KQ). Nhìn chung, đa số các yếu tố liên quan đến "Đánh giá kết quả học tập công bằng, khuyến khích sáng tạo của người học" (KQ) cho thấy mối tương quan thuận chiều và đáng kể với "Năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên" (NLHT). Điều này ủng hộ giả thuyết rằng việc đánh giá công bằng và khuyến khích sáng tạo có tác động tích cực đến năng lực tự học của sinh viên.

- Các khía cạnh như KQ1 (Tiêu chí đánh giá rõ ràng), KQ2 (Đa dạng hình thức đánh giá), KQ4 (Phản hồi chi tiết), KQ5 (Cơ chế khiếu nại), KQ6 (Đối xử công bằng), KQ7 (Khen thưởng minh bạch), KQ8 (Thúc đẩy học hỏi/sáng tạo) và KQ9 (Thúc đẩy học hỏi/sáng tạo) đều có mối tương quan dương đáng kể với nhiều khía cạnh của NLHT. Điều này cho thấy hệ thống đánh giá minh bạch, công bằng, đa dạng và có tính khuyến khích sẽ thúc đẩy sinh viên phát triển năng lực tự học của mình.

- Đặc biệt, KQ4 (phản hồi chi tiết, mang tính xây dựng) có mối tương quan rất mạnh với NL1 (lập kế hoạch học tập), NL2 (chủ động tìm kiếm tài liệu) và NL3 (thói quen tự học). Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cung cấp phản hồi chất lượng cao để giúp sinh viên điều chỉnh và cải thiện quá trình học tập của mình. Tuy nhiên, có một số điểm cần lưu ý: KQ3 (điểm số phản ánh đúng năng lực) ít có mối tương quan đáng kể với các khía cạnh khác của NLHT.

Tóm lại, hệ thống đánh giá kết quả học tập công bằng, minh bạch và đặc biệt là việc cung cấp phản hồi xây dựng, đa dạng hóa hình thức đánh giá, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy năng lực tự học, học tập suốt đời của sinh viên.

Phụ lục 8

**BÁO CÁO KẾT QUẢ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC
CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC
SINH VIÊN, QUA PHIẾU HỎI GIẢNG VIÊN**

Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra khảo sát xã hội học với 150 phiếu khảo sát giảng viên của 6/18 trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội, nhằm làm rõ mối quan hệ giữa vận dụng phương pháp giáo dục Hồ Chí Minh và việc nâng cao hiệu quả giáo dục sinh viên. Trong đó trường:

- VinUni 25 (16,7%)
- Đại học Phenikaa 25 (16,7%)
- Trường đại học RMIT 25 (16,7%)
- Đại học Thăng Long 25 (16,7%)
- Đại học HUBT 25 (16,7%)
- Đại học FPT 25 (16,7%)

Giả thuyết nghiên cứu

H1: Giảng viên có hiểu biết về phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh tác động thuận chiều đến hiệu quả giáo dục với sinh viên.

H2: Giảng viên cho rằng có thể vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh vào giáo dục đại học hiện nay tác động thuận chiều đến hiệu quả giáo dục với sinh viên.

H3: Giảng viên áp dụng một số phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh tác động thuận chiều đến hiệu quả giáo dục với sinh viên.

Mã hóa ký hiệu

Loại biến	Tên biến	Ký hiệu
Biến phụ thuộc	Nâng cao hiệu quả giáo dục đối với sinh viên.	HQ
Biến độc lập	Có hiểu biết phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.	HB
Biến độc lập	Có nhiều giá trị có thể vận dụng vào giáo dục đại học hiện nay.	VD
Biến độc lập	Áp dụng một số phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.	AD

Thang đo các biến

1. Hoàn toàn không đồng ý.
2. Không đồng ý.
3. Phân vân.
4. Đồng ý.
5. Hoàn toàn đồng ý.

Kết quả khảo sát:

HQ	Nâng cao hiệu quả giáo dục đối với sinh viên (HQGD)						Giá trị TB
		1	2	3	4	5	
HQ1	Việc lồng ghép phương pháp giáo dục học đi đôi với hành, lý thuyết gắn liền thực tiễn giúp sinh viên nắm vững kiến thức và kỹ năng thực tế hơn.	2 (1,3%)	6 (4%)	21 (14%)	94 (62,7%)	27 (18%)	3,92
HQ2	Khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu theo phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh giúp nâng cao tính chủ động và khả năng tư duy độc lập của sinh viên.	2 (1,3%)	11 (7,3%)	31 (20,7%)	80 (53,3%)	26 (17,3%)	3,78
HQ3	Vận dụng nguyên tắc học tập suốt đời của Hồ Chí Minh vào giảng dạy giúp sinh viên hình thành ý thức tự cập nhật kiến thức, không ngừng phát triển bản thân.	3 (2%)	1 (0,7%)	19 (12,7%)	87 (58%)	40 (26,7%)	4,07
HQ4	Giáo dục về tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng theo tư tưởng Hồ Chí Minh giúp sinh viên có trách nhiệm hơn với xã hội.	1 (0,7%)	3 (2%)	17 (11,3%)	99 (66%)	30 (20%)	4,03

HQ5	Việc giảng viên làm gương, mẫu mực theo phương pháp nêu gương của Hồ Chí Minh có tác động tích cực đến việc hình thành đạo đức, lối sống của sinh viên.	0 (0%)	0 (0%)	24 (16%)	97 (64,7%)	29 (19,3%)	4,03
HQ6	Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức cho sinh viên theo phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh giúp hạn chế các tiêu cực trong môi trường học đường.	2 (1,3%)	4 (2,7%)	21 (14,0)	100 (66,7%)	23 (15,3%)	3,92
HQ7	Thúc đẩy sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa, tình nguyện theo định hướng Hồ Chí Minh giúp phát triển kỹ năng mềm và khả năng làm việc nhóm.	1 (0,7%)	7 (4,7%)	27 (18%)	91 (60,7%)	24 (16%)	3,387
HQ8	Việc định hướng sinh viên gắn lý thuyết với thực tiễn sản xuất, lao động (theo phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh) giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập với thị trường lao động sau khi ra trường.	1 (0,7%)	3 (2%)	22 (14,7%)	88 (58,7%)	36 (24%)	4,03
HQ9	Nhận thấy sinh viên được giáo dục theo phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh có ý thức kỷ luật tốt hơn trong học tập và rèn luyện.	1 (0,7%)	2 (1,3%)	19 (12,7%)	105 (70%)	23 (15,3%)	3,98
HQ10	Nhận thấy sinh viên thể hiện sự tự tin và khả năng giải quyết vấn đề tốt hơn	0 (0%)	0 (0%)	20 (13,3%)	96 (64%)	34 (22,7%)	4,09

	khi được khuyến khích tự duy độc lập theo phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh?						
HB	Giảng viên có hiểu biết phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.						
HB1	Phương pháp đối thoại, dân chủ trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	2 (1,3%)	4 (2,7%)	22 (14,7%)	100 (66,7%)	22 (14,7%)	3,91
HB2	Phương pháp nêu gương trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	2 (1,3%)	11 (7,3%)	31 (20,7%)	85 (56,7%)	21 (14%)	3,75
HB3	Phương pháp tự học, giáo dục thường xuyên, tự học suốt đời của Hồ Chí Minh.	1 (0,7%)	1 (0,7%)	20 (13,3%)	91 (60,7%)	37 (24,7%)	4,08
HB4	Phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng, điều kiện, nhu cầu của người học và xã hội của Hồ Chí Minh.	2 (1,3%)	5 (3,3%)	17 (11,3%)	97 (64,7%)	30 (20%)	4,0
HB5	Phương pháp thi đua gắn với giáo dục khen thưởng của Hồ Chí Minh.	0 (0%)	1 (0,7%)	21 (14%)	93 (62%)	35 (23,3%)	4,07
VD	Giảng viên cho rằng có nhiều giá trị có thể vận dụng vào giáo dục sinh viên đại học hiện nay.						
VD1	Thường xuyên tìm hiểu về tư tưởng và phương pháp giáo dục Hồ Chí Minh.	1 (0,7%)	16 (10,7%)	35 (23,3%)	76 (50,7%)	22 (14,7%)	3,68
VD2	Các phương pháp giáo dục Hồ Chí Minh như: phương pháp tự học; phương pháp đối thoại, dân chủ; phương pháp nêu gương; phương pháp thi đua gắn với khen thưởng; phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng	1 (0,7%)	3 (2%)	23 (15,3%)	91 (60,7%)	32 (21,3%)	4,0

	vẫn còn nguyên giá trị trong bối cảnh giáo dục hiện nay.						
VD3	Nhận thức rõ về vai trò của người thầy trong phương pháp giáo dục nêu gương của Hồ Chí Minh.	0 (0%)	0 (0%)	6 (4%)	95 (63,3%)	49 (32,7%)	4,29
VD4	Phương pháp giáo dục Hồ Chí Minh góp phần hình thành nhân cách toàn diện cho người học (đạo đức, trí tuệ, thể chất...).	0 (0%)	0 (0%)	9 (6%)	87 (58%)	54 (36%)	4,3
VD5	Hiểu rõ về tầm quan trọng của việc tự học, tự rèn luyện trong phương pháp giáo dục Hồ Chí Minh.	0 (0%)	0 (0%)	5 (3,3%)	69 (46%)	76 (50,7%)	4,47
VD6	Phương pháp giáo dục Hồ Chí Minh chú trọng đến việc phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học.	0 (0%)	0 (0%)	31 (20,7%)	119 (79,3%)	0 (0%)	3,79
AD	Giảng viên đã áp dụng một số phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.						
AD1	Áp dụng phương pháp đối thoại, dân chủ trong giáo dục của Hồ Chí Minh.	1 (0,7%)	3 (2%)	19 (12,7%)	88 (58,7%)	39 (26%)	4,07
AD2	Khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu và tìm tòi kiến thức độc lập.	0 (0%)	7 (4,7%)	27 (18%)	83 (55,3%)	33 (22%)	3,95
AD3	Tạo điều kiện để sinh viên tham gia vào các hoạt động xã hội, cộng đồng nhằm rèn luyện đạo đức và kỹ năng sống.	2 (1,3%)	1 (0,7%)	18 (12%)	91 (60,7%)	38 (25,3%)	4,08
AD4	Thường xuyên liên hệ các nội dung bài giảng với bối cảnh xã hội, thực tiễn đất	1 (0,7%)	3 (2%)	21 (14%)	101 (67,3%)	24 (16%)	3,96

	nước để nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng cho sinh viên.						
AD5	Coi trọng việc giáo dục về lòng yêu nước, tinh thần dân tộc cho sinh viên trong các môn học của mình.	0 (0%)	7 (4,7%)	30 (20%)	91 (60,7%)	22 (14,7%)	3,85
AD6	Áp dụng phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tính chủ động và sáng tạo của sinh viên.	1 (0,7%)	2 (1,3%)	19 (12,7%)	98 (65,3%)	30 (20%)	4,03
AD7	Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh có thể giúp giải quyết một số thách thức trong giáo dục đại học hiện nay (ví dụ: chất lượng đầu ra, định hướng nghề nghiệp, đạo đức sinh viên...).	0 (0%)	7 (4,7%)	20 (13,3%)	91 (60,7%)	32 (21,3%)	3,99

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án

Báo cáo kết quả vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh với nâng cao hiệu quả giáo dục sinh viên.

- Giả thuyết H1, mối tương quan giữa các yếu tố giảng viên có hiểu biết phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh và hiệu quả giáo dục (HQ). HB2 (Nêu gương) là yếu tố của hiểu biết giảng viên có nhiều mối tương quan thuận chiều có ý nghĩa thống kê nhất với HQ (HQ1, HQ2, HQ3, HQ8); HB3 (Tự học) chỉ có tương quan ý nghĩa với HQ9 (Ý thức kỷ luật); HB4 (Phù hợp đối tượng) có tương quan ý nghĩa với HQ5 (Giảng viên làm gương) và HQ7 (Hoạt động ngoại khóa).

- Giả thuyết H2, mối tương quan giữa các yếu tố giảng viên cho rằng có nhiều giá trị có thể vận dụng vào giáo dục đại học hiện nay và nâng cao hiệu quả giáo dục đối với sinh viên (HQGD), được ủng hộ một phần, nhưng cũng có những điểm không nhất quán hoặc mối tương quan nghịch chiều cần được làm rõ.

+ VD1. Thường xuyên tìm hiểu về tư tưởng và phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh cho thấy mối tương quan thuận chiều có ý nghĩa thống kê với HQ1 (Học đi đôi với hành), HQ2 (Tự học, tự nghiên cứu) và HQ8 (Gắn lý thuyết với thực tiễn sản xuất, lao động). Đây là những kết quả tích cực và phù hợp với giả thuyết.

+ VD2. Các nguyên tắc cơ bản trong phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị có tương quan thuận chiều có ý nghĩa với HQ4 (Yêu nước, ý thức cộng đồng).

+ VD4. (Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh góp phần hình thành nhân cách toàn diện) có tương quan thuận chiều có ý nghĩa với HQ3 (Học tập suốt đời),

+ Tuy nhiên, VD6 (Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh chú trọng đến việc phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học) lại cho thấy mối tương quan nghịch chiều có ý nghĩa thống kê với HQ7 (Hoạt động ngoại khóa, tình nguyện).

+ Các yếu tố VD3 và VD5 hầu như không có mối tương quan có ý nghĩa thống kê với bất kỳ khía cạnh nào của HQ.

- *Giả thuyết H3, mối tương quan giữa các yếu tố giảng viên đã áp dụng một số phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh và nâng cao hiệu quả giáo dục đối với sinh viên.* Phân tích cho thấy một số mối tương quan dương có ý nghĩa giữa các khía cạnh khác nhau của "Giảng viên đã áp dụng một số phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh" (AD) và "Nâng cao hiệu quả giáo dục đối với sinh viên" (HQ). Điều này cho thấy việc giảng viên áp dụng các phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh có liên quan đến việc cải thiện các khía cạnh khác nhau về hiệu quả giáo dục đối với sinh viên. Ví dụ, việc khuyến khích tự học (AD2) có liên quan đến việc tăng tính chủ động và khả năng tư duy độc lập của sinh viên (HQ2). Việc liên hệ nội dung bài giảng với bối cảnh xã hội (AD4) có tương quan với việc nâng cao nhận thức chính trị và tư tưởng (HQ3). Hơn nữa, niềm tin rằng các phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh có thể giải quyết các thách thức trong giáo dục đại học (AD7) cho thấy mối tương quan dương rộng rãi với nhiều kết quả khác nhau, bao gồm khả năng nắm vững kiến thức và kỹ năng thực tế của sinh viên (HQ1), trách nhiệm xã hội (HQ4), kỹ năng mềm và khả năng làm việc nhóm (HQ7) và tính kỷ luật (HQ9).

Phụ lục 9

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỨC ĐỘ ĐỒNG THUẬN VỀ GIÁ TRỊ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG VẬN DỤNG VÀO THỰC TIỄN GIẢNG DẠY, QUA PHIẾU HỎI CÁN BỘ QUẢN LÝ

Khảo sát nhằm tìm hiểu mức độ đồng thuận của cán bộ quản lý giáo dục về giá trị phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh và tác động đến thực trạng quản lý giáo dục tại đơn vị, từ đó đánh giá hiệu quả vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong đổi mới phương pháp giảng dạy hiện nay. Số phiếu là 30 của 6/18 trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội, trong đó phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo 02; trưởng phòng đào tạo 06; cán bộ trưởng, phó phụ trách khoa 22.

Giả thuyết nghiên cứu

- H1: Các yếu tố mức độ đồng thuận (ĐT) về giá trị phương pháp phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong vận dụng vào thực tiễn giảng dạy có tác động thuận chiều đến thực trạng quản lý (QL) giáo dục tại đơn vị tác động đến đổi mới phương pháp giáo dục.

Mã hóa ký hiệu

Loại biến	Tên biến	Ký hiệu
Biến phụ thuộc	Thực trạng quản lý (QL) giáo dục tại đơn vị tác động đến đổi mới phương pháp giáo dục.	QL
Biến độc lập	Mức độ đồng thuận về giá trị phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong vận dụng vào thực tiễn giảng dạy.	ĐT

Thang đo

1. Hoàn toàn không đồng ý.
2. Không đồng ý.
3. Phân vân.
4. Đồng ý.
5. Hoàn toàn đồng ý.

Kết quả khảo sát:

QL	Thực trạng quản lý giáo dục tại đơn vị tác động đến đổi mới phương pháp giáo dục						
		1	2	3	4	5	Giá trị TB
QL1	Nhà trường có định hướng cụ thể về đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng phát huy vai trò người học.	0 (0%)	5 (16,7%)	10 (33,3%)	13 (43,3%)	2 (6,7%)	3,4
QL2	Giảng viên được khuyến khích áp dụng các phương pháp giáo dục tích cực, nhân văn, dân chủ.	0 (0%)	2 (6,7%)	12 (40%)	14 (46,7%)	2 (6,7%)	3,53
QL3	Các hoạt động giảng dạy được kiểm tra, đánh giá định kỳ về hiệu quả phương pháp giảng dạy.	0 (0%)	0 (0%)	3 (7%)	20 (69,7%)	7 (23,3%)	4,23
QL4	Việc vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh có trong định hướng giáo dục.	0 (0%)	4 (13,3%)	9 (30%)	26,7 (53,3%)	1 (3,3%)	3,47
QL5	Việc xây dựng chương trình giáo dục có xem xét tới nhu cầu xã hội và đặc điểm người học.	0 (0%)	0 (0%)	7 (23,3%)	22 (73,3%)	1 (3,3%)	3,8
ĐT	Mức độ đồng thuận về giá trị phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong vận dụng vào thực tiễn giảng dạy.						
ĐT1	Tôi có nhận thức rõ ràng về các giá trị cốt lõi trong phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh.	0 (0%)	0 (0%)	7 (23,3%)	21 (70%)	2 (6,7%)	3,83
ĐT2	Phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh có thể vận dụng hiệu quả trong giáo dục đại học hiện nay.	0 (0%)	0 (0%)	4 (4%)	25 (79,3%)	5 (16,7%)	4,17
ĐT3	Nhà trường có chủ trương/đề án lồng ghép phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong các hoạt động giáo dục.	0 (0%)	0 (0%)	2 (6,7%)	16 (53,3%)	10 (33,3%)	3,4

ĐT4	Tôi nhận thấy việc vận dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh giúp nâng cao chất lượng giáo dục sinh viên.	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	5 (16,7%)	25 (83,3%)	3,83
ĐT5	Cần có chiến lược rõ ràng hơn để áp dụng phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh vào giáo dục đại học tư thực hiện nay.	0 (0%)	0 (0%)	4 (13,3%)	25 (83,3%)	1 (3,3%)	3,9

Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh

Báo cáo kết quả khảo sát mức độ đồng thuận về giá trị phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong vận dụng vào thực tiễn giảng dạy.

Giả thuyết H1, mối quan hệ tương quan giữa các yếu tố mức độ đồng thuận (ĐT) về giá trị phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh trong vận dụng vào thực tiễn giảng dạy với các yếu tố thực trạng quản lý (QL) giáo dục tại đơn vị tác động đến đổi mới phương pháp giáo dục. Qua phân tích số liệu cho thấy có nhiều mối tương quan có ý nghĩa thống kê giữa các yếu tố đồng thuận về giá trị phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh và thực trạng quản lý giáo dục. Đặc biệt, “niềm tin vào khả năng vận dụng hiệu quả phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh” (ĐT2) và “chủ trương/đề án lồng ghép phương pháp giáo dục của Hồ Chí Minh” (ĐT3) có mối liên hệ chặt chẽ với “kiểm tra, đánh giá định kỳ về hiệu quả phương pháp giảng dạy” (QL3) và “khuyến khích giảng viên áp dụng các phương pháp giáo dục tích cực” (QL2). Mối tương quan nghịch chiều giữa ĐT1 và QL4 cần được nghiên cứu sâu hơn.